

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN
THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 408/TBĐVN-TCKT

Hà Nội, ngày 11 tháng 10 năm 2016

CÔNG BỐ THÔNG TIN BẤT THƯỜNG

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước

- Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội

1. Tên tổ chức: Tổng công ty cổ phần Thiết bị điện Việt Nam

-Mã chứng khoán: GEX

-Địa chỉ trụ sở chính: Số 52 Lê Đại Hành, phường Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

-Điện thoại: 04 39726246

-Fax: 04 39726282

2. Nội dung thông tin công bố:

Bản cáo bạch chào bán cổ phiếu ra công chúng của Tổng công ty cổ phần Thiết bị điện Việt Nam (GEX)

3. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Tổng công ty vào ngày 07/10/2016 tại đường dẫn: <http://gelex.vn/upload/files/bancaobach.pdf>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Đại diện tổ chức

Người đại diện theo pháp luật/Người CBTT

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)



Phạm Tuấn Anh

Phạm Tuấn Anh

ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC CẤP CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ CHÀO BÁN CỔ PHIẾU RA CÔNG CHÚNG CHỈ CÓ NGHĨA LÀ VIỆC ĐĂNG KÝ CHÀO BÁN CỔ PHIẾU ĐÃ THỰC HIỆN THEO CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT CÓ LIÊN QUAN MÀ KHÔNG HÀM Ý ĐẢM BẢO GIÁ TRỊ CỦA CỔ PHIẾU. MỌI TUYÊN BỐ TRÁI VỚI ĐIỀU NÀY SẼ ĐƯỢC XEM LÀ VI PHẠM HỢP PHÁP.

BẢN CÁO BẠCH
TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAM

GELEX

(Giấy đăng ký kinh doanh số 0100100512 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp đăng ký lần đầu ngày 01/12/2010, đăng ký thay đổi lần thứ 5 ngày 06/9/2016)

CHÀO BÁN CỔ PHIẾU RA CÔNG CHÚNG

(Giấy chứng nhận đăng ký chào bán số ..GD... /GCN-UBCK do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 4/10/2016)



TỔ CHỨC TƯ VẤN
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN MB

Bản cáo bạch này và các tài liệu bổ sung sẽ được cung cấp tại:

Tổng Công ty cổ phần Thiết bị điện Việt Nam

Trụ sở chính: Số 52, phố Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

Điện thoại: (84-4) 38257979

Fax: (84-4) 38260735

Website : www.gelex.vn

Công ty cổ phần Chứng khoán MB

Địa chỉ: 3 Liễu Giai, Ba Đình, Hà Nội

Điện thoại: (84-4) 3726 2600

Fax: (84-4) 3726 2601

Website : www.mbs.com.vn

Bloomberg: MBSV<GO>

Phụ trách công bố thông tin

Họ tên: Nguyễn Văn Tuấn

Chức vụ: Tổng Giám đốc

Điện thoại: (84-4) 38257979

Fax: (84-4) 38260735

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAM

(Giấy đăng ký kinh doanh số 0100100512 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp
đăng ký lần đầu ngày 01/12/2010, đăng ký thay đổi lần thứ 5 ngày 06/9/2016)

Trụ sở chính: Số 52, phố Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

Điện thoại: (84-4) 38257979

Fax: (84-4) 38260735

Website: www.gelex.vn

Email: info@gelex.vn, gelex.vn@gmail.com

CHÀO BÁN CỔ PHIẾU RA CÔNG CHỨNG

Tên cổ phiếu	Cổ phiếu Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị điện Việt Nam
Loại cổ phiếu	Cổ phần phổ thông
Mã cổ phiếu	GEX
Mệnh giá	10.000 đồng
Giá bán	18.000 đồng/cổ phần
Tổng số lượng chào bán	77.250.000 cổ phần (chào bán cho cổ đông hiện hữu)
Tổng giá trị chào bán	772.500.000.000 đồng (tính theo mệnh giá)

Tổ chức tư vấn**Công ty cổ phần Chứng khoán MB (MBS)**

Điện thoại : (84-4) 3726 2600 Fax: (84-4) 3726 2601

Địa chỉ : Số 3 Liễu Giai, Q.Ba Đình, TP. Hà Nội

Website : www.mbs.com.vn

Bloomberg : MBSV<GO>

Tổ chức kiểm toán

Báo cáo Kiểm toán năm 2014, 2015 được kiểm toán bởi:

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC

Địa chỉ : Số 01 Lê Phụng Hiểu, Hoàn Kiếm, Hà Nội.

Số Điện thoại: (84.4) 3824 1990 Fax: (84.4) 3825 3973

MỤC LỤC

I. Các nhân tố rủi ro	6
1. Rủi ro về kinh tế.....	6
2. Rủi ro về luật pháp.....	8
3. Rủi ro đặc thù.....	8
4. Rủi ro của đợt chào bán và của dự án sử dụng tiền thu được từ đợt chào bán.....	8
Rủi ro của dự án sử dụng tiền thu được từ đợt chào bán.....	9
5. Rủi ro pha loãng.....	9
6. Rủi ro khác.....	11
II. Những người chịu trách nhiệm đối với nội dung bản cáo bạch.....	12
1. Tổ chức phát hành: Tổng Công ty cổ phần Thiết bị điện Việt Nam.....	12
2. Tổ chức tư vấn: Công ty cổ phần Chứng khoán MB.....	12
III. Các khái niệm.....	13
IV. Tình hình và đặc điểm của tổ chức phát hành	15
1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển.....	15
1.1 Giới thiệu chung về tổ chức chào bán.....	15
1.2 Quá trình hình thành và phát triển.....	16
2. Cơ cấu tổ chức, bộ máy quản lý của Tổng Công ty.....	17
3. Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của Tổng Công ty và những người có liên quan; Danh sách cổ đông sáng lập và tỉ lệ cổ phần nắm giữ; Cơ cấu cổ đông tại thời điểm 29/6/2016.....	19
3.1 Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần tại thời điểm ngày 29/6/2016.....	19
3.2 Danh sách cổ đông sáng lập và tỷ lệ nắm giữ.....	19
3.3 Cơ cấu cổ đông tại thời điểm ngày 29/6/2016.....	19
4. Danh sách những công ty mẹ và công ty con của tổ chức phát hành, những công ty mà tổ chức phát hành đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với tổ chức phát hành.	19
5. Giới thiệu về quá trình tăng vốn của Tổng Công ty.....	21
6. Hoạt động kinh doanh.....	22
6.1 Sản lượng sản phẩm/dịch vụ qua các năm.....	22
6.1.1 Sản phẩm/dịch vụ.....	22
6.1.2 Sản lượng sản phẩm/giá trị dịch vụ qua các năm 2014, 2015 và 6 tháng đầu năm 2016.....	25
6.2 Báo cáo tình hình đầu tư, hiệu quả đầu tư, hiệu quả cung cấp dịch vụ của tổ chức phát hành.....	28
6.3 Hoạt động Marketing.....	29
6.4 Nhãn hiệu thương mại, đăng ký phát minh sáng chế và bản quyền.....	30
6.5 Các hợp đồng lớn đang được thực hiện hoặc đã được ký kết.....	31
7. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong 2 năm gần nhất và lũy kế đến quý gần nhất.....	31
7.1 Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh.....	31
7.2 Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng Công ty trong năm báo cáo.....	33

8. Vị thế của Tổng Công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành.....	33
8.1 Vị thế của Tổng Công ty trong ngành.....	33
8.2 Triển vọng phát triển của ngành.....	34
8.3 So sánh về tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp trong cùng ngành	35
8.4 Đánh giá về sự phù hợp định hướng phát triển của Tổng Công ty với định hướng của ngành, chính sách của Nhà nước và xu thế chung của thế giới	35
9. Chính sách đối với người lao động	35
10. Chính sách cổ tức.....	37
11. Tình hình tài chính	37
11.1 Các chỉ tiêu cơ bản.....	37
11.2 Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu.....	44
12. Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, Ban kiểm soát, Kế toán trưởng	46
13. Tài sản.....	55
14. Kế hoạch sản xuất kinh doanh, lợi nhuận và cổ tức trong những năm tiếp theo.....	57
15. Đánh giá của tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức	58
16. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của tổ chức chào bán	59
17. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới Tổng Công ty mà có thể ảnh hưởng đến giá cả cổ phiếu chào bán.....	59
V. Cổ phiếu chào bán.....	59
1. Loại cổ phiếu.....	59
2. Mệnh giá	59
3. Tổng số cổ phiếu dự kiến chào bán.....	59
4. Giá chào bán dự kiến.....	60
5. Phương pháp tính giá	60
6. Phương thức phân phối	61
7. Thời gian phân phối cổ phiếu.....	61
8. Đăng ký mua cổ phiếu:	62
9. Phương thức thực hiện quyền	63
10. Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài	63
11. Các hạn chế liên quan đến việc chuyển nhượng	64
12. Các loại thuế liên quan.....	64
• Thuế liên quan đến tổ chức niêm yết chứng khoán	64
• Thuế liên quan đến hoạt động giao dịch chứng khoán	64
13. Ngân hàng mở tài khoản phong tỏa nhận tiền mua cổ phiếu	66
VI. Mục đích chào bán theo thông tin GELEX cung cấp	66
1. Mục đích chào bán	66
2. Phương án thực hiện	66
VII. Các đối tác liên quan tới việc chào bán.....	72
VIII. Ngày tháng, chữ ký, đóng dấu của đại diện tổ chức phát hành, tổ chức tư vấn.....	74

BẢNG

Bảng 1: Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của Tổng Công ty 19

Bảng 2: Cơ cấu cổ đông tại thời điểm ngày 29/6/2016..... 19

Bảng 3: Cơ cấu doanh thu thuần Công ty mẹ năm 2014, 2015 và 6 tháng đầu năm 2016 25

Bảng 4: Cơ cấu doanh thu thuần của Tổng Công ty hợp nhất năm 2014, 2015 và 6 tháng đầu năm 2016..... 25

Bảng 5: Cơ cấu lợi nhuận gộp của Công ty mẹ năm 2014, 2015 và 6 tháng đầu năm 2016 26

Bảng 6: Cơ cấu lợi nhuận gộp của Tổng Công ty hợp nhất năm 2014, 2015 và 6 tháng đầu năm 2016..... 27

Bảng 7: Chi phí sản xuất kinh doanh hợp nhất năm 2014, 2015 và Quý I/2016 27

Bảng 8: Một số hợp đồng Tổng Công ty đã và đang thực hiện 31

Bảng 9: Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty mẹ 31

Bảng 10: Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng Công ty hợp nhất..... 32

Bảng 11: So sánh kết quả kinh doanh của GELEX với các công ty cùng ngành năm 2015 35

Bảng 12: Tình hình lao động trong Tổng Công ty 36

Bảng 13: Thời gian khấu hao tài sản cố định..... 37

Bảng 14: Mức lương bình quân 38

Bảng 15: Số dư các khoản phải nộp theo luật định..... 38

Bảng 16: Số dư các quỹ tại các thời điểm..... 39

Bảng 17: Số dư các khoản phải thu..... 39

Bảng 18: Số dư các khoản phải trả..... 40

Bảng 19: Chi tiết doanh thu chưa thực hiện..... 41

Bảng 20: Chi tiết các khoản vay của Tổng Công ty đến thời điểm 31/12/2015 và thời điểm 30/6/2016 41

Bảng 21: Các khoản đầu tư tài chính 42

Bảng 22: Chi tiết hàng tồn kho 42

Bảng 23: Chi tiết chi phí xây dựng cơ bản dở dang..... 43

Bảng 24: Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu của Công ty mẹ 44

Bảng 25: Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu của Tổng Công ty hợp nhất..... 45

Bảng 26: Tình hình tài sản tính đến thời điểm 31/12/2015..... 55

Bảng 27: Tình hình tài sản tính đến thời điểm 30/6/2016..... 56

Bảng 28: Kế hoạch sản xuất kinh doanh, lợi nhuận và cổ tức giai đoạn 2016 - 2017 57

Bảng 29: Lịch trình phân phối cổ phiếu..... 61

HÌNH

Hình 1: Cơ cấu tổ chức của Tổng Công ty..... 17

Hình 2: Cơ cấu bộ máy quản lý của Tổng Công ty..... 17

I. Các nhân tố rủi ro**1. Rủi ro về kinh tế**

Sự biến động của các biến số kinh tế vĩ mô như tốc độ tăng trưởng, lạm phát, lãi suất,... chính sách của Chính phủ thực hiện điều chỉnh các biến số kinh tế vĩ mô cũng như chính sách phát triển ngành sẽ có tác động trực tiếp hoặc gián tiếp đến hoạt động và kết quả kinh doanh của các doanh nghiệp.

Tăng trưởng kinh tế

Là một doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực sản xuất kinh doanh thiết bị điện dùng trong công nghiệp, nông nghiệp và dân dụng nên các yếu tố kinh tế vĩ mô luôn có những ảnh hưởng trực tiếp và mạnh mẽ tới quá trình phát triển của Tổng Công ty.

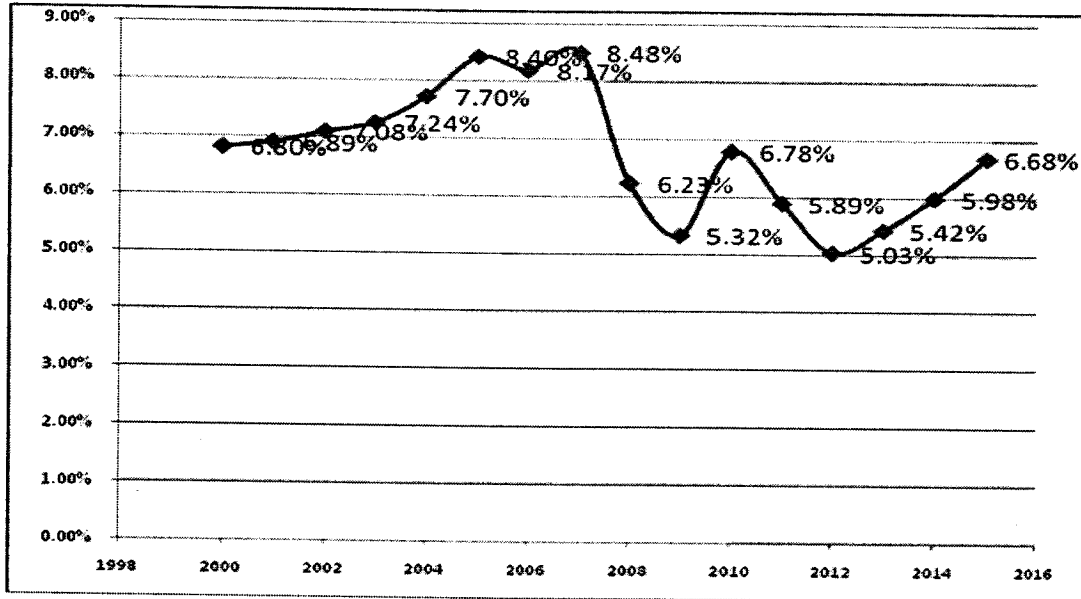
Sau khi chính thức gia nhập Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO) vào tháng 01/2007, nền kinh tế của Việt Nam hội nhập sâu hơn cũng như gắn kết chặt chẽ hơn với xu hướng phát triển của nền kinh tế thế giới. Cuộc khủng hoảng kinh tế toàn cầu năm 2008 theo đó cũng ảnh hưởng lớn tới nền kinh tế Việt Nam: Thâm hụt thương mại ở mức kỷ lục, thất nghiệp gia tăng, thị trường chứng khoán suy giảm mạnh, thị trường bất động sản đóng băng. Tốc độ tăng trưởng liên tục giảm sút từ mức 8,48% trong năm 2007 xuống mức 5,03% trong năm 2012. Bước sang năm 2013, tăng trưởng GDP cả nước đạt mức 5,42% với các điều kiện kinh tế vĩ mô của Việt Nam đã ổn định đáng kể so với thời kỳ bất ổn đầu năm 2012, môi trường kinh tế vĩ mô ổn định nhờ lạm phát đang trên đà suy giảm, thâm hụt thương mại và ngân sách được kiểm chế và các chính sách quản lý tiền tệ tốt hơn. Kết thúc năm 2014, tăng trưởng GDP cả nước tiếp tục diễn biến theo hướng tích cực khi tăng 5,98% so với năm 2013. Kết thúc năm 2015, tăng trưởng GDP cả nước tiếp tục tăng 6,68% so với năm 2014, cao hơn 0,48% so với mục tiêu Quốc hội đề ra là 6,2%. Đây là mức tăng cao nhất 5 năm qua.

Kinh tế Việt Nam có tín hiệu vượt qua khủng hoảng tuy nhiên tốc độ tăng trưởng chậm và còn tiềm ẩn rủi ro.

Với kỳ vọng về tăng trưởng kinh tế, ổn định kinh tế vĩ mô, đẩy mạnh thực hiện các đột phá chiến lược, tái cơ cấu kinh tế, chuyển đổi mô hình tăng trưởng, nâng cao năng suất và năng lực cạnh tranh của các doanh nghiệp, niềm tin của các nhà đầu tư trên thị trường sẽ được nâng cao và dòng vốn đầu tư vào nền kinh tế Việt Nam sẽ cải thiện trong năm 2016.

Để quản lý các rủi ro do tác động của môi trường kinh tế vĩ mô, Tổng Công ty đã tiến hành dự báo tình hình phát triển kinh tế và lập kế hoạch kinh doanh phù hợp với các kịch bản tăng trưởng trong tương lai. Bên cạnh đó, Tổng Công ty còn thực hiện tiết kiệm chi phí một cách triệt để nhằm gia tăng biên lợi nhuận trong lĩnh vực kinh doanh của Công ty.

Biểu đồ 1: Tăng trưởng GDP giai đoạn từ năm 2000 đến năm 2015

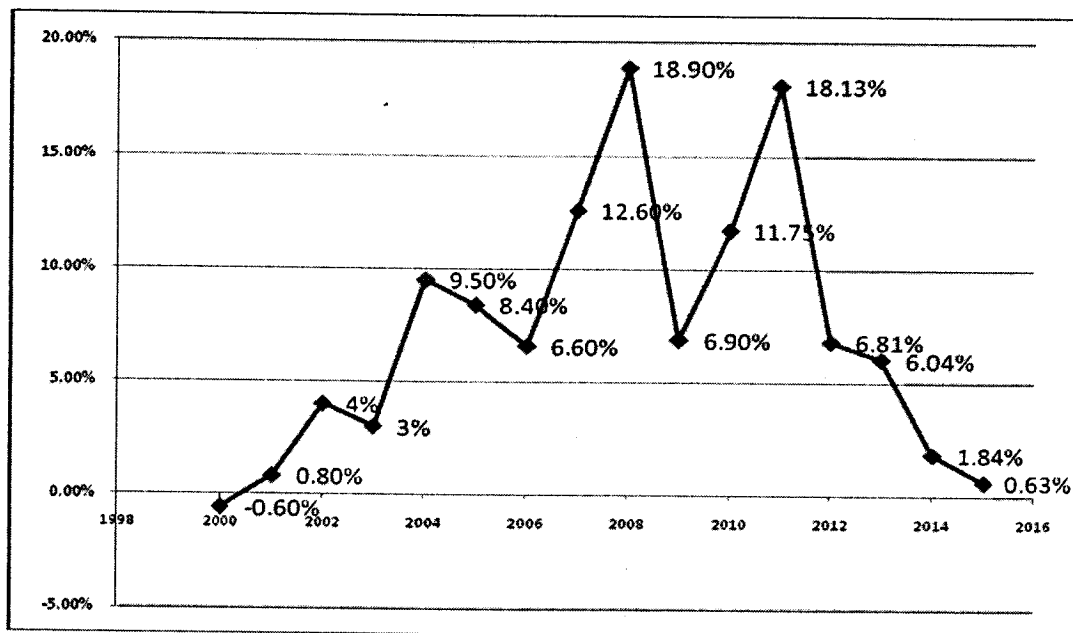


Nguồn: GSO

Lạm phát

Các rủi ro tài chính của doanh nghiệp thường gắn liền với xu hướng lạm phát trong nền kinh tế. Lạm phát gia tăng sẽ đẩy giá nguyên vật liệu đầu vào của doanh nghiệp tăng cao, ảnh hưởng đến tỷ suất lợi nhuận của doanh nghiệp. Trong những năm gần đây Việt Nam luôn chịu sức ép của việc lạm phát gia tăng nhanh, hệ quả của sự phát triển nóng của nền kinh tế. Tỷ lệ lạm phát giai đoạn từ năm 2000 đến năm 2015 cụ thể như sau:

Biểu đồ 2: Tỷ lệ lạm phát giai đoạn từ năm 2000 đến năm 2015



Nguồn: GSO

Kết thúc năm 2015, tỷ lệ lạm phát cả nước tiếp tục được kiểm soát tốt khi chỉ tăng ở mức 0,63% so với bình quân năm 2014, đây là mức tăng thấp nhất trong vòng hơn 14 năm trở lại đây.

Lạm phát tiếp tục được kìm chế ở mức thấp phản ánh nhu cầu đầu tư và tiêu dùng trong nước còn hạn chế.

Lãi suất

Đối với doanh nghiệp thì rủi ro lãi suất là rủi ro khi chi phí trả lãi vay cao hơn khả năng tạo ra lợi nhuận của doanh nghiệp và mức độ rủi ro về lãi suất cũng khác nhau giữa các ngành tùy theo cơ cấu nợ vay của các ngành đó.

Để hạn chế thấp nhất rủi ro về lãi suất, Tổng Công ty đã có sự chủ động lên kế hoạch về nguồn vốn phục vụ các hoạt động kinh doanh, điều chỉnh kỳ hạn các khoản vay phù hợp với kỳ hạn đầu tư hoặc vòng quay hoạt động, thiết lập quan hệ với các ngân hàng nhằm đàm phán các giải pháp tổng thể với chi phí hợp lý nhất. Dự kiến trong thời gian tới, cùng với sự ổn định của kinh tế vĩ mô kéo theo mặt bằng lãi suất cho vay giảm dần, những tác động bất lợi của lãi suất tới hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty cũng sẽ giảm bớt.

2. Rủi ro về luật pháp

Rủi ro về luật pháp là sự ảnh hưởng đến hoạt động của công ty khi có những thay đổi trong hệ thống các văn bản luật trực tiếp hoặc gián tiếp điều chỉnh các hoạt động của công ty, chiến lược phát triển ngành liên quan đến hoạt động của công ty. Hiện tại, hoạt động của Tổng Công ty chịu sự điều chỉnh của Luật Doanh nghiệp, Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp, Luật Thuế giá trị gia tăng, Luật Xây dựng và các văn bản dưới luật liên quan khác. Khi Tổng Công ty tham gia chào bán chứng khoán trên TTCK sẽ chịu sự tác động và điều chỉnh của Luật Chứng khoán và các văn bản hướng dẫn thi hành.

Để kiểm soát rủi ro về mặt luật pháp, Tổng Công ty liên tục cập nhật những thay đổi trong môi trường luật pháp liên quan đến hoạt động của Tổng Công ty, từ đó đưa ra kế hoạch phát triển kinh doanh phù hợp. Để ngăn chặn các phát sinh theo hướng tiêu cực của rủi ro, xây dựng một hệ thống quản trị nội bộ chuẩn mực và tuân thủ các quy định của pháp luật là biện pháp Tổng Công ty đã lựa chọn và theo đuổi.

3. Rủi ro đặc thù

Rủi ro về cạnh tranh

Năm 2016 và những năm sắp tới là thời kỳ Việt Nam phải thực hiện đầy đủ các cam kết trong cộng đồng ASEAN và WTO, tham gia các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới, hội nhập quốc tế với tầm mức sâu rộng hơn nhiều so với giai đoạn trước, đòi hỏi các doanh nghiệp trong nước trong đó có GELEX phải đối mặt với sự cạnh tranh ngày càng gay gắt của quá trình hội nhập cả về chất lượng và giá bán, cạnh tranh công bằng và cả cạnh tranh chưa công bằng, cạnh tranh với hàng nội địa và cả hàng hóa nhập từ Trung Quốc và nước ngoài.

Với đặc thù của sản phẩm kỹ thuật cao, công nghệ liên tục phát triển đòi hỏi nhà sản xuất phải hết sức nhanh nhạy và linh hoạt, chủ động, cập nhật thông tin, kịp thời thay đổi thiết kế, tính năng sản phẩm phù hợp.

Rủi ro về yếu tố đầu vào

Các loại vật liệu chính như tôn tấm, thép, đồng, xi măng,... Tổng Công ty sử dụng chủ yếu được mua từ các Tổng Công ty cung ứng trong nước và một số được nhập khẩu từ nước ngoài. Trong thực tế, những năm qua, giá các loại nguyên vật liệu này biến động phức tạp gây ảnh hưởng đến kế hoạch và kết quả kinh doanh của doanh nghiệp sử dụng các nguồn nguyên vật liệu này nói chung và Tổng Công ty nói riêng.

Để đối phó với vấn đề này Tổng Công ty đã luôn tăng cường hoạt động kiểm soát, quản lý chi phí sản xuất kinh doanh, tổ chức cơ cấu bộ máy quản lý phù hợp, đưa ra các biện pháp xử lý linh hoạt và kịp thời nhằm tối thiểu hóa chi phí và giảm thiểu ảnh hưởng của yếu tố lạm phát đến hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty.

4. Rủi ro của đợt chào bán và của dự án sử dụng tiền thu được từ đợt chào bán

Rủi ro của đợt chào bán

Mục đích của đợt chào bán cổ phiếu này của Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị điện Việt Nam là nhằm huy động vốn để tăng tỷ lệ sở hữu tại Công ty cổ phần Thiết bị điện và đầu tư vào ngành logistics thông qua việc tìm kiếm, thương thảo để mua cổ phần chi phối của các doanh nghiệp đang hoạt động hiệu quả trong ngành, bao gồm Công ty cổ phần Kho vận miền Nam và các doanh nghiệp khác

Đợt chào bán diễn ra trong thời điểm nền kinh tế và thị trường chứng khoán có nhiều biến động, do đó khó tránh khỏi những rủi ro liên quan đến thị trường chứng khoán. Trong điều kiện thị trường không thuận lợi, có thể xảy ra khả năng cổ phiếu không được chào bán hết, ảnh hưởng đến kế hoạch đầu tư và hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty do số tiền thu được từ đợt phát hành không đạt được như kế hoạch dự kiến.

Để giảm thiểu rủi ro này, Tổng Công ty có kế hoạch sử dụng nguồn vốn vay ngân hàng để bổ sung nguồn vốn thiếu hụt do không chào bán hết cổ phần. Ngoài ra, Đại hội đồng cổ đông đã ủy quyền cho Hội đồng Quản trị Tổng Công ty phân phối số lượng cổ phiếu không được đặt mua hết cho các đối tượng khác hoặc thuê đơn vị có chức năng thực hiện việc bảo lãnh phát hành một phần hoặc toàn bộ số cổ phần do cổ đông hiện hữu từ chối mua với giá 18.000 (Mười tám nghìn) đồng/cổ phần.

Rủi ro của dự án sử dụng tiền thu được từ đợt chào bán

Việc đầu tư vào các công ty để nắm quyền chi phối có thể gặp rủi ro các công ty đó hoạt động không tốt dẫn đến việc sử dụng vốn không hiệu quả, đồng thời chịu áp lực cổ tức đối với cổ đông. Tuy nhiên, để chuẩn bị cho kế hoạch này, Tổng Công ty đã xây dựng kế hoạch tái cấu trúc Tổng Công ty theo mô hình tập đoàn, quản lý vốn đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết, cấu trúc lại bộ máy Tổng Công ty nhằm nâng cao năng lực hoạt động đầu tư chiến lược và quản lý vốn đầu tư. Theo đó, Tổng Công ty sẽ tập trung hiệu quả hơn vào các chức năng định hướng chiến lược, kế hoạch cho công ty con; Hỗ trợ trong hoạt động sản xuất kinh doanh, phối kết hợp giữa các đơn vị trong Tổng Công ty; Theo dõi, giám sát hoạt động kinh doanh của các đơn vị thành viên; Thực hiện hoạt động đầu tư chiến lược; Phát triển thương hiệu chung; Xây dựng và phát triển quan hệ với đối tác, với cơ quan quản lý.

5. Rủi ro pha loãng

Sau khi GELEX chào bán cổ phiếu tăng vốn điều lệ, số lượng cổ phiếu lưu hành trên thị trường của GELEX cũng tăng lên tương ứng.

- Tổng số cổ phiếu lưu hành hiện tại: 154.500.000 cổ phiếu
- Tổng số cổ phiếu chào bán: 77.250.000 cổ phiếu
- Tổng số cổ phiếu lưu hành sau khi chào bán: 231.750.000 cổ phiếu

Số lượng cổ phiếu lưu hành tăng lên sẽ dẫn đến cổ phiếu của GELEX bị pha loãng. Việc pha loãng cổ phiếu có thể gây ra các ảnh hưởng sau:

Thu nhập cơ bản trên mỗi cổ phần (EPS): EPS có thể suy giảm do lợi nhuận sau thuế được chia cho một lượng cổ phiếu lớn hơn. Tuy nhiên điều này còn phần nào phụ thuộc vào số tiền mà GELEX huy động được trong đợt chào bán này để bổ sung kế hoạch kinh doanh và lợi nhuận thu được từ số tiền đó.

Công thức tính

$$EPS = \frac{\text{Lãi (lỗ) phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông}}{\text{Số lượng cổ phiếu đang lưu hành bình quân trong kỳ}}$$

Trong đó:

$$\text{Số lượng cổ phiếu đang lưu hành bình quân trong kỳ} = \frac{X*12 + Y1*T1}{12}$$

- X: Khối lượng cổ phiếu đang lưu hành trước khi phát hành
- Y1: Khối lượng cổ phiếu phát hành thêm
- T1: Thời gian lưu hành thực tế trong năm của cổ phiếu phát hành thêm (tháng)

Giả sử, ngày hoàn tất đợt chào bán này của GELEX là 31/12/2016. Khi đó:

$$\begin{aligned} \text{Số lượng cổ phiếu đang lưu} &= \frac{154.500.000*12 + 77.250.000*0}{12} = 154.500.000 \\ \text{hành bình quân năm 2016} & \hspace{15em} \text{cổ phiếu} \end{aligned}$$

Như vậy sau khi chào bán, EPS năm 2016 của GELEX chưa bị ảnh hưởng. Dự kiến lợi nhuận sau thuế của các cổ đông của GELEX năm 2016 là 235.000.000.000 đồng. EPS năm 2016 (dự kiến) của GELEX sẽ ở mức:

$$\text{EPS năm 2016 (dự kiến)} = \frac{235.000.000.000}{154.500.000} = 1.521 \text{ đồng/cổ phần}$$

Giá trị sổ sách trên mỗi cổ phần (BV)

$$\begin{aligned} \text{Giá trị sổ sách} &= \frac{\text{Vốn chủ sở hữu} - \text{Lợi ích cổ đông không kiểm soát}}{\text{Số lượng cổ phần đã phát hành} - \text{Số lượng Cổ phiếu}} \\ \text{trên mỗi cổ phần} & \hspace{15em} \text{quỹ}} \\ &= \frac{2.981.559.990.574 - 455.332.932.118}{155.000.000 - 500.000} = 16.351 \text{ đồng/cổ phần} \end{aligned}$$

- Giá thị trường của cổ phiếu GEX tại thời điểm cuối ngày 30/06/2016 là: 24.500 đồng/cổ phần
- Giá pha loãng của cổ phiếu GEX:

Tại thời điểm chốt danh sách thực hiện quyền mua cổ phiếu phát hành thêm, giá thị trường của cổ phiếu Công ty sẽ được điều chỉnh theo công thức sau:

$$\begin{aligned} Ppl &= \frac{Pt + Pr1 * I1}{1 + I1} \\ &= \frac{25.000 + [18.000 * (1/2)]}{1 + 1/2} = 22.667 \text{ đồng/cổ phần} \end{aligned}$$

Trong đó:

- ✓ Ppl: là giá cổ phiếu pha loãng;
- ✓ Pt: 25.000 đồng/cổ phần (Giá thị trường giả định của cổ phiếu tại ngày phát hành);
- ✓ Pr1: 18.000 đồng/cổ phần (Giá phát hành cho cổ đông hiện hữu);
- ✓ I1: 1/2 (Tỷ lệ tăng vốn đối với việc phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu, tỷ lệ tăng vốn này được tính = $77.250.000$ cổ phần phát hành thêm cho cổ đông hiện hữu/ $154.500.000$ cổ phần đang lưu hành).

Tỷ lệ nắm giữ và quyền biểu quyết

Tỷ lệ nắm giữ cũng như quyền biểu quyết của cổ đông sẽ bị giảm một tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ mà cổ đông từ chối quyền mua trong đợt phát hành này (so với thời điểm trước ngày chốt danh sách thực hiện quyền mua cổ phiếu phát hành thêm mà cổ đông có).

Các rủi ro từ việc pha loãng cổ phiếu nêu trên không phải bao giờ cũng xảy ra và mức độ rủi ro cũng phụ thuộc vào tình hình thị trường cũng như hiệu quả hoạt động kinh doanh của GELEX. Tuy nhiên, những rủi ro này cũng sẽ có những tác động trực tiếp hoặc gián tiếp đến lợi ích của những nhà đầu tư sở hữu cổ phiếu của GELEX, vì vậy nhà đầu tư cần có những đánh giá cẩn trọng về các vấn đề nêu trên.

6. Rủi ro khác

Bên cạnh đó, hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty có thể chịu ảnh hưởng bởi những rủi ro khác như rủi ro do thiên tai, sự ảnh hưởng những biến động chính trị, xã hội trên thế giới, chiến tranh... Nếu xảy ra, những rủi ro đó sẽ có thể gây thiệt hại về con người, tài sản của Tổng Công ty hoặc làm cho số lượng khách hàng của Tổng Công ty bị giảm sút và các thị trường tiềm năng có thể mất ổn định. Những rủi ro này dù ít hay nhiều cũng sẽ có những tác động trực tiếp hoặc gián tiếp đến kết quả hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty.

II. Những người chịu trách nhiệm đối với nội dung bản cáo bạch**1. Tổ chức phát hành: Tổng Công ty cổ phần Thiết bị điện Việt Nam**

Ông Nguyễn Hoa Cương	Chủ tịch Hội đồng quản trị
Ông Nguyễn Văn Tuấn	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Thị Thanh Yến	Trưởng Ban kiểm soát
Ông Phạm Tuấn Anh	Kế toán trưởng

Chúng tôi bảo đảm rằng các thông tin và số liệu trong Bản cáo bạch này là chính xác, trung thực và cam kết chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của những thông tin và số liệu này.

2. Tổ chức tư vấn: Công ty cổ phần Chứng khoán MB

Ông Trần Hải Hà	Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Thị Thanh Vân	Phó Giám đốc Khối IB
Bà Trần Thị Thu Thủy	Chuyên viên cao cấp Khối IB

Bản cáo bạch này là một phần của Hồ sơ đăng ký chào bán do Công ty cổ phần Chứng khoán MB tham gia lập trên cơ sở hợp đồng tư vấn với Tổng Công ty cổ phần Thiết bị điện Việt Nam. Chúng tôi đảm bảo rằng việc phân tích, đánh giá và lựa chọn ngôn từ trên Bản cáo bạch này đã được thực hiện một cách hợp lý và cẩn trọng dựa trên cơ sở các thông tin và số liệu do Tổng Công ty cổ phần Thiết bị điện Việt Nam cung cấp.

III. Các khái niệm

Trong Bản cáo bạch này, những từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

- Tổ chức chào bán: Tổng Công ty cổ phần Thiết bị điện Việt Nam (GELEX)
- Công ty kiểm toán: Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC (AASC) là công ty kiểm toán độc lập thực hiện việc kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2014 và năm 2015 của Tổng Công ty cổ phần Thiết bị điện Việt Nam.
- Bản cáo bạch: Bản công bố thông tin của Công ty về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh nhằm cung cấp thông tin cho nhà đầu tư đánh giá và đưa ra các quyết định đầu tư chứng khoán.
- Điều lệ: Điều lệ của Tổng Công ty đã được Đại hội đồng cổ đông của Tổng Công ty cổ phần Thiết bị điện Việt Nam thông qua.
- Vốn điều lệ: Là số vốn do tất cả các cổ đông góp và được ghi vào Điều lệ của Tổng Công ty cổ phần Thiết bị điện Việt Nam.
- Cổ phần: Vốn điều lệ được chia thành nhiều phần bằng nhau.
- Cổ phiếu: Chứng chỉ do Tổng Công ty cổ phần Thiết bị điện Việt Nam phát hành xác nhận quyền sở hữu của một hoặc một số cổ phần của Tổng Công ty cổ phần Thiết bị điện Việt Nam.
- Người có liên quan: Tổ chức, cá nhân có quan hệ trực tiếp hoặc gián tiếp với doanh nghiệp trong các trường hợp sau đây:
- Công ty mẹ, người quản lý công ty mẹ và người có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý đó đối với công ty con trong nhóm công ty;
 - Công ty con đối với công ty mẹ trong nhóm công ty;
 - Người hoặc nhóm người có khả năng chi phối việc ra quyết định, hoạt động của doanh nghiệp đó thông qua cơ quan quản lý doanh nghiệp;
 - Người quản lý doanh nghiệp;
 - Vợ, chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu của người quản lý công ty hoặc của thành viên, cổ đông sở hữu phần vốn góp hay cổ phần chi phối;
 - Cá nhân được ủy quyền đại diện cho những người, công ty quy định tại các điểm a, b, c, d và e;
 - Doanh nghiệp trong đó những người, công ty quy định tại các điểm a, b, c, d, e, f và h có sở hữu đến mức chi phối việc ra quyết định của các cơ quan quản lý ở doanh nghiệp đó;
 - Nhóm người thỏa thuận cùng phối hợp để thu tóm phần vốn góp, cổ phần hoặc lợi ích ở công ty hoặc để chi phối việc ra quyết định của công ty.

Những thuật ngữ khác (nếu có) mà không được liệt kê ở trên sẽ được hiểu theo quy định trong Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014, Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 ngày 29/6/2006 của Quốc hội và Luật sửa đổi bổ sung một số điều của luật chứng khoán số 62/2010/QH12 ngày 24/11/2010, Nghị định 60/2015/NĐ-CP ngày 26/6/2015 của Chính phủ và các văn bản pháp luật khác có liên quan.

Các từ hoặc nhóm từ viết tắt trong Bản cáo bạch này có nội dung như sau:

BCTC:	Báo cáo tài chính
BKS:	Ban kiểm soát
CBNV:	Cán bộ nhân viên
Tổng Công ty/ GELEX:	Tổng Công ty cổ phần Thiết bị điện Việt Nam
CP:	Cổ phần
DTT:	Doanh thu thuần
ĐHĐCĐ:	Đại hội đồng cổ đông
ĐKKD:	Đăng ký kinh doanh
HĐ:	Hợp đồng
HĐQT:	Hội đồng quản trị
HNX:	Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội
LN:	Lợi nhuận
LNTT	Lợi nhuận trước thuế
PR	Công tác truyền thông và quan hệ công chúng
Thuế TNDN:	Thuế thu nhập doanh nghiệp
TNCN	(thuế) Thu nhập cá nhân
TNDN	(thuế) Thu nhập Doanh nghiệp
TNHH:	Trách nhiệm hữu hạn
TSCĐ:	Tài sản cố định
UBCKNN:	Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
UBND:	Ủy ban nhân dân
USD	Đô la Mỹ
VĐL	Vốn điều lệ
VND	Đồng Việt Nam

IV. Tình hình và đặc điểm của tổ chức phát hành**1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển****1.1 Giới thiệu chung về tổ chức chào bán**

Tên Công ty:	TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAM
Tên tiếng Anh:	Viet Nam Electrical Equipment Joint Stock Corporation
Tên viết tắt:	GELEX
Trụ sở chính:	Số 52, phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội
Điện thoại:	(84-4) 38257979
Fax:	(84 4) 38260735
Website:	http://gelex.vn

Logo Công ty:



Giấy chứng nhận ĐKKD: Giấy đăng ký kinh doanh số 0100100512 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp, đăng ký lần đầu ngày 01/12/2010; đăng ký thay đổi lần 05 ngày 06/9/2016.

Vốn điều lệ hiện tại: 1.550.000.000.000 (Một nghìn năm trăm năm mươi tỷ) đồng

Mã chứng khoán: GEX

Sàn giao dịch: UPCOM – HNX

Lĩnh vực kinh doanh:

Đầu tư, quản lý vốn đầu tư và trực tiếp sản xuất kinh doanh trong các ngành nghề, lĩnh vực chính là:

- Sản xuất kinh doanh thiết bị điện dùng trong công nghiệp, nông nghiệp và dân dụng;
- Thiết kế, chế tạo, kinh doanh và sửa chữa các loại thiết bị đo đếm điện một pha, ba pha (có dòng điện một chiều và xoay chiều) các cấp điện áp hạ thế, trung thế và cao thế đến 220V;
- Thi công, lắp đặt công trình đường dây, trạm biến áp đến 220 KV;
- Thi công các công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp, giao thông, công trình thủy lợi;
- Kinh doanh bất động sản, dịch vụ khách sạn, du lịch và cho thuê văn phòng, nhà ở, nhà xưởng, kho bãi, kinh doanh tổ chức dịch vụ du lịch nội địa và quốc tế;
- Kinh doanh, xuất nhập khẩu vật tư, thiết bị, phụ tùng máy móc;

Đối với các ngành nghề kinh doanh có điều kiện, doanh nghiệp chỉ được kinh doanh khi có

đủ điều kiện theo quy định của pháp luật.

1.2 Quá trình hình thành và phát triển

Tổng Công ty Thiết bị kỹ thuật điện (nay là Tổng Công ty cổ phần Thiết bị điện Việt Nam) được thành lập theo Quyết định số 1120/QĐ-TCCBĐT ngày 27/10/1995 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp nặng (nay là Bộ Công Thương). Tại thời điểm quyết định thành lập, Tổng Công ty có 10 đơn vị thành viên hạch toán độc lập và 03 liên doanh nước ngoài trực thuộc các công ty thành viên.

Ngày 31 tháng 5 năm 2006, Tổng Công ty Thiết bị kỹ thuật điện chuyển sang tổ chức và hoạt động theo mô hình công ty mẹ - công ty con theo quyết định số 127/2006/QĐ-Ttg của Thủ tướng Chính Phủ. Trong đó, công ty mẹ của Tổng Công ty được hình thành trên cơ sở tổ chức lại Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Thiết bị đo điện và văn phòng Tổng Công ty Thiết bị kỹ thuật điện.

Thực hiện phương án cổ phần hóa đã được Chính phủ phê duyệt, ngày 27 tháng 09 năm 2010, Tổng Công ty cổ phần Thiết bị điện Việt Nam tổ chức bán đấu giá cổ phần lần đầu ra công chúng tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với giá đấu thành công bình quân là 10.502 đồng/cổ phần.

Ngày 01 tháng 12 năm 2010, Tổng Công ty cổ phần Thiết bị điện Việt Nam chính thức chuyển đổi thành Tổng Công ty cổ phần Thiết bị điện Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0100100512 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp với vốn điều lệ là 1.400.000.000.000 đồng (Một ngàn bốn trăm tỷ đồng chẵn).

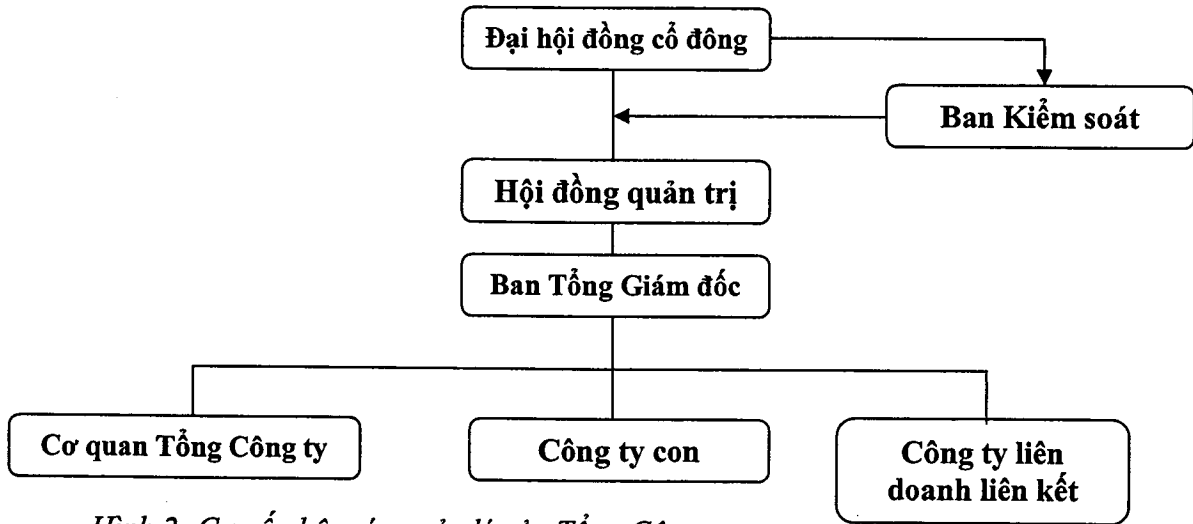
Kể từ khi cổ phần hóa đến nay, Tổng Công ty cổ phần Thiết bị điện Việt Nam đã trải qua 01 lần tăng vốn điều lệ từ 1.400 tỷ đồng lên 1.550 tỷ đồng cho cổ đông chiến lược là Công ty cổ phần Chứng khoán Bản Việt, ngày phát hành cổ phần: 06/08/2015.

Tháng 10/2015, cổ phiếu của Tổng Công ty cổ phần Thiết bị điện Việt Nam chính thức đăng ký giao dịch trên Sàn giao dịch Chứng khoán UPCOM – Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

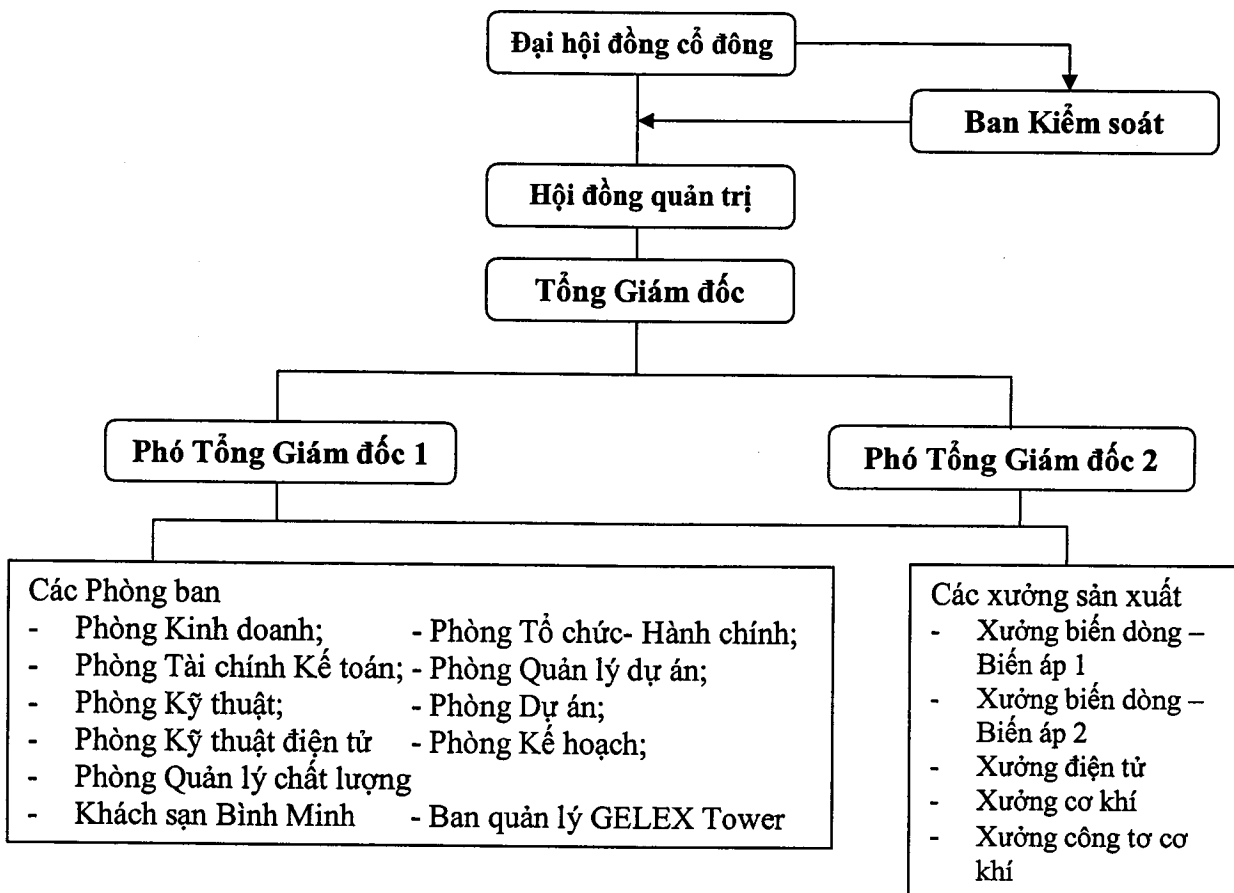
Ngày 25/12/2015, Bộ Công thương thoái toàn bộ 100% vốn đầu tư tại Tổng Công ty cổ phần Thiết bị điện Việt Nam.

2. Cơ cấu tổ chức, bộ máy quản lý của Tổng Công ty

Hình 1: Cơ cấu tổ chức của Tổng Công ty



Hình 2: Cơ cấu bộ máy quản lý của Tổng Công ty



Hiện tại, Tổng Công ty cổ phần Thiết bị điện Việt Nam đang áp dụng theo mô hình tổ chức của Công ty cổ phần. Mô hình quản trị này được xây dựng dựa trên mục tiêu phát triển chiến lược kinh doanh của Tổng Công ty, tuân thủ theo các quy định của Pháp luật Việt Nam và các quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng Công ty. Qua quá trình phát triển và kiện toàn bộ máy quản lý, hiện bộ máy quản lý của Tổng Công ty có cơ cấu tổ chức như sau:

❖ **Đại hội đồng cổ đông**

Đại hội đồng cổ đông quyền lực cao nhất, quyết định định hướng phát triển của Tổng Công ty; bổ nhiệm, miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát.

Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết, hoạt động thông qua các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường, và/hoặc thông qua hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản.

❖ **Hội đồng quản trị**

Hội đồng quản trị là cơ quan quản trị do Đại hội đồng cổ đông bầu ra, có đầy đủ quyền hạn quyết định các vấn đề liên quan đến mục tiêu và lợi ích của Tổng Công ty ngoại trừ các vấn đề thuộc quyền hạn của Đại hội đồng cổ đông. Hội đồng quản trị của Công ty gồm có 05 thành viên. HĐQT có bộ phận giúp việc là Văn phòng HĐQT.

Hội đồng quản trị có trách nhiệm giám sát và chi đạo Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý khác trong điều hành hoạt động Tổng Công ty.

❖ **Ban kiểm soát**

Là cơ quan trực thuộc Đại hội đồng cổ đông do Đại hội đồng cổ đông bầu ra. Ban Kiểm soát hoạt động độc lập với Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc. Ban kiểm soát là tổ chức thay mặt cổ đông kiểm soát mọi hoạt động kinh doanh, quản trị và điều hành của Công ty. Ban kiểm soát gồm 03 thành viên.

❖ **Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc của Công ty bao gồm Tổng Giám đốc, 02 Phó Tổng Giám đốc do HĐQT quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm. Tổng Giám đốc là người đại diện theo pháp luật của Tổng Công ty và là người điều hành cao nhất trong hoạt động kinh doanh hàng ngày của Tổng Công ty.

❖ **Các phòng ban chức năng**

Các phòng ban thuộc Tổng Công ty gồm 09 phòng ban chức năng, 01 khách sạn, 01 Ban quản lý tòa nhà, và 05 xưởng sản xuất.

3. Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của Tổng Công ty và những người có liên quan; Danh sách cổ đông sáng lập và tỉ lệ cổ phần nắm giữ; Cơ cấu cổ đông tại thời điểm 29/6/2016

3.1 Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần tại thời điểm ngày 29/6/2016

Bảng 1: Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của Tổng Công ty

TT	Tên cổ đông	Số ĐKKD/ CMND	Địa chỉ	Số cổ phần nắm giữ (cổ phần)	Tỷ lệ/ VDL (%)
1.	Công ty CP Chứng khoán Bản Việt	68/UBCK- GP	Tháp tài chính Bitexco, lầu 15, 2 Hải Triều, Quận 1, Tp.Hồ Chí Minh	15.000.000	9,7%
	Tổng cộng			15.000.000	9,7%

Nguồn: Danh sách cổ đông của GELEX tại ngày 29/6/2016

Người có liên quan của Công ty CP Chứng khoán Bản Việt sở hữu cổ phần của Tổng Công ty: Không có.

3.2 Danh sách cổ đông sáng lập và tỷ lệ nắm giữ

Tổng Công ty cổ phần Thiết bị điện Việt Nam được chuyển đổi từ doanh nghiệp Nhà nước thành Công ty cổ phần bằng hình thức cổ phần hóa. Tổng Công ty cổ phần Thiết bị điện Việt Nam không có cổ đông sáng lập.

3.3 Cơ cấu cổ đông tại thời điểm ngày 29/6/2016

Bảng 2: Cơ cấu cổ đông tại thời điểm ngày 29/6/2016

TT	Cổ đông	Số lượng (người)	Số cổ phần (cổ phần)	Giá trị theo mệnh giá (VND)	Tỷ lệ (%)
I	Cổ đông trong nước	2.088	146.029.100	1.460.291.000.000	94,21%
1	Cổ đông tổ chức <i>Trong đó: Nhà nước</i>	42	61.869.610	618.696.100.000	39,92%
2	Cổ đông cá nhân	2.046	84.159.490	841.594.900.000	54,29%
II	Cổ đông nước ngoài	20	8.470.900	84.709.000.000	5,47%
1	Cổ đông tổ chức	11	8.401.200	84.012.000.000	5,42%
2	Cổ đông cá nhân	09	69.700	697.000.000	0,05%
III	Cổ phiếu quỹ	01	500.000	5.000.000.000	0,32%
	Tổng cộng	2.109	155.000.000	1.550.000.000.000	100%

Nguồn: Danh sách cổ đông của GELEX tại ngày 29/6/2016

4. Danh sách những công ty mẹ và công ty con của tổ chức phát hành, những công ty mà tổ chức phát hành đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với tổ chức phát hành.

- Danh sách những Công ty mẹ, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc chi phối đối với GELEX: Không có

- Danh sách những Công ty con, những Công ty mà GELEX nắm giữ quyền kiểm soát hoặc chi phối:

TT	Tên Công ty	Địa chỉ	Vốn điều lệ	Tỷ lệ sở hữu (%)	Lĩnh vực kinh doanh
1	Công ty CP Dây cáp điện Việt Nam (CADIVI)	Số 70-72 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, quận 1, TP.Hồ Chí Minh	288 tỷ đồng	65,01%	Sản xuất, chế biến, kinh doanh dây cáp điện
2	Công ty CP chế tạo điện cơ Hà Nội (HEM)	Km 12, Quốc lộ 32, Phú Diễn, Từ Liêm, Hà Nội	368 tỷ đồng	65,88%	Sản xuất, kinh doanh máy biến áp, động cơ điện
3	Công ty CP Đầu tư và Xây dựng GELEX	Số 52 Phố Lê Đại Hành, Hai Bà Trưng, Hà Nội	20 tỷ đồng	65%	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng và công nghiệp
4	Công ty TNHH GELEX Campuchia	49 road 4 Sangkat Phleng Chhe Rotes-Phnom Penh-Campuchia	25.000 USD	100%	Kinh doanh phân phối thiết bị điện

Nguồn: GELEX

5. Giới thiệu về quá trình tăng vốn của Tổng Công ty

Kể từ khi cổ phần hóa đến nay, Tổng Công ty cổ phần Thiết bị điện Việt Nam đã trải qua 01 lần tăng vốn. Cụ thể:

Các đợt tăng vốn	VDL sau tăng (tỷ VND)	Mức vốn tăng (tỷ VND)	Phương thức phát hành	Cơ sở pháp lý
Khi cổ phần hóa	1.400			<ul style="list-style-type: none"> ✓ Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0100100512 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 01 tháng 12 năm 2010
Tháng 8 Năm 2015	1.550	150	Phát hành riêng lẻ cho Công ty CP Chứng khoán Bản Việt	<ul style="list-style-type: none"> ✓ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 215/TBĐVN/NQ-ĐHĐCĐ ngày 26/6/2015; ✓ Công văn số 4667/UBCK-QLPH ngày 27/7/2015 về việc chào bán cổ phiếu riêng lẻ; ✓ Báo cáo kết quả chào bán cổ phiếu riêng lẻ gửi UBCKNN ngày 07/8/2015; ✓ Công văn số 4992/UBCK-QLPH ngày 118/2015 về báo cáo kết quả phát hành cổ phiếu riêng lẻ. ✓ Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0100100512 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp thay đổi lần 3 ngày 16/9/2015

Nguồn: GELEX

Theo Báo cáo kiểm toán độc lập số 1923/2016/BC.KTTC-AASC.KT2 ngày 13/9/2016 của Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC, tình hình sử dụng vốn thu được từ đợt phát hành cổ phiếu riêng lẻ để tăng vốn điều lệ từ 1.400 tỷ đồng lên 1.550 tỷ đồng phù hợp với kế hoạch sử dụng vốn đã được phê duyệt tại Nghị quyết số 215/TBĐVN/NQ-ĐHĐCĐ ngày 26/6/2015 của Đại hội đồng cổ đông bất thường Tổng Công ty cổ phần Thiết bị điện Việt Nam.

6. Hoạt động kinh doanh

6.1 Sản lượng sản phẩm/dịch vụ qua các năm

6.1.1 Sản phẩm/dịch vụ









Hơn 20 năm hình thành và phát triển, Tổng Công ty cổ phần Thiết bị điện Việt Nam tiếp tục khẳng định vị thế số 1 trong ngành thiết bị điện Việt Nam. Đồng thời, hướng tới là nhà đầu tư bất động sản mới tin cậy và hiệu quả.




Thiết bị điện

Bên cạnh những sản phẩm của các Công ty thành viên, GELEX cũng sở hữu 3 dòng sản phẩm rất nổi tiếng mang thương hiệu EMIC, đó là: Công tơ điện loại cơ; máy biến thế, máy biến dòng TU, TI và công tơ điện điện tử.

Sản phẩm mang thương hiệu EMIC do Tổng Công ty quản lý được chế tạo bởi đội ngũ công nhân tay nghề cao, có nhiều năm kinh nghiệm trong lĩnh vực thiết bị điện. Các sản phẩm công tơ điện 1 pha, 3 pha loại cơ của EMIC đã nổi tiếng trên thị trường với hàng triệu công tơ được lắp đặt trên lưới điện Việt Nam. Hiện nay, GELEX đã nghiên cứu và chế tạo thành công sản phẩm công tơ điện điện tử với tính năng vượt trội, mở ra một thị trường đầy tiềm năng cho dòng sản phẩm mới này.

Các sản phẩm thiết bị điện khác đặc trưng của các Công ty con, công ty liên kết

Sản phẩm đặc trưng	Công ty thành viên
Thiết bị đo điện	 Gelex Emic
Dây cáp điện	  Cadivi Vinakip
Máy biến thế	  Thibidi HEM
Động cơ điện	  HEM VIHEM
Khí cụ điện	 Vinakip

Dây đồng	 CFT
Thiết bị điện khác	  Gelex Emic Vinakip

Bất động sản

Tổng Công ty cổ phần Thiết bị điện Việt Nam sở hữu những khu đất có vị trí đắc địa tại thủ đô Hà Nội. Hiện nay, Công ty đang triển khai và khai thác một số dự án sau:

Dự án đã hoàn thành, đang khai thác:

Khách sạn Melia Hà Nội.

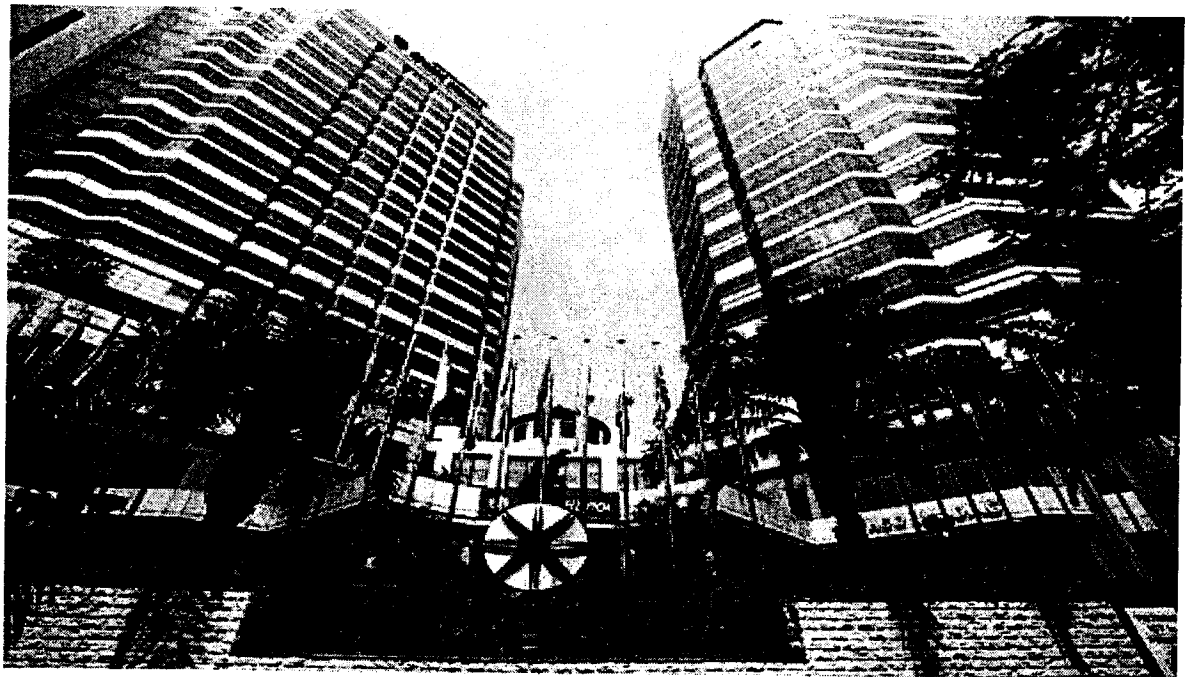
Khách sạn Melia Lý Thường Kiệt: Tọa lạc tại vị trí 44B Lý Thường Kiệt, nằm giữa trung tâm tài chính và ngoại giao của Hà Nội, tòa nhà cao tầng này hiện đang được nhiều công ty nổi tiếng thế giới sử dụng, trong đó có khách sạn Melia. Đây là một khách sạn 5 sao, đẳng cấp quốc tế. Nơi đây đã từng tiếp đón nhiều nguyên thủ quốc gia đến từ nhiều nước.

Chủ đầu tư của Khách sạn này là: Công ty liên doanh SAS- CTAMAD

GELEX sở hữu khách sạn này gián tiếp qua Công ty con là Công ty Cổ phần Chế tạo Điện cơ Hà Nội (HEM).

Tính đến ngày 30/6/2016, tỷ lệ sở hữu của HEM tại Công ty này: 35%

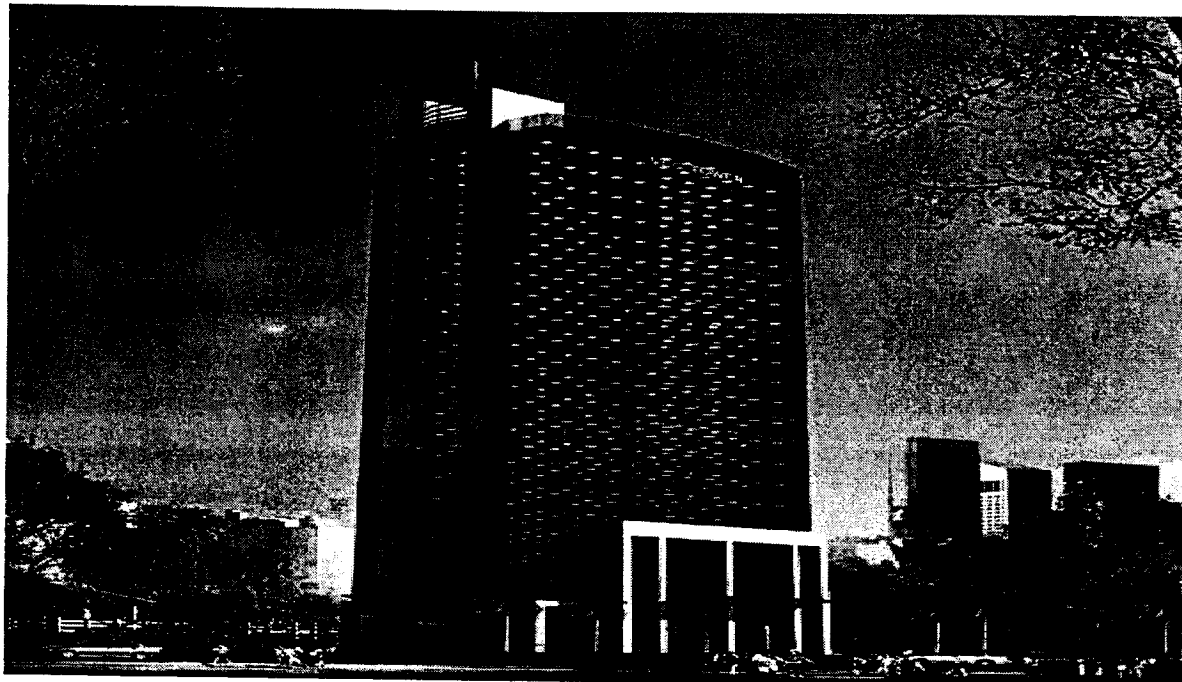
Hình ảnh 01: Khách sạn Melia Hà Nội



Dự án 52 Lê Đại Hành

Dự án số 52 Lê Đại Hành: Đây là khu đất GELEX xây dựng Dự án Trụ sở Tổng Công ty cổ phần Thiết bị điện Việt Nam với quy mô xây dựng là một tòa nhà gồm 3 tầng hầm và 22 tầng nổi, có tổng diện tích xây dựng là 18.289 m². Tổng vốn đầu tư là 361 tỷ đồng.

Hình ảnh 02: Tòa nhà 52 Lê Đại Hành



Dự án đang triển khai

Dự án số 10 Trần Nguyên Hãn

Dự án số 10 Trần Nguyên Hãn: Dự án được triển khai trên khu đất số 10 Trần Nguyên Hãn và 27- 29 Lý Thái Tổ, Hà Nội. Hiện tại, GELEX đang tiến hành lập dự án xây dựng Tổ hợp Trung tâm Thương mại- Khách sạn - Văn phòng cho thuê đạt tiêu chuẩn quốc tế 5 sao.

Diện tích lập Dự án là 9.934m².

Tổng mức đầu tư dự kiến là 2.200 tỷ đồng.

Tiến độ dự án thực tế: 2016 - 2020

Hình ảnh 03: Dự án số 10 Trần Nguyên Hãn



6.1.2 Sản lượng sản phẩm/giá trị dịch vụ qua các năm 2014, 2015 và 6 tháng đầu năm 2016

Bảng 3: Cơ cấu doanh thu thuần Công ty mẹ năm 2014, 2015 và 6 tháng đầu năm 2016

Diễn giải	Năm 2014		Năm 2015		% +/- doanh thu năm 2015 so với 2014 (%)	6 tháng đầu năm 2016	
	Doanh thu (triệu VND)	Tỷ trọng (%)	Doanh thu (triệu VND)	Tỷ trọng (%)		Doanh thu (triệu VND)	Tỷ trọng (%)
Doanh thu bán thành phẩm	646.532	50,69	695.510	51,52	7,58	508.612	69,48
Doanh thu bán hàng hóa, vật tư, phế liệu	596.383	46,76	608.067	45,04	1,96	200.265	27,36
Doanh thu cung cấp dịch vụ	32.605	2,56	46.499	3,44	42,61	23.150	3,16
Tổng cộng	1.275.520	100	1.350.076	100	5,85	732.027	100

Nguồn: BCTCKT (mẹ) năm 2015 và BCTC (mẹ) soát xét 6 tháng đầu năm của GELEX

Bảng 4: Cơ cấu doanh thu thuần của Tổng Công ty hợp nhất năm 2014, 2015 và 6 tháng đầu năm 2016

Diễn giải	Năm 2014		Năm 2015		% +/- doanh thu năm 2015 so với 2014 (%)	6 tháng đầu năm 2016	
	Doanh thu (triệu VND)	Tỷ trọng(%)	Doanh thu (triệu VND)	Tỷ trọng (%)		Doanh thu (triệu VND)	Tỷ trọng(%)
Doanh thu bán thành phẩm	4.921.927	56,35	5.192.455	61,94	5,50	2.523.382	69,42
Doanh thu bán hàng hóa, vật tư, phế liệu	3.626.644	41,52	3.005.164	35,85	-17,14	1.035.582	28,49
Doanh thu cung cấp dịch vụ	169.510	1,94	173.654	2,07	2,44	76.189	2,10
Doanh thu hợp đồng xây dựng	16.942	0,19	11.434	0,14	-32,51	-	-
Tổng cộng	8.735.023	100	8.382.707	100	-4,03	3.635.153	100

Nguồn: BCTCKT hợp nhất năm 2015 và BCTC (hợp nhất) soát xét 6 tháng đầu năm 2016 của GELEX

Tổng doanh thu thuần của Công ty mẹ năm 2015 tăng 5,85% so với năm 2014 song Tổng doanh thu thuần hợp nhất của Công ty năm 2015 đạt hơn 8.382 tỷ đồng, giảm 4,03% so với năm 2014. Do trong năm 2015 Tổng Công ty phải hứng chịu sự suy giảm mạnh sản lượng sản phẩm chủ lực, truyền thống - công tơ cơ khí 1 pha và 3 pha, đặc biệt là sản lượng công tơ cơ khí 3 pha chỉ còn 36% so với năm 2014, do ngành điện dừng hoàn toàn việc sử dụng công tơ cơ khí trên lưới điện Việt Nam. Sự suy giảm này đặc biệt nặng nề trong quý IV/2015. Doanh thu của Tổng Công ty chủ yếu từ hoạt động bán thành phẩm và hoạt động bán hàng hóa, vật tư, phế liệu. Chiếm tỷ trọng cao nhất trong Doanh thu thuần hợp nhất là hoạt động bán thành phẩm: các sản phẩm thiết bị điện truyền thống của Tổng Công ty (chiếm 61,94%).

Bảng 5: Cơ cấu lợi nhuận gộp của Công ty mẹ năm 2014, 2015 và 6 tháng đầu năm 2016

Diễn giải	Năm 2014			Năm 2015			% Tăng/ giảm LN gộp năm 2015 so với 2014 Tỷ trọng (%)	6 tháng đầu năm 2016		
	LN gộp (triệu VND)	Tỷ trọng (%)	LN gộp/ DTT (%)	LN gộp (triệu VND)	Tỷ trọng (%)	LN gộp (triệu VND)		LN gộp/ DTT (%)	LN gộp (triệu VND)	LN gộp/ DTT (%)
LNG bán thành phẩm	207.896	90,25	16,30	188.362	89,39	13,95	-9,40	101.989	90,60	13,93
LNG bán hàng hóa, vật tư, phế liệu	7.177	3,12	0,56	5.737	2,72	0,42	-20,06	2.508	2,23	0,34
LNG cung cấp dịch vụ	15.283	6,63	1,20	16.620	7,89	1,23	8,75	8.078	7,18	1,10
Tổng cộng	230.356	100	18,06	210.719	100	15,61	-8,52	112.575	100	15,38

Nguồn: BCTCKT (mẹ) năm 2015 và BCTC (mẹ) soát xét 6 tháng đầu năm 2016 của GELEX

Bảng 6: Cơ cấu lợi nhuận gộp của Tổng Công ty hợp nhất năm 2014, 2015 và 6 tháng đầu năm 2016

Diễn giải	Năm 2014			Năm 2015			% Tăng/ giảm LN gộp năm 2015 so với 2014 (%)	6 tháng đầu năm 2016		
	LN gộp (triệu VND)	Tỷ trọng (%)	LN gộp/ DTT (%)	LN gộp (triệu VND)	Tỷ trọng (%)	LN gộp/ DTT (%)		LN gộp (triệu VND)	Tỷ trọng (%)	LN gộp/ DTT (%)
LNG bán thành phẩm	1.065.752	84,93	12,20	891.715	80,61	10,64	-16,33	480.508	102,66	13,22
LNG bán hàng hóa, vật tư, phế liệu	125.525	10,00	1,44	146.448	13,24	1,75	16,67	(36.094)	-	-
LNG cung cấp dịch vụ	61.940	4,94	0,71	67.625	6,11	0,81	9,18	23.646	5,05	0,65
LNG hợp đồng xây dựng	1.609	0,13	0,02	380	0,03	0,00	-76,38	-	-	-
Tổng cộng	1.254.826	100	14,37	1.106.168	100	13,20	-11,85	468.060	100	12,88

Nguồn: BCTCKT hợp nhất năm 2015 và BCTC (hợp nhất) soát xét 6 tháng đầu năm 2016 của GELEX

Sự suy giảm sản lượng sản phẩm chủ lực, truyền thống của Tổng Công ty ảnh hưởng đến doanh thu của Tổng Công ty và kéo theo là lợi nhuận gộp cũng giảm. Năm 2015, lợi nhuận gộp của Tổng Công ty đạt 1.106 tỷ đồng chiếm 13,20% doanh thu thuần. Lợi nhuận gộp năm 2015 giảm 11,85% so với năm 2014. Chiếm 80,61% tổng lợi nhuận gộp là lợi nhuận gộp thu được từ hoạt động bán thành phẩm của Tổng Công ty.

Chi phí sản xuất

Bảng 7: Chi phí sản xuất kinh doanh hợp nhất năm 2014, 2015 và 6 tháng đầu năm 2016

TT	Chi phí sản xuất kinh doanh	Năm 2014		Năm 2015		6 tháng đầu năm 2016	
		Giá trị (triệu VND)	Tỷ trọng (%)	Giá trị (triệu VND)	Tỷ trọng (%)	Giá trị (triệu VND)	Tỷ trọng (%)
1	Giá vốn hàng bán	7.480.197	90,81	7.276.540	91,57	3.167.092	93,64
2	Chi phí tài chính	63.051	0,77	130.345	1,64	24.995	0,83
3	Chi phí bán hàng	349.596	4,24	201.091	2,53	77.965	2,31

TT	Chi phí sản xuất kinh doanh	Năm 2014		Năm 2015		6 tháng đầu năm 2016	
		Giá trị (triệu VND)	Tỷ trọng (%)	Giá trị (triệu VND)	Tỷ trọng (%)	Giá trị (triệu VND)	Tỷ trọng (%)
4	Chi phí quản lý doanh nghiệp	344.502	4,18	338.748	4,26	109.309	3,23
	Tổng cộng	8.237.346	100	7.946.724	100	3.382.361	100

Nguồn: BCTCKT hợp nhất năm 2015 và BCTC hợp nhất soát xét 6 tháng đầu năm của GELEX

Sản lượng tiêu thụ giảm đồng nghĩa với Giá vốn hàng bán năm 2015 (7.276 tỷ đồng) giảm so với năm 2014 (7.480 tỷ đồng) và chi phí bán hàng cũng giảm do đó Tổng chi phí năm 2015 giảm so với năm 2014.

6.2 Báo cáo tình hình đầu tư, hiệu quả đầu tư, hiệu quả cung cấp dịch vụ của tổ chức phát hành

▪ **Đầu tư tại các đơn vị thành viên**

Trong năm 2015, GELEX đã thực hiện thoái vốn, tái cơ cấu vốn đầu tư tại các đơn vị thành viên, cụ thể như sau:

- Giảm tỷ lệ nắm giữ tại Công ty cổ phần Chế tạo Bom Hải Dương (HPMC) từ 65,02% xuống 51,25%. Trong năm HPMC hoàn tất việc phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ từ 27.586.800.000 đồng lên 35.000.000.000 đồng nhưng GELEX không mua thêm cổ phần.
- Giảm tỷ lệ nắm giữ tại Công ty cổ phần sản xuất và thương mại EMIC (EPT) từ 51% xuống 25,5%. Trong năm EPT hoàn tất việc phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ từ 10.000.000.000 đồng lên 20.000.000.000 đồng nhưng GELEX không mua thêm cổ phần. EPT trở thành công ty liên kết của GELEX.
- Giảm tỷ lệ nắm giữ tại Công ty cổ phần Thiết bị điện (THIBIDI) từ 65,16% xuống 43,44%. Trong năm THIBIDI hoàn tất việc phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ từ 120.000.000.000 đồng lên 180.000.000.000 đồng nhưng GELEX không mua thêm cổ phần. THIBIDI trở thành công ty liên kết của GELEX.

Trong năm 2016, GELEX tiếp tục tái cấu trúc đầu tư tại các đơn vị thành viên:

- Giảm tỷ lệ nắm giữ tại Công ty khí cụ điện 1(VINAKIP) từ 51,03% xuống 49,24%. Đầu năm 2016 Công ty khí cụ điện 1 đã hoàn tất việc phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ từ 34.000.000.000 đồng lên 45.600.000.000 đồng.
- Góp vốn thành lập Công ty cổ phần Đầu tư Xây dựng GELEX, số tiền góp vốn 13.000.000.000 đồng tương ứng 65% vốn điều lệ của Công ty cổ phần Đầu tư Xây dựng GELEX.
- Ngày 09/06/2016 GELEX đã thoái toàn bộ 1.793.758 cổ phần (tương ứng 51,25%) của Công ty cổ phần Chế tạo Bom Hải Dương (mã chứng khoán CTB) theo phương thức giao dịch trên sàn HNX.

▪ **Đầu tư nâng cao năng lực sản xuất**

Với mục đích tăng sức cạnh tranh của sản phẩm trên thị trường, trong năm 2014, GELEX đã thực hiện đầu tư bước đầu dây chuyền sản xuất động cơ điện tử và một số thiết bị đơn lẻ với tổng giá trị đầu tư 7,5 tỷ đồng.

Các thiết bị trên đã hoàn thành việc lắp đặt và đưa vào sử dụng, từng bước phát huy hiệu quả.

▪ **Đầu tư dự án xây dựng:**

Dự án đầu tư xây dựng tòa nhà văn phòng Tổng Công ty cổ phần thiết bị điện Việt Nam tại 52 Lê Đại Hành – Hai Bà Trưng – Hà Nội: Đã hoàn thành việc xây dựng và đã đi vào hoạt động từ tháng 5/2014.

6.3 Hoạt động Marketing

Hoạt động Marketing của Tổng Công ty tập trung vào nghiên cứu nhu cầu thị trường và khách hàng, đưa ra phân tích, nhận định hỗ trợ và cho định hướng phát triển sản phẩm của Công ty. Bên cạnh đó, hoạt động Marketing nhằm xây dựng phát triển thương hiệu GELEX. Chiến lược Marketing cụ thể như sau:

- Công tác thị trường nội địa: Trong thời gian qua, với nền tảng phát triển là định hướng phát triển thị trường nên GELEX đã và đang khẳng định thương hiệu là một trong những doanh nghiệp sản xuất thiết bị điện hàng đầu Việt Nam. Tổng Công ty mở rộng thị trường khắp cả nước.
- Triết lý kinh doanh của GELEX:
 - Đặt khách hàng làm trọng tâm để định hướng cho mọi hành động, GELEX nỗ lực hết mình để khách hàng hài lòng. GELEX luôn tôn trọng khách hàng, lắng nghe mọi ý kiến của khách hàng và hiểu rõ mong muốn của khách hàng. Trên cơ sở đó, GELEX cố gắng mang lại lợi ích tốt nhất, thậm chí còn hơn cả kỳ vọng của khách hàng.
 - Đặt uy tín và hiệu quả kinh doanh lên hàng đầu bởi uy tín làm nên thương hiệu còn hiệu quả kinh doanh quyết định sự thành công của doanh nghiệp.
 - GELEX tạo dựng uy tín bằng cách hoàn thành xuất sắc những cam kết của mình với khách hàng để khách hàng luôn luôn tin tưởng và yên tâm khi hợp tác.
 - GELEX đạt được hiệu quả kinh doanh bằng cách minh bạch hóa trong quản lý, có chế độ đãi ngộ người tài hợp lý và hướng tới sự chủ động cao nhất của từng tổ chức trong Công ty. Tất cả thành viên trong Tổng Công ty phải phát huy tinh thần sáng tạo, dám nghĩ dám làm và quyết tâm theo đuổi mục tiêu đến cùng.
- Đối với thị trường xuất khẩu: Hiện tại, GELEX đang đẩy mạnh hoạt động bán hàng sang thị trường Lào, Campuchia
- Công tác bán hàng: GELEX thường xuyên cập nhật chính sách bán hàng nhằm tăng hiệu quả bán hàng mà vẫn tiết kiệm được chi phí.
- Hoạt động tiếp thị, xúc tiến thương mại: Tổng Công ty luôn tích cực tham gia các hội chợ lớn trong nước như Hội chợ Hàng Việt Nam chất lượng cao trong nhiều năm, đồng thời tích cực tham gia triển lãm khu vực và quốc tế nhằm quảng bá hình ảnh, thương hiệu sản phẩm và đưa sản phẩm tiếp cận sâu hơn với người tiêu dùng.

6.4 Nhân hiệu thương mại, đăng ký phát minh sáng chế và bản quyền

- Biểu tượng logo của Tổng Công ty:



- Website của Tổng Công ty: www.gelex.vn

- Giá trị nền tảng

- Sản phẩm chất lượng cao: Sản phẩm của GELEX sẽ là tốt nhất trong lĩnh vực thiết bị điện. GELEX sẽ luôn tạo ra những sản phẩm hoàn hảo trên nền tảng công nghệ hiện đại, không ngừng đổi mới. Mỗi nhân viên đều có tinh thần trách nhiệm với tất cả sản phẩm của GELEX.
 - Uy tín: GELEX cam kết làm những gì mình nói và nói những gì mình làm. Chân thành trong các mối quan hệ, trung thực trong lời nói và giữ đúng lời hứa là những tôn chỉ làm nên sự thành công của thương hiệu GELEX. Vì vậy, GELEX cam kết sẽ không làm bất kỳ điều gì có thể gây tổn hại đến uy tín của Tổng Công ty.
 - Bề dày kinh nghiệm: Kinh nghiệm tích lũy qua nhiều năm hoạt động cho phép GELEX có đủ khả năng và can đảm đi tiên phong, tạo nên xu thế trong thị trường thiết bị điện. Bề dày kinh nghiệm giúp GELEX nắm bắt cơ hội, phòng tránh rủi ro và phát triển bền vững trong nền kinh tế đầy biến động hiện nay.
 - Hiệu quả cao: Làm đúng ngay từ đầu là khẩu hiệu mà bất kỳ nhân viên nào của GELEX cũng phải tâm niệm. Để đạt được hiệu quả cao, GELEX yêu cầu mỗi nhân viên, mỗi đơn vị, mỗi tổ chức của mình phải ra quyết định chính xác, hành động nhanh và làm việc với năng lực tối đa.
- Tính cách thương hiệu
- Tin cậy: Đây là nét tính cách đầu tiên mà GELEX muốn mọi người biết đến. Sự tin cậy tạo nên một GELEX uy tín sau rất nhiều năm hoạt động. GELEX luôn giữ đúng lời hứa, làm đúng cam kết và nỗ lực để mang lại lợi ích tối đa cho khách hàng.
 - Chú trọng hiệu quả: GELEX không ngừng nâng cao hiệu quả để mang lại lợi ích cho khách hàng. GELEX phải thấu hiểu khách hàng để đáp ứng nhu cầu của khách hàng một cách chính xác, với thời gian và chi phí thấp nhất.
 - Đổi mới: GELEX không ngừng nghiên cứu và cải tiến quy trình làm việc. GELEX tôn trọng và khuyến khích ý kiến đóng góp của từng cá nhân. GELEX liên tục đổi mới để sản xuất ra những sản phẩm, dịch vụ có chất lượng cao, đáp ứng mong muốn của khách hàng và xu hướng của thời đại.

6.5 Các hợp đồng lớn đang được thực hiện hoặc đã được ký kết

Bảng 8: Một số hợp đồng Tổng Công ty đã và đang thực hiện

T T	Hợp đồng	Khách hàng	Sản phẩm/ dịch vụ	Thời gian thực hiện	Giá trị hợp đồng (Triệu đồng)
1	01-16/SPC-GELEX/BATT-BDHT	Tổng Công ty Điện lực Miền Nam TNHH (EVN SPC)	Biến điện áp trung thế, Biến dòng điện trung – hạ thế	01/2016-04/2016	34.988
2	2330/2016/HĐ-EVNHCMC-GELEX	Tổng Công ty Điện lực TP Hồ Chí Minh TNHH	Công tơ điện tử 3 pha	06/2016-10/2016	64.352
3	06-2016-MOTPHA KĐX/NPC-GELEX	Tổng Công ty Điện lực Miền Bắc	Công tơ điện tử 1 pha	06/2016-09/2016	35.244
4	04-16/SPC-GELEX/BDHT.G10	Tổng Công ty Điện lực Miền Nam TNHH (EVN SPC)	Biến điện áp trung thế	05/2016-08/2016	48.395
5	2724/2016/HĐ-EVNHCMC	Tổng Công ty Điện lực TP Hồ Chí Minh TNHH	Biến điện áp trung thế	07/2016-10/2016	16.674
Tổng cộng					<u>199.653</u>

Nguồn: GELEX

7. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong 2 năm gần nhất và lũy kế đến quý gần nhất

7.1 Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Bảng 9: Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty mẹ

Chỉ tiêu	Năm 2014 (triệu VND)	Năm 2015 (triệu VND)	% Tăng/giảm của năm 2015 so với 2014 (%)	6 tháng đầu năm 2016 (triệu VND)
Tổng giá trị tài sản	2.108.439	2.352.471	11,57	2.517.009
Doanh thu thuần	1.275.521	1.350.076	5,85	732.027
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	230.357	210.719	-8,53	112.575

Chỉ tiêu	Năm 2014 (triệu VND)	Năm 2015 (triệu VND)	% Tăng/ giảm của năm 2015 so với 2014 (%)	6 tháng đầu năm 2016 (triệu VND)
Doanh thu hoạt động tài chính	152.198	156.149	2,60	182.243
Chi phí tài chính	(13.859)	971	-107,01	18.322
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	307.951	283.174	-8,05	243.824
Lợi nhuận (lỗ) khác	(36.466)	(23)	-99,94	(145)
Lợi nhuận trước thuế	271.485	283.151	4,30	243.679
Thuế TNDN	40.452	33.499	-17,19	17.963
Lợi nhuận sau thuế	231.033	249.652	8,06	225.716

Nguồn: BCTCKT (mẹ) năm 2015 và BCTC (mẹ) soát xét 6 tháng đầu năm 2016 của

GELEX

Bảng 10: Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng Công ty hợp nhất

Chỉ tiêu	Năm 2014 (Triệu VND)	Năm 2015 (Triệu VND)	% Tăng/ giảm của năm 2015 so với 2014 (%)	6 tháng đầu năm 2016 (Triệu VND)
Tổng giá trị tài sản	5.146.416	4.917.504	-4,45	4.918.953
Doanh thu thuần	8.735.023	8.382.707	-4,03	3.635.152
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.254.826	1.106.168	-11,85	468.060
Doanh thu hoạt động tài chính	62.603	130.147	107,89	150.910
Chi phí tài chính	63.051	130.345	106,73	24.995
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	604.483	571.329	-5,48	367.920
Lợi nhuận (lỗ) khác	(31.253)	3.074	-	(2.843)
Lợi nhuận trước thuế	573.229	574.403	0,20	365.077
Lợi nhuận sau thuế	448.225	455.996	1,73	307.676
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	129.793	134.886	3,92	63.858
Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ	318.432	321.110	0,84	243.818
Tỷ lệ trả cổ tức (%) (*)	12%	10%	-	-

Nguồn: BCTCKT hợp nhất năm 2015 và BCTC hợp nhất soát xét 6 tháng đầu năm 2016 của GELEX

(*)Theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2015 số 04/TBĐVN/NQ-ĐHĐCĐ ngày 24/4/2015 và Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2016 số 19/TBĐVN/NQ-ĐHĐCĐ ngày 04/3/2016.

Đối với kết quả kinh doanh của Công ty mẹ: Trong năm 2015, doanh thu thuần và lợi nhuận sau thuế lần lượt đạt 1.350 tỷ đồng và 249,6 tỷ đồng, tương ứng tăng 5,85% và 8,06% so với năm 2014.

Đối với kết quả kinh doanh hợp nhất: Trong năm 2015, doanh thu thuần của Tổng Công ty đạt hơn 8.382 tỷ đồng giảm 4,03% so với năm 2014. Lợi nhuận sau thuế đạt 455,996 tỷ đồng tăng 1,73% so với năm 2014. Mặc dù doanh thu và lợi nhuận gộp năm 2015 giảm so với năm 2014 song trong năm 2015, Tổng Công ty quản lý chi phí hợp lý do đó chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp giảm do đó Lợi nhuận sau thuế của Tổng Công ty tăng 1,73% so với năm 2014.

7.2 Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng Công ty trong năm báo cáo

Thuận lợi:

- Qua hơn 20 năm hình thành và phát triển, thương hiệu GELEX đã và đang khẳng định và củng cố vị thế vững chắc của mình so với các doanh nghiệp khác trong ngành, nhận được sự tin tưởng, ủng hộ của người tiêu dùng, đối tác cũng như các nhà đầu tư.
- Qua những dự báo, nhận định về tình hình kinh tế vi mô, vĩ mô và những nghiên cứu thực tế về thị trường, Tổng Công ty luôn xây dựng chiến lược kinh doanh phù hợp, hợp lý với từng giai đoạn đồng thời chủ động linh hoạt để điều chỉnh cơ cấu thị trường;
- Tổng Công ty luôn duy trì tốt mối quan hệ với các nhà cung cấp nguyên vật liệu;
- Năng lực sản xuất của Tổng Công ty ngày càng tăng;
- Ban lãnh đạo Tổng Công ty có tinh thần trách nhiệm cao, cùng với đội ngũ cán bộ nhân viên lành nghề, có phẩm chất tốt là một điểm mạnh của GELEX gặt hái được nhiều thành công trong thời gian qua.

Khó khăn:

Bên cạnh những thuận lợi, hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng Công ty không thể tránh khỏi những khó khăn của nền kinh tế nói chung và các thách thức đặc thù của ngành nói riêng.

- Giá cả vật tư cho sản xuất diễn biến phức tạp, giá kim loại biến động rất khó lường;
- Năm 2015, Tổng Công ty phải hứng chịu sự suy giảm mạnh sản lượng sản phẩm chủ lực, truyền thống - công tơ cơ khí 1 pha và 3 pha, đặc biệt là sản lượng công tơ cơ khí 3 pha chỉ còn 36% so với năm 2014, do ngành điện dừng hoàn toàn việc sử dụng công tơ cơ khí trên lưới điện Việt Nam.

8. Vị thế của Tổng Công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành

8.1 Vị thế của Tổng Công ty trong ngành

Sản xuất kinh doanh thiết bị điện là ngành phục vụ cho nhiều ngành kinh tế - xã hội khác nhau, đặc biệt là ngành năng lượng. Trong những năm gần đây, cùng với sự tăng trưởng của nền kinh tế bình quân hơn 6%/năm, ngành thiết bị điện có điều kiện giữ được sự ổn

định và phát triển. Dự kiến trong tương lai gần vẫn tiếp tục giữ được sự ổn định và tăng trưởng.

Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị điện Việt Nam là một trong những nhà sản xuất kinh doanh thiết bị điện hàng đầu của ngành thiết bị điện Việt Nam, trong đó nổi bật là các ngành sản xuất kinh doanh dây cáp điện, máy biến áp phân phối, thiết bị đo điện trung hạ thế, động cơ điện, máy phát điện, thiết bị đóng cắt,... với những thương hiệu nhiều năm liền là thương hiệu quốc gia và có uy tín trên thị trường trong nước cũng như khu vực như: CADIVI, GELEX-EMIC, THIBIDI, HEM...

Các thương hiệu uy tín của Tổng Công ty được xây dựng dựa trên chất lượng sản phẩm tốt, đạt tiêu chuẩn quốc tế, giá cả hợp lý, chất lượng dịch vụ sau bán hàng tốt. Chính điều này đã duy trì được sự tin nhiệm của khách hàng đối với sản phẩm và dịch vụ của Tổng Công ty.

Việc nghiên cứu cho ra đời dòng sản phẩm thiết bị điện mới có chất lượng tốt theo tiêu chuẩn quốc tế, ứng dụng những kỹ thuật tiên tiến trong sản xuất, đón đầu xu hướng và nhu cầu thị trường giúp Tổng Công ty liên tục duy trì vị thế và đem lại lợi thế bền vững cho Tổng Công ty trước sự cạnh tranh mạnh mẽ từ đối thủ.

8.2 Triển vọng phát triển của ngành

Ngành sản xuất thiết bị điện có tiềm năng phát triển tốt, đặc biệt là vấn đề tiêu thụ sản phẩm cả trong và ngoài nước.

Với thị trường trong nước, theo kế hoạch phát triển ngành sản xuất thiết bị điện đã được Chính phủ phê duyệt, giai đoạn 2015 – 2025 ngành thiết bị điện sẽ phải phát triển để đáp ứng 70% nhu cầu trong nước về thiết bị đường dây, trạm biến áp, 55% về động cơ điện, một số chủng loại máy phát điện thông thường và năm 2025 có thể sản xuất, cung ứng trọn bộ thiết bị điện cho các công trình đường dây điện, trạm biến áp, 50-60% nhu cầu máy biến thế 110-220KV và năm 2015 xuất khẩu đạt 30-35% giá trị sản xuất, đáp ứng 60 – 70% nhu cầu trong nước các loại công tơ điện, khí cụ điện và các hệ thống ghi đếm – giám sát an toàn lưới điện, trọn bộ thiết bị trạm điện và xuất khẩu đạt 19-20% giá trị sản xuất, tập trung sản xuất các loại dây – cáp điện chất lượng cao với kim ngạch xuất khẩu tăng 35,5%/năm...

Đối với thị trường xuất khẩu, bên cạnh các thị trường truyền thống, ngành sản xuất thiết bị điện cũng có tiềm năng lớn ở các thị trường lân cận là Lào và Campuchia. Với hai thị trường này, Việt Nam đã đạt được những cam kết dưới hình thức bản ghi nhớ, hiệp định hợp tác đầu tư phát triển lĩnh vực điện.

8.3 So sánh về tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp trong cùng ngành

Bảng 11: So sánh kết quả kinh doanh của GELEX với các công ty cùng ngành năm 2015

Mã CP	Vốn điều lệ (triệu đồng)	Vốn chủ sở hữu (triệu đồng)	Tổng tài sản (triệu đồng)	Doanh thu thuần (triệu đồng)	Lợi nhuận sau thuế (triệu đồng)	ROA	ROE
BTH	35.000	25.979	36.163	27.593	735	2,03%	2,83%
DHP	94.922	142.476	181.609	300.574	45.740	25,19%	32,10%
TBD	108.957	287.852	1.385.046	1.808.503	40.732	2,94%	14,15%
CAV	288.000	639.788	2.041.033	5.667.844	170.576	8,36%	26,66%
	1.550.000	2.993.289	4.917.504	8.382.707	455.996	9,27%	15,23%

Nguồn: BCTCKT năm 2015 của các công ty công bố tại HSX và HNX, MBS tính toán chỉ số

8.4 Đánh giá về sự phù hợp định hướng phát triển của Tổng Công ty với định hướng của ngành, chính sách của Nhà nước và xu thế chung của thế giới

Với định hướng phát triển, bám sát mục tiêu phát triển các ngành kinh tế quốc dân, đặc biệt ngành năng lượng, dựa trên lợi thế hiện có của Tổng Công ty cổ phần thiết bị điện Việt Nam để đưa Tổng Công ty trở thành một trong những nhà sản xuất kinh doanh thiết bị điện hàng đầu Việt Nam và khu vực, Công ty tập trung đầu tư mở rộng sản xuất để phát triển thiết bị đo điện phục vụ Dự án lưới điện thông minh đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt và Tập đoàn Điện lực Việt Nam đang tiếp tục triển khai, tập trung đầu tư công nghệ, thiết bị công nghệ nhằm sản xuất các sản phẩm tiết kiệm năng lượng như máy biến áp siêu giảm tổn thất, động cơ điện hiệu suất cao... gắn với chương trình tiết kiệm năng lượng quốc gia và bảo vệ môi trường...

Định hướng của Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị điện Việt Nam được đánh giá là phù hợp với định hướng phát triển của ngành, của nền kinh tế và đáp ứng được các yêu cầu định hướng phát triển trong chính sách của Nhà nước về tiết kiệm năng lượng quốc gia, môi trường...

9. Chính sách đối với người lao động

Tình hình lao động

Chất lượng nguồn nhân lực là một trong những yếu tố quan trọng quyết định sự phát triển của Tổng Công ty, vì vậy Tổng Công ty luôn đặt mục tiêu xây dựng đội ngũ nhân viên chuyên nghiệp lên hàng đầu trong chiến lược phát triển của mình. Đội ngũ nhân sự của GELEX trẻ, năng động, giàu lòng nhiệt huyết, có năng lực chuyên môn tốt. Tính đến thời điểm 30/6/2016, tổng số lao động trong Tổng Công ty là 494 người. Cơ cấu lao động cụ thể như sau:

Bảng 12: Tình hình lao động trong Tổng Công ty

Loại lao động	Số lượng(người)
Phân theo giới tính	494
▪ Nam	335
▪ Nữ	159
Phân theo trình độ học vấn	494
▪ Trình độ đại học, trên đại học	167
▪ Trình độ dưới đại học	327
Phân theo tính chất hợp đồng lao động	494
▪ Hợp đồng không xác định thời hạn	482
▪ Hợp đồng xác định thời hạn 1 năm	9
▪ Hợp đồng mùa vụ, thử việc	3

Nguồn: GELEX

Chính sách đối với người lao động

- Tổng Công ty thường xuyên tổ chức đào tạo nâng bậc, đào tạo sử dụng thiết bị mới cho công nhân trực tiếp sản xuất, nâng lương cho lao động gián tiếp, tổ chức đào tạo kỹ năng quản trị hiện đại cho cán bộ từ cấp phó phòng trở lên và một số nhân viên trẻ có năng lực phục vụ thiết thực cho công tác quản lý tại Tổng Công ty.
- Công tác tuyển dụng cũng được chú trọng, nâng cao chất lượng. Lao động được tuyển dụng đã hòa nhập nhanh và bước đầu có những đóng góp cho đơn vị.
- Chính sách đối với người lao động luôn tuân thủ theo Bộ luật lao động và các văn bản liên quan từ khâu tuyển dụng, ký hợp đồng lao động, chế độ làm việc, 08 giờ/ngày, chế độ nghỉ ngơi, thời gian nghỉ phép, lễ, nghỉ ốm, nghỉ thai sản...
- Việc chi trả tiền lương, tiền thưởng cho người lao động áp dụng theo đơn giá tiền lương và Quy chế trả lương của Tổng Công ty cổ phần Thiết bị điện Việt Nam đã được HĐQT phê duyệt. Việc thanh toán tiền lương cho người lao động được thực hiện đầy đủ, không nợ lương người lao động.
- Về các chế độ với người lao động, Tổng Công ty thực hiện đầy đủ việc đóng bảo hiểm xã hội hàng tháng cho người lao động. Tổng Công ty cũng chi trả đầy đủ cho công tác chữa bệnh nghề nghiệp, tổ chức đoàn an dưỡng, thường xuyên chăm lo công tác y tế, cấp phát thuốc cho CBCNV, trang bị bảo hộ lao động...
- Thu nhập bình quân người lao động ở mức khá so với mặt bằng chung các doanh nghiệp sản xuất kinh doanh cùng ngành cơ khí chế tạo. Năm 2015, thu nhập bình quân của người lao động Tổng Công ty là 9,8 triệu đồng/người/tháng, tăng 108,89% so với năm 2014 (9 triệu đồng/người/tháng).

10. Chính sách cổ tức

Căn cứ theo quy định của Luật doanh nghiệp, Điều lệ tổ chức và hoạt động của công ty đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua, chính sách phân phối cổ tức do Hội đồng quản trị đề nghị và Đại hội đồng cổ đông quyết định như sau:

- Công ty chỉ được chi trả cho cổ đông khi công ty kinh doanh có lãi và đã hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật.
- Cổ đông được chia cổ tức tương đương với phần vốn góp và tùy theo đặc điểm tình hình kinh doanh theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.
- Tỷ lệ cổ tức sẽ được Đại hội đồng cổ đông quyết định dựa trên đề xuất của Hội đồng quản trị, với căn cứ là kết quả hoạt động kinh doanh của năm hoạt động và phương án hoạt động kinh doanh của các năm tới.
- Tỷ lệ trả cổ tức qua các năm qua như sau:

Năm	Tỷ lệ trả cổ tức	Phê duyệt của ĐHĐCĐ
2013	12%	Nghị quyết số 07/TBĐVN/NQ-ĐHĐCĐ ngày 28/4/2014
2014	12%	Nghị quyết số 04/TBĐVN/NQ-ĐHĐCĐ ngày 24/4/2015
2015	10%	Nghị quyết số 19/TBĐVN/NQ-ĐHĐCĐ ngày 04/3/2016

Nguồn: GELEX

11. Tình hình tài chính

11.1 Các chỉ tiêu cơ bản

❖ **Báo cáo về vốn điều lệ, vốn kinh doanh và tình hình sử dụng vốn điều lệ, vốn kinh doanh**

Tổng Công ty cổ phần Thiết bị điện Việt Nam luôn sử dụng và quản lý vốn góp của cổ đông và vốn kinh doanh theo đúng các quy định của pháp luật và đúng mục đích quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng Công ty.

Theo Báo cáo tài chính hợp nhất 6 tháng đầu năm 2016 của Tổng Công ty:

- Vốn điều lệ tại thời điểm 30/6/2016: 1.550.000.000.000 đồng.
- Vốn chủ sở hữu tại thời điểm 30/6/2016: 2.943.849.599.836 đồng.

❖ **Trích khấu hao tài sản**

Tổng Công ty luôn thực hiện trích lập khấu hao tài sản theo đúng quy định của Pháp luật.

Tài sản cố định được phản ánh theo nguyên giá và khấu hao lũy kế:

- Nguyên giá tài sản cố định được phản ánh theo giá trị thực tế.
- Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Cụ thể như sau:

Bảng 13: Thời gian khấu hao tài sản cố định

Nhóm tài sản cố định	Số năm khấu hao
Nhà cửa vật kiến trúc	20-25 năm
Máy móc thiết bị	03-07 năm

Nhóm tài sản cố định	Số năm khấu hao
Phương tiện vận tải	05-10 năm
Thiết bị văn phòng, phần mềm kế toán	03-05 năm
Tài sản cố định khác	03-05 năm
Giá trị quyền sử dụng đất	50 năm
Tài sản cố định vô hình khác	10-25 năm

Nguồn: GELEX

❖ **Mức lương bình quân:**

Thu nhập bình quân hàng tháng của người lao động tăng qua các năm.

Bảng 14: Mức lương bình quân

Chỉ tiêu	Năm 2014	Năm 2015
Mức lương bình quân (triệu VND/người/tháng)	9	9,8

Nguồn: GELEX

❖ **Thanh toán các khoản nợ đến hạn:**

Tổng Công ty luôn thực hiện tốt việc thanh toán các khoản nợ đến hạn. Tổng Công ty hoàn toàn chủ động trong kế hoạch trả nợ. Căn cứ vào báo cáo tài chính đã kiểm toán 2015, Tổng Công ty đã thanh toán đúng hạn và đầy đủ các khoản nợ.

❖ **Các khoản phải nộp theo luật định:**

Bảng 15: Số dư các khoản phải nộp theo luật định

Năm	31/12/2014 (Triệu VND)	31/12/2015 (Triệu VND)	30/6/2016 (Triệu VND)
Thuế GTGT	10.149	2.807	10.148
Thuế xuất khẩu, nhập khẩu	151	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	38.332	24.084	33.105
Thuế thu nhập cá nhân	3.501	2.270	1.146
Thuế Nhà đất, Tiền thuê đất	114	4	6
Các loại thuế khác	42	-	39
Tổng cộng	52.289	29.165	44.444

Nguồn: BCTCKT hợp nhất năm 2015 và BCTC hợp nhất soát xét 6 tháng đầu năm 2016 của GELEX

Hiện tại, Tổng Công ty đã thực hiện nghiêm túc việc nộp các khoản phải nộp theo luật định đúng quy định của Nhà nước.

❖ **Trích lập các quỹ theo luật định**

Tổng Công ty thực hiện việc trích lập và sử dụng các quỹ theo đúng quy định áp dụng cho

Công ty cổ phần và theo Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng Công ty. Mức trích lập hàng năm sẽ do Đại hội đồng cổ đông quyết định dựa trên đề xuất của Hội đồng quản trị.

Bảng 16: Số dư các quỹ tại các thời điểm

Năm	31/12/2014 (Triệu VND)	31/12/2015 (Triệu VND)	30/6/2016 (Triệu VND)
Quỹ đầu tư phát triển	107.863	123.439	208.667
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	198	47.051	77.278
Quỹ phát triển khoa học công nghệ	23.513	11.007	10.765
Quý khen thưởng phúc lợi	42.447	27.901	44.335
Tổng cộng	174.021	209.398	341.045

Nguồn: BCTCKT hợp nhất năm 2015 và BCTC hợp nhất soát xét 6 tháng đầu năm 2016 của GELEX

❖ **Tình hình công nợ hiện nay**

- Các khoản phải thu

Bảng 17: Số dư các khoản phải thu

Chi tiêu	31/12/2014	31/12/2015	30/6/2016
	(Triệu VND)	(Triệu VND)	(Triệu VND)
Các khoản phải thu ngắn hạn	1.022.896	1.006.794	1.202.705
Phải thu của khách hàng	914.122	964.049	1.173.378
Trả trước cho người bán	57.343	42.533	34.017
Phải thu về cho vay ngắn hạn	16.885	33.194	16.885
Phải thu ngắn hạn khác	85.899	12.645	15.479
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(51.630)	(46.633)	(39.025)
Tài sản thiếu chờ xử lý	277	1.006	1.971
Các khoản phải thu dài hạn	8.524	395	597
Phải thu về cho vay dài hạn	458	-	-
Phải thu dài hạn khác	8.066	395	597

Nguồn: BCTCKT hợp nhất năm 2015 và BCTC hợp nhất Quý I/2016 của GELEX

Phải thu khách hàng gồm những khoản phải thu công nợ của khách hàng mua hàng, các sản phẩm thiết bị điện của Tổng Công ty.

Phải thu về cho vay ngắn hạn là những khoản GELEX cho các đơn vị vay tiền và thu lãi.

Các khoản phải thu ngắn hạn khác bao gồm các khoản phải thu lãi suất tiền gửi, tiền cho

vay; phải thu về bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, các khoản tạm ứng, phải thu về thuế thu nhập cá nhân, kinh phí xây dựng hạ tầng, ký cược ký quỹ.

- Các khoản phải trả

Bảng 18: Số dư các khoản phải trả

Khoản mục	31/12/2014	31/12/2015	30/6/2016
	(Triệu VND)	(Triệu VND)	(Triệu VND)
Nợ ngắn hạn	2.294.253	1.800.610	1.812.822
Phải trả người bán	576.964	571.664	544.184
Người mua trả tiền trước	118.622	95.369	23.614
Thuế và các khoản phải nộp NN	52.288	29.165	44.444
Phải trả người lao động	143.748	110.252	56.857
Chi phí phải trả ngắn hạn	86.709	34.017	22.243
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	58.435	18.530	5.371
Phải trả ngắn hạn khác	331.334	365.956	305.011
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	806.250	504.114	720.022
Dự phòng phải trả ngắn hạn	77.456	43.642	46.741
Quỹ khen thưởng phúc lợi	42.447	27.901	44.335
Nợ dài hạn	113.446	123.604	162.281
Doanh thu chưa thực hiện	9.945	36.865	47.501
Phải trả dài hạn khác	7.597	8.901	6.654
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	28.381	17.213	45.104
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	529	235	3.532
Dự phòng phải trả dài hạn	43.481	49.383	48.725
Quỹ phát triển khoa học công nghệ	23.513	11.007	10.765
Tổng cộng	2.407.699	1.924.214	1.975.103

Nguồn: BCTCKT hợp nhất năm 2015 và BCTC hợp nhất soát xét 6 tháng đầu năm 2016 của GELEX

Phải trả người bán là các khoản phải trả các nhà cung cấp của công ty mẹ và các công ty con.

Chi phí phải trả là chi phí lãi vay, trích trước chi phí vận chuyển, thuê kho, phí bảo vệ, tiền ăn ca, trích trước lãi ký quỹ và các khoản chiết khấu, chi phí hoa hồng, phí bán quyền của hợp đồng Lixang AVK, chi phí thuê đất tại số 16 Nguyễn Biểu, Quận 5, TP Hồ Chí Minh của CTCP Dây cáp điện Việt Nam, trích trước chi phí khuyến mại...

- Chi tiết doanh thu chưa thực hiện

Bảng 19: Chi tiết doanh thu chưa thực hiện

Chỉ tiêu	31/12/2014 (Triệu VND)	31/12/2015 (Triệu VND)	30/6/2016 (Triệu VND)
Ngắn hạn	58.435	18.530	24.186
Doanh thu nhận trước cho thuê văn phòng, tài sản	872	1.368	1.359
Doanh thu nhận trước từ tiền thu học phí	2.768	2.245	3.484
Các khoản doanh thu chưa thực hiện khác	54.795	14.917	19.343
Dài hạn	9.946	36.865	47.779
Doanh thu nhận trước cho thuê văn phòng	9.946	36.865	47.779

Nguồn: BCTCKT hợp nhất năm 2015 và BCTC hợp nhất soát xét 6 tháng đầu năm 2016 của GELEX

- Chi tiết các khoản vay của Tổng Công ty đến thời điểm 31/12/2015 và 30/6/2016

Bảng 20: Chi tiết các khoản vay của Tổng Công ty đến thời điểm 31/12/2015 và thời điểm 30/6/2016

Đối tượng cho vay	Số tiền vay (Triệu VND) 31/12/2015	Số tiền vay (Triệu VND) 30/6/2016
Vay và nợ ngắn hạn	504.114	720.023
Vay ngắn hạn ngân hàng	478.083	700.056
Vay ngắn hạn cá nhân	11.843	12.873
Vay dài hạn đến hạn trả công ty đầu tư tài chính nhà nước	14.188	7.094
Vay và nợ dài hạn	17.213	45.104
Vay dài hạn công ty đầu tư tài chính nhà nước	14.193	21.287
Vay dài hạn ngân hàng	3.020	30.911
Nợ đến hạn trả	-	(7.094)
Tổng cộng	521.327	765.127

Nguồn: BCTCKT hợp nhất năm 2015 và BCTC hợp nhất soát xét 6 tháng đầu năm 2016 của

❖ Các khoản đầu tư tài chính

Bảng 21: Các khoản đầu tư tài chính

STT	Khoản mục	31/12/2014 (Triệu VND)	31/12/2015 (Triệu VND)	30/6/2016 (Triệu VND)
I	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	271.326	448.434	571.155
	Tiền gửi có kỳ hạn	271.326	448.434	341.155
	Các khoản đầu tư khác	-	-	230.000
II	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	457.090	646.379	656.048
1	Đầu tư vào công ty liên doanh liên kết	449.133	638.871	647.964
2	Góp vốn vào các đơn vị khác	8.492	8.492	8.492
3	Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	(535)	(984)	(408)
	Tổng cộng	728.416	1.094.813	1.227.203

Nguồn: BCTCKT hợp nhất năm 2015 và BCTC hợp nhất soát xét 6 tháng đầu năm 2016 của GELEX

❖ Hàng tồn kho

Bảng 22: Chi tiết hàng tồn kho

Chỉ tiêu	31/12/2014 (Triệu VND)	31/12/2015 (Triệu VND)	30/6/2016 (Triệu VND)
Hàng mua đang đi đường	17.093	6.301	-
Nguyên liệu, vật liệu	363.508	318.564	346.014
Công cụ dụng cụ	5.022	3.437	3.913
Chi phí SXKD dở dang	169.909	112.003	110.600
Thành phẩm	665.122	596.464	420.278
Hàng hóa	152.214	44.288	40.836
Hàng gửi đi bán	14.733	13.415	20.016
Tổng cộng	1.387.601	1.094.472	941.657

Nguồn: BCTCKT hợp nhất năm 2015 và BCTC hợp nhất soát xét 6 tháng đầu năm 2016 của GELEX

❖ **Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Bảng 23: Chi tiết chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chỉ tiêu	31/12/2014	31/12/2015	30/6/2016
	(Triệu VND)	(Triệu VND)	(Triệu VND)
Xây dựng cơ bản dở dang	314.157	40.276	20.457
Xây dựng văn phòng Khách sạn tại số 10 Trần Nguyên Hãn	4.138	4.138	4.138
Xây dựng trụ sở làm việc Tổng Công ty tại 52 Lê Đại Hành	297.305	4.526	3.111
Dự án Nhà máy cáp điện và xưởng sản xuất dây điện tử tại Tân Phú Trung của CTCP Dây cáp điện Việt Nam	5.684	7.797	11.727
Dự án Nhà máy cáp điện Cadivi Miền Trung	2.144	369	-
Dự án xây dựng nhà xưởng sản xuất và văn phòng KCN Đại Đồng, Hoàn Sơn, Tiên Du, Bắc Ninh	260	16.142	-
Dự án đầu tư sản xuất MBA Amorphous	-	5.243	-
Công trình khác	4.626	2.061	1.481
Mua sắm tài sản cố định	21.773	3.883	138.313
Chi phí mua đất Khu đô thị An Phú - An Khánh	15.100	-	-
Dây chuyền máy kéo đại	3.400	-	-
Phần mềm ERP	2.872	3.287	3.287
Quyền sử dụng đất 799 Kinh Dương Vương	-	-	110.880
Mua sắm máy móc thiết bị tại CTP Dây cáp điện VN	-	-	20.370
Các tài sản khác	401	596	3.776
Sửa chữa lớn tài sản cố định	1.640	715	6.271
Sửa chữa lớn, nâng cao máy móc tại CTCP Dây cáp điện Việt Nam	1.640	623	2.389
Sửa chữa lớn tài sản cố định khác	-	92	3.882

Nguồn: BCTCKT hợp nhất năm 2015 và BCTC hợp nhất soát xét 6 tháng đầu năm 2016 của GELEX

11.2 Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Bảng 24: Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu của Công ty mẹ

Các chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2014	Năm 2015
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	2,86	3,69
Hệ số thanh toán nhanh	Lần	2,62	3,23
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
Hệ số Nợ/Tổng tài sản	Lần	0,22	0,17
Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	Lần	0,26	0,20
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
Vòng quay hàng tồn kho	Lần	12,12	10,20
Doanh thu thuần/Tổng tài sản	Lần	0,63	0,57
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	18,11%	18,49%
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	%	13,82%	12,77%
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	%	11,45%	10,61%
Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	%	24,14%	20,97%
Thu nhập trên cổ phần (EPS)	đồng/cổ phần	1.495,4	1.615,9

Nguồn: BCTCKT Công ty mẹ năm 2015 của GELEX

Bảng 25: Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu của Tổng Công ty hợp nhất

Các chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2014	Năm 2015
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	1,51	1,72
Hệ số thanh toán nhanh	Lần	0,91	1,11
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
Hệ số Nợ/Tổng tài sản	Lần	0,47	0,39
Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	Lần	0,88	0,64
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
Vòng quay hàng tồn kho	Lần	5,58	5,86
Doanh thu thuần/Tổng tài sản	Lần	1,70	1,70
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	5,13%	5,44%
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	%	16,37%	15,23%
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	%	8,71%	9,27%
Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	%	6,92%	6,82%
Thu nhập trên cổ phần (EPS)	đồng/cổ phần	1.964,0	1.981,3

Nguồn: BCTCKT hợp nhất năm 2015 của GELEX

12. Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, Ban kiểm soát, Kế toán trưởng

STT	Họ và tên	Chức vụ	Ngày sinh	Số CMND	Ghi chú
Hội đồng quản trị					
1	Nguyễn Hoa Cường	Chủ tịch HĐQT	17/03/1961	011796281	
2	Nguyễn Trọng Tiểu	Thành viên HĐQT	20/11/1959	010414290	
3	Nguyễn Văn Tuấn	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	06/03/1984	035084000878	
4	Nguyễn Thị Bích Ngọc	Thành viên HĐQT	18/12/1957	011667423	
5	Võ Anh Linh	Thành viên HĐQT	05/09/1980	013569589	
Ban Kiểm soát					
1	Nguyễn Thị Thanh Yến	Trưởng BKS	08/11/1976	011828444	
2	Phạm Thế Ngọc	Thành viên BKS	20/03/1975	013108433	
Ban Tổng Giám đốc					
1	Nguyễn Văn Tuấn	Tổng Giám đốc	06/03/1984	035084000878	
Kế toán trưởng					
1	Phạm Tuấn Anh	Kế toán trưởng	03/11/1976	011828871	

Sơ yếu lý lịch Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban kiểm soát, Kế toán trưởng

▪ Ông Nguyễn Hoa Cường - Chủ tịch HĐQT, thành viên không điều hành

Giới tính: Nam
 Ngày tháng năm sinh: 17/03/1961
 CMND: 011796281 cấp ngày 06/06/2007 tại Hà Nội
 Quốc tịch: Việt Nam
 Dân tộc: Kinh
 Địa chỉ thường trú: 30 Trần Quốc Toàn, Hàng Bài, Hoàn Kiếm, Hà Nội
 Trình độ văn hóa: 12/12
 Trình độ chuyên môn: Kỹ sư chế tạo máy, Thạc sỹ Quản trị kinh doanh
 Quá trình công tác:
 - 1/1985 – 6/1991 *Kỹ sư cơ khí – Phòng Công nghệ - Nhà máy chế tạo Điện cơ Hà Nội*
 - 6/1991 – 8/1996 *Phó phòng – Phòng Công nghệ - Nhà máy chế tạo Điện cơ Hà Nội*
 - 8/1996 – 2010 *Phó Tổng giám đốc Công ty Liên doanh S.A.S-CTAMAD*
 - 2003 – 2008 *Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Cơ điện Hà Nội*

- 2006 – 2009 Ủy viên HĐQT Công ty TNHH Nhà nước MTV Chế tạo điện cơ Hà Nội
- 2007 – nay Phó chủ tịch HĐQT Công ty Liên doanh S.A.S-CTAMAD
- 2008 – 2011 Ủy viên HĐQT CTCP Kinh doanh vật tư THIBIDI
- 2009 – 2012 Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Khí cụ điện I VINAKIP
- 2009 – 2011 Ủy viên HĐQT CTCP Chế tạo Điện cơ Hà Nội
- 1/2007 – 6/2010 Ủy viên thường trực HĐQT Tổng Công ty Thiết bị điện Việt Nam
- 7/2010 – 11/2010 Chủ tịch Hội đồng quản trị Tổng Công ty Thiết bị điện Việt Nam
- 11/2010 – nay Chủ tịch HĐQT Tổng Công ty cổ phần Thiết bị điện Việt Nam
- 1/2010 – 2014 Bí thư Đảng ủy Công ty cổ phần Chế tạo Điện cơ Hà Nội
- 2011 – nay Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Chế tạo Điện cơ Hà Nội
- 2012 – nay Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Dây cáp điện Việt Nam
- 2014 – nay Bí thư Đảng ủy Tổng Công ty cổ phần thiết bị điện Việt Nam

Chức vụ hiện nay

Chủ tịch HĐQT của GELEX

Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác:

Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần dây cáp điện Việt Nam
 Chủ tịch HĐQT CTCP Chế tạo Điện cơ Hà Nội
 Phó Chủ tịch Công ty Liên doanh S.A.S-CTAMAD

Hành vi vi phạm pháp luật:

Không

Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty:

Không

Các khoản nợ đối với Công ty:

Không

Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ:

0 cổ phiếu, chiếm 0% vốn điều lệ

Trong đó:

+ Sở hữu cá nhân:

0 cổ phiếu, chiếm 0% vốn điều lệ

+ Được ủy quyền đại diện:

0 cổ phiếu, chiếm 0% vốn điều lệ

Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ của những người liên quan:

Họ và tên	Mối quan hệ	Số lượng CP nắm giữ	Tỷ lệ nắm giữ (%)
Nguyễn Bích Hà	Con gái	50.000	0,032%

- Ông Nguyễn Trọng Tiểu – Thành viên HĐQT

Giới tính: Nam

Ngày tháng năm sinh: 20/11/1959

CMND: 010414290 cấp ngày 15/8/2003 tại Hà Nội

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Địa chỉ thường trú: Số 2 Công Đục, phường Hàng Mã, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

Điện thoại: 010414290

Trình độ văn hóa: 12/12

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư điện, Cử nhân kinh tế

Quá trình công tác:

- 01/1983 – 9/1985 Kỹ sư thiết kế Phòng Thiết kế, Công ty Chế tạo điện cơ Hà Nội
- 9/1985 – 11/1987 Nhập ngũ, sỹ quan thuộc Tiểu đoàn 2, Lữ đoàn 596 Bộ Tư lệnh thông tin liên lạc
- 12/1987 – 2/1989 Kỹ sư Thiết kế Phòng Thiết kế Công ty Chế tạo điện cơ Hà Nội
- 3/1989 – 7/1990 Học Tiếng Anh tại Trường Bồi dưỡng nghiệp vụ Bộ Cơ khí Luyện Kim
- 7/1990 - 12/1992 Phó Phòng Thiết kế, Công ty chế tạo điện cơ Hà Nội
- 12/1992 – 4/2000 Trưởng phòng Kinh doanh Công ty chế tạo Điện cơ Hà Nội
- 4/2000 – 4/2005 Phó Giám đốc Công ty Chế tạo Điện cơ Hà Nội
- 4/2005 – 6/2009 Giám đốc Công ty Chế tạo Điện cơ Hà Nội
- 7/2005 – 3/2007 Phó Bí thư Đảng ủy Công ty Chế tạo điện cơ Hà nội
- 3/2007 – 12/2009 Bí thư Đảng ủy Công ty Chế tạo Điện cơ Hà Nội
- 7/2009 – 12/2009 Tổng Giám đốc Công ty CP Chế tạo Điện cơ Hà Nội
- 01/2010 – 06/2010 Phó Tổng Giám đốc Tổng Công ty Thiết bị điện Việt Nam
- 07/2010 – 11/2010 Tổng Giám đốc Tổng Công ty Thiết bị điện Việt Nam
- 12/2010 – nay Tổng Giám đốc Công ty CP Thiết bị điện Việt Nam
- 11/2010 – nay Ủy viên HĐQT Tổng Công ty CP Thiết bị điện Việt Nam
- 9/2009 – 5/2010 Ủy viên Ban chấp hành Đảng ủy Khối Công nghiệp Hà Nội
- 1995 – nay Ủy viên HĐQT Công ty Liên doanh S.A.S - CTAMAD
- 2009 – nay Ủy viên HĐQT Công ty cổ phần Chế tạo Điện cơ Hà Nội
- 7/2015 – nay Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Thiết bị điện

- 5/2010 – 8/2015

Ủy viên Thường vụ Đảng ủy Khối Công nghiệp Hà Nội

Chức vụ hiện nay:

Thành viên HĐQT

Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác:

Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Thiết bị điện
 Ủy viên HĐQT CTCP Chế tạo Điện cơ Hà Nội
 Ủy viên HĐQT Công ty Liên doanh S.A.S - CTAMAD

Hành vi vi phạm pháp luật:

Không

Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty:

Không

Các khoản nợ đối với Công ty:

Không

Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ:

31.000 cổ phiếu, chiếm 0,02% vốn điều lệ

Trong đó:+ *Sở hữu cá nhân:*

31.000 cổ phiếu, chiếm 0,02% vốn điều lệ

+ *Được ủy quyền đại diện:*

0 cổ phiếu, chiếm 0% vốn điều lệ

Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ của những người liên quan: Không

▪ **Bà Nguyễn Thị Bích Ngọc – Thành viên HĐQT độc lập**

Giới tính:

Nữ

Ngày tháng năm sinh:

18/12/1957

CMND:

011667423 cấp ngày 9/12/2004 tại Hà Nội

Quốc tịch:

Việt Nam

Dân tộc:

Kinh

Địa chỉ thường trú:

Số 16 Thế Giao, Phường Lê Đại Hành, Hai Bà Trưng, Hà Nội

Trình độ văn hóa:

12/12

Trình độ chuyên môn:

Cử nhân Hoá VLXD, Thạc sỹ Quản trị kinh doanh

Quá trình công tác:

- 1980 – 1994

Giảng viên Đại học Kiến trúc Hà Nội

- 1994 – 2004

Phó Tổng Giám đốc Công ty cổ phần bất động sản TÔGI

- 2004 – 2008

Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc CTCP Đầu tư Phát triển Hạ tầng Hoàng Thành

- 2008 – nay

Chủ tịch HĐQT CTCP Đầu tư và Phát triển Hoàng Thành

Thành viên HĐQT Công ty TNHH Capitalland - Hoàng Thành

- 2008 – 2013

Chủ tịch HĐQT Công ty CP Phát triển Đô thị Quốc tế

- 2006 – 2013

Tổng Giám đốc CTCP Trần Hưng Đạo

- 2013 – nay

Chủ tịch HĐQT CTCP Trần Hưng Đạo

- 2010 – nay Thành viên HĐQT Tổng Công ty CP thiết bị điện Việt Nam

Chức vụ hiện nay: Thành viên HĐQT độc lập

Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Chủ tịch HĐQT CTCP Trần Hưng Đạo
 Chủ tịch HĐQT CTCP Đầu tư và Phát triển Hạ tầng Hoàng Thành
 Thành viên HĐQT Công ty TNHH Capitalland – Hoàng Thành

Hành vi vi phạm pháp luật: Không

Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: Không

Các khoản nợ đối với Công ty: Không

Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ: 0 cổ phiếu, chiếm 0% vốn điều lệ

Trong đó:

+ *Sở hữu cá nhân:* 0 cổ phiếu, chiếm 0% vốn điều lệ

+ *Được ủy quyền đại diện:* 0 cổ phiếu, chiếm 0% vốn điều lệ

Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ của những người liên quan: Không

▪ **Ông Nguyễn Văn Tuấn - Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc**

Giới tính: Nam

Ngày tháng năm sinh: 06/03/1984

CMND: 035084000878, Ngày cấp 26/04/2016, Nơi cấp: Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Địa chỉ thường trú: 45 Lô 4 - Hồ Atake - Phường Thanh Lương – Hai Bà Trưng – Hà Nội

Trình độ văn hóa: 12/12

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Thương mại Quốc tế, Cử nhân Tài chính – Ngân hàng

Quá trình công tác:

- 12/2013 – nay Phó Chủ tịch HĐQT – Công ty CP Hạ tầng Fecon

- 07/8/2014 – 23/5/2016 Phó Chủ tịch HĐQT – Công ty CP Chứng khoán IB

- 08/7/2014 – 24/5/2016 Chủ tịch HĐQT – Công ty CP Quản lý quỹ IB

- 03/2016 – nay Chủ tịch HĐQT – Công ty CP Đường sông Miền Nam

- 21/04/2016 – nay Chủ tịch HĐQT – Công ty CP Kho vận Miền Nam

- 16/07/2016 – nay Thành viên HĐQT – Tổng Công ty CP Thiết bị điện Việt Nam

- 6/9/2016 - nay Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Tổng Công ty

CP Thiết bị điện Việt Nam

Chức vụ hiện nay: Thành viên Hội đồng Quản trị kiêm Tổng Giám đốc

Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Phó Chủ tịch HĐQT – Công ty CP Hạ tầng Fecon

Chủ tịch HĐQT Công ty CP Đường sông Miền Nam

Chủ tịch HĐQT Công ty CP Kho vận Miền Nam

Hành vi vi phạm pháp luật: Không

Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: Không

Các khoản nợ đối với Công ty: Không

Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ: 0 cổ phiếu, chiếm 0% vốn điều lệ

Trong đó:

+ Sở hữu cá nhân: 0 cổ phiếu, chiếm 0% vốn điều lệ

+ Được ủy quyền đại diện: 0 cổ phiếu, chiếm 0% vốn điều lệ

Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ của những người liên quan: Không

▪ Ông Võ Anh Linh - Thành viên HĐQT

Giới tính: Nam

Ngày tháng năm sinh: 05/09/1980

CMND: 013569589, Ngày cấp 19/07/2012, nơi cấp: Công an thành phố Hà Nội

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Địa chỉ thường trú: Số nhà 24, ngõ 84, Chùa Láng, Đống Đa, Hà Nội

Trình độ văn hóa: 12/12

Trình độ chuyên môn: Cử nhân kế toán và CNTT, Thạc sỹ Tài chính ngân hàng

Quá trình công tác:

- 2004 – 2007 Tư vấn viên cao cấp – Deloitte Việt Nam
- 2007 – 2015 Phó trưởng ban đầu tư kinh doanh phụ trách đầu tư trái phiếu và cổ phiếu – Tổng Công ty Đầu tư và kinh doanh vốn Nhà nước
- 2015 – nay Chủ tịch HĐQT – Công ty cổ phần Đầu tư và Xây dựng bưu điện
- 3/2016 – nay Thành viên Hội đồng quản trị - Tổng Công ty cổ phần Thiết bị điện Việt Nam

Chức vụ hiện nay: Thành viên Hội đồng Quản trị

Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Chủ tịch HĐQT – Công ty cổ phần Đầu tư và Xây dựng bưu điện

Hành vi vi phạm pháp luật: Không

Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty:

Các khoản nợ đối với Công ty:

Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ: 0 cổ phiếu, chiếm 0% vốn điều lệ

Trong đó:

- + Sở hữu cá nhân: 0 cổ phiếu, chiếm 0% vốn điều lệ
- + Được ủy quyền đại diện: 0 cổ phiếu, chiếm 0% vốn điều lệ

Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ của những người liên quan:

Họ và tên	Mối quan hệ	Số lượng CP nắm giữ	Tỷ lệ nắm giữ (%)
Phạm Thị Thu Hà	Vợ	2.420.000	1,56
Công ty CP Đầu tư và Xây dựng bưu điện	Chủ tịch	3.168.800	2,04

▪ **Bà Nguyễn Thị Thanh Yên – Trưởng Ban kiểm soát**

- Giới tính: Nữ
- Ngày tháng năm sinh: 08/11/1976
- CMND: 011828444 do Công an Hà Nội cấp ngày 25/6/2008
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Địa chỉ thường trú: Số 102 Tổ 39 Hào Nam – Đống Đa - Hà Nội
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế - Đại học Thương Mại
- Quá trình công tác:
- 4/2001 – 4/2009 Kế toán viên – Công ty chế tạo điện cơ Hà Nội
 - 4/2009 – 12/2009 Phó phòng Tài chính – kế toán – Công ty TNHH NN MTV Chế tạo Điện cơ Hà Nội
 - 01/2010 – 8/2010 Trưởng phòng Tổ chức – Công ty cổ phần Chế tạo Điện cơ Hà Nội
 - 8/2010 – 5/2015 Phó phòng Tài chính – Kế toán – CTCP Chế tạo Điện cơ

	Hà Nội
- 11/2010 – 03/2016	Trưởng Ban kiểm soát – Tổng Công ty cổ phần Thiết bị Điện Việt Nam
- 03/2016 – nay	Thành viên Ban kiểm soát – Tổng Công ty cổ phần Thiết bị điện Việt Nam
- 06/2012 – nay	Phó chủ tịch Công đoàn – CTCP Chế tạo Điện cơ Hà Nội
- 04/2014- nay	Ủy viên HĐQT – CTCP Chế tạo Điện cơ Hà Nội
- 06/2015 – nay	Kế toán trưởng – CTCP Chế tạo Điện cơ Hà Nội
Chức vụ hiện nay:	Thành viên Ban kiểm soát
Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác:	Ủy viên HĐQT CTCP Chế tạo Điện cơ Hà Nội Kế toán trưởng CTCP Chế tạo Điện cơ Hà Nội
Hành vi vi phạm pháp luật:	Không
Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty:	Không
Các khoản nợ đối với Công ty:	Không
Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ:	0 cổ phiếu, chiếm 0% vốn điều lệ
<i>Trong đó:</i>	
+ Sở hữu cá nhân:	0 cổ phiếu, chiếm 0% vốn điều lệ
+ Được ủy quyền đại diện:	0 cổ phiếu, chiếm 0% vốn điều lệ
Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ của những người liên quan:	Không

▪ **Ông Phạm Thế Ngọc - Thành viên Ban Kiểm soát**

Giới tính:	Nam
Ngày tháng năm sinh:	20/03/1975
CMND:	013108433, ngày cấp: 26/08/2008, nơi cấp: Công an thành phố Hà Nội
Quốc tịch:	Việt Nam
Dân tộc:	Kinh
Địa chỉ thường trú:	Số nhà 16, 95/65, Tổ 25, phường Lĩnh Nam, quận Hoàng Mai, Hà Nội
Trình độ văn hóa:	12/12
Trình độ chuyên môn:	Kỹ sư công nghệ CTM, Kỹ sư Điện tử viễn thông, Kỹ sư Quản trị kinh doanh
Quá trình công tác:	
- 07/2002 đến nay	Kỹ thuật viên , Phó trưởng phòng, Trưởng phòng – Phòng Kỹ Thuật – Tổng Công ty cổ phần Thiết bị điện Việt Nam
- 06/2007 đến 06/2012	Phó Bí thư đoàn Thanh niên - Đoàn Thanh niên Cơ Quan Tổng Công ty CP Thiết bị điện Việt Nam

- 12/2009 đến 04/2014 UVBCH Công đoàn khóa XI - Công đoàn Cơ quan Tổng Công ty CP Thiết bị điện Việt Nam
- 06/2010 đến nay UVBCH Đảng ủy khóa I, II - Tổng Công ty CP Thiết bị điện Việt Nam
- 03/2016 đến nay Thành viên Ban kiểm soát – Tổng Công ty CP Thiết bị điện Việt Nam

Chức vụ hiện nay: Thành viên Ban kiểm soát

Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không

Hành vi vi phạm pháp luật: Không

Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: Không

Các khoản nợ đối với Công ty: Không

Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ: 700 cổ phiếu, chiếm 0,00045% vốn điều lệ

Trong đó:

+ *Sở hữu cá nhân:* 700 cổ phiếu, chiếm 0,00045% vốn điều lệ

+ *Được ủy quyền đại diện:* 0 cổ phiếu, chiếm 0% vốn điều lệ

Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ của những người liên quan: Không

▪ **Ông Phạm Tuấn Anh – Kế toán trưởng**

Giới tính: Nam

Ngày tháng năm sinh: 03/11/1976

CMND: 011828871, ngày cấp: 03/12/2001, nơi cấp: Công an thành phố Hà Nội

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Địa chỉ thường trú: Số 12 Ngõ 810 Đê La Thành - Ba Đình - Hà Nội

Trình độ văn hóa: 12/12

Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế

Quá trình công tác:

- 02/1999-03/2005 Nhân viên Phòng Tài chính – Kế toán Công ty Chế tạo điện cơ Hà Nội
- 04/2005-08/2010 Phó Phòng Tài chính – Kế toán Công ty Chế tạo điện cơ Hà Nội
- 09/2010-10/2010 Phó Phòng Tài chính – Kế toán Tổng Công ty Thiết bị điện Việt Nam
- 11/2010-10/2011 Phó Phòng Tài chính – Kế toán Tổng Công ty cổ phần Thiết bị điện Việt Nam
- 11/2011-nay Kế toán trưởng Tổng Công ty cổ phần Thiết bị điện Việt

Nam
 Chức vụ hiện nay: Kế toán trưởng
 Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Sản xuất và Thương mại EMIC
 Ủy viên HĐQT Công ty cổ phần Chế tạo máy điện Việt Nam – Hungari
 Ủy viên HĐQT Công ty cổ phần Thiết bị điện
 Hành vi vi phạm pháp luật: Không

Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty: Không

Các khoản nợ đối với Công ty: Không

Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ: 1.300 cổ phiếu, chiếm 0,001% vốn điều lệ

Trong đó:

+ Sở hữu cá nhân: 1.300 cổ phiếu, chiếm 0,001% vốn điều lệ

+ Được ủy quyền đại diện: 0 cổ phiếu, chiếm 0% vốn điều lệ

Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ của những người liên quan: Không

13. Tài sản

Giá trị tài sản theo báo cáo tài chính kiểm toán tại thời điểm 31/12/2015 và 30/6/2016 như sau:

Bảng 26: Tình hình tài sản tính đến thời điểm 31/12/2015

Tài sản	Nguyên giá (Triệu VND)	Giá trị hao mòn (Triệu VND)	Giá trị còn lại (Triệu VND)
Tài sản cố định hữu hình	1.715.524	790.384	925.140
Nhà cửa, vật kiến trúc	754.585	248.449	506.136
Máy móc, thiết bị	763.869	460.546	303.323
Phương tiện vận tải	94.296	59.367	34.928
Thiết bị, dụng cụ quản lý	102.774	22.022	80.753
Tài sản cố định khác	-	-	-
Tài sản cố định vô hình	68.820	11.989	56.831
Giá trị quyền sử dụng đất	58.907	7.852	51.055

Tài sản	Nguyên giá (Triệu VND)	Giá trị hao mòn (Triệu VND)	Giá trị còn lại (Triệu VND)
Phần mềm máy tính	7.264	2.752	4.512
Tài sản cố định vô hình khác	2.649	1.385	1.264

Nguồn: BCTC kiểm toán hợp nhất năm 2015 của GELEX

Bảng 27: Tình hình tài sản tính đến thời điểm 30/6/2016

Tài sản	Nguyên giá (Triệu VND)	Giá trị hao mòn (Triệu VND)	Giá trị còn lại (Triệu VND)
Tài sản cố định hữu hình	1,550,183	707,912	842,271
Nhà cửa, vật kiến trúc	693,248	223,896	469,352
Máy móc, thiết bị	674,854	410,910	263,944
Phương tiện vận tải	79,567	48,673	30,894
Thiết bị, dụng cụ quản lý	102,514	24,433	78,081
Tài sản cố định vô hình	55,620	9,594	46,026
Giá trị quyền sử dụng đất	54,116	8,348	45,768
Phần mềm máy tính	1,260	1,234	26
Bản quyền bằng sáng chế	244	12	232

Nguồn: BCTC hợp nhất soát xét 6 tháng đầu năm 2016 của GELEX

(*) Giải trình về chênh lệch số dư cổ phiếu quỹ trên báo cáo tài chính hợp nhất năm 2014 và 2015: Số dư của chỉ tiêu “Cổ phiếu quỹ” – Mã số 414 trên Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2014 (trên báo cáo tài chính hợp nhất năm 2014) và tại ngày 01/01/2015 (trên báo cáo tài chính hợp nhất năm 2015) có sự chênh lệch cụ thể như sau:

Chỉ tiêu	Mã số	Tại ngày 31/12/2014 (Báo cáo tài chính hợp nhất 2014)	Tại ngày 01/01/2015 (Báo cáo tài chính hợp nhất 2015)	Chênh lệch
Cổ phiếu quỹ	414	5.025.000.000	7.125.000.000	2.100.000.000

Giá trị chênh lệch 2.100.000.000 đồng nêu trên là giá trị của 200.000 cổ phiếu Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị điện Việt Nam (Công ty mẹ) do Công ty con gián tiếp là Công ty cổ phần Kinh doanh Vật tư Thibidi nắm giữ tại thời điểm 31/12/2014. Trên báo cáo tài chính năm 2014 của Công ty Cổ phần Kinh doanh Vật tư Thibidi đang trình bày giá trị khoản đầu tư này tại chỉ tiêu “Đầu tư dài hạn khác” – Mã số 258 trên bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2014.

Năm 2014, Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị Điện Việt Nam được lập theo hướng dẫn tại thông tư số 161/2007/TT-BTC ngày 31/12/2007 nhưng văn bản này chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xử lý khi Công ty con đầu tư ngược lại Công ty mẹ nên giá trị cổ phiếu của Công ty mẹ do Công ty con gián tiếp đầu tư vẫn được trình bày là khoản đầu tư tài chính dài hạn trên Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2014.

Năm 2015, Bộ Tài chính đã ban hành thông tư số 202/2014/TT-BTC hướng dẫn Phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015 thì trường hợp công ty con đầu tư ngược lại công ty mẹ được quy định tại khoản 3 điều 17 thông tư này như sau: “*Đối với các công ty con không bị hạn chế bởi pháp luật khi mua lại cổ phiếu của công ty mẹ, kế toán phải trình bày giá trị ghi sổ khoản cổ phiếu công ty con mua của công ty mẹ trong chỉ tiêu “Cổ phiếu quỹ” của Bảng cân đối kế toán hợp nhất. Căn cứ vào Bảng cân đối kế toán của công ty con, kế toán ghi giảm giá trị số cổ phiếu của công ty mẹ đang được nắm giữ bởi công ty con (đang phản ánh tại các chỉ tiêu liên quan)*”.

Do đó khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2015 của Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị điện Việt Nam, giá trị cổ phiếu Công ty mẹ do Công ty con gián tiếp nắm giữ đã được trình bày trên chỉ tiêu “Cổ phiếu quỹ” của Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 01/01/2015 dẫn tới chỉ tiêu này có chênh lệch so với báo cáo tài chính hợp nhất năm 2014 đã được kiểm toán.

14. Kế hoạch sản xuất kinh doanh, lợi nhuận và cổ tức trong những năm tiếp theo

Kế hoạch sản xuất kinh doanh, lợi nhuận và cổ tức giai đoạn 2016- 2017

Bảng 28: Kế hoạch sản xuất kinh doanh, lợi nhuận và cổ tức giai đoạn 2016 - 2017

Chi tiêu	Năm 2016		Năm 2017	
	Kế hoạch (triệu VND)	% tăng giảm so với năm 2015	Kế hoạch (triệu VND)	% tăng giảm so với năm 2016
Vốn điều lệ (*)	2.322.500	149,84%	2.822.500	121,53%
Doanh thu thuần	12.353.277	147,37%	14.430.460	116,81%
Lợi nhuận trước thuế	1.418.674	246,98%	1.248.615	88,01%
Lợi nhuận sau thuế	1.168.610	256,28%	1.043.721	89,31%
Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	763.880	237,89%	722.816	94,62%
Tỷ suất Lợi nhuận sau thuế/Vốn điều lệ	50,32%		36,98%	
Tỷ suất Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	9,46%		7,23%	
Tỷ suất Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu (**)	50,32%		36,98%	
Cổ tức	10%		10%	

Nguồn: GELEX

Kế hoạch sản xuất kinh doanh, lợi nhuận và cổ tức năm 2016, năm 2017 trên đây được Tổng Công ty lập trên cơ sở hợp nhất kết quả kinh doanh với các công ty con. Kế hoạch này chưa được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016, Đại hội đồng cổ đông đã thông qua các chỉ tiêu kế hoạch cơ bản của cơ quan Tổng Công ty tại Nghị quyết số 19/TBĐVN/NQ-ĐHĐCĐ ngày 04/3/2016.

() Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2016 số 27/TBĐVN/NQ-ĐHĐCĐ ngày 01/8/2016 đã thông qua phương án phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu để tăng vốn điều lệ từ 1.550.000.000.000 đồng lên 2.322.500.000.000 đồng thông qua việc phát hành 77.250.000 cổ phần cho cổ đông hiện hữu với giá chào bán là 18.000 đồng/cổ phần.*

*(**) Kế hoạch hàng năm không xây dựng kế hoạch vốn chủ sở hữu nên Chỉ tiêu này được tính trên Vốn điều lệ*

Trong 6 tháng đầu năm 2016, Tổng doanh thu của Tổng Công ty đạt hơn 3.600 tỷ đồng đạt hơn 29% kế hoạch Doanh thu năm đặt ra. Lợi nhuận 6 tháng đầu năm 2016 của Công ty đạt hơn 307 tỷ đồng đạt hơn 26% kế hoạch lợi nhuận năm 2016.

Căn cứ để đạt được kế hoạch sản xuất kinh doanh, lợi nhuận và cổ tức năm 2016

Trên cơ sở kế hoạch đặt ra, Tổng Công ty đưa ra các giải pháp để đạt được kế hoạch đặt ra như sau:

❖ Đầu tư mở rộng ngành sản xuất:

- Đầu tư để mở rộng các sản phẩm có tiềm năng như công tơ điện tử và hệ thống thu thập, truyền dữ liệu, đồng thời phát triển sản xuất kinh doanh các sản phẩm thiết bị điện trung áp và cao áp;
- Đầu tư khai thác lợi thế vị trí đất đai mà Tổng Công ty hiện có để mang lại hiệu quả cho sản xuất kinh doanh

❖ Kinh doanh, phát triển thị trường và thương hiệu:

- Phát triển thị trường công tơ điện tử để công tơ điện tử thông minh trở thành sản phẩm chủ lực của Tổng Công ty;
- Duy trì ổn định thị trường máy biến dòng, biến áp trung thế khô, đồng thời mở rộng năng lực sản xuất, mở rộng thị trường máy biến dòng, máy biến áp trung thế dầu và biến dòng hạ thế;
- Linh hoạt trong chính sách bán hàng nhằm mở rộng thị trường cho các sản phẩm thiết bị điện, thể hiện năng lực sản xuất, chất lượng, độ tin cậy của sản phẩm và dịch vụ, tạo năng lực cạnh tranh thực sự trên thị trường;
- Tiếp tục xây dựng quảng bá thương hiệu GELEX trở thành thương hiệu quốc tế.

❖ Nghiên cứu phát triển sản phẩm mới, hoàn thiện sản phẩm hiện có:

- Bám sát quy hoạch định hướng phát triển ngành điện để lựa chọn đầu tư phát triển các sản phẩm có tiềm năng tiêu thụ trên thị trường và phù hợp với năng lực sản xuất của Tổng Công ty
- Tiếp tục nghiên cứu hoàn thiện thiết kế các dòng sản phẩm công tơ điện tử, đáp ứng nhu cầu thay đổi của các công ty điện lực;
- Đưa ra hệ thống thu thập dữ liệu để đủ điều kiện đáp ứng sự phát triển lưới điện thông minh của EVN cho trước mắt và lâu dài.

❖ Công tác tổ chức lại sản xuất

- Cơ cấu sản xuất năm 2016 biến động lớn vì vậy Tổng Công ty khẩn trương quy hoạch lại và cải tạo mặt bằng sản xuất phù hợp theo hướng thu hẹp mặt bằng sản xuất công tơ cơ khí, cải tạo một phần mặt bằng đó để mở rộng sản xuất công tơ điện tử, máy biến dòng, biến áp trung thế dầu và máy biến dòng hạ thế;
- Sắp xếp mô hình tổ chức các xưởng sản xuất phù hợp với cơ cấu sản phẩm sản xuất năm 2016 và các năm tiếp theo
- Chú trọng công tác đào tạo lại, chuyển đổi nghề cho người lao động. Sắp xếp sử dụng lực lượng lao động hiện có phù hợp với tình hình sản xuất năm 2016.

❖ Các công tác khác

- Sử dụng vốn linh hoạt và hiệu quả cho mọi mặt hoạt động.
- Tiếp tục tuyển dụng lao động chất lượng cao.
- Quản lý, kiểm soát tốt và tiết kiệm chi phí sản xuất.

15. Đánh giá của tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức

Với tư cách là một tổ chức tư vấn tài chính chuyên nghiệp, Công ty Cổ phần Chứng khoán MB đã tiến hành thu thập các thông tin; nghiên cứu, phân tích và đánh giá một cách cẩn trọng và hợp lý về hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty Cổ phần thiết bị điện Việt Nam. Căn cứ trên năng lực hiện tại và triển vọng phát triển trong tương lai, nếu không có những biến động bất thường gây ảnh hưởng đến hoạt động của doanh nghiệp, thì kế hoạch lợi nhuận mà Tổng Công ty đã đề ra trong những năm tới là phù hợp, kế hoạch trả cổ tức cho cổ đông của Tổng Công ty trong năm 2016, 2017 có thể được thực hiện.

Chúng tôi xin lưu ý rằng, các ý kiến nhận xét nêu trên được đưa ra dưới góc độ đánh giá của một tổ chức tư vấn, căn cứ vào những thông tin được thu thập có chọn lọc và dựa trên lý thuyết về tài chính - chứng khoán mà không hàm ý bảo đảm giá trị của chứng khoán cũng như tính chắc chắn của những số liệu được dự báo. Những nhận xét nêu trên chỉ mang tính tham khảo với nhà đầu tư. Nhà đầu tư cần tự mình phân tích và đưa ra các quyết định đầu tư phù hợp với mục đích, chiến lược đầu tư của mình.

16. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của tổ chức chào bán

Tổng Công ty cam kết thực hiện niêm yết bổ sung cổ phiếu phát hành thêm trong vòng 30 ngày sau khi hoàn thành đợt chào bán.

17. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới Tổng Công ty mà có thể ảnh hưởng đến giá cả cổ phiếu chào bán

Không có.

V. Cổ phiếu chào bán

1. Loại cổ phiếu

Cổ phiếu phổ thông

2. Mệnh giá

10.000 đồng/cổ phần

3. Tổng số cổ phiếu dự kiến chào bán

- Số lượng cổ phần phát hành: 77.250.000 cổ phần

- Đối tượng phát hành: Toàn bộ các cổ đông hiện hữu của Tổng Công ty có tên trong Danh sách tại thời điểm chốt danh sách để thực hiện quyền
- Tỷ lệ thực hiện: Tỷ lệ thực hiện quyền mua cổ phần là 2:1 (cổ đông sở hữu 1 cổ phần tương ứng với 1 quyền, 2 quyền được mua 1 cổ phần mới)
- Phương án làm tròn và Phương án xử lý số cổ phiếu lẻ, cổ phiếu từ chối mua:

Theo ủy quyền của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị đã thông qua phương án làm tròn và phương án xử lý số cổ phiếu lẻ, cổ phiếu từ chối mua tại Nghị quyết số 37/TBĐVN-HĐQT ngày 26/9/2016, cụ thể như sau:

- Đối với cổ phần lẻ phát sinh (nếu có) khi thực hiện quyền, để đảm bảo không vượt quá tổng số lượng cổ phần chào bán, số lượng cổ phần mà cổ đông sở hữu quyền được mua sẽ được làm tròn xuống đến hàng đơn vị.
- Số lượng cổ phần mà cổ đông hiện hữu được mua nhưng từ chối mua toàn bộ hoặc một phần; số cổ phần lẻ phát sinh (nếu có); và số lượng cổ phần chưa phát hành hết (sau khi phân phối cho cổ đông hiện hữu và xử lý cổ phần lẻ) so với tổng số lượng cổ phần đăng ký phát hành, được phân phối lại cho các đối tượng khác với giá bán bằng giá chào bán cho cổ đông hiện hữu là 18.000 (Mười tám nghìn) đồng/cổ phần.
- Số lượng cổ phần mà cổ đông hiện hữu được mua nhưng từ chối mua nêu trên khi chào bán cho đối tượng khác theo quyết định của HĐQT sẽ bị hạn chế chuyển nhượng trong vòng 01 năm kể từ ngày hoàn thành đợt chào bán.
- Số lượng cổ phần lẻ phát sinh do làm tròn được tự do chuyển nhượng.

Tổng Công ty cam kết tuân thủ việc xử lý cổ phiếu không phân phối hết theo quy định tại Khoản 7 Điều 1 Nghị định số 60/2015/NĐ-CP ngày 26/6/2015 và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông bất thường số 27/TBĐVN/NQ-ĐHĐCĐ ngày 01/08/2016.

- Xử lý trong trường hợp không chào bán hết số cổ phiếu đăng ký phát hành: Trong trường hợp kết thúc thời gian chào bán theo quy định, Tổng Công ty không chào bán hết số lượng cổ phần như đăng ký, số tiền thu được từ đợt phát hành không đủ theo đúng dự kiến, để thực hiện những mục đích đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua, tùy tình hình thực tế, ĐHĐCĐ ủy quyền cho HĐQT thực hiện các giải pháp như sau:
 - Xin gia hạn đợt chào bán để tiếp tục chào bán nốt số cổ phiếu còn lại;
 - Tiến hành bổ sung nguồn vốn còn thiếu thông qua vay ngân hàng theo các Hợp đồng tín dụng...

4. Giá chào bán dự kiến

18.000 đồng/cổ phần

5. Phương pháp tính giá

- Nguyên tắc xác định giá phát hành được dựa trên cơ sở giá trị sổ sách, giá thị trường và đánh giá mức độ pha loãng cổ phần dự kiến sau khi phát hành.
- Giá trị sổ sách: Tại thời điểm 31/12/2015

$$\begin{aligned}
 \text{Giá trị sổ sách trên mỗi cổ phần} &= \frac{\text{Vốn chủ sở hữu} - \text{Lợi ích cổ đông không kiểm soát}}{\text{Số lượng cổ phần đã phát hành} - \text{Số lượng Cổ phiếu quỹ}} \\
 &= \frac{2.981.559.990.574 - 455.332.932.118}{} = 16.351
 \end{aligned}$$

155.000.000 – 500.000

đồng/cổ
phần

- Giá thị trường của cổ phiếu GEX tại thời điểm cuối ngày 30/06/2016 là: 24.500 đồng/cổ phần
- Giá pha loãng của cổ phiếu GEX:

Tại thời điểm chốt danh sách thực hiện quyền mua cổ phiếu phát hành thêm, giá thị trường của cổ phiếu Tổng Công ty sẽ được điều chỉnh theo công thức sau:

$$\begin{aligned}
 Ppl &= \frac{Pt + Pr1 * I1}{1 + I1} \\
 &= \frac{25.000 + [18.000 * (1/2)]}{1 + 1/2} = 22.667 \text{ đồng/cổ phần}
 \end{aligned}$$

Trong đó:

- ✓ Ppl: là giá cổ phiếu pha loãng;
- ✓ Pt: 25.000 đồng/cổ phần (Giá thị trường giả định của cổ phiếu tại ngày phát hành);
- ✓ Pr1: 18.000 đồng/cổ phần (Giá phát hành cho cổ đông hiện hữu);
- ✓ I1: 1/2 (Tỷ lệ tăng vốn đối với việc phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu, tỷ lệ tăng vốn này được tính = 77.250.000 cổ phần phát hành thêm cho cổ đông hiện hữu/154.500.000 cổ phần đang lưu hành).

Đợt phát hành cổ phiếu của Tổng Công ty được chào bán cho cổ đông hiện hữu. Căn cứ vào tình hình thị trường chứng khoán, nhu cầu sử dụng vốn, giá trị thị trường, giá trị sổ sách của cổ phiếu, cũng như trên cơ sở phân tích mức độ pha loãng giá, ĐHĐCĐ quyết định giá chào bán cổ phần cho cổ đông hiện hữu là 18.000 đồng/cổ phần.

6. Phương thức phân phối

- Đối với các cổ đông đã lưu ký chứng khoán: Phân phối thông qua các thành viên lưu ký.
- Đối với các cổ đông chưa lưu ký chứng khoán: Phân phối tại trụ sở Tổng Công ty cổ phần Thiết bị điện Việt nam.

Thời điểm cụ thể chốt danh sách cổ đông được quyền mua cổ phiếu phát hành thêm sẽ được Tổng Công ty công bố tới tất cả các cổ đông trong vòng 07 ngày kể từ ngày Tổng Công ty nhận được Giấy chứng nhận đăng ký chào bán cổ phiếu ra công chúng của Ủy ban chứng khoán Nhà nước.

7. Thời gian phân phối cổ phiếu

Việc phân phối cổ phần chào bán thêm dự kiến sẽ được tiến hành tối đa trong vòng 90 ngày kể từ ngày Giấy chứng nhận đăng ký chào bán có hiệu lực. Thời gian phát hành dự kiến là Quý III/2016 – Quý IV/2016.

Bảng 29: Lịch trình phân phối cổ phiếu

STT	Nội dung công việc	Thời gian
-----	--------------------	-----------

STT	Nội dung công việc	Thời gian
1	Nhận được cấp phép chào bán chứng khoán ra công chúng.	D
2	Xác định ngày lập Danh sách sở hữu cuối cùng và thông báo chốt danh sách cổ đông với Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam (VSD) và Sở Giao dịch Chứng Hà Nội để triển khai.	D + 5
3	Công bố thông tin về đợt chào bán trên báo điện tử hoặc báo viết trong 03 số liên tiếp.	D đến D +7
4	Ngày giao dịch không hưởng quyền.	D + 10
5	Ngày đăng ký cuối cùng.	D + 12
6	Phối hợp cùng VSD phân bổ và thông báo danh sách phân bổ quyền mua cổ phiếu đến các thành viên lưu ký và các cổ đông chưa lưu ký chứng khoán.	D + 18 đến D + 24
7	Các cổ đông hiện hữu tiến hành đăng ký, chuyển nhượng quyền và nộp tiền mua cổ phần	D + 25 đến D + 45
8	Thành viên lưu ký (TVLK) tổng hợp việc thực hiện quyền của cổ đông hiện hữu và chuyển về cho VSD.	D + 52
9	VSD gửi danh sách cổ đông thực hiện quyền mua và chuyển tiền vào tài khoản phong tỏa	D + 54
10	Báo cáo kết quả chào bán cổ phiếu với UBCKNN; Nộp Hồ sơ đăng ký lưu ký bổ sung và đăng ký niêm yết bổ sung	D + 57
11	Nhận giấy phép lưu ký bổ sung và đăng ký niêm yết bổ sung	D + 67
12	Công bố báo chí về việc niêm yết bổ sung	D + 67
13	Trao trả giấy chứng nhận sở hữu cổ phần cho các cổ đông chưa lưu ký	D + 58 đến D + 68
14	Cổ phiếu được chào bán thêm chính thức giao dịch	D + 70

8. Đăng ký mua cổ phiếu:

- Thời hạn đăng ký mua cổ phiếu:

Thời gian đăng ký mua cổ phiếu sẽ phụ thuộc vào thời gian phân phối cổ phiếu. Tổng Công ty cổ phần Thiết bị điện Việt Nam sẽ thông báo thời gian đăng ký cụ thể trong Bản thông báo phát hành và đảm bảo thời hạn đăng ký mua chứng khoán cho nhà đầu tư tối thiểu là 20 (hai mươi) ngày theo đúng quy định.

- Số lượng cổ phiếu đăng ký mua:

Là số lượng cổ phiếu được quyền mua theo tỷ lệ hoặc/và số lượng cổ phiếu từ việc nhận chuyển nhượng quyền mua hoặc/và số cổ phiếu lẻ còn lại do làm tròn số và số cổ phiếu không bán hết được HĐQT quyết định phân phối tiếp.

- Phương thức thanh toán:

Cổ đông đăng ký và nộp tiền hoặc chuyển khoản tiền mua cổ phiếu phát hành thêm tại thành viên lưu ký nơi cổ đông mở tài khoản (đối với cổ đông đã lưu ký) và tại trụ sở Tổng Công ty cổ phần Thiết bị điện Việt Nam (đối với cổ đông chưa lưu ký).

▪ **Chuyển giao cổ phiếu:**

Toàn bộ số lượng cổ phần phát hành cho cổ đông hiện hữu sau khi thực hiện báo cáo kết quả chào bán cho UBCK, sẽ được đăng ký giao dịch bổ sung tại HNX và đăng ký lưu ký bổ sung tại VSD.

▪ **Quyền lợi của người mua cổ phiếu:**

Cổ phiếu phát hành trong đợt phát hành thêm là cổ phiếu phổ thông, không bị hạn chế chuyển nhượng.

▪ **Số lượng cổ phiếu đặt mua tối thiểu:**

Không giới hạn số lượng cổ phiếu đặt mua tối thiểu.

▪ **Cách thức xử lý trong trường hợp số lượng cổ phiếu đăng ký mua không đạt mức tối thiểu:**

Trong trường hợp đợt chào bán không huy động đủ số tiền tối thiểu cho các dự án theo kế hoạch, để đảm bảo việc thực hiện dự án, Tổng Công ty sẽ có phương án xử lý như sau:

Sử dụng nguồn lợi nhuận sau thuế giữ lại, hoặc các nguồn khác để đảm bảo đủ nguồn vốn đối ứng, phần còn lại sẽ vay ngân hàng dùng tài sản thế chấp là tài sản hình thành từ nguồn vốn vay và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hợp pháp, hợp lệ của Tổng Công ty cổ phần Thiết bị điện Việt Nam hoặc của bên thứ 3 để thế chấp vay vốn bổ sung cho dự án.

9. Phương thức thực hiện quyền

▪ **Điều kiện thực hiện quyền**

Các cổ đông hiện hữu có tên trong Danh sách người sở hữu cuối cùng tại ngày chốt danh sách phân bổ quyền mua.

▪ **Thời gian thực hiện quyền**

Theo thời gian nêu trong lịch trình dự kiến tại mục V.7

▪ **Phương thức thanh toán quyền mua cổ phần**

✓ Đối với cổ đông đã lưu ký cổ phần: việc đăng ký mua cổ phần, thanh toán tiền mua và chuyển giao cổ phần được thực hiện tại các thành viên lưu ký nơi cổ đông mở tài khoản.

✓ Đối với cổ đông chưa lưu ký: việc đăng ký mua cổ phần, chuyển nhượng quyền mua cổ phần, thanh toán tiền mua và chuyển giao cổ phần được thực hiện tại trụ sở Tổng Công ty cổ phần Thiết bị điện Việt Nam.

▪ **Chuyển giao cổ phiếu**

Trong vòng 30 ngày sau khi hoàn tất đợt phát hành, Tổng Công ty cổ phần Thiết bị điện Việt Nam sẽ chuyển giao Giấy chứng nhận sở hữu cổ phần cho các cổ đông chưa lưu ký tại Trụ sở chính của Tổng Công ty cổ phần Thiết bị điện Việt Nam.

▪ **Quyền lợi người mua cổ phiếu**

Cổ đông hiện hữu được quyền mua cổ phiếu có quyền từ chối quyền mua hoặc chuyển nhượng quyền mua của mình trong thời gian quy định tại Mục V.7. Các cổ đông có quyền chuyển nhượng quyền mua cổ phần của mình (nhưng chỉ được chuyển nhượng một lần – không chuyển nhượng cho người thứ ba) cho người khác theo giá thỏa thuận giữa bên chuyển nhượng và bên nhận chuyển nhượng. Bên chuyển nhượng và Bên nhận chuyển nhượng tự thỏa thuận mức giá chuyển nhượng và thanh toán tiền chuyển nhượng quyền.

10. Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài

Giới hạn tỷ lệ nắm giữ cổ phiếu của Tổng Công ty cổ phần Thiết bị điện Việt Nam đối với

người nước ngoài sẽ được thực hiện theo các quy định pháp luật hiện hành. Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng công ty không giới hạn tỷ lệ nắm giữ cổ phiếu của người nước ngoài.

Tỷ lệ nắm giữ của người nước ngoài tuân thủ theo quy định tại Nghị định 60/2015/NĐ-CP ban hành ngày 26/6/2015 của Chính Phủ sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định 58/2012/NĐ-CP ngày 20/7/2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của luật chứng khoán và luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật chứng khoán.

Căn cứ quy định pháp luật, trên cơ sở đối chiếu các ngành nghề kinh doanh của Tổng công ty với các điều ước quốc tế về đầu tư mà Việt Nam là thành viên, Danh mục điều kiện đầu tư đối với nhà đầu tư nước ngoài trên Cổng thông tin quốc gia về đầu tư nước ngoài, Danh mục ngành nghề kinh doanh có điều kiện (quy định tại Phụ lục IV Luật Đầu tư) và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan, thì Tổng công ty có ngành nghề có giới hạn tỷ lệ sở hữu nước ngoài, cụ thể là ngành nghề kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê – mã ngành 6810.

Đối chiếu với Danh mục các ngành nghề kinh doanh có điều kiện quy định tại Phụ lục IV Luật Đầu tư, ngành nghề trên thuộc Danh mục ngành nghề kinh doanh có điều kiện. Theo quy định tại khoản 2 Điều 1 Nghị định 60/2015/NĐ-CP ban hành ngày 26/6/2015 của Chính phủ thì đối với công ty đại chúng hoạt động trong ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện áp dụng đối với nhà đầu tư nước ngoài mà chưa có quy định cụ thể về sở hữu nước ngoài, thì tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa là 49%. Do đó, tỷ lệ sở hữu nước ngoài áp dụng tại Tổng công ty tối đa là 49%.

11. Các hạn chế liên quan đến việc chuyển nhượng

- Các cổ đông có quyền chuyển nhượng quyền mua cổ phần của mình nhưng chỉ được chuyển nhượng một lần và không chuyển nhượng cho người thứ ba;
- Số lượng cổ phiếu phát hành cho cổ đông hiện hữu trong đợt này, là cổ phiếu phổ thông không bị hạn chế chuyển nhượng kể từ ngày phân phối.

12. Các loại thuế liên quan

• Thuế liên quan đến tổ chức niêm yết chứng khoán

Thuế thu nhập doanh nghiệp: Theo Nghị định số 218/2013/NĐ-CP ngày 26/12/2013 của Chính phủ “Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật thuế thu nhập doanh nghiệp”, mức thuế công ty đang áp dụng cho năm 2012 – 2015 là 22% kể từ ngày 01/01/2016 thì mức thuế được áp dụng là 20%.

Ngoài ra, Công ty kê khai và nộp các loại thuế: Thuế môn bài, thuế thuê đất, thuế Giá trị gia tăng, thuế thu nhập các nhân ... và nộp theo quy định của pháp luật.

• Thuế liên quan đến hoạt động giao dịch chứng khoán

Thông tư số 111/2013/TT-BTC ngày 15/8/2013 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn thực hiện Luật Thuế thu nhập cá nhân, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế thu nhập cá nhân và Nghị định số 65/2013/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thuế thu nhập cá nhân và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế thu nhập cá nhân thì:

- > Thu nhập tính thuế: Thu nhập tính thuế từ chuyển nhượng chứng khoán được xác định bằng giá bán chứng khoán trừ giá mua, các chi phí liên quan đến việc chuyển nhượng.
- Giá bán chứng khoán được xác định như sau:
 - + Đối với chứng khoán niêm yết: giá bán chứng khoán là giá chuyển nhượng thực tế trên thị trường chứng khoán tại thời điểm bán. Giá thị trường tại thời điểm bán là giá khớp lệnh do Sở giao dịch chứng khoán hoặc Trung tâm giao dịch chứng khoán công bố.
 - + Đối với chứng khoán của công ty đại chúng chưa niêm yết nhưng đã thực hiện đăng ký giao dịch tại Trung tâm giao dịch chứng khoán thì giá bán chứng khoán

- là giá chuyển nhượng thực tế tại Trung tâm giao dịch chứng khoán.
- + Đối với chứng khoán của các công ty không thuộc các trường hợp nêu trên thì giá bán chứng khoán là giá chuyển nhượng ghi trên hợp đồng chuyển nhượng hoặc giá theo sổ sách kế toán của đơn vị có chứng khoán được chuyển nhượng tại thời điểm bán.
 - + Trường hợp hợp đồng chuyển nhượng không quy định giá chuyển nhượng hoặc giá chuyển nhượng trên hợp đồng không phù hợp với giá thị trường thì cơ quan thuế có quyền ấn định giá chuyển nhượng theo qui định của Luật Quản lý thuế và các văn bản hướng dẫn thực hiện Luật.
 - Giá mua chứng khoán được xác định như sau:
 - + **Đối với chứng khoán niêm yết: giá mua chứng khoán là giá thực tế mua tại Sở giao dịch chứng khoán, Trung tâm giao dịch chứng khoán.**
 - + Đối với chứng khoán của công ty đại chúng chưa niêm yết nhưng đã thực hiện đăng ký giao dịch tại Trung tâm giao dịch chứng khoán thì giá mua chứng khoán là giá thực tế mua tại Trung tâm giao dịch chứng khoán.
 - + Đối với chứng khoán mua thông qua đấu giá thì giá mua là giá trúng đấu giá.
 - + Đối với chứng khoán không thuộc các trường hợp nêu trên: Giá mua chứng khoán là giá ghi trên hợp đồng chuyển nhượng hoặc giá theo sổ sách kế toán của đơn vị có chứng khoán tại thời điểm mua.
 - + Trường hợp trên hợp đồng không quy định giá mua hoặc giá mua cao hơn giá theo sổ sách kế toán của đơn vị có chứng khoán tại thời điểm mua không phù hợp với giá thị trường thì cơ quan thuế có quyền ấn định giá mua.
 - Các chi phí hợp lệ được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế đối với chuyển nhượng chứng khoán là các khoản chi phí thực tế phát sinh của hoạt động chuyển nhượng chứng khoán có hoá đơn, chứng từ theo chế độ quy định bao gồm:
 - + Chi phí để làm các thủ tục pháp lý cần thiết cho việc chuyển nhượng;
 - + Các khoản phí và lệ phí người chuyển nhượng nộp ngân sách nhà nước khi làm thủ tục chuyển nhượng;
 - + Phí lưu ký chứng khoán theo quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và chứng từ thu của công ty chứng khoán;
 - + Phí uỷ thác chứng khoán căn cứ vào chứng từ thu của đơn vị nhận uỷ thác;
 - + Các khoản chi phí khác có chứng từ chứng minh.
 - > Thuế suất và cách tính thuế: Trường hợp cá nhân chuyển nhượng chứng khoán đăng ký nộp thuế theo biểu thuế toàn phần với thuế suất là 20%. Cá nhân áp dụng thuế suất 20% đối với chuyển nhượng chứng khoán phải đáp ứng các yêu cầu sau:
 - Đăng ký phương pháp nộp thuế theo mẫu số 15/ĐK-TNCN với cơ quan thuế trực tiếp quản lý công ty chứng khoán mà cá nhân đăng ký giao dịch hoặc Chi cục Thuế nơi cá nhân cư trú. Thời hạn đăng ký được thực hiện như sau:
 - + Năm 2009: cá nhân kinh doanh chứng khoán phải đăng ký ngay từ đầu năm, thời hạn đăng ký chậm nhất là ngày 31 tháng 3 năm 2009.
 - + Từ năm 2010 trở đi cá nhân kinh doanh chứng khoán phải đăng ký chậm nhất là ngày 31 tháng 12 của năm trước.
 - Thực hiện đăng ký thuế và có mã số thuế.
 - Thực hiện chế độ kế toán hoá đơn chứng từ xác định được thu nhập tính thuế từ việc chuyển nhượng chứng khoán theo quy định.
 - Việc áp dụng thuế suất 20% phải tính trên tổng các loại chứng khoán đã giao dịch

trong năm dương lịch.

- Cách tính thuế thu nhập cá nhân phải nộp như sau:

$$\text{Thuế thu nhập cá nhân phải nộp} = \text{Thu nhập tính thuế} \times \text{Thuế suất 20\%}$$

- Cá nhân chuyển nhượng chứng khoán đã đăng ký nộp thuế theo thuế suất 20% vẫn phải tạm nộp thuế theo thuế suất 0,1% trên giá chuyển nhượng chứng khoán từng lần.
- Trường hợp cá nhân chuyển nhượng chứng khoán không đăng ký nộp thuế theo biểu thuế toàn phần với thuế suất là 20% thì áp dụng thuế suất 0,1% trên giá chuyển nhượng chứng khoán từng lần.

Cách tính thuế phải nộp như sau:

$$\text{Thuế thu nhập cá nhân phải nộp} = \text{Giá chuyển nhượng} \times \text{Thuế suất 0,1\%}$$

- Thời điểm xác định thu nhập tính thuế

Thời điểm xác định thu nhập tính thuế từ hoạt động chuyển nhượng chứng khoán được xác định như sau:

- Đối với chứng khoán niêm yết là thời điểm Trung tâm giao dịch hoặc Sở giao dịch chứng khoán công bố giá thực hiện.
- Đối với chứng khoán chưa niêm yết nhưng đã thực hiện đăng ký giao dịch tại Trung tâm giao dịch chứng khoán là thời điểm Trung tâm giao dịch công bố giá thực hiện.
- Đối với chứng khoán không thuộc trường hợp nêu trên là thời điểm hợp đồng chuyển nhượng chứng khoán có hiệu lực. Trường hợp không có hợp đồng chuyển nhượng chứng khoán thì thời điểm tính thuế là thời điểm đăng ký chuyển tên sở hữu chứng khoán.

13. Ngân hàng mở tài khoản phong tỏa nhận tiền mua cổ phiếu

Toàn bộ số tiền thu được từ đợt phát hành sẽ được chuyển vào tài khoản phong tỏa số 12210001063280 tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Thành của Tổng Công ty cổ phần Thiết bị điện Việt Nam.

VI. Mục đích chào bán theo thông tin GELEX cung cấp

1. Mục đích chào bán

- Tăng tỷ lệ sở hữu tại Công ty cổ phần Thiết bị điện thông qua việc mua cổ phần chào bán cho cổ đông chiến lược;
- Đầu tư vào ngành logistics thông qua việc tìm kiếm, thương thảo để mua cổ phần chi phối của các doanh nghiệp đang hoạt động hiệu quả trong ngành, cụ thể mua cổ phiếu Công ty cổ phần Kho vận Miền Nam.

Kế hoạch sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán:

Theo ủy quyền của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị đã thông qua kế hoạch chi tiết sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán như sau:

TT	Mục đích sử dụng vốn	Số tiền (Triệu đồng)
1	Tăng tỷ lệ sở hữu tại Công ty cổ phần Thiết bị điện thông qua việc mua cổ phần chào bán cho cổ đông chiến lược	578.200
2	Đầu tư vào ngành logistics thông qua việc tìm kiếm, thương thảo để	812.300

TT	Mục đích sử dụng vốn	Số tiền (Triệu đồng)
	mua cổ phần chi phối của các doanh nghiệp đang hoạt động hiệu quả trong ngành, cụ thể mua cổ phiếu Công ty cổ phần Kho vận Miền Nam	
	Tổng cộng	1.390.500

2. Phương án thực hiện

2.1. Thông tin về Công ty cổ phần Thiết bị điện (THIBIDI)

- Tên tổ chức phát hành: Công ty Cổ phần Thiết bị điện
- Địa chỉ: Khu công nghiệp Biên Hòa 1, Đường số 09, TP Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai
- Điện thoại: (84-61) 383 6139 - 383 6140 - 383 6897
- Fax: (84-61) 383 6070
- Website: www.thibidi.com
- Vốn điều lệ: 180.000.000.000 đồng
- Ngành nghề kinh doanh:
 - Thiết kế, chế tạo các loại máy biến thế điện, động cơ điện, các loại máy móc thiết bị điện cao áp, hạ áp và phụ tùng;
 - Bán buôn các loại máy biến thế điện, động cơ điện, các loại máy móc thiết bị điện cao áp, hạ áp và phụ tùng;
 - Kinh doanh, xuất nhập khẩu các loại vật tư, thiết bị điện cao áp, hạ áp;
 - Lắp đặt thiết bị điện cao áp, hạ áp;
 - Thi công lắp đặt các công trình thiết bị điện;
 - Thiết kế các công trình thiết bị điện;
 - Bán lẻ các loại máy biến thế điện, động cơ điện, các loại máy móc thiết bị điện cao áp, hạ áp và phụ tùng;
 - Dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng thiết bị điện cao áp, hạ áp;
 - Cho thuê văn phòng.
- Kết quả kinh doanh hợp nhất trong 03 năm gần nhất

Chỉ tiêu	Năm 2013 (triệu VND)	Năm 2014 (triệu VND)	Năm 2015 (triệu VND)
Tổng tài sản	821.489	966.158	1.105.327
Vốn điều lệ	120.000	120.000	180.000
Doanh thu thuần	1.592.033	1.834.265	2.125.397
Lợi nhuận thuần từ HĐKD	104.857	137.583	228.131
Lợi nhuận trước thuế	105.841	137.805	228.491
Lợi nhuận sau thuế	72.870	102.643	182.397
Cổ tức (% Mệnh giá)	25%	25%	40%

- Mục tiêu của việc mua cổ phần:
 - Bổ sung nguồn vốn để Thibidi mở rộng sản xuất, duy trì tốc độ tăng trưởng tối thiểu 10%/năm trong 3 năm tới;
 - Tăng tỷ lệ sở hữu chi phối Thibidi, đơn vị mạnh và được xác định là chủ lực của Tổng Công ty trong lĩnh vực sản xuất máy biến thế. Từ đó giúp THIBIDI ổn định để phát triển ngành thiết bị điện thông qua việc Tổng Công ty sẽ chủ động hơn

trong việc hỗ trợ THIBIDI về nhân sự cao cấp; nguồn tài chính và đảm bảo tài chính; hoạch định chiến lược phát triển; định hướng phát triển, đầu tư trang thiết bị công nghệ; hỗ trợ về quan hệ với đối tác, khách hàng, cơ quan quản lý.

- Với việc tăng vốn điều lệ của THIBIDI và sự gia tăng tỷ lệ sở hữu cổ phần THIBIDI của Tổng Công ty, dự kiến kế hoạch kinh doanh của THIBIDI trong giai đoạn 2016 – 2018 như sau:

Chỉ tiêu	Năm 2016 (triệu VND)	Năm 2017 (triệu VND)	Năm 2018 (triệu VND)
Vốn điều lệ	488.000	488.000	488.000
Doanh thu thuần	2.300.000	2.530.000	2.800.000
Lợi nhuận trước thuế	210.000	250.000	300.000
Lợi nhuận sau thuế	168.000	200.000	240.000
Cổ tức (% trên mệnh giá)	25%	25%	25%

- Kế hoạch mua cổ phần
 - Số lượng cổ phần nắm giữ hiện tại: 7.819.264 cổ phần (chiếm 43,44% Vốn điều lệ THIBIDI)
 - Số lượng cổ phần dự kiến mua: 23.600.000 cổ phần
 - Số lượng cổ phần nắm giữ dự kiến sau khi mua: 34.546.969 cổ phần (bao gồm 23.600.000 cổ phần mua thêm nêu trên và 3.127.705 cổ phần Tổng Công ty được hưởng thông qua việc THIBIDI phát hành tăng vốn từ nguồn vốn chủ sở hữu), chiếm 70,79% Vốn điều lệ THIBIDI sau khi THIBIDI thực hiện thành công phương án phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ theo Nghị quyết ĐHCĐ số 07/TBĐ/NQ – ĐHCĐ ngày 27/06/2016.
 - Loại cổ phần phát hành: Cổ phần phổ thông, hạn chế chuyển nhượng trong vòng 05 năm kể từ ngày hoàn thành đợt phát hành
 - Mệnh giá phát hành: 10.000 đồng/cổ phần
 - Giá phát hành: 24.500 đồng/cổ phần
 - Phương thức thực hiện mua cổ phần: Mua cổ phần phát hành cho cổ đông chiến lược theo Phương án phát hành tăng vốn điều lệ đã được ĐHCĐ thông qua
 - Thời gian thực hiện dự kiến: Quý IV/2016
 - Tổng số tiền để mua cổ phần: 578,2 tỷ đồng

2.2. Thông tin về Công ty cổ phần Kho vận Miền Nam (Sotrans)

- Tên tổ chức phát hành: Công ty cổ phần Kho vận Miền Nam
- Địa chỉ: Số 1B Hoàng Diệu, phường 13, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh
- Điện thoại: (84-8) 3826 6594
- Fax: (84-8) 3826 6593
- Website: www.sotrans.com.vn

- **Vốn điều lệ:** 275.606.980.000 đồng (Tại thời điểm GELEX thông qua Phương án phát hành này, CTCP Kho vận Miền Nam đang tiến hành thủ tục tăng vốn điều lệ lên 854,382 tỷ đồng, dự kiến STG sẽ hoàn thành đợt tăng vốn trong Quý III/2016)
- **Mã chứng khoán:** STG
- **Sàn niêm yết:** HOSE
- **Đại diện theo pháp luật:** Ông Đặng Vũ Thành - Tổng Giám đốc
- **Chủ tịch HĐQT:** Ông Nguyễn Văn Tuấn
- **Ngành nghề kinh doanh chính:**
 - Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa; kinh doanh kho, bãi, cảng, nhà xưởng, văn phòng làm việc;
 - Xếp dỡ, giao nhận hàng hóa, dịch vụ đại lý vận tải bằng đường hàng không, đường biển, đường bộ, đường sắt, vận tải đa phương thức;
 - Đại lý tàu biển, môi giới hàng hải, dịch vụ logistics, dịch vụ hải quan, dịch vụ phát chuyển nhanh; kinh doanh kho ngoại quan CFS (gom, phát hàng lẻ), ICD (cảng thông quan nội địa), trung tâm phân phối (logistics center), dịch vụ kinh doanh hàng quá cảnh và chuyển tải hàng hóa;
 - Đại lý kinh doanh xăng dầu, mua bán dầu nhớt, hóa chất (trừ hóa chất có tính độc hại mạnh);
 - Mua bán, sửa chữa tân trang các loại thùng phi sắt – nhựa, mua bán vật tư, thiết bị vận tải kho hàng.
- **Các công ty con và công ty dự kiến mua cổ phần chi phối**

Sotrans hiện đang sở hữu 51% vốn điều lệ của Công ty cổ phần Thương mại và Tiếp vận Bảo Tín (Bảo Tín), và đang thực hiện việc mua cổ phần để sở hữu ở mức 75% vốn điều lệ của Tổng Công ty cổ phần Đường sông miền Nam (Sowatco - mã CK: SWC) và 75% vốn điều lệ của Công ty cổ phần Vận tải Đa phương thức (Vietranstimex – mã CK: VTX). Các doanh nghiệp này giúp hoàn thiện chuỗi logistics của Sotrans, giúp Sotrans có thể cung cấp chuỗi dịch vụ logistics với nhiều giá trị cho khách hàng, bao gồm các dịch vụ điều phối, dịch vụ vận tải, dịch vụ kho bãi, dịch vụ cảng biển. Thông tin về các đơn vị này được trình bày tại Đề án tái cấu trúc Tổng Công ty.
- **Kết quả kinh doanh trong 03 năm gần nhất của các công ty con và công ty dự kiến mua cổ phần chi phối:**
 - **Tổng Công ty cổ phần Đường sông miền Nam**

Đơn vị: 1.000 đồng

Chỉ tiêu	Năm 2013	Năm 2014	Năm 2015
Tổng tài sản	1.311.295.454	1.104.017.032	1.123.682.285
Vốn chủ sở hữu	904.567.800	926.427.758	973.258.850
Vốn điều lệ	671.000.000	671.000.000	671.000.000
Doanh thu thuần	1.023.605.630	489.928.198	216.048.425
Lợi nhuận thuần	40.628.589	29.556.520	70.675.105
Lợi nhuận sau thuế	37.221.379	45.508.341	67.051.999

Nguồn: Báo cáo tài chính hợp nhất đã kiểm toán của Sowatco năm 2014, 2015

- Công ty cổ phần Vận tải Đa phương thức

Đơn vị: 1.000 đồng

Chỉ tiêu	Năm 2013	Năm 2014	Năm 2015
Tổng tài sản	508.442.292	385.264.432	346.540.056
Vốn chủ sở hữu	229.761.506	234.041.724	238.001.920
Vốn điều lệ	209.723.210	209.723.210	209.723.210
Doanh thu thuần	378.448.159	488.714.099	580.411.232
Lợi nhuận thuần	-9.011.891	-20.073.565	17.698.055
Lợi nhuận sau thuế	1.158.326	6.882.073	18.280.488

Nguồn: Báo cáo tài chính đã kiểm toán của VTX năm 2014, 2015

- Công ty cổ phần Thương mại và Tiếp vận Bảo Tín

Đơn vị: đồng

Chỉ tiêu	Năm 2015
Tổng tài sản	21.641.788.601
Vốn chủ sở hữu	14.087.561.394
Vốn điều lệ thực góp	890.000.000
Vốn điều lệ theo đăng ký	14.080.000.000
Vốn điều lệ đăng ký thay đổi tại 14/4/2016	28.740.000.000
Doanh thu thuần	59.042.690.398
Lợi nhuận thuần	13.197.561.394
Lợi nhuận sau thuế	13.197.561.394

Nguồn: Báo cáo tài chính của CTCPTM và Tiếp Vận Quốc Tế Bảo Tín năm 2015

- Kết quả kinh doanh hợp nhất 3 năm gần nhất của Công ty cổ phần Kho vận miền Nam

Đơn vị: 1.000 đồng

Chỉ tiêu	Năm 2013	Năm 2014	Năm 2015
Tổng tài sản	187.517.781	256.243.027	672.011.394
Vốn chủ sở hữu	135.783.880	153.180.381	179.359.814
Vốn điều lệ	83.518.570	83.518.570	137.803.490
Doanh thu thuần	661.257.037	872.723.744	1.010.596.638
Lợi nhuận thuần	30.966.697	34.356.439	36.265.524
Lợi nhuận sau thuế	24.061.425	28.064.995	25.599.454

Nguồn: Báo cáo tài chính hợp nhất đã kiểm toán của Sotrans năm 2014, 2015

- Kế hoạch kinh doanh hợp nhất dự kiến của Công ty cổ phần Kho vận miền Nam sau khi hoàn tất việc mua cổ phần của Sowatco và Vietransimex

Đơn vị: 1.000 đồng

Chỉ tiêu	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018
----------	----------	----------	----------

Vốn điều lệ	854.381.620	854.381.620	854.381.620
Doanh thu thuần	2.122.918.781	3.161.119.032	3.742.734.591
Lợi nhuận thuần	696.442.052	345.283.944	441.642.111
Lợi nhuận trước thuế	756.442.052	345.283.944	441.642.111
Lợi nhuận sau thuế hợp nhất	612.227.942	294.460.619	379.434.180
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông Công ty mẹ	470.241.151	243.113.001	316.034.451

- Mục tiêu của việc mua cổ phần
 - Nhanh chóng mở rộng hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty sang lĩnh vực logistic thông qua việc mua lại cổ phần đến mức chi phối của các doanh nghiệp có tiềm năng phát triển tốt, có khả năng cung cấp chuỗi dịch vụ khép kín, có hệ thống kho bãi cầu cảng tại các khu vực trọng điểm kinh tế của đất nước;

- Kế hoạch mua cổ phần
 - Số lượng cổ phần nắm giữ hiện tại: 0 cổ phần
 - Tỷ lệ sở hữu dự kiến sau khi mua: tỷ lệ sở hữu chi phối
 - Loại cổ phần mua: Cổ phần phổ thông, tự do chuyển nhượng
 - Mệnh giá phát hành: 10.000 đồng/cổ phần
 - Giá mua dự kiến: Căn cứ vào định giá của 2 đơn vị tư vấn độc lập. ĐHĐCĐ ủy quyền cho Hội đồng quản trị lựa chọn 2 đơn vị tư vấn xác định giá cổ phần STG, trong số các Công ty chứng khoán sau:
 - Công ty cổ phần Chứng khoán Sài Gòn (SSI);
 - Công ty cổ phần Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HSC);
 - Công ty cổ phần Chứng khoán MB (MBS);
 - Công ty TNHH Chứng khoán NH TMCP Ngoại thương Việt nam (VCBS);
 - Công ty cổ phần Chứng khoán Bảo Việt.
 - ĐHĐCĐ ủy quyền cho Hội đồng quản trị căn cứ trên kết quả xác định giá của các đơn vị tư vấn để quyết định mức giá mua cổ phần STG trên cơ sở phù hợp với quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán, và mang lại lợi ích cao nhất cho cổ đông và Tổng Công ty.
 - Phương thức thực hiện mua cổ phần: Theo quy định của Pháp luật và Điều lệ, quy định của Tổng Công ty.
 - Thời gian thực hiện dự kiến: Quý IV/2016.

VII. Các đối tác liên quan tới việc chào bán**Tổ chức tư vấn**

Công ty cổ phần Chứng khoán MB

Điện thoại : (84-4) 3726 2600 Fax: (84-4) 3726 2601
Địa chỉ : 3 Liễu Giai, Ba Đình, Hà Nội
Website : www.mbs.com.vn
Bloomberg : MBSV<GO>

Tổ chức kiểm toán

Báo cáo Kiểm toán năm 2014, 2015 được kiểm toán bởi:

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC

Địa chỉ : Số 01 Lê Phụng Hiểu, Hoàn Kiếm, Hà Nội.
Số Điện thoại: (84.4) 3824 1990 Fax: (84.4) 3825 3973

Ý kiến của tổ chức tư vấn về đợt chào bán

Theo đánh giá của tổ chức tư vấn, Tổng Công ty cổ phần Thiết bị điện Việt Nam là một trong những doanh nghiệp hàng đầu tại Việt Nam về sản xuất thiết bị điện. Trong tình hình nền kinh tế có những biến động mạnh, Tổng Công ty cổ phần Thiết bị điện Việt Nam vẫn hoạt động ổn định và đạt được một số kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh nhất định.

Với định hướng phát triển, bám sát mục tiêu phát triển các ngành kinh tế quốc dân, đặc biệt ngành năng lượng, dựa trên lợi thế hiện có của Tổng Công ty cổ phần thiết bị điện Việt Nam để đưa Tổng Công ty trở thành một trong những nhà sản xuất kinh doanh thiết bị điện hàng đầu Việt Nam và khu vực, Công ty tập trung đầu tư mở rộng sản xuất để phát triển thiết bị đo điện phục vụ Dự án lưới điện thông minh đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt và Tập đoàn Điện lực Việt Nam đang tiếp tục triển khai, tập trung đầu tư công nghệ, thiết bị công nghệ nhằm sản xuất các sản phẩm tiết kiệm năng lượng như máy biến áp siêu giảm tổn thất, động cơ điện hiệu suất cao... gắn với chương trình tiết kiệm năng lượng quốc gia và bảo vệ môi trường...

Định hướng của Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị điện Việt Nam đưa ra được đánh giá là phù hợp với định hướng phát triển của ngành, của nền kinh tế và đáp ứng được các yêu cầu định hướng phát triển trong chính sách của Nhà nước về tiết kiệm năng lượng quốc gia, môi trường...

Phương án chào bán chứng khoán ra công chúng đã được đại hội đồng cổ đông của Công ty thông qua với tỷ lệ nhất trí cao.

Phụ lục

1. Phụ lục 1: Bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh;
2. Phụ lục 2: Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty;
3. Phụ lục 3: Nghị quyết, Biên bản Đại hội đồng cổ đông thông qua phương án phát hành, phương án sử dụng vốn;
4. Phụ lục 4: Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2014, năm 2015 và Báo cáo tài chính soát xét bán niên 2016 (Hợp nhất và công ty mẹ);
5. Phụ lục 5 : Và các tài liệu khác.

IX. Ngày tháng, chữ ký, đóng dấu của đại diện tổ chức phát hành, tổ chức tư vấn

Hà Nội, ngày 29 tháng 09 năm 2016

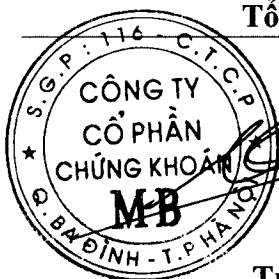
Đại diện tổ chức tư vấn**Đại diện tổ chức đăng ký chào bán**

Công ty cổ phần Chứng khoán MB

Tổng Công ty CP Thiết bị Điện Việt Nam

Tổng Giám đốc

Chủ tịch HĐQT



Trần Hải Hà



Nguyễn Hoa Cương

Tổng Giám đốc

Nguyễn Văn Tuấn

Trưởng Ban kiểm soát

Nguyễn Thị Thanh Yên

Kế toán trưởng

Phạm Tuấn Anh



**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP
CÔNG TY CỔ PHẦN**

Mã số doanh nghiệp: 0100100512

Đăng ký lần đầu: ngày 01 tháng 12 năm 2010

Đăng ký thay đổi lần thứ: 5, ngày 06 tháng 09 năm 2016

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: **TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAM**

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: **VIET NAM ELECTRICAL EQUIPMENT JOINT STOCK CORPORATION**

Tên công ty viết tắt: **GELEX**

2. Địa chỉ trụ sở chính

Số 52, phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: **04.38257979**

Fax: **04.38260735**

Email: **gelex@gelex.vn**

Website: **www.gelex.vn**

3. Vốn điều lệ

Vốn điều lệ: **1.550.000.000.000 đồng**

Bằng chữ: Một nghìn năm trăm năm mươi tỷ đồng

Mệnh giá cổ phần: **10.000 đồng**

Tổng số cổ phần: **155.000.000**

4. Người đại diện theo pháp luật của công ty

* Họ và tên: **NGUYỄN VĂN TUẤN**

Giới tính: *Nam*

Chức danh: **Tổng giám đốc**

Sinh ngày: **06/03/1984**

Dân tộc: *Kinh*

Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Thẻ căn cước công dân*

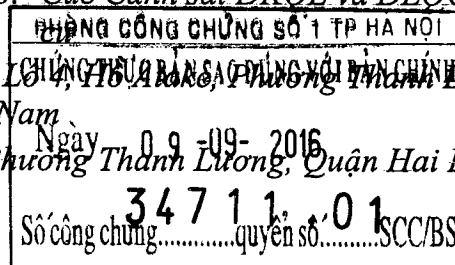
Số giấy chứng thực cá nhân: **035084000878**

Ngày cấp: **26/04/2016**

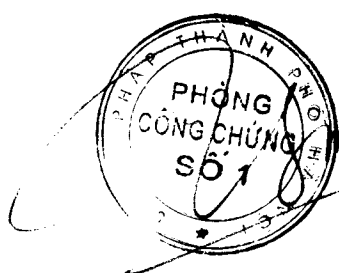
Nơi cấp: *Cục Cảnh sát ĐKQL và DLOG về dân*

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *Số 45, Lô 4, Hồ Atake, Phường Thanh Lương, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại: *Số 45, Lô 4, Hồ Atake, Phường Thanh Lương, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*



TRƯỞNG PHÒNG



Đỗ Thị Việt
Phạm Thị Kim Tuyền

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

ĐIỀU LỆ

TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAM

(Sửa đổi lần thứ năm ngày 01 tháng 8 năm 2016)

HÀ NỘI, THÁNG 8 NĂM 2016

ĐIỀU LỆ
TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG
Tổng công ty cổ phần Thiết bị điện Việt Nam

MỤC LỤC

(Bản Điều lệ bao gồm 21 Chương, 53 Điều)

	<i>Trang</i>
Chương I. Định nghĩa và các thuật ngữ trong Điều lệ <i>Điều 1</i>	3
Chương II. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Tổng công ty <i>Điều 2</i>	3
Chương III. Mục tiêu, phạm vi kinh doanh và hoạt động của Tổng công ty <i>(Gồm 2 Điều: Điều 3 đến Điều 4)</i>	4
Chương IV. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập <i>(Gồm 5 Điều: Điều 5 đến Điều 9)</i>	5
Chương V. Cơ cấu tổ chức, quản lý và kiểm soát <i>Điều 10</i>	8
Chương VI. Cổ đông và Đại hội đồng cổ đông <i>(Gồm 13 Điều: Điều 11 đến Điều 23)</i>	9
Chương VII. Hội đồng quản trị <i>(Gồm 4 Điều: Điều 24 đến Điều 27)</i>	22
Chương VIII. Tổng Giám đốc, cán bộ quản lý khác và Thư ký Tổng công ty <i>(Gồm 4 Điều: Điều 28 đến Điều 31)</i>	32
Chương IX. Nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và cán bộ quản lý <i>(Gồm 3 Điều: Điều 32 đến Điều 34)</i>	34
Chương X. Ban kiểm soát <i>(Gồm 2 Điều: Điều 35 đến Điều 36)</i>	37
Chương XI. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ Tổng công ty <i>Điều 37</i>	40

Chương XII.	Tổ chức Đảng, Đoàn thanh niên, Công nhân viên và Công đoàn (Gồm 2 Điều: Điều 38, Điều 39)	41
Chương XIII.	Phân chia lợi nhuận Điều 40	41
Chương XIV.	Tài khoản ngân hàng, quỹ dự trữ, năm tài chính và Hệ thống kế toán (Gồm 3 Điều: Điều 41 đến Điều 43)	42
Chương XV.	Báo cáo thường niên, trách nhiệm công bố thông tin, thông báo ra công chúng (Gồm 2 Điều: Điều 44 đến Điều 45)	43
Chương XVI.	Kiểm toán Tổng công ty Điều 46	43
Chương XVII.	Con dấu Điều 47	44
Chương XVIII.	Chấm dứt hoạt động và thanh lý (Gồm 2 Điều: Điều 48 đến Điều 49)	44
Chương XIX.	Giải quyết tranh chấp nội bộ Điều 50	45
Chương XX.	Bổ sung và sửa đổi Điều lệ Điều 51	46
Chương XXI.	Ngày hiệu lực (Gồm 2 Điều: Điều 52 đến Điều 53)	46

PHẦN MỞ ĐẦU

Điều lệ này được Đại hội đồng cổ đông Tổng Công ty cổ phần Thiết bị điện Việt Nam thông qua chính thức tại Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất ngày 28 tháng 11 năm 2010 và được sửa đổi gần nhất tại Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2016 vào ngày 01 tháng 08 năm 2016.

CHƯƠNG I

ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ

Điều 1. Định nghĩa

1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây sẽ được hiểu như sau:

a) "Vốn Điều lệ" là tổng giá trị mệnh giá cổ phần đã bán, được quy định tại Điều 5 Điều lệ này;

b) "Luật Doanh nghiệp" có nghĩa là Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2014;

c) "Ngày thành lập" là ngày Tổng Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu;

d) "Cán bộ quản lý" là Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và các vị trí quản lý khác trong Tổng Công ty được Hội đồng quản trị phê chuẩn;

đ) "Người có liên quan" là các cá nhân hoặc các tổ chức được quy định tại khoản 17 Điều 4 của Luật Doanh nghiệp;

e) "Thời hạn hoạt động" là thời hạn hoạt động của Tổng công ty được quy định tại Điều 2 của Điều lệ này;

f) "Việt Nam" là nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.

2. Trong Điều lệ này, các tham chiếu tới một hoặc một số quy định hoặc văn bản khác sẽ bao gồm cả những sửa đổi hoặc văn bản thay thế chúng.

3. Các tiêu đề (Chương, Điều của Điều lệ này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Điều lệ này.

4. Các từ hoặc thuật ngữ đã được định nghĩa trong Luật Doanh nghiệp sẽ có nghĩa tương tự trong Điều lệ này.

CHƯƠNG II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN VÀ THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG CỦA TỔNG CÔNG TY

Điều 2. Tên, hình thức, Trụ sở, Chi nhánh, Văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Tổng công ty

1. Tên gọi:

- Tên Tiếng Việt: **Tổng công ty cổ phần Thiết bị điện Việt Nam**
- Tên giao dịch quốc tế: **Viet Nam Electrical Equipment Joint Stock Corporation.**
- Tên viết tắt: **GELEX**

2. Tổng công ty cổ phần Thiết bị điện Việt Nam (sau đây gọi tắt là Tổng Công ty) có tư cách pháp nhân phù hợp với pháp luật hiện hành của Việt Nam.

3. Trụ sở đăng ký của Tổng công ty:

- Địa chỉ: Số 52 Lê Đại Hành – Hai Bà Trưng – TP. Hà Nội.
- Trụ sở SXKD: Số 10 Trần Nguyên Hãn – Hoàn Kiếm – TP. Hà Nội và Khu Công Nghiệp Đại Đồng – Hoàn Sơn – Tiên Du – Bắc Ninh.
- Điện thoại: 04 39726246 – 04 38257979 – 0241.384396
- Fax: 04 39726282 – 04 38260735 – 024.13847398
- Email: info@gelex.vn; gelex.vn@gmail.com
- Website: www.gelex.vn

4. Tổng giám đốc là người đại diện theo pháp luật của Tổng công ty.

5. Tổng công ty có thể thành lập thêm chi nhánh hoặc văn phòng đại diện, doanh nghiệp trực thuộc tại địa bàn khác để thực hiện các mục tiêu hoạt động của Tổng công ty phù hợp với Nghị quyết của Hội đồng quản trị và trong phạm vi luật pháp cho phép.

6. Trừ khi chấm dứt hoạt động trước thời hạn theo Điều 48 Điều lệ này, thời hạn hoạt động của Tổng công ty sẽ bắt đầu từ ngày thành lập và là vô thời hạn. Việc chấm dứt thời hạn hoạt động của Tổng công ty do Đại hội đồng cổ đông quyết định và thực hiện đúng theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

CHƯƠNG III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA TỔNG CÔNG TY

Điều 3. Mục tiêu hoạt động và ngành nghề kinh doanh của Tổng công ty

1. Mục tiêu:

Tổng công ty được thành lập để huy động và sử dụng vốn có hiệu quả trong việc sản xuất kinh doanh, dịch vụ và các lĩnh vực khác nhằm mục tiêu thu lợi nhuận, tạo công ăn việc làm ổn định cho người lao động, tăng lợi tức cho các cổ đông, đóng góp cho ngân sách Nhà nước và phát triển Tổng công ty ngày càng lớn mạnh và bền vững.

2. Ngành nghề kinh doanh :

a) Đầu tư, quản lý vốn đầu tư và trực tiếp sản xuất kinh doanh trong các ngành nghề, lĩnh vực chính là:

- Sản xuất kinh doanh thiết bị điện dùng trong công nghiệp, nông nghiệp và dân dụng;
- Thiết kế, chế tạo, kinh doanh và sửa chữa các loại thiết bị đo đếm điện một pha, ba pha (có dòng điện một chiều và xoay chiều) các cấp điện áp hạ thế, trung thế và cao thế đến 220 kV;
- Thi công, lắp đặt công trình xây dựng, trạm biến áp đến 220 kV;
- Thi công các công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp, giao thông, công trình thủy lợi;
- Kinh doanh bất động sản, dịch vụ khách sạn, du lịch và cho thuê văn phòng, nhà ở, nhà xưởng, kho bãi, kinh doanh tổ chức dịch vụ du lịch lữ hành nội địa và quốc tế;
- Kinh doanh, xuất nhập khẩu vật tư, thiết bị, phụ tùng máy móc;
- Kinh doanh các ngành nghề khác phù hợp với quy định của pháp luật.

b) Đầu tư, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của chủ sở hữu, cổ đông, thành viên góp vốn tại các công ty con, công ty liên kết.

Điều 4. Phạm vi kinh doanh và hoạt động

1. Tổng công ty được phép lập kế hoạch và tiến hành tất cả các hoạt động kinh doanh theo quy định của Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và Điều lệ này phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành và thực hiện các biện pháp thích hợp để đạt được các mục tiêu của Tổng công ty.

2. Tổng công ty có thể tiến hành hoạt động kinh doanh trong các lĩnh vực khác được pháp luật cho phép và được Hội đồng quản trị phê chuẩn.

CHƯƠNG IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP

Điều 5. Vốn Điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập

1. Vốn điều lệ

- Vốn điều lệ của Tổng công ty là: 1.550.000.000.000 VNĐ (Một nghìn năm trăm năm mươi tỷ đồng chẵn)
- Tổng số Vốn điều lệ của Tổng công ty được chia thành 155.000.000 (Một trăm năm mươi lăm triệu) cổ phần.
- Mệnh giá là 10.000 VNĐ (Mười nghìn đồng) một cổ phần.

- Loại cổ phần: Cổ phần phổ thông

2. Tổng Công ty có thể tăng vốn điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật.

3. Tổng Công ty có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi khác và các loại cổ phần khác sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với các quy định của pháp luật.

4. Cổ phần phổ thông do Tổng công ty phát hành tăng vốn Điều lệ phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Tổng Công ty tại thời điểm phát hành trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quy định khác. Tổng Công ty phải thông báo việc chào bán cổ phần, trong thông báo phải nêu rõ số cổ phần được chào bán và thời hạn đăng ký mua phù hợp (tối thiểu hai mươi ngày làm việc) để cổ đông có thể đăng ký mua. Số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng quản trị Tổng Công ty quyết định. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho các đối tượng theo các điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp, nhưng không được bán số cổ phần đó theo các điều kiện thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu, trừ trường hợp được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận khác hoặc trong trường hợp cổ phần được bán qua Sở Giao dịch Chứng khoán theo phương thức đấu giá.

5. Tổng Công ty có thể mua cổ phần do chính Tổng Công ty đã phát hành theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và pháp luật hiện hành. Cổ phần phổ thông do Tổng Công ty mua lại là cổ phiếu quỹ và Hội đồng quản trị có thể chào bán theo những cách thức phù hợp với quy định của Điều lệ này, Luật Chứng khoán và các văn bản hướng dẫn liên quan.

6. Tổng công ty không có cổ đông sáng lập.

7. Trong trường hợp chào bán cổ phần cho cán bộ công nhân viên theo chương trình lựa chọn cho người lao động trong công ty (ESOP), chào bán cổ phần cho các cổ đông chiến lược, nhà đầu tư chiến lược, mức chiết khấu và giá bán cổ phần do Hội đồng quản trị quyết định nhưng giá bán trong mọi trường hợp không được thấp hơn mệnh giá cổ phần quy định tại khoản 1 Điều 5 Điều lệ này.

Điều 6. Chứng nhận cổ phiếu

1. Cổ đông của Tổng Công ty được cấp chứng nhận cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu.

2. Chứng nhận cổ phiếu phải có chữ ký của đại diện theo pháp luật của Tổng công ty và dấu của Tổng công ty. Chứng nhận cổ phiếu ghi rõ số lượng và loại cổ phiếu mà cổ đông nắm giữ, họ và tên người nắm giữ và các thông tin khác theo quy định tại Khoản 1 Điều 120 Luật Doanh nghiệp.

3. Trong thời hạn ba tháng kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của Tổng công ty hoặc kể từ ngày thanh toán đầy đủ số tiền mua cổ phần theo quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của Tổng công ty, người sở hữu cổ phần sẽ được cấp chứng nhận cổ phiếu. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho Tổng công ty chi phí in chứng nhận cổ phiếu.

4. Trường hợp chỉ chuyển nhượng một số cổ phần ghi tên trong một chứng nhận cổ phiếu ghi tên, chứng nhận cũ sẽ bị huỷ bỏ và chứng nhận mới ghi nhận số cổ phần còn lại sẽ được cấp miễn phí.

5. Trường hợp chứng nhận cổ phiếu ghi tên bị hỏng, bị tẩy xoá hoặc bị đánh mất, mất cắp hoặc bị tiêu huỷ, người sở hữu cổ phiếu ghi tên đó có thể yêu cầu được cấp lại chứng nhận cổ phiếu ghi tên mới với điều kiện phải đưa ra bằng chứng về việc sở hữu cổ phần đó và thanh toán mọi chi phí liên quan cho Tổng Công ty .

Điều 7. Chứng chỉ chứng khoán khác

Các loại cổ phiếu, chứng chỉ và chứng khoán khác được phát hành theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông phù hợp quy định của pháp luật về chứng khoán.

Điều 8. Chuyển nhượng cổ phần

1. Tất cả các cổ phần được tự do chuyển nhượng, trừ trường hợp Điều lệ này và pháp luật có quy định khác. Cổ phiếu được chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

2. Việc chuyển nhượng được thực hiện bằng hợp đồng theo cách thông thường hoặc thông qua giao dịch trên thị trường chứng khoán. Trường hợp chuyển nhượng bằng hợp đồng thì giấy tờ chuyển nhượng phải được bên chuyển nhượng và bên nhận chuyển nhượng hoặc đại diện ủy quyền của họ ký. Trường hợp chuyển nhượng thông qua giao dịch trên thị trường chứng khoán, trình tự thủ tục và việc ghi nhận sở hữu thực hiện theo quy định của pháp luật về chứng khoán.

3. Trường hợp cổ đông chỉ chuyển nhượng một phần số cổ phần thì cổ phiếu cũ bị huỷ bỏ và Tổng công ty phát hành cổ phiếu mới ghi nhận số cổ phần đã chuyển nhượng và số cổ phần còn lại.

4. Người nhận cổ phần trong các trường hợp điều này chỉ trở thành cổ đông công ty từ thời điểm các thông tin của họ quy định tại khoản 2 Điều 121 của Luật Doanh nghiệp được ghi đầy đủ vào sổ đăng ký cổ đông.

5. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán.

Điều 9. Thu hồi cổ phần

1. Trường hợp cổ đông không thanh toán đầy đủ và đúng hạn số tiền phải trả mua cổ phiếu, Hội đồng quản trị thông báo và có quyền yêu cầu cổ đông đó thanh toán số tiền còn lại cùng với lãi suất của khoản tiền đó và những chi phí phát sinh do việc không thanh toán đầy đủ đúng hạn gây ra cho Tổng Công ty theo quy định.

2. Thông báo thanh toán nêu trên phải ghi rõ thời gian thanh toán mới (tối thiểu là 7 ngày kể từ ngày gửi thông báo), địa điểm thanh toán và thông báo phải ghi rõ trường hợp không thanh toán theo đúng yêu cầu, số cổ phần chưa thanh toán hết sẽ bị thu hồi.

3. Trường hợp các yêu cầu trong thông báo nêu trên không được thực hiện, Hội đồng quản trị có quyền thu hồi số cổ phần đó.

4. Cổ phần bị thu hồi được coi là các cổ phần chưa bán theo quy định tại Khoản 4 Điều 111 Luật Doanh nghiệp. Hội đồng quản trị có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bán, tái phân phối hoặc giải quyết cho người đã sở hữu cổ phần bị thu hồi hoặc các đối tượng khác theo những điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp. Trường hợp không bán hết số cổ phần bị thu hồi, Tổng Công ty phải đăng ký điều chỉnh vốn điều lệ bằng giá trị mệnh giá số cổ phần đã được thanh toán đủ theo quy định tại Điều 112 Luật doanh nghiệp.

5. Cổ đông nắm giữ cổ phần bị thu hồi sẽ phải từ bỏ tư cách cổ đông đối với những cổ phần đã bị thu hồi, nhưng vẫn phải thanh toán tất cả các khoản tiền có liên quan cộng với tiền lãi tương ứng lãi suất của ngân hàng tại thời điểm thu hồi theo quyết định của Hội đồng quản trị kể từ ngày thu hồi cho đến ngày thực hiện thanh toán. Hội đồng quản trị có toàn quyền quyết định việc cưỡng chế thanh toán toàn bộ số tiền đó vào thời điểm thu hồi hoặc có thể miễn giảm thanh toán một phần hay toàn bộ số tiền đó.

6. Thông báo thu hồi sẽ được gửi đến người nắm giữ cổ phần bị thu hồi trước thời điểm thu hồi. Việc thu hồi vẫn có hiệu lực kể cả trong trường hợp có sai sót hoặc bất cẩn trong việc gửi thông báo.

CHƯƠNG V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN LÝ VÀ KIỂM SOÁT

Điều 10. Cơ cấu tổ chức quản lý

Cơ cấu tổ chức quản lý của Tổng Công ty:

1. Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Tổng công ty;

2. Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông bầu ra để quản trị Tổng công ty;

3. Ban Kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông bầu ra để kiểm soát mọi hoạt động quản trị, điều hành trong Tổng công ty;

4. Ban điều hành là Tổng giám đốc Tổng công ty do Hội đồng quản trị Tổng công ty bổ nhiệm. Giúp việc Tổng giám đốc có các Phó Tổng giám đốc, Giám đốc nghiệp vụ.

5. Cơ cấu tổ chức các bộ phận, phòng ban trong Tổng công ty do Tổng giám đốc quyết định sau khi được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị.

CHƯƠNG VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 11. Quyền của cổ đông

1. Cổ đông là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần của Tổng công ty, có các quyền và nghĩa vụ tương ứng theo số cổ phần mà họ sở hữu. Cổ đông chỉ chịu trách nhiệm về nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của Tổng công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Tổng công ty.

2. Người nắm giữ cổ phần phổ thông có các quyền sau:

- a) Tham dự và phát biểu trong các Đại hội cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua đại diện theo ủy quyền, hoặc theo hình thức khác do pháp luật, Điều lệ Tổng công ty quy định; mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết;
- b) Được nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- c) Được ưu tiên mua cổ phần mới chào bán tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông của từng cổ đông trong Tổng công ty;
- d) Được tự do chuyển nhượng cổ phần đã được thanh toán đầy đủ theo quy định của Điều lệ này và pháp luật hiện hành.
- e) Xem xét, tra cứu và trích lục các thông tin liên quan đến cổ đông trong Danh sách cổ đông đủ tư cách tham gia Đại hội đồng cổ đông và yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác;
- f) Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ Tổng công ty, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;
- g) Khi Tổng công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với số cổ phần góp vốn vào Tổng công ty sau khi Tổng công ty đã thanh toán cho các chủ nợ và các cổ đông nắm giữ loại cổ phần khác theo quy định của pháp luật;
- h) Yêu cầu Tổng công ty mua lại cổ phần của họ trong các trường hợp quy định tại Luật Doanh nghiệp;

i) Các quyền khác theo quy định của pháp luật.

3. Cổ đông hoặc đại diện nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% trở lên số cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục từ 06 tháng trở lên có quyền sau:

- a) Đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát theo quy định tương ứng tại các khoản 3 Điều 24 và khoản 2 Điều 36;
- b) Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập Đại hội đồng cổ đông theo các quy định tại Khoản 3 Điều 114 Luật Doanh nghiệp;
- c) Kiểm tra và nhận bản sao hoặc bản trích dẫn danh sách các cổ đông có quyền tham dự và bỏ phiếu tại Đại hội đồng cổ đông;
- d) Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Tổng Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải thể hiện bằng văn bản; phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp đối với cổ đông là cá nhân, số Quyết định thành lập hoặc số Giấy đăng ký kinh doanh đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Tổng Công ty; vấn đề cần kiểm tra; mục đích kiểm tra;
- e) Các quyền khác quy định của pháp luật và Điều lệ này.

Điều 12. Nghĩa vụ của cổ đông

Cổ đông có các nghĩa vụ sau:

1. Tuân thủ Điều lệ Tổng Công ty và các quy chế của Tổng Công ty, chấp hành quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị;
2. Tham gia các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền hoặc thực hiện bỏ phiếu từ xa. Cổ đông có thể ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị làm đại diện cho mình tại Đại hội đồng cổ đông;
3. Thanh toán tiền mua cổ phiếu và đăng ký theo quy định;
4. Cung cấp địa chỉ chính xác khi đăng ký mua cổ phần;
5. Hoàn thành các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 13. Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Tổng công ty. Đại hội đồng cổ đông thường niên được tổ chức mỗi năm một lần. Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

2. Hội đồng quản trị tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ Tổng Công ty, đặc biệt thông qua các báo cáo tài chính hàng năm và dự toán cho năm tài chính tiếp theo. Các kiểm toán viên độc lập được mời tham dự Đại hội để tư vấn cho việc thông qua các báo cáo tài chính hàng năm.

3. Hội đồng quản trị phải triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:

- a) Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Tổng Công ty;
- b) Bảng cân đối kế toán hàng năm, các báo cáo quý hoặc nửa năm hoặc báo cáo kiểm toán của năm tài chính phản ánh vốn chủ sở hữu đã bị mất một nửa so với số đầu kỳ;
- c) Khi số thành viên còn lại của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát ít hơn số thành viên mà luật pháp quy định.
- d) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Điều 11 của Điều lệ này yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ đông bằng một văn bản kiến nghị. Văn bản kiến nghị triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có chữ ký của các cổ đông liên quan (văn bản kiến nghị có thể lập thành nhiều bản, trong đó mỗi văn bản phải có chữ ký tối thiểu của một cổ đông có liên quan);
- e) Ban kiểm soát yêu cầu triệu tập cuộc họp nếu Ban kiểm soát có lý do tin tưởng rằng các thành viên Hội đồng quản trị hoặc cán bộ quản lý cấp cao vi phạm nghiêm trọng các nghĩa vụ của họ theo Điều 159 Luật Doanh nghiệp hoặc Hội đồng quản trị hành động hoặc có ý định hành động ngoài phạm vi quyền hạn của mình;
- f) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Tổng Công ty.

4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

- a) Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị còn lại như quy định tại khoản 3.c Điều 13 hoặc nhận được yêu cầu quy định tại khoản 3.d và khoản 3.e Điều 13;
- b) Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 4.a Điều 13 thì trong thời hạn ba mươi ngày tiếp theo, Ban kiểm soát phải thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định khoản 5 Điều 136 Luật Doanh nghiệp;

- c) Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 4.b Điều 13 thì trong thời hạn ba mươi ngày tiếp theo, cổ đông, nhóm cổ đông có yêu cầu quy định tại khoản 3.d Điều 13 có quyền thay thế Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định khoản 6 Điều 136 Luật Doanh nghiệp;

Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền đề nghị cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát trình tự, thủ tục triệu tập, tiến hành họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

- d) Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông sẽ được Tổng Công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.

Điều 14. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông thường niên có quyền thảo luận và thông qua:

- a) Kế hoạch kinh doanh hàng năm của Tổng công ty;
- b) Báo cáo tài chính kiểm toán hàng năm;
- c) Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị;
- d) Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của Tổng công ty, về kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc;
- e) Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và của từng Kiểm soát viên;
- f) Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại;
- g) Lựa chọn công ty kiểm toán;
- h) Các vấn đề khác thuộc thẩm quyền.

2. Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường thông qua quyết định về các vấn đề sau:

- a) Thông qua các báo cáo tài chính hàng năm;
- b) Mức cổ tức thanh toán hàng năm cho mỗi loại cổ phần phù hợp với Luật Doanh nghiệp và các quyền gắn liền với loại cổ phần đó. Mức cổ tức này không cao hơn mức mà Hội đồng quản trị đề nghị sau khi đã tham khảo ý kiến các cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông;
- c) Số lượng thành viên của Hội đồng quản trị;

- d) Lựa chọn công ty kiểm toán;
- e) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm và thay thế thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;
- f) Xem xét và xử lý các vi phạm của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Tổng công ty và cổ đông Tổng công ty;
- g) Tổng số tiền thù lao và Báo cáo tiền thù lao của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát;
- h) Bổ sung và sửa đổi Điều lệ Tổng Công ty;
- i) Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới sẽ được phát hành cho mỗi loại cổ phần;
- j) Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Tổng Công ty;
- k) Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Tổng Công ty và chỉ định người thanh lý;
- l) Kiểm tra và xử lý các vi phạm của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Tổng Công ty và các cổ đông của Tổng Công ty;
- m) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Tổng công ty;
- n) Tổng Công ty mua lại hơn 10% một loại cổ phần phát hành;
- o) Việc Tổng giám đốc đồng thời làm Chủ tịch Hội đồng quản trị;
- p) Tổng Công ty hoặc các chi nhánh của Tổng công ty ký kết hợp đồng với những đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 162 Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Tổng công ty và các chi nhánh của Tổng công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Tổng công ty;
- q) Các vấn đề khác theo quy định của Điều lệ này và các quy định của pháp luật.

3. Cổ đông không được tham gia bỏ phiếu trong các trường hợp sau đây:

- a) Các hợp đồng quy định tại khoản 2 Điều 14 Điều lệ này khi cổ đông đó hoặc người có liên quan tới cổ đông đó là một bên của hợp đồng;
- b) Việc mua cổ phần của cổ đông đó hoặc của người có liên quan tới cổ đông đó trừ trường hợp việc mua lại cổ phần được thực hiện theo tỷ lệ sở hữu của tất cả các cổ đông hoặc việc mua lại được thực hiện thông qua khớp lệnh hoặc chào mua công khai trên Sở Giao dịch chứng khoán.

4. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông.

Điều 15. Các đại diện được ủy quyền

1. Các cổ đông có quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông có thể trực tiếp tham dự hoặc ủy quyền cho đại diện của mình tham dự. Trường hợp có nhiều hơn một người đại diện theo ủy quyền được cử thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu được ủy quyền cho mỗi người đại diện.

2. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản theo mẫu của Tổng Công ty và phải có chữ ký theo quy định sau đây:

- a) Trường hợp cổ đông cá nhân là người ủy quyền thì phải có chữ ký của cổ đông đó và người được ủy quyền dự họp;
- b) Trường hợp người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức là người ủy quyền thì phải có chữ ký của người đại diện theo ủy quyền, người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được ủy quyền dự họp;
- c) Trong trường hợp khác thì phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được ủy quyền dự họp;
- d) Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền trước khi vào phòng họp.

3. Trường hợp luật sư thay mặt cho người ủy quyền ký giấy chỉ định đại diện, việc chỉ định đại diện trong trường hợp này chỉ được coi là có hiệu lực nếu giấy chỉ định đại diện đó được xuất trình cùng với thư ủy quyền cho luật sư hoặc bản sao hợp lệ của thư ủy quyền đó (nếu trước đó chưa đăng ký với Tổng Công ty).

4. Trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 15, phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi có một trong các trường hợp sau đây:

- a) Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;
- b) Người ủy quyền đã huỷ bỏ việc chỉ định ủy quyền;
- c) Người ủy quyền đã huỷ bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.

Điều khoản này sẽ không áp dụng trong trường hợp Tổng Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

Điều 16. Thay đổi các quyền

1. Các quyết định của Đại hội đồng cổ đông (trong các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 14 liên quan đến vốn cổ phần của Tổng Công ty được chia thành các loại cổ phần khác nhau) về việc thay đổi hoặc huỷ bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với từng loại cổ phần sẽ có hiệu lực khi được cổ đông nắm giữ ít nhất 65% cổ phần phổ thông tham dự họp thông qua đồng thời được cổ đông nắm giữ ít nhất 75% quyền biểu quyết của loại cổ phần đã phát hành loại đó biểu quyết thông qua.

2. Việc tổ chức một cuộc họp như trên chỉ có giá trị khi có tối thiểu hai cổ đông (hoặc đại diện được ủy quyền của họ) và nắm giữ tối thiểu một phần ba giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu như nêu trên thì sẽ tổ chức họp lại trong vòng ba mươi ngày sau đó và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được uỷ quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp riêng biệt nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện đều có thể yêu cầu bỏ phiếu kín. Mỗi cổ phần cùng loại có quyền biểu quyết ngang bằng nhau tại các cuộc họp nêu trên.

3. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều 18 và Điều 20 của Điều lệ này.

4. Trừ khi các điều khoản phát hành cổ phần quy định khác, các quyền đặc biệt gắn liền với các loại cổ phần có quyền ưu đãi đối với một số hoặc tất cả các vấn đề liên quan đến phân phối lợi nhuận hoặc tài sản của Tổng Công ty sẽ không bị thay đổi khi Tổng Công ty phát hành thêm các cổ phần cùng loại.

Điều 17. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, chương trình họp, và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông

1. Hội đồng quản trị triệu tập Đại hội đồng cổ đông, hoặc Đại hội đồng cổ đông được triệu tập theo các trường hợp quy định tại khoản 4.b Điều 13 hoặc khoản 4.c Điều 13.

2. Người triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện những nhiệm vụ sau đây:

- a) Lập danh sách các cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại đại hội. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không sớm hơn mười (10) ngày trước ngày gửi giấy mời họp Đại hội đồng cổ đông;
- b) Xác định thời gian và địa điểm tổ chức Đại hội;
- c) Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp.

3. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông được gửi ít nhất mười (10) ngày trước ngày họp Đại hội đồng cổ đông, (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc bỏ vào hòm thư).

Thông báo được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử (website) của Tổng công ty.

Thông báo mời họp phải được gửi kèm theo các tài liệu sau đây:

- a) Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp và dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp;
- b) Phiếu biểu quyết;
- c) Mẫu chỉ định đại diện theo ủy quyền dự họp.

Tài liệu họp có thể thay thế bằng đăng tải trên trang thông tin điện tử của Tổng công ty. Trường hợp này, thông báo mời họp phải ghi rõ nơi, cách thức tải tài liệu và Tổng công ty phải gửi tài liệu họp cho cổ đông nếu cổ đông yêu cầu. Đồng thời, Tổng Công ty phải cung cấp tài liệu theo phương thức gửi thư bảo đảm nếu có yêu cầu bằng văn bản từ phía cổ đông Tổng công ty.

4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông được đề cập tại Điều 11 của Điều lệ này có quyền đề xuất các vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Đề xuất phải được làm bằng văn bản và phải được gửi cho Tổng Công ty ít nhất ba ngày làm việc trước ngày khai mạc Đại hội đồng cổ đông. Đề xuất phải bao gồm họ và tên cổ đông, số lượng và loại cổ phần người đó nắm giữ, và nội dung đề nghị đưa vào chương trình họp.

5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối những đề xuất liên quan đến khoản 3 của Điều 17 trong các trường hợp sau:

- a) Đề xuất được gửi đến không đúng thời hạn hoặc không đủ, không đúng nội dung;
- b) Vào thời điểm đề xuất, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không có đủ ít nhất 10% cổ phần phổ thông trong thời gian liên tục ít nhất sáu tháng theo quy định tại Điều 11 của Điều lệ này;
- c) Vấn đề đề xuất không thuộc phạm vi thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông bàn bạc và thông qua.

6. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị dự thảo nghị quyết cho từng vấn đề trong chương trình họp.

7. Trường hợp tất cả cổ đông đại diện 100% số cổ phần có quyền biểu quyết trực tiếp tham dự hoặc thông qua đại diện được uỷ quyền tại Đại hội đồng cổ đông, những quyết định được Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua đều được

coi là hợp lệ kể cả trong trường hợp việc triệu tập Đại hội đồng cổ đông không theo đúng thủ tục hoặc nội dung biểu quyết không có trong chương trình.

Điều 18. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện cho ít nhất 51% cổ phần có quyền biểu quyết.

2. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 Điều này thì được triệu tập họp lần thứ hai trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Đại hội đồng cổ đông triệu tập lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông và những đại diện được uỷ quyền dự họp đại diện cho ít nhất 33% cổ phần có quyền biểu quyết.

3. Trường hợp cuộc họp triệu tập lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 2 Điều này thì được triệu tập họp lần thứ ba trong thời hạn 20 ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Trường hợp này, cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp..

4. Theo đề nghị Chủ tọa, Đại hội đồng cổ đông có quyền thay đổi chương trình họp đã được gửi kèm theo thông báo mời họp theo quy định tại khoản 3 Điều 17 của Điều lệ này.

Điều 19. Thẻ thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông

1. Vào ngày tổ chức Đại hội đồng cổ đông, Tổng Công ty phải thực hiện thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết.

2. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Tổng Công ty sẽ cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó có ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện được uỷ quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Khi tiến hành biểu quyết tại Đại hội, số thẻ biểu quyết tán thành nghị quyết được thu trước, số thẻ biểu quyết không tán thành nghị quyết được thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hay không tán thành để quyết định. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành từng vấn đề hoặc bỏ phiếu trắng, sẽ được Chủ tọa thông báo ngay sau khi tiến hành biểu quyết vấn đề đó. Đại hội sẽ tự chọn trong số đại biểu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu và nếu Đại hội không chọn thì Chủ tọa sẽ chọn những người đó. Số thành viên của ban kiểm phiếu không quá ba người.

3. Cổ đông đến dự Đại hội đồng cổ đông muộn có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết ngay tại Đại hội. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng Đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của các đợt biểu quyết đã tiến hành trước khi cổ đông đến muộn tham dự sẽ không thay đổi.

4. Chủ tịch Hội đồng quản trị làm Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông do Hội đồng quản trị triệu tập, trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên còn lại bầu một người trong số họ làm Chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số; Trường hợp không bầu được người làm Chủ tọa thì Trường Ban kiểm soát điều khiển để Đại hội đồng cổ đông bầu Chủ tọa cuộc họp và người có phiếu bầu cao nhất làm Chủ tọa cuộc họp.

Trường hợp khác, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều khiển để Đại hội đồng cổ đông bầu Chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm Chủ tọa cuộc họp;

5. Chủ tọa là người có quyền quyết định về trình tự, thủ tục và các sự kiện phát sinh ngoài chương trình của Đại hội đồng cổ đông.

6. Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp theo quy định đến một thời điểm khác hoặc thay đổi địa điểm họp trong các trường hợp sau đây:

- a) Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;
- b) Các phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho các cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết;
- c) Có người dự họp cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.

Thời gian hoãn tối đa không quá 03 ngày, kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc;

7. Trường hợp Chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng họp Đại hội đồng cổ đông trái với quy định tại khoản 6 Điều này, Đại hội đồng cổ đông bầu một người khác trong số những người dự họp để thay thế Chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc; tất cả các nghị quyết được thông qua tại cuộc họp đó đều có hiệu lực thi hành.

8. Chủ tọa có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết và hợp lý để điều khiển cuộc họp một cách có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp.

9. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có các quyền sau đây:

- a) Yêu cầu tất cả người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác;
- b) Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của Chủ tọa, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến triển bình thường của cuộc họp hoặc không tuân

thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

10. Hàng năm Tổng Công ty phải tổ chức Đại hội đồng cổ đông ít nhất một lần. Đại hội đồng cổ đông thường niên không được tổ chức dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

Điều 20. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông

1. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện ít nhất 65% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành:

- a) Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
- b) Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;
- c) Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Tổng công ty;
- d) Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Tổng Công ty;
- e) Tổ chức lại, giải thể Tổng công ty.

2. Các nghị quyết khác được thông qua khi được số cổ đông đại diện cho ít nhất 51% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều này.

3. Trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản thì nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua nếu được số cổ đông đại diện ít nhất 51% tổng số phiếu biểu quyết tán thành.

4. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát và cổ đông đó có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ Tổng công ty. Trường hợp có 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí Quy chế bầu cử hoặc Điều lệ Tổng công ty.

5. Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông phải được thông báo đến cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nghị quyết được thông qua; trường hợp Tổng công ty có trang thông tin điện tử, việc

gửi nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của Tổng công ty.

Điều 21. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông

Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Đại hội đồng cổ đông có quyền thông qua mọi quyết định thuộc thẩm quyền bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản trừ vấn đề sau đây:

- Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán
- Tổ chức lại, giải thể Tổng công ty

2. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông bất cứ lúc nào nếu xét thấy cần thiết vì lợi ích của Tổng Công ty.

3. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo quyết định của Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết và gửi đến tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết chậm nhất mười (10) ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến. Việc lập danh sách cổ đông gửi phiếu lấy ý kiến thực hiện theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 137 của Luật Doanh nghiệp. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo thực hiện theo quy định tại Điều 139 của Luật Doanh nghiệp.

4. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh của Tổng công ty;
- b) Mục đích lấy ý kiến;
- c) Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh của cổ đông hoặc đại diện theo uỷ quyền của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;
- d) Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;
- e) Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
- f) Thời hạn phải gửi về Tổng công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;
- g) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị và người đại diện theo pháp luật của Tổng Công ty.

5. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo uỷ quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức.

Phiếu lấy ý kiến gửi về Tổng công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu. Các phiếu lấy ý kiến gửi về Tổng công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở đều không hợp lệ.

6. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Tổng Công ty.

7. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh;
- b) Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;
- c) Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số phiếu biểu quyết không hợp lệ, kèm theo Phụ lục Danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;
- d) Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;
- e) Các vấn đề đã được thông qua;
- f) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người đại diện theo pháp luật của Tổng Công ty, người giám sát kiểm phiếu và người kiểm phiếu.

Các thành viên Hội đồng quản trị và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của Biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

8. Biên bản kết quả kiểm phiếu phải được gửi đến các cổ đông trong vòng mười lăm ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Việc gửi Biên bản kiểm phiếu có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của Tổng công ty.

9. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, Biên bản kiểm phiếu, toàn văn nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Tổng Công ty.

10. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản có giá trị như quyết định được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

11. Trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản thì Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua nếu được số cổ đông đại diện ít nhất 51% tổng số phiếu biểu quyết tán thành.

Điều 22. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông.

Người chủ trì Đại hội đồng cổ đông chịu trách nhiệm tổ chức lưu trữ các Biên bản Đại hội đồng cổ đông. Biên bản Đại hội đồng cổ đông phải được công bố thông tin trên website của Tổng công ty trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ và gửi cho tất cả các cổ đông trong vòng mười lăm (15) ngày khi Đại hội đồng cổ đông kết thúc. Biên bản Đại hội đồng cổ đông được coi là bằng chứng xác thực về những công việc đã được tiến hành tại Đại hội đồng cổ đông trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung Biên bản được đưa ra theo đúng thủ tục quy định trong vòng mười ngày kể từ khi gửi Biên bản. Biên bản phải có chữ ký xác nhận của Chủ tọa Đại hội và Thư ký, và được lập theo quy định của Luật Doanh nghiệp và tại Điều lệ này. Các bản ghi chép, biên bản, sổ chữ ký của các cổ đông dự họp và văn bản uỷ quyền tham dự phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Tổng Công ty.

Điều 23. Yêu cầu huỷ bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông

Trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày nhận được Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc Biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông, nhóm cổ đông quy định tại khoản 3 Điều 11 Điều lệ này, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, Ban kiểm soát có quyền yêu cầu Toà án hoặc Trọng tài xem xét, huỷ bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

1. Trình tự và thủ tục triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông không thực hiện đúng theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Tổng Công ty;
2. Trình tự, thủ tục ra quyết định và nội dung quyết định vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ Tổng Công ty.

CHƯƠNG VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 24. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị

1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị ít nhất là năm (05) người và nhiều nhất là mười một (11) người. Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị là năm (05) năm. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá năm (05) năm; thành viên Hội đồng quản trị có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Trường hợp có thành viên được bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên bị miễn nhiệm, bãi nhiệm trong thời hạn nhiệm kỳ thì nhiệm kỳ của thành viên đó là thời hạn còn lại của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị. Tổng số thành viên Hội đồng quản trị độc lập không điều hành phải chiếm ít nhất 1/3 tổng số thành viên Hội đồng quản trị.

2. Các thành viên của Hội đồng quản trị do cổ đông đề cử theo tỷ lệ sở hữu cổ phần của từng cổ đông. Các cổ đông được quyền gộp tỷ lệ sở hữu cổ phần vào với nhau để bỏ phiếu đề cử các thành viên Hội đồng quản trị.

3. Các cổ đông nắm giữ cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu tháng có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị.

- a) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên;
- b) Từ 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên;
- c) Từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên;
- d) Từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên;
- e) Từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên;
- f) Từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên;
- g) Từ 70% đến dưới 80% được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên;
- h) Từ 80% đến dưới 90% được đề cử tối đa tám (08) ứng viên.

4. Trường hợp số lượng các ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế được Tổng công ty quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị Tổng công ty. Cơ chế đề cử hay cách thức Hội đồng quản trị đương nhiệm đề cử ứng viên Hội đồng quản trị phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử.

5. Thành viên Hội đồng quản trị sẽ không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong các trường hợp sau:

- a) Thành viên đó không đủ tư cách làm thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp hoặc bị luật pháp cấm không được làm thành viên Hội đồng quản trị;
- b) Thành viên đó gửi đơn bằng văn bản xin từ chức đến trụ sở chính của Tổng Công ty;
- c) Thành viên đó bị rối loạn tâm thần và thành viên khác của Hội đồng quản trị có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi dân sự;
- d) Thành viên đó vắng mặt không tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị liên tục trong vòng sáu tháng, và trong thời gian này Hội đồng quản trị không cho phép thành viên đó vắng mặt và đã phán quyết rằng chức vụ của người này bị bỏ trống;

- e) Thành viên đó bị bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

6. Hội đồng quản trị có thể bổ nhiệm người khác tạm thời làm thành viên Hội đồng quản trị để thay thế chỗ trống phát sinh và thành viên mới này phải được chấp thuận tại Đại hội đồng cổ đông ngay tiếp sau đó. Sau khi được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, việc bổ nhiệm thành viên mới đó sẽ được coi là có hiệu lực vào ngày được Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị mới được tính từ ngày việc bổ nhiệm có hiệu lực đến kết thúc nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị. Trong trường hợp thành viên mới không được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, mọi quyết định của Hội đồng quản trị cho đến trước thời điểm Đại hội đồng cổ đông có sự tham gia biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị thay thế vẫn được coi là có hiệu lực.

7. Việc bổ nhiệm các thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố thông tin theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

8. Thành viên Hội đồng quản trị không nhất thiết phải là người nắm giữ cổ phần của Tổng Công ty và có thể kiêm nhiệm các chức vụ quản lý của Tổng Công ty.

9. Tiêu chuẩn thành viên Hội đồng quản trị:

- a) Có trình độ, có kinh nghiệm, năng lực kinh doanh và tổ chức quản lý doanh nghiệp;
- b) Có sức khoẻ, có phẩm chất đạo đức, trung thực, liêm khiết, không bị hạn chế năng lực hành vi dân sự, có ý thức chấp hành pháp luật.

Điều 25. Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Tổng công ty, có toàn quyền nhân danh Tổng Công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Tổng Công ty, trừ những thẩm quyền thuộc về Đại hội đồng cổ đông.

2. Hội đồng quản trị có trách nhiệm giám sát và chỉ đạo Tổng giám đốc và các cán bộ quản lý khác trong điều hành hoạt động Tổng Công ty.

3. Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nhiệm vụ sau:

- a) Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của Tổng công ty;
- b) Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;
- c) Quyết định bán cổ phần mới trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;

- d) Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Tổng công ty;
- e) Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 Điều 130 của Luật Doanh nghiệp;
- f) Quyết định đầu tư hoặc bán tài sản có tổng giá trị dưới 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Tổng công ty;
- g) Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;
- h) Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng khác có giá trị bằng hoặc lớn hơn 10% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Tổng công ty. Quy định này không áp dụng đối với hợp đồng và giao dịch quy định, tại điểm d khoản 2 Điều 135, khoản 1 và khoản 3 Điều 162 của Luật Doanh nghiệp;
- i) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng, Giám đốc tài chính, các Giám đốc chuyên môn, Giám đốc hoặc Trưởng chi nhánh hoặc Văn phòng đại diện của Tổng công ty và quyết định tiền lương và quyền lợi khác của những người này;
- j) Cử người đại diện theo ủy quyền thực hiện quyền sở hữu cổ phần hoặc phần vốn góp của Tổng công ty ở doanh nghiệp khác, quyết định tiền lương và quyền lợi khác của những người này. Hội đồng quản trị có thể ủy quyền/phân cấp/giao cho Chủ tịch Hội đồng quản trị, các cơ quan trực thuộc Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc thực hiện quyền hạn của Hội đồng quản trị quy định tại điểm này;
- k) Giám sát, chỉ đạo Giám đốc hoặc Tổng giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Tổng công ty;
- l) Quyết định cơ cấu tổ chức, Quy chế quản lý nội bộ của Tổng công ty, quyết định thành lập công ty con, lập chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác. Hội đồng quản trị có thể ủy quyền/phân cấp/giao cho Chủ tịch Hội đồng quản trị, các cơ quan trực thuộc Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc thực hiện quyền hạn của Hội đồng quản trị quy định tại điểm này;
- m) Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến đề Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định;
- n) Trình báo cáo quyết toán tài chính hằng năm lên Đại hội đồng cổ đông;

- o) Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;
- p) Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể, yêu cầu phá sản Tổng công ty;
- q) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Tổng công ty.

4. Những vấn đề sau đây phải được Hội đồng quản trị phê chuẩn:

- a) Thành lập chi nhánh hoặc các văn phòng đại diện của Tổng Công ty;
- b) Thành lập các công ty con của Tổng Công ty;
- c) Trong phạm vi quy định tại khoản 2, Điều 149 của Luật Doanh nghiệp và trừ trường hợp quy định tại khoản 3, Điều 162 của Luật Doanh nghiệp phải do Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn, Hội đồng quản trị tùy từng thời điểm quyết định việc thực hiện, sửa đổi và huỷ bỏ các hợp đồng lớn của Tổng Công ty (bao gồm các hợp đồng mua, bán, sáp nhập, thuê mua công ty và liên doanh);
- d) Chỉ định và bãi nhiệm những người được Tổng Công ty uỷ nhiệm là đại diện thương mại và Luật sư của Tổng Công ty;
- e) Việc mua hoặc bán cổ phần của những công ty khác được thành lập ở Việt Nam hay nước ngoài;
- f) Việc định giá các tài sản góp vào Tổng Công ty không phải bằng tiền liên quan đến việc phát hành cổ phiếu hoặc trái phiếu của Tổng Công ty, bao gồm vàng, quyền sử dụng đất, quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ và bí quyết công nghệ;
- g) Việc Tổng công ty mua hoặc thu hồi không quá 10% mỗi loại cổ phần;
- h) Các vấn đề kinh doanh hoặc giao dịch mà Hội đồng quản trị quyết định cần phải có sự chấp thuận trong phạm vi quyền hạn và trách nhiệm của mình;
- i) Quyết định mức giá mua hoặc thu hồi cổ phần của Tổng Công ty.

5. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông về hoạt động của mình, cụ thể là về việc giám sát của Hội đồng quản trị đối với Tổng giám đốc và những cán bộ quản lý khác trong năm tài chính. Trường hợp Hội đồng quản trị không trình báo cáo cho Đại hội đồng cổ đông, báo cáo tài chính hàng năm của Tổng Công ty sẽ bị coi là không có giá trị và chưa được Hội đồng quản trị thông qua.

6. Thành viên Hội đồng quản trị được nhận thù lao cho công việc của mình dưới tư cách là thành viên Hội đồng quản trị. Tổng mức thù lao hàng năm cho Hội đồng quản trị sẽ do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Khoản thù lao này sẽ

được chia cho các thành viên Hội đồng quản trị theo thoả thuận trong Hội đồng quản trị.

7. Tổng số tiền trả thù lao cho các thành viên Hội đồng quản trị phải được ghi chi tiết trong báo cáo thường niên của Tổng Công ty.

8. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị, hoặc thực hiện những công việc khác mà theo quan điểm của Hội đồng quản trị là nằm ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm tiền thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận, hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.

9. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị, hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông.

Điều 26. Chủ tịch Hội đồng quản trị, Phó chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị phải lựa chọn trong số các thành viên Hội đồng quản trị để bầu ra một Chủ tịch và một hoặc một số Phó Chủ tịch. Trừ khi Đại hội đồng cổ đông quyết định khác, Chủ tịch Hội đồng quản trị không kiêm nhiệm chức vụ Tổng Giám đốc của Tổng Công ty. Việc Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức vụ Tổng Giám đốc phải được phê chuẩn hàng năm tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm triệu tập và Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và các cuộc họp của Hội đồng quản trị. Chủ tịch, Phó Chủ tịch, thành viên Hội đồng quản trị có những quyền và trách nhiệm theo quy định tại Điều lệ này, quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản trị, các quy định nội bộ khác của Tổng công ty và pháp luật có liên quan.

Trong trường hợp được Chủ tịch Hội đồng quản trị ủy quyền, Phó Chủ tịch hoặc thành viên Hội đồng quản trị có các quyền và nghĩa vụ như Chủ tịch nhưng chỉ trong trường hợp Chủ tịch đã thông báo cho Hội đồng quản trị rằng mình vắng mặt hoặc phải vắng mặt vì những lý do bất khả kháng hoặc mất khả năng thực hiện nhiệm vụ của mình. Trong trường hợp nêu trên mà Chủ tịch không thực hiện chỉ định Phó Chủ tịch hoặc thành viên Hội đồng quản trị thực hiện như vậy thì các thành viên Hội đồng quản trị sẽ chỉ định một Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị tạm thời thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch. Trong trường hợp cả Chủ tịch và các Phó Chủ tịch đều vắng mặt hoặc tạm thời không thể thực hiện nhiệm vụ của họ vì lý do nào đó, Hội đồng quản trị có thể bổ nhiệm một người

khác trong số họ để thực hiện nhiệm vụ của Chủ tịch theo nguyên tắc đa số quá bán.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải có trách nhiệm đảm bảo việc Hội đồng quản trị gửi báo cáo tài chính hàng năm, báo cáo hoạt động của Tổng công ty, báo cáo kiểm toán và báo cáo kiểm tra của Hội đồng quản trị cho các cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông.

4. Trường hợp Chủ tịch từ chức hoặc bị bãi miễn, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn mười ngày.

5. Trong trường hợp xét thấy cần thiết và không vi phạm các điều cấm của pháp luật, Chủ tịch Hội đồng quản trị được ủy quyền theo nhiệm vụ hoặc ủy quyền thường xuyên, phân cấp cho (các) Phó Chủ tịch hoặc thành viên Hội đồng quản trị ký các văn bản, tài liệu thay mặt Chủ tịch Hội đồng quản trị và thực hiện các quyền hạn, trách nhiệm, nhiệm vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị. (Các) Phó Chủ tịch, thành viên Hội đồng quản trị được ủy quyền phải chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Hội đồng quản trị về thực hiện các công việc được ủy quyền.

Điều 27. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị bầu Chủ tịch Hội đồng quản trị ngay cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị trong thời hạn bảy ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất triệu tập. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên đã bầu theo nguyên tắc đa số một người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.

2. Các cuộc họp thường kỳ:

Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập các cuộc họp Hội đồng quản trị, lập chương trình nghị sự, thời gian và địa điểm. Chủ tịch có thể triệu tập họp bất kỳ khi nào thấy cần thiết, nhưng ít nhất là mỗi quý phải họp một lần.

3. Các cuộc họp bất thường:

Chủ tịch phải triệu tập họp Hội đồng quản trị, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi một trong số các đối tượng dưới đây đề nghị bằng văn bản trình bày mục đích cuộc họp và các vấn đề cần bàn:

- a) Tổng giám đốc hoặc ít nhất 05 cán bộ quản lý;
- b) Ít nhất hai thành viên Hội đồng quản trị;
- c) Chủ tịch Hội đồng quản trị;
- d) Đa số thành viên Ban kiểm soát.

4. Các cuộc họp Hội đồng quản trị nêu tại khoản 3, Điều 27 phải được tiến hành trong thời hạn tối đa mười lăm ngày sau khi có đề xuất họp. Trường hợp

Chủ tịch Hội đồng quản trị không chấp nhận triệu tập họp theo đề nghị thì Chủ tịch phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Tổng công ty; những người đề nghị tổ chức cuộc họp được đề cập đến ở khoản 3 Điều 27 có thể tự mình triệu tập họp Hội đồng quản trị.

5. Trường hợp có yêu cầu của kiểm toán viên độc lập, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị để bàn về báo cáo kiểm toán và tình hình Tổng Công ty.

6. Địa điểm họp:

Các cuộc họp Hội đồng quản trị sẽ được tiến hành ở địa chỉ đã đăng ký của Tổng Công ty hoặc những địa chỉ khác theo quyết định của Chủ tịch Hội đồng quản trị và được sự nhất trí của Hội đồng quản trị.

7. Thông báo và chương trình họp:

Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được gửi trước cho các thành viên Hội đồng quản trị 05 ngày trước khi tổ chức họp. Trong trường hợp đột xuất thì thông báo họp Hội đồng quản trị được gửi trước cho các thành viên Hội đồng quản trị ít nhất một ngày. Các thành viên Hội đồng có thể từ chối thông báo mời họp bằng văn bản và việc từ chối này có thể có hiệu lực hồi tố. Thông báo họp Hội đồng phải được làm bằng văn bản và phải thông báo đầy đủ chương trình, thời gian, địa điểm họp, kèm theo những tài liệu cần thiết về những vấn đề sẽ được bàn bạc và biểu quyết tại cuộc họp Hội đồng và các phiếu bầu cho những thành viên Hội đồng không thể dự họp.

Thông báo mời họp được gửi bằng bưu điện, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Tổng Công ty.

8. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ ba phần tư tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 07 ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành, nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

9. Biểu quyết.

- a) Trừ quy định tại khoản 9.b Điều 27, mỗi thành viên Hội đồng quản trị hoặc người được uỷ quyền trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp Hội đồng quản trị sẽ có một phiếu biểu quyết;
- b) Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc người liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Tổng Công ty. Thành viên Hội đồng quản trị không

được tính vào số lượng đại biểu tối thiểu cần thiết có mặt để có thể tổ chức một cuộc họp Hội đồng quản trị về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết;

- c) Theo quy định tại khoản 9.d Điều 27, khi có vấn đề phát sinh trong một cuộc họp của Hội đồng quản trị liên quan đến mức độ lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị hoặc liên quan đến quyền biểu quyết một thành viên mà những vấn đề đó không được giải quyết bằng sự tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị đó, những vấn đề phát sinh đó sẽ được chuyển tới Chủ tọa cuộc họp và phán quyết của Chủ tọa liên quan đến tất cả các thành viên Hội đồng quản trị khác sẽ có giá trị là quyết định cuối cùng, trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị liên quan chưa được công bố một cách thích đáng;
- d) Thành viên Hội đồng quản trị hưởng lợi từ một hợp đồng được quy định tại Khoản 4 Điều 33 của Điều lệ này sẽ được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó.

10. Công khai lợi ích.

Thành viên Hội đồng quản trị trực tiếp hoặc gián tiếp được hưởng lợi từ một hợp đồng hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đang dự kiến ký kết với Tổng Công ty và biết là mình có lợi ích trong đó, sẽ phải công khai bản chất, nội dung của quyền lợi đó trong cuộc họp mà Hội đồng quản trị lần đầu tiên xem xét vấn đề ký kết hợp đồng hoặc giao dịch này. Hoặc thành viên này có thể công khai điều đó tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị được tổ chức sau khi thành viên này biết rằng mình có lợi ích hoặc sẽ có lợi ích trong giao dịch hoặc hợp đồng liên quan.

11. Biểu quyết đa số.

Hội đồng quản trị thông qua các nghị quyết và ra quyết định bằng cách tuân theo ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có mặt (trên 50%). Trường hợp số phiếu tán thành và phản đối ngang bằng nhau, lá phiếu của Chủ tịch sẽ là lá phiếu quyết định.

12. Họp trên điện thoại hoặc các hình thức khác.

Cuộc họp của Hội đồng quản trị có thể tổ chức theo hình thức nghị sự giữa các thành viên của Hội đồng quản trị khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:

- a) Nghe từng thành viên Hội đồng quản trị khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp;

- b) Nếu muốn, người đó có thể phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời.

Việc trao đổi giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác (kể cả việc sử dụng phương tiện này diễn ra vào thời điểm thông qua Điều lệ hay sau này) hoặc là kết hợp tất cả những phương thức này. Thành viên Hội đồng quản trị tham gia cuộc họp như vậy được coi là “có mặt” tại cuộc họp đó. Địa điểm cuộc họp được tổ chức theo quy định này là địa điểm mà nhóm thành viên Hội đồng quản trị đồng nhất tập họp lại, hoặc nếu không có một nhóm như vậy, là địa điểm mà Chủ tọa cuộc họp hiện diện.

Các quyết định được thông qua trong một cuộc họp qua điện thoại được tổ chức và tiến hành một cách hợp thức sẽ có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp nhưng phải được khẳng định bằng các chữ ký trong biên bản của tất cả thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp này.

13. Nghị quyết bằng văn bản.

Nghị quyết bằng văn bản phải có chữ ký của tất cả những thành viên Hội đồng quản trị sau đây:

- a) Thành viên có quyền biểu quyết về nghị quyết tại cuộc họp Hội đồng quản trị;
- b) Số lượng thành viên có mặt không thấp hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định để tiến hành họp Hội đồng quản trị.

Nghị quyết loại này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được các thành viên Hội đồng quản trị thông qua tại một cuộc họp được triệu tập và tổ chức theo thông lệ. Nghị quyết có thể được thông qua bằng cách sử dụng nhiều bản sao của cùng một văn bản nếu mỗi bản sao đó có ít nhất một chữ ký của thành viên.

14. Biên bản họp Hội đồng quản trị.

Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm chuyển biên bản họp Hội đồng quản trị cho các thành viên và những biên bản đó là những bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong các cuộc họp đó trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn mười ngày kể từ khi chuyển đi. Biên bản họp Hội đồng quản trị được lập bằng Tiếng Việt và phải có chữ ký của tất cả các thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp hoặc Biên bản được lập thành nhiều bản và mỗi biên bản có chữ ký của ít nhất 01 thành viên Hội đồng quản trị tham gia họp.

15. Các tiểu ban của Hội đồng quản trị.

Hội đồng quản trị có thể thành lập và uỷ quyền cho các tiểu ban trực thuộc. Thành viên của tiểu ban có thể gồm một hoặc nhiều thành viên của Hội đồng

quản trị và một hoặc nhiều thành viên bên ngoài theo quyết định của Hội đồng quản trị. Trong quá trình thực hiện quyền hạn được uỷ thác, các tiểu ban phải tuân thủ các quy định mà Hội đồng quản trị đề ra. Các quy định này có thể điều chỉnh hoặc cho phép kết nạp thêm những người không phải là thành viên Hội đồng quản trị vào các tiểu ban nêu trên và cho phép người đó được quyền biểu quyết với tư cách thành viên của tiểu ban nhưng phải đảm bảo số lượng thành viên bên ngoài ít hơn một nửa tổng số thành viên của tiểu ban và nghị quyết của các tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết tại phiên họp của tiểu ban là thành viên Hội đồng quản trị.

16. Giá trị pháp lý của hành động.

Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị, hoặc của người có tư cách thành viên tiểu ban Hội đồng quản trị sẽ được coi là có giá trị pháp lý kể cả trong trường hợp việc bầu, chỉ định thành viên của tiểu ban hoặc Hội đồng quản trị có thể có sai sót.

CHƯƠNG VIII. TỔNG GIÁM ĐỐC

CÁN BỘ QUẢN LÝ KHÁC VÀ THƯ KÝ TỔNG CÔNG TY

Điều 28. Tổ chức bộ máy quản lý

1. Tổng Công ty ban hành một hệ thống quản lý mà theo đó bộ máy quản lý sẽ chịu trách nhiệm và nằm dưới sự lãnh đạo của Hội đồng quản trị. Tổng Công ty có một Tổng giám đốc, một số Phó Tổng giám đốc, các Giám đốc chuyên môn và Kế toán trưởng. Tổng giám đốc và các Phó Tổng giám đốc có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị, và được Hội đồng quản trị bổ nhiệm, bãi nhiệm hoặc ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng bằng một nghị quyết được thông qua một cách hợp thức.

Điều 29. Cán bộ quản lý

1. Tổng giám đốc có trách nhiệm xây dựng bộ máy quản lý có số lượng cán bộ quản lý cần thiết phù hợp với cơ cấu và thông lệ quản lý Tổng công ty. Cán bộ quản lý phải có sự mẫn cán cần thiết để các hoạt động và tổ chức của Tổng Công ty đạt được các mục tiêu đề ra.

2. Mức lương, tiền thù lao, lợi ích khác của Tổng giám đốc, các Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và các Giám đốc chuyên môn Tổng công ty sẽ do Hội đồng quản trị quyết định, của những cán bộ quản lý khác sẽ do Tổng giám đốc quyết định.

Điều 30. Bổ nhiệm, bãi nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng Giám đốc.

1. Bổ nhiệm

Hội đồng quản trị bổ nhiệm một (01) thành viên trong Hội đồng quản trị hoặc một người khác làm Tổng Giám đốc, trong đó quy định mức lương, thù lao, lợi ích và các điều khoản khác. Thông tin về mức lương, phụ cấp, quyền lợi của Tổng giám đốc phải được báo cáo trong Đại hội đồng cổ đông thường niên và được nêu trong báo cáo thường niên của Tổng Công ty.

2. Nhiệm kỳ.

Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc là 05 năm trừ trường hợp Hội đồng quản trị có quyết định bãi nhiệm theo một nghị quyết được thông qua một cách hợp thức.

3. Tiêu chuẩn của Tổng giám đốc:

Tổng giám đốc Tổng Công ty phải là người có đủ các tiêu chuẩn sau:

- a) Tốt nghiệp đại học chính quy hoặc tương đương trở lên, một trong những ngành kinh tế, kỹ thuật hoặc quản trị kinh doanh; có uy tín, kiến thức và kinh nghiệm quản lý doanh nghiệp;
- b) Tổng giám đốc không được phép là những người bị pháp luật cấm giữ chức vụ này, tức là những người vị thành niên, người không đủ năng lực hành vi dân sự, người đã bị kết án tù, người đang thi hành hình phạt tù, nhân viên lực lượng vũ trang, các cán bộ công chức nhà nước và người đã bị phán quyết là đã làm cho Tổng công ty mà họ từng lãnh đạo trước đây bị phá sản;
- c) Không đồng thời làm Tổng giám đốc hoặc Giám đốc của doanh nghiệp khác.

4. Quyền hạn và nhiệm vụ.

Tổng giám đốc có những quyền hạn và trách nhiệm sau:

- a) Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hằng ngày của Tổng công ty mà không cần phải có quyết định của Hội đồng quản trị;
- b) Tổ chức thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị;
- c) Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của Tổng công ty;
- d) Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, Quy chế quản lý nội bộ của Tổng công ty;
- e) Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý trong Tổng công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;
- f) Quyết định tiền lương và quyền lợi khác đối với người lao động trong Tổng công ty kể cả người quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Tổng giám đốc;

- g) Tuyển dụng lao động;
- h) Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;
- i) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ Tổng công ty và nghị quyết của Hội đồng quản trị

5. Tổng giám đốc chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao và phải báo cáo các cơ quan này khi được yêu cầu.

6. Bãi nhiệm.

Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Tổng giám đốc khi đa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp có quyền biểu quyết tán thành và bổ nhiệm một Tổng Giám đốc điều hành mới.

Điều 31. Thư ký Tổng công ty

Hội đồng quản trị sẽ chỉ định một hoặc nhiều người làm Thư ký Tổng công ty với nhiệm kỳ và những điều khoản theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Thư ký Tổng công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động. Hội đồng quản trị cũng có thể bổ nhiệm một hay nhiều Trợ lý Thư ký Tổng công ty tùy từng thời điểm.

1. Vai trò và nhiệm vụ của Thư ký Tổng công ty bao gồm:

- a) Chuẩn bị các cuộc họp của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;
- b) Tham dự các cuộc họp và lập biên bản các cuộc họp;
- c) Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;
- d) Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát.

2. Thư ký Tổng công ty có trách nhiệm bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ Tổng công ty.

CHƯƠNG IX. NHIỆM VỤ CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ CÁN BỘ QUẢN LÝ

Điều 32. Trách nhiệm căn trọng của Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cán bộ quản lý

Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cán bộ quản lý được ủy thác có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiểu ban của Hội đồng quản trị, một cách trung thực và

theo phương thức mà họ tin là vì lợi ích cao nhất của Tổng công ty và với một mức độ cẩn trọng mà một người thận trọng thường có khi đảm nhiệm vị trí tương đương và trong hoàn cảnh tương tự.

Điều 33. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi

1. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cán bộ quản lý không được phép sử dụng những cơ hội kinh doanh có thể mang lại lợi ích cho Tổng công ty vì mục đích cá nhân; đồng thời không được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để tư lợi cá nhân hay để phục vụ lợi ích của tổ chức hoặc cá nhân khác.

2. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cán bộ quản lý có nghĩa vụ thông báo cho Hội đồng quản trị tất cả các lợi ích có thể gây xung đột với lợi ích của Tổng công ty mà họ có thể được hưởng thông qua các pháp nhân kinh tế, các giao dịch hoặc cá nhân khác.

Những đối tượng nêu trên chỉ được sử dụng những cơ hội đó khi các thành viên Hội đồng quản trị không có lợi ích liên quan đã quyết định không truy cứu vấn đề này.

3. Tổng công ty không được phép cấp các khoản vay, bảo lãnh, hoặc tín dụng cho các thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, cán bộ quản lý và gia đình của họ hoặc pháp nhân mà những người này có các lợi ích tài chính, trừ khi Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.

4. Hợp đồng, giao dịch phải được Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận

a) Hợp đồng, giao dịch giữa Tổng công ty với các đối tượng sau đây phải được Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận:

i) Cổ đông, người đại diện ủy quyền của cổ đông sở hữu trên 10% tổng số cổ phần phổ thông của Tổng công ty và những người có liên quan của họ;

ii) Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người có liên quan của họ;

iii) Doanh nghiệp quy định tại khoản 2 Điều 159 Luật Doanh nghiệp.

b) Hội đồng quản trị chấp thuận các hợp đồng và giao dịch có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản doanh nghiệp ghi trong báo cáo tài chính gần nhất. Trường hợp này, người đại diện Tổng công ty ký hợp đồng phải thông báo các thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó; đồng thời kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị quyết định việc chấp thuận hợp đồng hoặc giao dịch trong thời

hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được thông báo; thành viên có lợi ích liên quan không có quyền biểu quyết.

- c) Đại hội đồng cổ đông chấp thuận các hợp đồng và giao dịch khác ngoài các giao dịch quy định tại Điểm b Khoản này. Trường hợp này, người đại diện Tổng công ty ký hợp đồng phải thông báo Hội đồng quản trị và Kiểm soát viên về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó; đồng thời kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc thông báo nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị trình dự thảo hợp đồng hoặc giải trình về nội dung chủ yếu của giao dịch tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản. Trường hợp này, cổ đông có lợi ích liên quan không có quyền biểu quyết; hợp đồng hoặc giao dịch được chấp thuận khi có số cổ đông đại diện 51% tổng số phiếu biểu quyết còn lại tán thành.
- d) Hợp đồng, giao dịch bị vô hiệu và xử lý theo quy định của pháp luật khi được ký kết hoặc thực hiện mà chưa được chấp thuận theo quy định tại Điểm b và Điểm c Khoản này, gây thiệt hại cho Tổng công ty; người ký kết hợp đồng, cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị hoặc Tổng giám đốc có liên quan phải liên đới bồi thường thiệt hại phát sinh, hoàn trả cho Tổng công ty các khoản lợi thu được từ việc thực hiện hợp đồng, giao dịch đó.

5. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, cán bộ quản lý khác hay những người có liên quan của họ không được sử dụng các thông tin chưa được phép công bố của Tổng Công ty hoặc tiết lộ cho người khác để thực hiện các giao dịch có liên quan.

Điều 34. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường

1. Trách nhiệm về thiệt hại.

Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cán bộ quản lý khác vi phạm nghĩa vụ hành động một cách trung thực, không hoàn thành nghĩa vụ của mình với sự cẩn trọng, mẫn cán và năng lực chuyên môn phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.

2. Bồi thường.

Tổng công ty sẽ bồi thường cho những người đã, đang và có nguy cơ trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố đã, đang hoặc có thể sẽ được tiến hành cho dù đây là vụ việc dân sự, hành chính (mà không phải là việc kiện tụng do Tổng công ty thực hiện hay thuộc quyền khởi xướng của Tổng công ty) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, cán bộ quản lý, nhân viên hoặc là đại diện được Tổng công ty uỷ quyền, hoặc người đó đã hoặc đang làm theo yêu cầu của Tổng công ty với tư cách thành viên Hội đồng

quản trị, cán bộ quản lý, nhân viên hoặc đại diện được uỷ quyền của một công ty, đối tác, liên doanh, tín thác hoặc pháp nhân khác. Những chi phí được bồi thường bao gồm: các chi phí phát sinh (kể cả phí thuê luật sư), chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế hoặc được coi là mức hợp lý khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép, với điều kiện là người đó đã hành động trung thực, cẩn trọng, miễn cán và với năng lực chuyên môn theo phương thức mà người đó tin tưởng rằng đó là vì lợi ích hoặc không chống lại lợi ích cao nhất của Tổng công ty, trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có sự phát hiện hay xác nhận nào rằng người đó đã vi phạm những trách nhiệm của mình. Tổng Công ty có quyền mua bảo hiểm cho những người đó để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.

CHƯƠNG X. BAN KIỂM SOÁT

Điều 35. Ban kiểm soát

1. Tổng công ty phải có Ban kiểm soát và Ban kiểm soát sẽ có quyền hạn và trách nhiệm theo quy định tại Điều 165 của Luật Doanh nghiệp và quy định của Điều lệ này, chủ yếu là những quyền hạn và trách nhiệm sau đây:

- a) Ban kiểm soát thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc trong việc quản lý và điều hành Tổng công ty;
- b) Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính;
- c) Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hằng năm và 06 tháng của Tổng công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị và trình báo cáo thẩm định tại cuộc họp thường niên Đại hội đồng cổ đông;
- d) Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của Tổng công ty;
- e) Xem xét sổ kế toán, ghi chép kế toán và các tài liệu khác của Tổng công ty, các công việc quản lý, điều hành hoạt động của Tổng công ty khi xét thấy cần thiết hoặc theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 114 của Luật Doanh nghiệp;
- f) Khi có yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 114 của Luật Doanh nghiệp, Ban kiểm soát thực hiện kiểm tra trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong

thời hạn 15 ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban kiểm soát phải báo cáo giải trình về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến Hội đồng quản trị và cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu;

- g) Việc kiểm tra của Ban kiểm soát quy định tại khoản này không được cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng quản trị, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của Tổng công ty;
- h) Kiến nghị Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông các biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, giám sát và điều hành hoạt động kinh doanh của Tổng công ty;
- i) Khi phát hiện có thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc vi phạm quy định tại Điều 160 của Luật Doanh nghiệp thì phải thông báo ngay bằng văn bản với Hội đồng quản trị, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả;
- j) Có quyền tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và các cuộc họp khác của Tổng công ty;
- k) Có quyền sử dụng tư vấn độc lập, bộ phận kiểm toán nội bộ của Tổng công ty để thực hiện các nhiệm vụ được giao;
- l) Ban kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông;
- m) Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Tổng công ty và nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

2. Thành viên của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cán bộ quản lý khác phải cung cấp tất cả các thông tin và tài liệu liên quan đến hoạt động của Tổng Công ty theo yêu cầu của Ban kiểm soát. Thư ký Tổng Công ty phải bảo đảm rằng toàn bộ bản sao chụp các thông tin tài chính, các thông tin khác cung cấp cho các thành viên Hội đồng quản trị và bản sao các biên bản họp Hội đồng quản trị sẽ phải được cung cấp cho thành viên Ban Kiểm soát vào cùng thời điểm chúng được cung cấp cho Hội đồng quản trị.

3. Sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát có thể ban hành các quy định về các cuộc họp của Ban kiểm soát và cách thức hoạt động của Ban kiểm soát. Ban kiểm soát phải họp tối thiểu mỗi quý một lần và số lượng thành viên tham gia các cuộc họp tối thiểu là 2/3 số thành viên.

4. Tổng mức thù lao cho các thành viên Ban Kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Thành viên của Ban Kiểm soát cũng sẽ được thanh toán các khoản chi phí đi lại, khách sạn và các chi phí phát sinh một cách hợp lý khi họ tham gia các cuộc họp của Ban Kiểm soát hoặc liên quan đến hoạt động kinh doanh của Tổng công ty.

Điều 36. Thành viên Ban kiểm soát

1. Số lượng thành viên Ban kiểm soát là ba (03) thành viên. Các thành viên Ban Kiểm soát không phải là người trong bộ phận kế toán, tài chính của Tổng công ty và không phải là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện việc kiểm toán báo cáo Tài chính của Tổng công ty. Ban kiểm soát phải có ít nhất một (01) thành viên là kế toán viên hoặc kiểm toán viên.

Các thành viên Ban kiểm soát không phải là người có liên quan tới các thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và các cán bộ quản lý khác của Tổng công ty.

Ban kiểm soát bầu một trong số họ làm làm Trưởng ban theo nguyên tắc đa số. Trưởng ban kiểm soát có các quyền và trách nhiệm sau:

- a) Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát;
- b) Yêu cầu Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và các cán bộ quản lý khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo Ban kiểm soát;
- c) Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình Đại hội đồng cổ đông.

2. Các cổ đông nắm giữ cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu tháng có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên Ban kiểm soát.

- a) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên;
- b) Từ 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên;
- c) Từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên;
- d) Từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên;
- e) Từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên;

Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế đã được Tổng công ty quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị Tổng công ty. Cơ chế Ban kiểm soát đương nhiệm đề cử ứng viên phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử.

3. Các thành viên của Ban kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông bổ nhiệm, nhiệm kỳ của Ban kiểm soát là năm (05) năm; thành viên Ban kiểm soát có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

4. Tiêu chuẩn của thành viên Ban Kiểm soát.

- a) Từ 21 tuổi trở lên, có đầy đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp;
- b) Thành viên Ban kiểm soát không được giữ các chức vụ quản lý Tổng Công ty. Thành viên Ban Kiểm soát không nhất thiết là cổ đông hoặc là người lao động của Tổng Công ty;
- c) Không phải là vợ hoặc chồng, cha, cha nuôi, mẹ, mẹ nuôi, con, con nuôi, anh chị em ruột của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và những người quản lý khác của Tổng công ty.

5. Thành viên Ban Kiểm soát không còn tư cách thành viên trong các trường hợp sau:

- a) Thành viên đó bị pháp luật cấm làm thành viên Ban kiểm soát;
- b) Thành viên đó từ chức bằng một văn bản thông báo được gửi đến trụ sở chính Tổng Công ty;
- c) Thành viên đó bị rối loạn tâm thần và các thành viên khác của Ban kiểm soát có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi dân sự;
- d) Thành viên đó vắng mặt không tham dự các cuộc họp của Ban kiểm soát trong vòng sáu tháng liên tục, và trong thời gian này Ban kiểm soát không cho phép thành viên đó vắng mặt và đã phán quyết rằng chức vụ của người này bị bỏ trống;
- e) Thành viên đó bị cách chức thành viên Ban kiểm soát theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

CHƯƠNG XI. QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ TỔNG CÔNG TY

Điều 37. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ

1. Cổ đông hoặc người đại diện cho nhóm cổ đông đề cập trong khoản 3 Điều 11 của Điều lệ này có quyền trực tiếp hoặc qua luật sư hoặc người được uỷ quyền, gửi văn bản yêu cầu được kiểm tra trong giờ làm việc và tại địa điểm kinh doanh chính của Tổng công ty danh sách cổ đông, các biên bản của Đại hội đồng cổ đông và sao chụp hoặc trích lục các hồ sơ đó Tổng công ty. Yêu cầu kiểm tra do phía luật sư đại diện hoặc đại diện được uỷ quyền khác của cổ đông phải kèm theo giấy uỷ quyền của cổ đông mà người đó đại diện.

2. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng giám đốc Tổng công ty và cán bộ quản lý khác có quyền kiểm tra sổ đăng ký cổ đông của

Tổng công ty, danh sách cổ đông và những sổ sách, hồ sơ khác của Tổng công ty vì mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin phải được bảo mật.

3. Tổng Công ty sẽ phải lưu Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, các báo cáo của Ban kiểm soát, báo cáo tài chính hàng năm, sổ sách kế toán và bất cứ giấy tờ nào khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở đăng ký của Tổng Công ty .

4. Điều lệ Tổng Công ty phải được công bố trên website của Tổng Công ty.

CHƯƠNG XII. TỔ CHỨC ĐẢNG, ĐOÀN THỂ, CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN

Điều 38. Tổ chức cơ sở Đảng Cộng sản Việt Nam và Đoàn thể trong doanh nghiệp hoạt động trong khuôn khổ Hiến pháp, pháp luật và theo Điều lệ tổ chức.

Điều 39. Công nhân viên và công đoàn

Tổng giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng lao động, buộc thôi việc, tiền lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với cán bộ quản lý và người lao động trong Tổng công ty. Mọi quan hệ của Tổng Công ty với tổ chức Công đoàn phù hợp với các quy định tại Điều lệ này, các quy chế của Tổng công ty và quy định pháp luật hiện hành.

CHƯƠNG XIII. PHÂN CHIA LỢI NHUẬN

Điều 40. Phân phối lợi nhuận

1. Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông và theo quy định của pháp luật, cổ tức sẽ được công bố và chi trả từ lợi nhuận giữ lại của Tổng Công ty nhưng không được vượt quá mức do Hội đồng quản trị đề xuất.

2. Theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị có thể quyết định trả cổ tức giữa kỳ nếu xét thấy việc chi trả này phù hợp với khả năng sinh lời của Tổng Công ty.

3. Tổng Công ty không trả lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một loại cổ phiếu.

4. Hội đồng quản trị có thể đề nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng những tài sản cụ thể (như cổ phiếu

hoặc trái phiếu đã được thanh toán đầy đủ do công ty khác phát hành) và Hội đồng quản trị là cơ quan thực thi nghị quyết này.

5. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Tổng Công ty sẽ phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam. Việc chi trả có thể thực hiện trực tiếp hoặc thông qua các ngân hàng trên cơ sở các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp. Trường hợp Tổng công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông không nhận được tiền, Tổng Công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Tổng công ty chuyển cho cổ đông thụ hưởng. Việc thanh toán cổ tức có thể tiến hành thông qua công ty chứng khoán hoặc Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam.

6. Trường hợp có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị có thể quyết định và thông báo rằng những người sở hữu cổ phần phổ thông được nhận cổ tức bằng các cổ phần phổ thông thay cho cổ tức bằng tiền mặt. Các cổ phần bổ sung để trả cổ tức này được ghi là những cổ phần đã thanh toán đầy đủ tiền mua trên cơ sở giá trị của các cổ phần trả cổ tức phải tương đương với số tiền mặt trả cổ tức.

CHƯƠNG XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, QUỸ DỰ TRỮ, NĂM TÀI CHÍNH VÀ HỆ THỐNG KẾ TOÁN

Điều 41. Tài khoản ngân hàng

1. Tổng Công ty mở tài khoản tại một hoặc một số ngân hàng Việt Nam hoặc tại các ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.

2. Theo sự chấp thuận trước của cơ quan có thẩm quyền, trong trường hợp cần thiết, Tổng Công ty có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của pháp luật Việt Nam.

3. Tổng Công ty sẽ tiến hành tất cả các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà Tổng Công ty mở tài khoản.

Điều 42. Năm tài khóa

Năm tài khóa của Tổng công ty bắt đầu từ ngày đầu tiên của tháng Một hàng năm và kết thúc vào ngày thứ 31 của tháng 12 cùng năm.

Điều 43. Hệ thống kế toán

1. Hệ thống kế toán Tổng công ty sử dụng là Hệ thống Kế toán Việt Nam (VAS)

2. Tổng Công ty sẽ lưu giữ hồ sơ kế toán theo loại hình của các hoạt động kinh doanh mà Tổng công ty tham gia. Những hồ sơ này chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Tổng công ty.

3. Tổng Công ty sử dụng đồng Việt Nam làm đơn vị tiền tệ dùng trong kế toán.

CHƯƠNG XV. BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN, THÔNG BÁO RA CÔNG CHÚNG

Điều 44. Báo cáo hàng năm, sáu tháng và hàng quý

1. Tổng Công ty phải lập báo cáo tài chính hàng năm theo quy định của pháp luật. Báo cáo phải được kiểm toán theo quy định tại Điều 46 của Điều lệ này và các quy định khác của pháp luật hiện hành

2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình về lãi và lỗ của Tổng Công ty trong năm tài chính và bảng cân đối kế toán phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình các hoạt động của Tổng Công ty cho đến thời điểm lập báo cáo, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính.

3. Tổng Công ty phải lập và công bố các báo cáo sáu tháng và hàng quý theo các quy định của pháp luật hiện hành.

4. Các báo cáo tài chính đã được kiểm toán bao gồm ý kiến của kiểm toán viên, báo cáo sáu tháng và quý của Tổng công ty phải được công bố trên website của Tổng công ty.

5. Các tổ chức, cá nhân quan tâm đều được quyền kiểm tra hoặc sao chụp bản báo cáo tài chính hàng năm của Tổng Công ty tại cơ quan đăng ký kinh doanh có thẩm quyền.

6. Tổng công ty phải lập và công bố Báo cáo thường niên theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

Điều 45. Công bố thông tin và thông báo ra công chúng

Các báo cáo tài chính hàng năm và các tài liệu bổ trợ khác được công bố ra công chúng theo những quy định của pháp luật hiện hành.

CHƯƠNG XVI. KIỂM TOÁN TỔNG CÔNG TY

Điều 46. Kiểm toán

1. Hội đồng quản trị sẽ chỉ định một công ty kiểm toán độc lập, hoạt động hợp pháp tại Việt Nam và được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận để tiến hành các hoạt động kiểm toán Tổng công ty cho năm tài chính tiếp theo sau

khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua hoặc ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định.

2. Tổng công ty sẽ phải chuẩn bị và gửi báo cáo tài chính hàng năm cho công ty kiểm toán độc lập sau khi kết thúc năm tài chính.

3. Công ty kiểm toán độc lập kiểm tra, xác nhận và báo cáo về báo cáo tài chính hàng năm cho biết các khoản thu chi của Tổng Công ty, lập báo cáo kiểm toán và trình báo cáo đó cho Hội đồng quản trị trong vòng 02 (hai) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

3. Bản sao của báo cáo kiểm toán sẽ phải được gửi đính kèm với mỗi bản báo cáo tài chính năm của Tổng Công ty.

4. Kiểm toán viên thực hiện việc kiểm toán Tổng Công ty sẽ được phép tham dự mọi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến Đại hội đồng cổ đông mà các cổ đông được quyền nhận và được phát biểu ý kiến tại đại hội về các vấn đề có liên quan đến kiểm toán.

CHƯƠNG XVII. CON DẤU

Điều 47. Con dấu

1. Hội đồng quản trị quyết định thông qua con dấu chính thức của Tổng Công ty và con dấu được khắc theo quy định của luật pháp.

2. Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc sử dụng và quản lý con dấu theo quy định của pháp luật hiện hành.

CHƯƠNG XVIII. CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ THANH LÝ

Điều 48. Chấm dứt hoạt động

1. Tổng Công ty có thể bị giải thể hoặc chấm dứt hoạt động trong những trường hợp sau:

- a) Khi kết thúc thời hạn hoạt động của Tổng Công ty, kể cả sau khi đã gia hạn;
- b) Toà án tuyên bố Tổng Công ty phá sản theo quy định của pháp luật hiện hành;
- c) Giải thể trước thời hạn theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- d) Các trường hợp khác do pháp luật quy định.

2. Việc giải thể Tổng Công ty trước thời hạn (kể cả thời hạn đã gia hạn) do Đại hội đồng cổ đông quyết định, Hội đồng quản trị thực hiện. Quyết định giải

thẻ này phải thông báo hay xin chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền theo quy định.

Điều 49. Thanh lý

1. Tối thiểu sáu tháng sau khi có một quyết định giải thể Tổng công ty, Hội đồng quản trị phải thành lập Ban thanh lý gồm ba (3) thành viên. Hai thành viên do Đại hội đồng cổ đông chỉ định và một thành viên do Hội đồng quản trị chỉ định từ một công ty kiểm toán độc lập. Ban thanh lý sẽ chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên Tổng Công ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý sẽ được Tổng Công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Tổng Công ty.

2. Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày thành lập và ngày bắt đầu hoạt động của Ban thanh lý. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý sẽ thay mặt Tổng Công ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Tổng Công ty trước Tòa án và các cơ quan hành chính.

3. Tiền thu được từ việc thanh lý sẽ được thanh toán theo thứ tự sau:

- a) Các chi phí thanh lý;
- b) Tiền lương và chi phí bảo hiểm cho công nhân viên;
- c) Thuế và các khoản nộp có tính chất thuế mà Tổng công ty phải trả cho Nhà nước;
- d) Các khoản vay (nếu có);
- e) Các khoản nợ khác của Tổng Công ty;
- f) Số dư còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản nợ từ mục 3.a đến 3.e trên đây sẽ được phân chia cho các cổ đông. Các cổ phần ưu đãi sẽ ưu tiên thanh toán trước.

CHƯƠNG XIX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

Điều 50. Giải quyết tranh chấp nội bộ

1. Trường hợp phát sinh tranh chấp hay khiếu nại có liên quan tới hoạt động của Tổng Công ty hay tới quyền của các cổ đông phát sinh từ Điều lệ hay từ bất cứ quyền hoặc nghĩa vụ do Luật Doanh nghiệp hay các luật khác hoặc các quy định hành chính quy định, giữa:

- a) Cổ đông với Tổng Công ty; hoặc
- b) Cổ đông với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc hay cán bộ quản lý.

2. Các bên liên quan sẽ cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hoà giải. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ chủ trì việc giải quyết tranh chấp và sẽ yêu cầu từng bên trình bày các yếu tố thực tiễn liên quan đến tranh chấp trong vòng 90 ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu Ban kiểm soát chỉ định một chuyên gia độc lập để hành động với tư cách là trọng tài cho quá trình giải quyết tranh chấp.

3. Trường hợp không đạt được quyết định hoà giải trong vòng 6 (sáu) tuần từ khi bắt đầu quá trình hoà giải hoặc nếu quyết định của trung gian hoà giải không được các bên chấp nhận, bất cứ bên nào cũng có thể đưa tranh chấp đó ra Trọng tài kinh tế hoặc Toà kinh tế Toà án nhân dân Thành phố Hà Nội.

4. Các bên sẽ tự chịu chi phí của mình có liên quan tới thủ tục thương lượng và hoà giải. Các chi phí của Toà án sẽ do Toà phán quyết bên nào phải chịu.

CHƯƠNG XX. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ

Điều 51. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ

1. Việc bổ sung, sửa đổi Điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét quyết định.

2. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Tổng Công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Điều lệ này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Tổng Công ty.

CHƯƠNG XXI. HIỆU LỰC

Điều 52. Hiệu lực

1. Bản Điều lệ này gồm 21 Chương 53 Điều, được Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2016 Tổng công ty cổ phần Thiết bị điện Việt Nam thông qua tại cuộc họp ngày 01 tháng 08 năm 2016 và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này.

2. Điều lệ được lập thành 10 bản, có giá trị như nhau.


3. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Tổng Công ty.


4. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ Tổng công ty phải có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc tối thiểu 1/2 số thành viên Hội đồng quản trị.

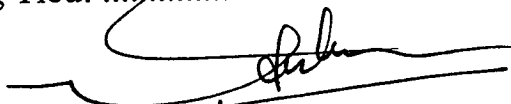
Điều 53. Chữ ký của các thành viên Hội đồng quản trị và của người đại diện theo pháp luật của Tổng công ty./.

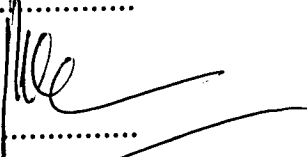
**CÁC THÀNH VIÊN
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

1. Nguyễn Hoa Cương: 

2. Nguyễn Văn Tuấn: 

3. Nguyễn Trọng Tiêu: 

4. Võ Anh Linh: 

5. Nguyễn Thị Bích Ngọc: 

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP
LUẬT CỦA TỔNG CÔNG TY**





Nguyễn Trọng Tiêu

LẤY SẠC

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAM

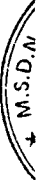
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016
(đã được soát xét)

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAM

Số 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02-03
Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ	04
Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã được soát xét	05-47
Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ	05-06
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ	07
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ	08-09
Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ	10-47



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAM

Số 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị điện Việt Nam (sau đây gọi tắt là "Tổng Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tổng Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016.

TỔNG CÔNG TY

Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị điện Việt Nam được chuyển đổi từ doanh nghiệp Nhà nước - Tổng Công ty Thiết bị điện Việt Nam theo Quyết định số 1422/QĐ-TTg ngày 10 tháng 08 năm 2010 của Thủ tướng Chính Phủ, hoạt động theo Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0100100512 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 01 tháng 12 năm 2010, đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 16 tháng 09 năm 2015.

Trụ sở chính của Tổng Công ty được đặt tại: Số 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Hoa Cương	Chủ tịch	
Ông Nguyễn Trọng Tiểu	Thành viên	
Ông Võ Anh Linh	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 04/03/2016
Ông Nguyễn Văn Tuấn	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 16/07/2016
Ông Phạm Mạnh Hà	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 16/07/2016
Ông Đỗ Văn Chính	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 04/03/2016
Bà Nguyễn Thị Bích Ngọc	Thành viên	

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Tổng Công ty trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Trọng Tiểu	Tổng Giám đốc	
Ông Nguyễn Tiến Vinh	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Đỗ Văn Chính	Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 01/05/2016
Ông Phạm Mạnh Hà	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01/07/2016

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Bà Vũ Thanh Hương	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 04/03/2016
Bà Nguyễn Thị Thanh Yến	Thành viên	Miễn nhiệm trưởng ban ngày 04/03/2016
Bà Trương Thị Hương Lan	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 04/03/2016
Ông Phạm Thế Ngọc	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 04/03/2016
Ông Bạch Thành Nam	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 04/03/2016

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện soát xét các Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho Tổng Công ty.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAM

Số 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Tổng Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Tổng Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ;
- Lập các Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Tổng Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Tổng Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Tổng Công ty tại thời điểm ngày 30/06/2016, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Tổng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06 tháng 10 năm 2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.



Ban Tổng Giám đốc

Nguyễn Trọng Tiểu
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 15 tháng 08 năm 2016

Số: 1862/2016/BC.KTTC-AASC.KT2

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: **Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị điện Việt Nam**

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo của Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị điện Việt Nam được lập ngày 15 tháng 08 năm 2016, từ trang 05 đến trang 47, bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ tại ngày 30 tháng 06 năm 2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày và Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tổng Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 – Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính hợp nhất giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi ~~không thấy có vấn đề gì~~ ^{cho rằng} Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị điện Việt Nam tại ngày 30 tháng 06 năm 2016, và kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Tổng Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

SAO Y BẢN CHÍNH



Nguyễn Quốc Dũng
Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 0285-2013-002-1

Hà Nội, ngày 26 tháng 08 năm 2016

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC



Nguyễn Thanh Tùng

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2016

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	30/06/2016	01/01/2016
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		3.040.030.000.810	3.098.121.929.560
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	274.084.024.082	518.493.494.834
111	1. Tiền		223.484.024.082	337.190.219.960
112	2. Các khoản tương đương tiền		50.600.000.000	181.303.274.874
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	4	611.155.377.778	448.433.560.889
121	1. Chứng khoán kinh doanh		40.000.000.000	-
123	2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		571.155.377.778	448.433.560.889
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		1.202.704.098.254	1.006.793.864.550
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	1.173.377.933.136	964.049.114.852
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	34.016.761.810	42.533.295.302
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	7	16.885.120.000	33.193.522.700
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	8	15.478.529.880	12.644.761.572
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(39.024.883.263)	(46.632.565.353)
139	6. Tài sản thiếu chờ xử lý		1.970.636.691	1.005.735.477
140	IV. Hàng tồn kho	10	940.934.528.907	1.089.029.229.696
141	1. Hàng tồn kho		941.658.269.684	1.094.473.019.541
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(723.740.777)	(5.443.789.845)
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		11.151.971.789	35.371.779.591
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	14	5.562.310.414	2.406.586.738
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		5.530.535.747	32.948.871.522
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	17	59.125.628	16.321.331
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		1.878.923.221.317	1.819.382.361.671
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		597.464.250	395.000.000
216	1. Phải thu dài hạn khác	8	597.464.250	395.000.000
220	II. Tài sản cố định		888.296.901.457	981.971.979.497
221	1. Tài sản cố định hữu hình	12	842.270.931.790	925.140.436.177
222	- Nguyên giá		1.550.181.912.051	1.715.524.224.347
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(707.910.980.261)	(790.383.788.170)
227	2. Tài sản cố định vô hình	13	46.025.969.667	56.831.543.320
228	- Nguyên giá		55.620.544.010	68.819.552.152
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(9.594.574.343)	(11.988.008.832)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn		165.040.232.300	44.873.799.497
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	11	165.040.232.300	44.873.799.497
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn	4	656.047.351.300	646.827.240.129
252	1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		647.963.689.300	638.870.867.329
253	2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		8.491.514.600	8.491.514.600
254	3. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn		(407.852.600)	(535.141.800)
260	VI. Tài sản dài hạn khác		168.941.272.010	145.314.342.548
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	14	168.341.272.010	143.919.494.156
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	35.a	600.000.000	1.394.848.392
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		4.918.953.222.127	4.917.504.291.231

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2016
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	30/06/2016	01/01/2016
			VND	VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		1.975.103.622.291	1.924.215.058.500
310	I. Nợ ngắn hạn		1.812.822.895.601	1.800.610.784.387
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	15	544.183.549.179	571.664.467.750
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	16	23.614.473.387	95.368.632.658
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	17	44.443.972.683	29.164.746.632
314	4. Phải trả người lao động		56.856.655.551	110.252.303.880
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	18	22.243.355.030	34.017.384.934
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	19	5.371.054.034	18.530.302.185
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	20	305.010.940.292	365.956.116.354
320	8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	21	720.022.477.313	504.114.164.978
321	9. Dự phòng phải trả ngắn hạn	22	46.741.048.083	43.641.992.233
322	10. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		44.335.370.049	27.900.672.783
330	II. Nợ dài hạn		162.280.726.690	123.604.274.113
336	1. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	19	47.500.945.262	36.865.162.057
337	2. Phải trả dài hạn khác	20	6.653.548.282	8.900.875.882
338	3. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	21	45.104.098.091	17.213.189.000
341	4. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	35.b	3.531.942.577	234.802.801
342	5. Dự phòng phải trả dài hạn	22	48.725.167.484	49.382.894.377
343	6. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ		10.765.024.994	11.007.349.996
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		2.943.849.599.836	2.993.289.232.731
410	I. Vốn chủ sở hữu	23	2.940.717.255.382	2.981.559.990.574
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		1.550.000.000.000	1.550.000.000.000
411a	<i>Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết</i>		<i>1.550.000.000.000</i>	<i>1.550.000.000.000</i>
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		66.378.000.000	66.378.000.000
414	3. Vốn khác của chủ sở hữu		77.277.940.660	47.050.714.170
415	4. Cổ phiếu quỹ		(5.025.635.745)	(5.025.000.000)
417	5. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	25	161.944.888	84.376.333
418	6. Quỹ đầu tư phát triển		208.667.162.776	123.438.566.724
421	7. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		627.693.144.884	744.300.401.229
421a	<i>LNST chưa phân phối lũy kết đến cuối năm trước</i>		<i>383.874.561.685</i>	<i>423.190.425.666</i>
421b	<i>LNST chưa phân phối kỳ này</i>		<i>243.818.583.199</i>	<i>321.109.975.563</i>
429	9. Lợi ích cổ đông không kiểm soát		415.564.697.919	455.332.932.118
430	II. Nguồn kinh phí và quỹ khác		3.132.344.454	11.729.242.157
431	1. Nguồn kinh phí		(24.500.000)	4.011.662.947
432	2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	24	3.156.844.454	7.717.579.210
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		4.918.953.222.127	4.917.504.291.231

[Signature]

[Signature]



Đoàn Thị Lan Phương
Người lập

Phạm Tuấn Anh
Kế toán trưởng

Nguyễn Trọng Tiểu
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 15 tháng 08 năm 2016

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAM

Số 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ
Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	6 tháng đầu năm	6 tháng đầu năm
			2016	2015
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	27	3.685.973.926.849	4.515.384.767.286
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	28	50.821.472.436	183.172.340.298
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		3.635.152.454.413	4.332.212.426.988
11	4. Giá vốn hàng bán	29	3.167.092.400.656	3.717.995.837.565
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		468.060.053.757	614.216.589.423
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	30	150.910.464.545	42.437.463.788
22	7. Chi phí tài chính	31	24.994.644.001	37.819.631.772
23	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>		23.027.137.533	32.382.582.025
24	8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết		(38.752.053.895)	2.415.621.162
25	9. Chi phí bán hàng	32	77.964.902.067	99.198.381.938
26	10 Chi phí quản lý doanh nghiệp	33	109.338.951.572	161.856.486.553
30	11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		367.919.966.767	360.195.174.110
31	12. Thu nhập khác		4.788.256.475	2.300.171.153
32	13. Chi phí khác		7.631.444.721	1.526.371.234
40	14. Lợi nhuận khác		(2.843.188.246)	773.799.919
50	15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		365.076.778.521	360.968.974.029
51	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	34	53.308.492.646	71.969.631.643
52	17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	35.c	4.091.988.168	786.027.220
60	18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		<u>307.676.297.707</u>	<u>288.213.315.166</u>
61	19. Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ		243.818.583.199	191.656.903.126
62	20. Lợi nhuận sau thuế của Cổ đông không kiểm soát		63.857.714.508	96.556.412.040
70	21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	36	1.578	1.362
71	22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	37	1.401	1.401

[Signature]

Đoàn Thị Lan Phương
Người lập

[Signature]

Phạm Tuấn Anh
Kế toán trưởng



[Signature]
Nguyễn Trọng Tiểu
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 15 tháng 08 năm 2016

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016
(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	6 tháng đầu năm	6 tháng đầu năm
			2016	2015
			VND	VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
01	1. Lợi nhuận trước thuế		365.076.778.521	360.968.974.029
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		52.762.052.707	56.829.064.642
03	- Các khoản dự phòng		(7.785.471.950)	38.795.380.921
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		314.776.749	(1.339.737.105)
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(97.293.551.853)	(42.367.189.404)
06	- Chi phí lãi vay		23.027.137.533	32.382.582.025
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		336.101.721.707	445.269.075.108
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		(122.518.832.383)	(497.765.561.546)
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		324.807.838.705	(126.971.574.561)
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		(365.154.941.159)	163.971.966.687
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		(25.563.934.415)	(3.544.493.195)
13	- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh		(40.000.000.000)	-
14	- Tiền lãi vay đã trả		(22.053.691.071)	(31.988.721.750)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(43.264.234.155)	(60.303.538.844)
16	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		1.307.906.814	8.232.999.685
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(171.966.694.080)	(124.924.558.386)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		(128.304.860.037)	(228.024.406.802)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(205.842.336.619)	(87.077.489.522)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		838.418.620	730.350.000
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(267.155.377.778)	(106.934.979.564)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		129.300.672.000	143.871.000.000
26	5. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		10.893.542.810	-
27	6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		117.272.930.435	40.227.930.940
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(214.692.150.532)	(9.183.188.146)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	6 tháng đầu năm	6 tháng đầu năm
			2016	2015
			VND	VND
III LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
33	1. Tiền thu từ đi vay		1.125.539.887.526	1.119.760.403.454
34	2. Tiền trả nợ gốc vay		(797.622.506.040)	(1.060.743.769.841)
36	3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(228.980.401.400)	(162.999.880.000)
40	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>		<i>98.936.980.086</i>	<i>(103.983.246.387)</i>
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		(244.060.030.483)	(341.190.841.335)
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		518.493.494.834	770.927.664.834
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		(349.440.269)	557.935.641
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	3	<u>274.084.024.082</u>	<u>430.294.759.140</u>

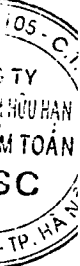
Đoàn Thị Lan Phương
Người lập

Phạm Tuấn Anh
Kế toán trưởng



Nguyễn Trọng Tiếu
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 15 tháng 08 năm 2016



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

1 . ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị điện Việt Nam được chuyển đổi từ doanh nghiệp Nhà nước - Tổng Công ty Thiết bị điện Việt Nam theo Quyết định số 1422/QĐ-TTg ngày 10 tháng 08 năm 2010 của Thủ tướng Chính Phủ, hoạt động theo Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0100100512 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 01 tháng 12 năm 2010, đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 16 tháng 09 năm 2015.

Trụ sở chính của Tổng Công ty được đặt tại: Số 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội.

Vốn điều lệ của Tổng Công ty theo đăng ký là 1.550.000.000.000 đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 30 tháng 06 năm 2016 là 1.550.000.000.000 đồng; tương đương 155.000.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Lĩnh vực kinh doanh

Thiết kế chế tạo, sản xuất, kinh doanh các sản phẩm thiết bị đo điện mang thương hiệu GELEX-EMIC như: Công tơ điện 1 pha, 3 pha cơ khí; Công tơ điện tử thông minh 1 pha, 3 pha đa chức năng; Máy biến dòng điện, máy biến điện áp đo lường trung thế, hạ thế và các thiết bị đo điện điện tử khác. Kinh doanh dịch vụ khách sạn.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty là:

- Sản xuất kinh doanh thiết bị điện dùng trong công nghiệp, nông nghiệp và dân dụng;
- Thiết kế, chế tạo, kinh doanh và sửa chữa các thiết bị đo đếm điện một pha, ba pha (có dòng điện một chiều và xoay chiều) các cấp điện áp hạ thế, trung thế và cao thế đến 220KV;
- Thi công, lắp đặt công trình đường dây, trạm biến áp đến 220KV;
- Thi công các công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp, giao thông, công trình thủy lợi;
- Kinh doanh bất động sản, dịch vụ khách sạn, du lịch và cho thuê văn phòng, nhà ở, nhà xưởng, kho bãi, kinh doanh tổ chức dịch vụ du lịch lữ hành nội địa và quốc tế;
- Kinh doanh, xuất nhập khẩu vật tư, thiết bị, phụ tùng máy móc;

Đối với các ngành nghề kinh doanh có điều kiện, doanh nghiệp chỉ được kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật.

Cấu trúc Tập đoàn

- **Tổng số Công ty con:**
- + Số lượng Công ty con được hợp nhất: 09 công ty (5 công ty con trực tiếp (trong đó có một công ty con đã thoái vốn trong kỳ) và 4 công ty con gián tiếp)
- + Số lượng Công ty con không được hợp nhất: không có

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAM

Số 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ
Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

- **Thông tin về tái cấu trúc Tổng Công ty:** Trong kỳ Công ty CP Khí cụ điện I hoàn tất việc phát hành tăng vốn điều lệ từ 34.000.000.000 đồng lên 45.600.000.000 đồng. Tổng Công ty mua thêm 510.305 cổ phần tương đương với 6.123.660.000 đồng. Điều này dẫn đến tỷ lệ lợi ích và tỷ lệ biểu quyết của Tổng Công ty giảm từ 51,3% xuống 49,24%. Thời điểm hoàn tất việc phát hành tăng vốn là ngày 18 tháng 01 năm 2016. Do vậy, trên báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016, khoản đầu tư vào Công ty CP Khí cụ điện I đang được trình bày là khoản đầu tư vào Công ty liên kết theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

Ngoài ra, Tổng Công ty đã thực hiện thoái toàn bộ 1.793.758 cổ phần của Công ty CP Chế tạo Bơm Hải Dương do Tổng Công ty đang nắm giữ trong kỳ tại ngày 13 tháng 06 năm 2016. Do vậy, số liệu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ tại ngày 30/06/2016 không bao gồm số liệu của Công ty CP Chế tạo Bơm Hải Dương, số liệu trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016 và các thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ tương ứng đã bao gồm số liệu của Công ty CP Chế tạo Bơm cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016.

- **Tổng Công ty có các công ty con được hợp nhất báo cáo tài chính tại thời điểm 30/06/2016 bao gồm:**

Tên công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty Cổ phần Dây cáp điện Việt Nam	TP. Hồ Chí Minh	65,006%	65,006%	Sản xuất kinh doanh dây và cáp điện
Công ty Cổ phần Chế tạo Điện cơ Hà Nội (1)	TP. Hà Nội	65,88%	65,88%	Sản xuất, chế tạo, kinh doanh thiết bị điện
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng GELEX (2)	TP. Hà Nội	65,00%	65,00%	Xây dựng dân dụng và công nghiệp
Công ty TNHH GELEX Campuchia	Phnom Penh, Campuchia	100,00%	100,00%	Kinh doanh, phân phối sản phẩm thiết bị điện
Công ty Cổ phần Chế tạo Bơm Hải Dương	Tỉnh Hải Dương	51,25%	51,25%	Sản xuất, chế tạo, kinh doanh máy bơm

(1) Lý do thay đổi đối với khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Chế tạo Điện cơ Hà Nội:

Trong kỳ, Công ty Cổ phần Chế tạo Điện cơ Hà Nội đã phát hành thành công cổ phiếu để trả cổ tức với số lượng cổ phiếu phân phối là 4.555.000 cổ phiếu. Do số lượng cổ phiếu để trả cổ tức không được xác định cho số lượng cổ phiếu quỹ tại Công ty con dẫn đến tỷ lệ lợi ích và tỷ lệ biểu quyết của Tổng Công ty tăng từ 65,84% lên 65,88%.

(2) Lý do thay đổi đối với khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng GELEX:

Trong kỳ, Tổng Công ty đã tham gia góp vốn thành lập Công ty CP Đầu tư Xây dựng Gelex với số tiền là 13 tỷ đồng, chiếm 65% vốn điều lệ. Đến thời điểm 30/06/2016, Tổng Công ty đã góp vốn đầy đủ theo đúng cam kết phần vốn góp của mình.

- **Tổng Công ty có các công ty con gián tiếp được hợp nhất báo cáo tài chính tại thời điểm 30/06/2016 bao gồm:**

Tên công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty Cổ phần Điện cơ Hà Nội	TP. Hồ Chí Minh	51,75%	78,48%	Sản xuất và kinh doanh sản phẩm ngành điện
Trường Cao đẳng Công nghệ Hà Nội	TP. Hà Nội	35,94%	54,59%	Đào tạo, bồi dưỡng cao đẳng và dạy nghề
Công ty TNHH Cadivi Đồng Nai	Tỉnh Đồng Nai	65,09%	100,00%	Kinh doanh, phân phối sản phẩm thiết bị điện
Công ty Cổ phần Cadivi Miền Bắc (*)	Hà Nội	65,09%	100,00%	Kinh doanh, phân phối sản phẩm thiết bị điện

(*) Trong kỳ, Công ty con của Tổng Công ty là Công ty Cổ phần Dây cáp điện Việt Nam đã thành lập Công ty con là CTCP Cadivi Miền Bắc ngày 22/04/2016.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAMSố 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**
Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

- Tổng Công ty có các công ty liên kết, cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát quan trọng được phản ánh trong báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu tại thời điểm 30/06/2016 bao gồm:

<u>Tên công ty</u>	<u>Địa chỉ</u>	<u>Tỷ lệ lợi ích</u>	<u>Tỷ lệ quyền biểu quyết</u>	<u>Hoạt động kinh doanh chính</u>
Công ty CP Chế tạo Máy điện Việt Nam - Hungari	TP. Hà Nội	34,27%	34,27%	Sản xuất, chế tạo, kinh doanh thiết bị điện
Công ty Cổ phần Thiết bị điện	Tỉnh Đồng Nai	43,44%	43,44%	Sản xuất, chế tạo, kinh doanh thiết bị điện
Công ty CP Vật tư và Xây dựng Hà Nội	TP. Hà Nội	45,00%	45,00%	Xây dựng dân dụng và công nghiệp
Công ty CP Sản xuất và Thương mại EMIC	TP. Hà Nội	25,50%	25,50%	Sản xuất, chế tạo, kinh doanh thiết bị điện
Công ty Dây đồng Việt Nam - CFT	Tỉnh Đồng Nai	36,35%	36,35%	Sản xuất dây đồng và dây đồng tráng thiếc
Công ty TNHH S.A.S - CTAMAD	TP. Hà Nội	23,11%	23,11%	Kinh doanh khách sạn, dịch vụ du lịch
Công ty Cổ phần Khí cụ điện 1	TP. Hà Nội	49,24%	49,24%	Sản xuất, chế tạo, kinh doanh thiết bị điện

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI TỔNG CÔNG TY**2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Kỳ kế toán năm của Tổng Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng*Chế độ kế toán áp dụng*

Tổng Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC hướng dẫn Phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Tổng Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAM

Số 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ
Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

2.3 . Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tổng Công ty được lập trên cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Tổng Công ty và Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của các công ty con do Tổng Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016. Việc kiểm soát đạt được khi Tổng Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Báo cáo tài chính giữa niên độ của các công ty con được áp dụng các chính sách kế toán nhất quán với các chính sách kế toán của Tổng Công ty. Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để đảm bảo tính nhất quán trong các chính sách kế toán được áp dụng tại Tổng Công ty và các công ty con.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất từ ngày mua lại hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty đó.

Các số dư, thu nhập và chi phí chủ yếu, kể cả các khoản lãi hay lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi hợp nhất Báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Tổng Công ty.

Lãi, lỗ khi có sự thay đổi tỷ lệ sở hữu tại công ty con: Trường hợp công ty con huy động thêm vốn góp từ các chủ sở hữu: Khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất, công ty mẹ xác định và điều chỉnh lại sự biến động giữa phần sở hữu của mình và cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con tại thời điểm trước và sau khi huy động thêm vốn.

2.4 . Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Tổng Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Tổng Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

2.5 . Chuyển đổi Báo cáo tài chính lập bằng ngoại tệ sang Đồng Việt Nam

Báo cáo tài chính lập bằng ngoại tệ được chuyển đổi sang Báo cáo tài chính lập bằng đồng Việt Nam theo các tỷ giá sau: tài sản và nợ phải trả theo tỷ giá cuối kỳ, vốn đầu tư của chủ sở hữu theo tỷ giá tại ngày góp vốn, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ theo tỷ giá bình quân kỳ kế toán.

2.6 . Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong kỳ kế toán được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế này được xác định theo nguyên tắc sau:

- Khi mua bán ngoại tệ là tỷ giá được quy định trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Tổng Công ty và ngân hàng thương mại;
- Khi góp vốn là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Tổng Công ty mở tài khoản tại ngày góp vốn hoặc Khi nhận góp vốn là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Tổng Công ty mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn;
- Khi ghi nhận nợ phải thu là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi ghi nhận nợ phải trả là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi mua sắm tài sản hoặc thanh toán ngay bằng ngoại tệ là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty thực hiện thanh toán.

Nếu Tổng Công ty áp dụng tỷ giá thực tế là tỷ giá xấp xỉ thì tỷ giá này chênh lệch không quá 1% so với tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ: áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Tổng Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả: áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán.

2.7 . Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2.8 . Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại thời điểm nhất định trong tương lai, các khoản cho vay,... được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư vào các công ty con và công ty liên doanh liên kết mua trong kỳ bên mua xác định ngày mua, giá phí khoản đầu tư và thực hiện thủ tục kế toán theo đúng quy định của Chuẩn mực kế toán "Hợp nhất kinh doanh" và "Đầu tư vào công ty liên doanh liên kết". Trong Báo cáo tài chính hợp nhất các khoản đầu tư vào công ty liên kết được kế toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm: các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Giá trị ghi sổ ban đầu của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Cổ tức nhận bằng cổ phiếu chỉ thực hiện ghi nhận số lượng cổ phiếu được nhận, không ghi nhận tăng giá trị khoản đầu tư và doanh thu hoạt động tài chính.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối kỳ cụ thể như sau:

- Đối với các khoản đầu tư chứng khoán kinh doanh: căn cứ trích lập dự phòng là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.
- Đối với khoản đầu tư nắm giữ lâu dài (không phân loại là chứng khoán kinh doanh) và không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư: nếu khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý của khoản đầu tư được xác định tin cậy thì việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu; nếu khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo thì việc lập dự phòng căn cứ vào Báo cáo tài chính tại thời điểm trích lập dự phòng của bên được đầu tư.
- Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: căn cứ khả năng thu hồi để lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật.

2.9 . Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Tổng Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

2.10 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang: chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo chi phí phát sinh thực tế cho từng loại sản phẩm chưa hoàn thành.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối kỳ là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.11 . Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	20 - 50 năm
- Máy móc, thiết bị	03 - 15 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	05 - 10 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 10 năm
- Tài sản cố định khác	03 - 05 năm
- Phần mềm quản lý	03 năm

2.12 . Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

2.13 . Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Tổng Công ty.

2.14 . Vay

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay, nợ thuê tài chính. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

2.15 . Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”.

2.16 . Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như tiền lương nghỉ phép, chi phí trong thời gian ngừng sản xuất theo mùa, vụ, chi phí lãi tiền vay phải trả... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong kỳ. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAM

Số 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ
Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

2.17 . Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng phải trả chỉ được ghi nhận khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Tổng Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra;
- Sự giảm sút về những lợi ích kinh tế có thể xảy ra dẫn đến việc yêu cầu phải thanh toán nghĩa vụ nợ;
- Đưa ra được một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.

Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tổng Công ty áp dụng tỷ lệ trích lập dự phòng bảo hành hàng hóa 5% trên giá trị hợp đồng căn cứ theo các điều khoản hợp đồng cụ thể.

Chi những khoản chi phí liên quan đến khoản dự phòng phải trả đã lập ban đầu mới được bù đắp bằng khoản dự phòng phải trả đó.

Dự phòng phải trả được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh của kỳ kế toán. Khoản chênh lệch giữa số dự phòng phải trả đã lập ở kỳ kế toán trước chưa sử dụng hết lớn hơn số dự phòng phải trả lập ở kỳ báo cáo được hoàn nhập ghi giảm chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

2.18 . Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện gồm doanh thu nhận trước như: số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều kỳ kế toán về cho thuê tài sản.

Doanh thu chưa thực hiện được kết chuyển vào Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ theo số tiền được xác định phù hợp với từng kỳ kế toán.

2.19 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Vốn khác thuộc Vốn chủ sở hữu phản ánh số vốn kinh doanh được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh hoặc do được tặng, biếu, tài trợ, đánh giá lại tài sản (nếu được phép ghi tăng, giảm Vốn đầu tư của chủ sở hữu).

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Tổng Công ty phát hành và được Tổng Công ty mua lại, cổ phiếu này không bị hủy bỏ và sẽ được tái phát hành trở lại trong khoảng thời gian theo quy định của pháp luật về chứng khoán. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế mua lại và trình bày trên Bảng cân đối kế toán là một khoản ghi giảm Vốn đầu tư của chủ sở hữu. Giá vốn của cổ phiếu quỹ khi tái phát hành hoặc khi sử dụng để trả cổ tức, thưởng... được tính theo phương pháp bình quân gia quyền.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Tổng Công ty. Việc phân phối lợi nhuận được thực hiện khi Tổng Công ty có lợi nhuận sau thuế chưa phân phối không vượt quá mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất sau khi đã loại trừ ảnh hưởng của các khoản lãi do ghi nhận từ giao dịch mua giá rẻ. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Tổng Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng cân đối kế toán của Tổng Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Đại hội đồng cổ đông Tổng Công ty, Thông báo của Hội đồng quản trị và Tổng Công ty hoàn thành việc chốt danh sách cổ đông để chi trả cổ tức.

2.20 . Doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Tổng Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Tổng Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Tổng Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

Cổ phiếu thường hay cổ tức trả bằng cổ phiếu: Không ghi nhận khoản thu nhập khi quyền được nhận cổ phiếu thường hay cổ tức bằng cổ phiếu được xác lập, số lượng cổ phiếu thường hay cổ tức bằng cổ phiếu nhận được thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ có liên quan.

2.21 . Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong kỳ gồm: Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh. Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc: nếu phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ thì ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của kỳ lập báo cáo (kỳ trước), và nếu phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ thì ghi giảm doanh thu của kỳ phát sinh (kỳ sau).

2.22 . Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong kỳ được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong kỳ và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

2.23 . Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thanh lý, chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán;
- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.24 . Thuế thu nhập doanh nghiệp

a) Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và Thuế thu nhập hoãn lại phải trả

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được xác định dựa trên tổng chênh lệch tạm thời được khấu trừ và giá trị được khấu trừ chuyển sang kỳ sau của các khoản lỗ tính thuế và ưu đãi thuế chưa sử dụng. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định dựa trên các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế.

Tài sản thuế TNDN hoãn lại và Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất thuế TNDN hiện hành (hoặc thuế suất dự tính thay đổi trong tương lai nếu việc hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại hoặc thuế thu nhập hoãn lại phải trả nằm trong thời gian thuế suất mới có hiệu lực), dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

b) Chi phí thuế TNDN hiện hành và Chi phí thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong kỳ và thuế suất thuế TNDN trong kỳ kế toán hiện hành.

Chi phí thuế TNDN hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.

Không bù trừ chi phí thuế TNDN hiện hành với chi phí thuế TNDN hoãn lại.

T. T.
NHAN
MITO
ASCO
KIEM
CÔNG
NHIỆM
3 KIẾ
AA
KIEM

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAMSố 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**
Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016**2.25 . Các bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Tổng Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Tổng Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Tổng Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Tổng Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Tổng Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Tổng Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Tổng Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới Tổng Công ty.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, Tổng Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<u>30/06/2016</u>	<u>01/01/2016</u>
	VND	VND
Tiền mặt	3.919.149.666	4.581.166.806
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	216.726.593.916	332.609.053.154
Tiền đang chuyển	2.838.280.500	-
Các khoản tương đương tiền	50.600.000.000	181.303.274.874
	<u><u>274.084.024.082</u></u>	<u><u>518.493.494.834</u></u>

Tại 30/06/2016, các khoản tương đương tiền là tiền gửi có kỳ hạn không quá 03 tháng được gửi tại các ngân hàng thương mại với lãi suất quy định tại từng Ngân hàng ở từng thời điểm.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAMSố 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**
Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016**4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH****a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	30/06/2016		01/01/2016	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
	VND	VND	VND	VND
Đầu tư ngắn hạn	571.155.377.778	571.155.377.778	448.433.560.889	448.433.560.889
- Tiền gửi có kỳ hạn (1)	341.155.377.778	341.155.377.778	448.433.560.889	448.433.560.889
- Các khoản đầu tư khác (2)	230.000.000.000	230.000.000.000	-	-
	571.155.377.778	571.155.377.778	448.433.560.889	448.433.560.889

(1) Bao gồm các hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn trên 03 tháng tại các Ngân hàng thương mại, với lãi suất quy định tại từng Ngân hàng ở từng thời điểm.

(2) Hợp đồng ủy thác đầu tư với Công ty TNHH MTV Quản lý quỹ NHTMCP Công thương Việt Nam theo Hợp đồng số 01/2016/HĐQLDMĐT/VTBC-GELEX ngày 22 tháng 6 năm 2016:

- Thời hạn quản lý danh mục đầu tư là 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng này;
- Tại thời điểm 30/06/2016, danh mục đầu tư của Tổng Công ty bao gồm:
 - + 180 trái phiếu của Công ty Cổ phần Chứng khoán IB với mệnh giá 1 tỷ đồng/trái phiếu tương đương với số tiền là 180 tỷ đồng; Ngày phát hành: 27/06/2016; Ngày đáo hạn: 27/06/2017; Lãi suất: 9%/năm;
 - + 50 trái phiếu của Công ty Cổ phần SCI với mệnh giá 1 tỷ đồng/trái phiếu tương đương với số tiền là 50 tỷ đồng; Ngày phát hành: 25/12/2015; Ngày đáo hạn: 25/12/2018; Lãi suất: 10%/năm.

b) Chứng khoán kinh doanh

Tại ngày 30/06/2016, Tổng Công ty đang nắm giữ 40 chứng chỉ tiền gửi của Công ty Tài chính TNHH HD Saison với giá trị là 40 tỷ đồng có kỳ hạn là 1 năm, lãi suất: 10%/năm (Ngày phát hành: 24/03/2016).

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAMSố 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**
Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016**4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH****c) Đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết**

	30/06/2016			01/01/2016			
	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Giá trị ghi sổ theo phương pháp vốn chủ sở hữu	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Giá trị ghi sổ theo phương pháp vốn chủ sở hữu
			VND			VND	
- Công ty Cổ phần Chế tạo Máy điện Việt Nam - Hungari	TP. Hà Nội	34,27%	34,27%	12.626.655	34,27%	34,27%	20.360.017.528
- Công ty Cổ phần Vật tư và Xây dựng Hà Nội	TP. Hà Nội	45,00%	45,00%	4.616.362.416	45,00%	45,00%	5.528.359.676
- Công ty Dây Đồng Việt Nam - CFT	Tỉnh Đồng Nai	36,35%	36,35%	97.652.226.167	36,35%	36,35%	114.115.327.257
- Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại EMIC	TP. Hà Nội	25,50%	25,50%	5.842.384.249	25,50%	25,50%	7.049.361.952
- Công ty Cổ phần Thiết bị điện	Tỉnh Đồng Nai	43,44%	43,44%	209.761.071.444	43,44%	43,44%	198.878.604.355
- Công ty TNHH SAS - CTAMAD	TP. Hà Nội	23,11%	23,11%	283.915.025.934	23,11%	23,11%	292.939.196.561
- Công ty Cổ phần Khí cụ điện I	TP. Hà Nội	49,24%	49,24%	46.163.992.435			
				647.963.689.300			638.870.867.329

Các giao dịch trọng yếu giữa Tổng Công ty và Công ty liên doanh, liên kết trong kỳ: Xem thuyết minh số 42.



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAM

Số 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ
Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

d) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	30/06/2016		01/01/2016	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	2.178.670.000	(407.852.600)	2.178.670.000	(535.141.800)
- Công ty Cổ phần Dây cáp điện Việt Thái	4.995.833.299	-	4.995.833.299	-
- Công ty Cổ phần Công nghệ cao	1.057.011.301	-	1.057.011.301	-
- Công ty Cổ phần XNK Dịch vụ và Đầu tư Việt Nam	260.000.000	-	260.000.000	-
	8.491.514.600	(407.852.600)	8.491.514.600	(535.141.800)

Tổng Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý. Dự phòng các khoản đầu tư tài chính được trích lập dựa trên giá trị trường của cổ phiếu đang niêm yết trên sàn HNX, HSX và Upcom.

ASCO
CÔNG TY CỔ PHẦN
THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAM
QUẬN HAI BÀ TRƯNG
THÀNH PHỐ HÀ NỘI
23/06/2016

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAM

Số 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ
Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

5 . PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	<u>30/06/2016</u>	<u>01/01/2016</u>
	VND	VND
a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng có số dư lớn		
- Tổng công ty Điện lực Miền Nam	76.578.302.260	67.408.349.632
- Myanmar Solar Rays Co., Ltd Solar Rays Electrical Trading	33.262.594.874	38.775.578.887
- Công ty Cổ phần Sản xuất Thanh Vân	19.260.526.417	19.260.526.417
- Công ty Cổ phần Đầu tư Sản xuất Thương mại Đức Tường PQ	24.740.445.784	51.114.618.503
- Công ty TNHH Thiết bị điện Quý Dân	91.247.765.726	61.550.243.456
- Công ty Cổ phần Thương mại Điện máy Kim Biên	51.789.266.182	63.448.616.616
- Công ty Cổ phần Dây cáp điện Việt Thái	15.754.002.000	15.811.537.610
- Công ty Cổ phần Dây và cáp Sacom	-	23.736.287.344
- Công ty Cổ phần Điện máy Thành phố Hồ Chí Minh	35.516.134.344	46.710.170.167
- Công ty TNHH MTV Điện lực Đồng Nai	68.248.466.699	6.448.347.775
- Công ty Cổ phần Đầu tư Mai Tiến Phát	52.221.228.964	44.233.677.915
- Các khoản phải thu khách hàng khác	704.759.199.887	525.551.160.530
	<u>1.173.377.933.136</u>	<u>964.049.114.852</u>
b) Phải thu khách hàng là các bên liên quan		
Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 42.	<u>31.358.524.458</u>	<u>88.242.658.500</u>

6 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	<u>30/06/2016</u>		<u>01/01/2016</u>	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
- RMM Metallhandel	6.871.886.896	(6.871.886.896)	6.871.886.896	(6.871.886.896)
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Truyền thông và Dữ liệu	2.146.000.000	-	-	-
- Công ty Cổ phần sản xuất và thương mại EMIC	-	-	5.735.060.102	-
- Vinabid Impex Co.,ltd	4.843.056.900	-	-	-
- Trả trước cho người bán khác	20.155.818.014	-	29.926.348.304	-
	<u>34.016.761.810</u>	<u>(6.871.886.896)</u>	<u>42.533.295.302</u>	<u>(6.871.886.896)</u>

7 . PHẢI THU VỀ CHO VAY NGẮN HẠN

	<u>30/06/2016</u>	<u>01/01/2016</u>
	VND	VND
Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại EMIC	-	16.000.000.000
Công ty Cổ phần Chế tạo Máy điện Việt Nam - Hungari	12.385.120.000	12.385.120.000
Công ty Cổ phần Vật tư và Xây dựng Hà Nội	4.500.000.000	4.500.000.000
Cho vay ngắn hạn của Công ty Cổ phần Khí cụ Điện 1	-	308.402.700
	<u>16.885.120.000</u>	<u>33.193.522.700</u>

Số dư phải thu về cho vay phản ánh các khoản cho vay từ 03 tháng đến 12 tháng với lãi suất bằng với lãi suất tại các Ngân hàng thương mại mà Tổng Công ty đang giao dịch ở từng thời điểm.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAM

Số 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ
Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

8 . PHẢI THU KHÁC

	30/06/2016		01/01/2016	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
a) Ngắn hạn				
Phải thu về cổ tức và lợi nhuận được chia	1.078.500.000	-	-	-
Phải thu về lãi tiền gửi, tiền cho vay	2.448.377.447	-	2.491.439.432	-
Phải thu người lao động	8.198.155	-	-	-
Phải thu về bảo hiểm xã hội	78.645.395	-	41.546.350	-
Tạm ứng	7.032.052.612	-	4.890.590.185	-
Ký cược, ký quỹ	4.447.590.920	-	3.632.172.469	-
Tạm ứng tiền thưởng HĐQT, ban điều hành	-	-	1.100.000.000	-
Phải thu khác	385.165.351	-	489.013.136	-
	15.478.529.880	-	12.644.761.572	-
b) Dài hạn				
Ký cược, ký quỹ	597.464.250	-	395.000.000	-
	597.464.250	-	395.000.000	-

9 . NỢ XẤU

	30/06/2016		01/01/2016	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi (*)	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi (*)
	VND	VND	VND	VND
Tổng giá trị các khoản phải thu quá hạn thanh toán khó có khả năng thu hồi				
- Công ty Cổ phần Sản xuất Thanh Vân (1)	19.231.526.417		19.260.526.417	
- RMM METALLHANDEL GMBH (2)	6.871.886.896		6.871.886.896	
- Các khoản khác	18.695.688.939	5.774.218.989	30.709.480.227	10.209.328.187
	44.799.102.252	5.774.218.989	56.841.893.540	10.209.328.187

Ghi chú:

(*) Giá trị có thể thu hồi được trình bày trên cơ sở trích lập theo hướng dẫn của Thông tư 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009. Tuy nhiên, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty và công ty con xác định các khoản nợ xấu đều có khả năng thu hồi do Tổng Công ty và các công ty con vẫn đang tiếp tục thực hiện cung cấp sản phẩm, hàng hóa cho các đối tác này.

(1) Đối với khoản nợ phải thu Công ty Cổ phần Sản xuất Thanh Vân của Công ty con - Công ty Cổ phần Dây cáp điện Việt Nam (CADIVI), CADIVI đã kiện bên nợ ra tòa án và đã có bản án buộc bên nợ phải trả cho CADIVI theo số tiền nợ ghi nhận. Việc thực hiện bản án đang tiến hành. Khi có các thông tin khác về việc thi hành án, CADIVI sẽ công bố thông tin. Tại thời điểm 30/06/2016, CADIVI chưa đánh giá được giá trị có thể thu hồi của khoản công nợ này. Khoản nợ xấu này đã được CADIVI trích lập dự phòng 100%.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAM

Số 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ
Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

Ghi chú (tiếp theo):

(2) Đối với khoản nợ phải thu RMM METALLHANDEL GMBH của Công ty con - Công ty Cổ phần Dây cáp điện Việt Nam hiện đang chờ Tòa án Liên bang Đức xử phá sản đối với RMM. Tại thời điểm 30/06/2016, CADIVI chưa đánh giá được giá trị có thể thu hồi của khoản công nợ này. Khoản nợ xấu này đã được CADIVI trích lập dự phòng 100%.

10 . HÀNG TỒN KHO

	30/06/2016		01/01/2016	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Hàng mua đang đi đường	-	-	6.301.117.300	-
Nguyên liệu, vật liệu	346.014.163.615	-	318.564.535.179	-
Công cụ, dụng cụ	3.913.240.319	-	3.436.578.236	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	110.600.465.357	-	112.003.204.172	-
Thành phẩm	420.278.312.073	(723.740.777)	596.464.177.207	(5.164.038.845)
Hàng hoá	40.835.809.845	-	44.288.279.252	(279.751.000)
Hàng gửi đi bán	20.016.278.475	-	13.415.128.195	-
	941.658.269.684	(723.740.777)	1.094.473.019.541	(5.443.789.845)

11 . CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	30/06/2016 VND	01/01/2016 VND
Xây dựng cơ bản dở dang	20.456.987.628	40.276.323.737
- Xây dựng Văn phòng Khách sạn tại số 10 Trần Nguyên Hãn	4.138.214.910	4.138.214.910
- Xây dựng trụ sở làm việc Tổng Công ty tại 52 Lê Đại Hành	3.110.965.816	4.526.282.862
- Dự án Nhà máy Cấp điện và xưởng sản xuất dây điện tử tại Tân Phú Trung của Công ty CP Dây cáp điện Việt Nam	11.727.047.447	7.796.532.540
- Dự án Nhà máy cáp điện Cadivi Miền Trung	-	369.500.750
- Dự án Xây dựng nhà xưởng sản xuất và văn phòng KCN Đại Đồng - Hoàn Sơn - Tiên Du - Bắc Ninh	-	16.141.737.636
- Dự án đầu tư sản xuất MBA Amorphous	-	5.243.205.244
- Công trình khác	1.480.759.455	2.060.849.795
Mua sắm tài sản cố định	138.312.481.400	3.882.522.088
- Phần mềm ERP	3.287.000.400	3.287.000.400
- Quyền sử dụng đất 799 Kinh Dương Vương	110.879.846.000	-
- Mua sắm máy móc thiết bị tại Công ty Cổ phần Dây cáp điện Việt Nam	20.369.642.191	-
- Tài sản khác	3.775.992.809	595.521.688
Sửa chữa lớn tài sản cố định	6.270.763.272	714.953.672
- Sửa chữa lớn, nâng cấp máy móc tại Công ty Cổ phần Dây cáp điện Việt Nam	2.388.876.750	622.856.122
- Sửa chữa lớn các tài sản khác	3.881.886.522	92.097.550
	165.040.232.300	44.873.799.497



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAM

Số 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ
Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

12 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	754.584.676.524	763.869.478.657	94.295.631.934	102.774.437.232	1.715.524.224.347
- Mua trong kỳ	106.689.400	9.786.745.129	8.904.194.949	265.643.823	19.063.273.301
- Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	26.702.982.912	16.976.694.417	-	1.921.097.404	45.600.774.733
- Giảm do chuyển đổi báo cáo công ty con	-	-	(10.935.000)	(762.940)	(11.697.940)
- Thanh lý, nhượng bán	-	(14.678.164.937)	(2.247.993.970)	(192.059.765)	(17.118.218.672)
- Giảm do mất quyền kiểm soát tại công ty con	(88.146.772.793)	(101.101.216.334)	(21.373.761.791)	(2.254.692.800)	(212.876.443.718)
Số dư cuối kỳ	693.247.576.043	674.853.536.932	79.567.136.122	102.513.662.954	1.550.181.912.051
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	248.448.543.538	460.546.486.295	59.367.228.702	22.021.529.635	790.383.788.170
- Khấu hao trong kỳ	14.263.390.459	25.043.963.983	4.698.911.038	4.022.844.230	48.029.109.710
- Hao mòn trong kỳ	-	3.572.969.890	-	-	3.572.969.890
- Giảm do chuyển đổi báo cáo công ty con	-	-	(5.363.215)	(633.837)	(5.997.052)
- Thanh lý, nhượng bán	-	(13.523.654.706)	(938.336.187)	(36.461.250)	(14.498.452.143)
- Giảm do mất quyền kiểm soát tại công ty con	(38.816.359.233)	(64.730.247.469)	(14.449.636.816)	(1.574.194.796)	(119.570.438.314)
Số dư cuối kỳ	223.895.574.764	410.909.517.993	48.672.803.522	24.433.083.982	707.910.980.261
Giá trị còn lại					
Tại ngày đầu năm	506.136.132.986	303.322.992.362	34.928.403.232	80.752.907.597	925.140.436.177
Tại ngày cuối kỳ	469.352.001.279	263.944.018.939	30.894.332.600	78.080.578.972	842.270.931.790

Trong đó:

- Giá trị còn lại cuối kỳ của tài sản cố định hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 105.731.000.000 đồng
- Nguyên giá tài sản cố định cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 337.236.872.522 đồng
- Nguyên giá tài sản cố định cuối kỳ chờ thanh lý: 735.006.693 đồng

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAM

Số 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ
Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

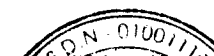
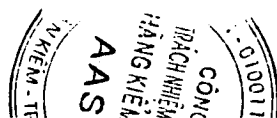
13 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất (*)	Phần mềm máy tính	Bản quyền, bằng sáng chế	Tài sản cố định vô hình khác	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	58.907.317.659	7.263.595.067	-	2.648.639.426	68.819.552.152
- Mua trong kỳ	-	-	244.481.111	-	244.481.111
- Giảm do mất quyền kiểm soát tại Công ty con	(7.376.289.253)	(6.067.200.000)	-	-	(13.443.489.253)
- Phân loại lại	2.585.257.553	63.381.873	-	(2.648.639.426)	-
Số dư cuối kỳ	54.116.285.959	1.259.776.940	244.481.111	-	55.620.544.010
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	7.851.827.153	2.751.544.508	-	1.384.637.171	11.988.008.832
- Khấu hao trong kỳ	591.418.944	1.529.299.998	12.224.055	-	2.132.942.997
- Giảm do mất quyền kiểm soát tại Công ty con	(1.403.419.431)	(3.122.958.055)	-	-	(4.526.377.486)
- Phân loại lại	1.308.580.025	76.057.146	-	(1.384.637.171)	-
Số dư cuối kỳ	8.348.406.691	1.233.943.597	12.224.055	-	9.594.574.343
Giá trị còn lại					
Tại ngày đầu năm	51.055.490.506	4.512.050.559	-	1.264.002.255	56.831.543.320
Tại ngày cuối kỳ	45.767.879.268	25.833.343	232.257.056	-	46.025.969.667

Trong đó:

- Giá trị còn lại cuối kỳ của tài sản cố định hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 46.025.969.667 đồng
- Nguyên giá tài sản cố định cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 1.124.776.940 đồng

(*) Giá trị quyền sử dụng đất bao gồm giá trị quyền sử dụng đất có thời hạn với tổng số tiền là 50.991.285.959 đồng, là quyền sử dụng đất tại 70-72 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Quận 1, thành phố Hồ Chí Minh, với thời hạn sử dụng là 50 năm bắt đầu từ ngày 19/10/2007. Còn lại là quyền sử dụng đất lâu dài với tổng số tiền là 3.125.000.000 đồng tại Lô số 4B1 và 5B1 đường 2/9 phường Hòa Cường Bắc quận Hải Châu Thành phố Đà Nẵng.



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAMSố 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**
Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016**14 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	<u>30/06/2016</u>	<u>01/01/2016</u>
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
Công cụ dụng cụ xuất dùng	1.427.369.194	1.237.762.135
Chi phí thuê kho, văn phòng, thuê đất	75.000.015	65.000.925
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	4.059.941.205	1.103.823.678
	<u>5.562.310.414</u>	<u>2.406.586.738</u>
b) Dài hạn		
Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	11.784.662.455	11.812.029.259
Chi phí sửa chữa lớn TSCĐ chờ phân bổ	5.770.698.098	6.104.468.867
Chi phí xây dựng hạ tầng và san nền	13.009.793.764	13.276.448.872
Chi phí thuê đất trả trước	136.692.399.813	111.421.492.433
Chi phí trả trước dài hạn khác	1.083.717.880	1.305.054.725
	<u>168.341.272.010</u>	<u>143.919.494.156</u>



TÔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAMSố 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**
Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016**15 PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN**

	30/06/2016		01/01/2016	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
a) Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn				
- Công ty LG International (HK)	-	-	35.028.075.466	35.028.075.466
- LS NIKKO COPPER INC.	88.524.119.281	88.524.119.281	33.654.074.601	33.654.074.601
- Công ty TNHH MTV Sản xuất và Thương mại Tân Nghệ Nam	-	-	56.157.913.449	56.157.913.449
- Công ty Cổ phần Dây cáp điện Việt Thái	19.281.990.660	19.281.990.660	17.279.749.520	17.279.749.520
- Công ty Cổ phần Địa ốc - Cáp điện Thịnh Phát	16.528.407.574	16.528.407.574	51.654.495.103	51.654.495.103
- Công ty Cổ phần Kim loại màu và nhựa Đồng Việt	15.202.470.699	15.202.470.699	73.838.368.564	73.838.368.564
- Công ty Cổ phần Dây và cáp Sacom	-	-	25.052.616.758	25.052.616.758
- DAEWOO INTERNATIONAL CORP.	-	-	13.418.105.039	13.418.105.039
- Công ty Dây đồng Việt Nam CFT	15.025.742.587	15.025.742.587	94.473.185.907	94.473.185.907
- Shaanxi saame import and export Co.,LTD	56.310.579.816	56.310.579.816	1.740.727.500	1.740.727.500
- Công ty Cổ phần Chế tạo thiết bị điện Việt Nam	25.216.619.438	25.216.619.438	-	-
- Phải trả các đối tượng khác	308.093.619.124	308.093.619.124	169.367.155.843	169.367.155.843
	544.183.549.179	544.183.549.179	571.664.467.750	571.664.467.750
b) Phải trả người bán là các bên liên quan				
(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 42.)	47.278.873.234	47.278.873.234	95.298.974.007	95.298.974.007

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAMSố 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**
Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016**16 . NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGÁN HẠN**

	<u>30/06/2016</u>	<u>01/01/2016</u>
	VND	VND
Công ty TNHH Thương mại Đức Biên	12.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Mai Tiến Phát	2.550.000.000	-
Tổng Công ty Điện lực Thành phố Hồ Chí Minh	-	6.553.307.491
BQL Dự án Công trình Thủy lợi Nội đồng - Trạm Cổ Ngựa	-	12.350.545.800
Công ty TNHH MTV khai thác công trình thủy lợi Bình Thuận - TB Lê Hồng Phong	-	27.874.021.973
BQL Dự án Đầu tư Xây dựng Huyện Quốc Oai - TB Đông Yên - TB cơ khí	-	10.080.647.000
Đối tượng khác	9.064.473.387	38.510.110.394
	<u><u>23.614.473.387</u></u>	<u><u>95.368.632.658</u></u>

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAMSố 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**
Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016**17 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC**

	Số phải thu đầu năm	Số phải nộp đầu năm	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	Tăng/giảm do mất quyền kiểm soát tại Công ty con	Số phải thu cuối kỳ	Số phải nộp cuối kỳ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	9.632.950	2.807.175.258	88.906.091.388	81.408.001.991	161.861.216	14.053.550	10.147.824.039
Thuế Xuất khẩu, Nhập khẩu	6.688.381	-	768.588.008	778.389.008	-	16.489.381	-
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	-	24.083.794.257	53.847.224.087	43.264.234.155	1.561.514.940	-	33.105.269.249
Thuế Thu nhập cá nhân	-	2.269.616.877	13.921.117.908	14.965.471.742	107.522.990	28.582.697	1.146.322.750
Thuế Nhà đất, Tiền thuê đất	-	4.160.240	2.713.589.937	3.419.791.227	(707.563.150)	-	5.522.100
Các loại thuế khác	-	-	146.677.674	107.643.129	-	-	39.034.545
	16.321.331	29.164.746.632	160.303.289.002	143.943.531.252	1.123.335.996	59.125.628	44.443.972.683

Quyết toán thuế của Tổng Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAMSố 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**
Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016**18 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN**

	<u>30/06/2016</u>	<u>01/01/2016</u>
	VND	VND
- Chi phí lãi vay	697.500.146	197.007.906
- Trích trước chi phí vận chuyển, thuê kho, phí bảo vệ, tiền	3.124.727.253	4.257.853.767
- Trích trước lãi ký quỹ và các khoản chiết khấu	10.624.702.371	14.196.798.172
- Phí bản quyền của hợp đồng Lixang AVK	-	3.070.875.500
- Chi phí thuê đất tại số 16 Nguyễn Biều, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh của CTCP Dây cáp điện Việt Nam	-	1.413.720.000
- Trích trước chi phí khuyến mại theo quy chế đại lý	3.000.000.000	6.974.241.959
- Chi phí phải trả khác	4.796.425.260	3.906.887.630
	<u>22.243.355.030</u>	<u>34.017.384.934</u>

19 . DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN

	<u>30/06/2016</u>	<u>01/01/2016</u>
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
- Doanh thu nhận trước cho thuê văn phòng, tài sản	1.629.494.952	1.367.584.028
- Doanh thu nhận trước từ tiền thu học phí	-	2.245.263.612
- Các khoản doanh thu chưa thực hiện khác	3.741.559.082	14.917.454.545
	<u>5.371.054.034</u>	<u>18.530.302.185</u>
b) Dài hạn		
- Doanh thu nhận trước cho thuê văn phòng	47.500.945.262	36.865.162.057
	<u>47.500.945.262</u>	<u>36.865.162.057</u>

20 . PHẢI TRẢ KHÁC

	<u>30/06/2016</u>	<u>01/01/2016</u>
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
- Tài sản thừa chờ giải quyết	-	711.508.637
- Kinh phí công đoàn	1.065.224.171	1.827.363.518
- Bảo hiểm xã hội	1.294.332.167	643.113.182
- Bảo hiểm y tế	18.421.128	72.090.053
- Bảo hiểm thất nghiệp	6.350.161	57.320.033
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	274.994.368.244	301.399.158.645
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả	277.710.000	130.320.000
- Phải trả cổ tức cho cổ đông thiểu số tại Công ty con	3.587.205.000	8.847.566.054
- Phải trả lãi vay	798.417.677	325.463.455
- Nhận đặt cọc thực hiện dự án 10 Trần Nguyên Hãn - Hà Nội	20.000.000.000	20.000.000.000
- Cổ đông Công ty Cổ phần Khí cụ điện 1 góp thêm vốn điều lệ	-	7.796.340.000
- Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại Emic	-	16.699.815.109
- Phải trả Quỹ khen thưởng, phúc lợi CTCP Dây cáp điện Việt Nam	77.249.000	5.307.769.345
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	2.891.662.744	2.138.288.323
	<u>305.010.940.292</u>	<u>365.956.116.354</u>
b) Dài hạn		
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	6.653.548.282	8.900.875.882
	<u>6.653.548.282</u>	<u>8.900.875.882</u>

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAM

Số 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ
Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

21 . VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

	01/01/2016		Trong kỳ		30/06/2016	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
a) Vay ngắn hạn						
- Vay ngắn hạn ngân hàng	478.082.619.923	478.082.619.923	1.084.422.606.509	862.449.419.119	700.055.807.313	700.055.807.313
- Vay ngắn hạn tổ chức công đoàn và cá nhân	11.843.545.055	11.843.545.055	13.226.371.926	12.197.246.981	12.872.670.000	12.872.670.000
- Vay dài hạn đến hạn trả Công ty Đầu tư Tài chính Nhà Nước	14.188.000.000	14.188.000.000	-	7.094.000.000	7.094.000.000	7.094.000.000
	504.114.164.978	504.114.164.978	1.097.648.978.435	881.740.666.100	720.022.477.313	720.022.477.313
b) Vay dài hạn						
- Vay dài hạn Công ty Đầu tư Tài chính Nhà Nước	28.380.689.000	28.380.689.000	-	7.094.000.000	21.286.689.000	21.286.689.000
- Vay dài hạn Ngân hàng	3.020.500.000	3.020.500.000	27.890.909.091	-	30.911.409.091	30.911.409.091
	31.401.189.000	31.401.189.000	27.890.909.091	7.094.000.000	52.198.098.091	52.198.098.091
Khoản nợ đến hạn trả trong vòng 12 tháng	(14.188.000.000)	(14.188.000.000)	-	(7.094.000.000)	(7.094.000.000)	(7.094.000.000)
Khoản nợ đến hạn trả sau 12 tháng	17.213.189.000	17.213.189.000			45.104.098.091	45.104.098.091

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAM

Số 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ
Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

Chi tiết số dư các khoản vay:

	30/06/2016	01/01/2016
	VND	VND
a) Ngắn hạn	720.022.477.313	504.114.164.978
Vay ngắn hạn ngân hàng	700.055.807.313	478.082.619.923
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Hải Dương	-	59.174.463.176
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Tây Hà Nội	18.202.724.493	5.091.823.440
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN TP. Hồ Chí Minh	248.277.174.821	157.108.792.439
- Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam - CN Hải Dương	-	22.825.223.351
- Ngân hàng TMCP Quân đội	9.736.431.159	130.605.674.167
- Ngân hàng TMCP Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam	-	94.409.634.132
- Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam - CN Hà Nội	-	5.485.982.888
- Ngân hàng TNHH CTBC - Chi nhánh TP Hồ Chí Minh	78.330.657.276	3.381.026.330
- Ngân hàng A&Z	52.201.346.493	-
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Sở Giao dịch 2	73.306.813.071	-
- Ngân hàng TMCP Đầu tư phát triển Việt Nam - Sở giao dịch	100.000.660.000	-
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Hà Nội	120.000.000.000	-
Vay ngắn hạn tổ chức	2.632.000.000	1.350.000.000
- Công đoàn Công ty Cổ phần Chế tạo Điện cơ Hà Nội	2.632.000.000	1.300.000.000
- Công đoàn Trường Cao đẳng Công nghệ Hà Nội	-	50.000.000
Vay cá nhân	10.240.670.000	10.493.545.055
Vay dài hạn đến hạn trả	7.094.000.000	14.188.000.000
- Công ty Đầu tư Tài chính Nhà nước	7.094.000.000	14.188.000.000
b) Dài hạn	45.104.098.091	17.213.189.000
- Công ty Đầu tư tài chính Nhà nước	14.192.689.000	14.192.689.000
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Hồ Chí Minh	10.911.409.091	3.020.500.000
- Ngân hàng TNHH CTBC - Chi nhánh TP Hồ Chí Minh	20.000.000.000	-
	<u>765.126.575.404</u>	<u>521.327.353.978</u>

22 . DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ

	30/06/2016	01/01/2016
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
- Dự phòng bảo hành sản phẩm hàng hóa	46.741.048.083	43.641.992.233
	<u>46.741.048.083</u>	<u>43.641.992.233</u>
b) Dài hạn		
- Dự phòng bảo hành sản phẩm hàng hóa	48.725.167.484	49.382.894.377
	<u>48.725.167.484</u>	<u>49.382.894.377</u>

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAM

Số 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ
Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

23 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	1.400.000.000.000	47.513.826.624	-	(7.125.000.000)	960.044.030	107.862.750.909	198.392.508	629.439.175.337	548.863.726.600	2.727.712.916.008
Lãi trong kỳ trước	-	-	-	-	-	-	-	191.656.903.126	96.556.412.040	288.213.315.166
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	-	-	46.321.271.695	49.515.489	(89.897.750.350)	(19.898.504.406)	(63.425.467.572)
Chi trả cổ tức	-	-	-	-	-	-	-	(167.400.000.000)	(62.016.732.600)	(229.416.732.600)
Ảnh hưởng khi công ty con tăng vốn	-	-	-	-	-	(1.756.701.142)	-	(1.131.258.777)	13.106.839.919	10.218.880.000
Ảnh hưởng khi chuyển công ty con thành liên kết	-	(463.112.454)	-	-	-	(50.999.999)	-	(1.666.953.809)	(7.218.535.895)	(9.399.602.157)
Chuyển đổi báo cáo công ty con ở nước ngoài	-	-	-	-	397.349.095	-	-	-	-	397.349.095
Giảm khác	-	-	-	-	-	-	(98.366.341)	6.992.555	(197.633.659)	(289.007.445)
Số dư cuối kỳ trước	1.400.000.000.000	47.050.714.170	-	(7.125.000.000)	1.357.393.125	152.376.321.463	149.541.656	561.007.108.082	569.195.571.999	2.724.011.650.495
Số dư đầu năm nay (*)	1.550.000.000.000	66.378.000.000	47.050.714.170	(5.025.000.000)	84.376.333	123.438.566.724	-	744.300.401.229	455.332.932.118	2.981.559.990.574
Lãi trong kỳ này	-	-	-	-	-	-	-	243.818.583.199	63.857.714.508	307.676.297.707
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	-	-	94.344.781.743	-	(132.939.367.539)	(11.393.997.794)	(49.988.583.590)
Chi trả cổ tức	-	-	-	-	-	-	-	(154.500.000.000)	(49.992.716.259)	(204.492.716.259)
Ảnh hưởng khi công ty con trả cổ tức bằng cổ phiếu	-	-	30.227.226.490	(635.745)	-	1.279.977	-	35.611.273	7.728.056.041	37.991.538.036
Ảnh hưởng khi giảm công ty con	-	-	-	-	-	(9.117.465.668)	-	(72.789.169.117)	(49.750.137.908)	(131.656.772.693)
Chuyển đổi báo cáo công ty con	-	-	-	-	77.568.555	-	-	-	-	77.568.555
Giảm khác	-	-	-	-	-	-	-	(232.914.161)	(217.152.787)	(450.066.948)
Số dư cuối kỳ này	1.550.000.000.000	66.378.000.000	77.277.940.660	(5.025.635.745)	161.944.888	208.667.162.776	-	627.693.144.884	415.564.697.919	2.940.717.255.382

(*) Theo Nghị quyết Đại hội cổ đông bất thường ngày 26/06/2015 của Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị Điện Việt Nam, Đại hội đồng cổ đông đã thông qua phương án phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ nhằm mục đích phục vụ mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh. Ngày 06 tháng 08 năm 2015, Tổng Công ty đã thực hiện chào bán hết 15 triệu cổ phiếu như kế hoạch cho Công ty chứng khoán Bản Việt với giá bán 14.434 đồng/cổ phần. Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, Tổng Công ty đang thực hiện sử dụng nguồn vốn theo đúng như cam kết tại các văn bản đã được thông qua.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAM

Số 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ
Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

Theo Nghị quyết của Đại Hội đồng cổ đông thường niên số 19/TBĐVN/NQ-ĐHCĐ ngày 04 tháng 03 năm 2016,
Tổng Công ty công bố việc phân phối lợi nhuận năm 2015 như sau:

	Tỷ lệ (%)	Số tiền VND		
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	100,00%	249.651.441.276		
Trích Quỹ đầu tư phát triển	31,11%	77.656.441.276		
Trích Quỹ thưởng Ban điều hành	1,00%	2.495.000.000		
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	6,01%	15.000.000.000		
Chi trả cổ tức (bằng 10% vốn điều lệ)	61,89%	154.500.000.000		
b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu				
	Tỷ lệ (%)	Cuối kỳ VND	Tỷ lệ (%)	Đầu kỳ VND
Công ty Cổ phần Chứng khoán Bản Việt	9,68%	150.000.000.000	9,68%	150.000.000.000
Các cổ đông khác	90,00%	1.395.000.000.000	90,00%	1.395.000.000.000
Cổ phiếu quỹ	0,32%	5.000.000.000	0,32%	5.000.000.000
	100%	1.550.000.000.000	100%	1.550.000.000.000
c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận				
		6 tháng đầu năm 2016 VND	6 tháng đầu năm 2015 VND	
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		1.550.000.000.000	1.400.000.000.000	
- <i>Vốn góp đầu kỳ</i>		1.550.000.000.000	1.400.000.000.000	
- <i>Vốn góp cuối kỳ</i>		1.550.000.000.000	1.400.000.000.000	
d) Cổ phiếu				
		30/06/2016	01/01/2016	
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành		155.000.000	155.000.000	
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng		155.000.000	155.000.000	
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>		155.000.000	155.000.000	
Số lượng cổ phiếu được mua lại (<i>cổ phiếu quỹ</i>)		500.000	500.000	
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>		500.000	500.000	
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành		154.500.000	154.500.000	
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>		154.500.000	154.500.000	
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)		10.000	10.000	
e) Các quỹ công ty				
		30/06/2016 VND	01/01/2016 VND	
Quỹ đầu tư phát triển		208.667.162.776	123.438.566.724	
		208.667.162.776	123.438.566.724	

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAMSố 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**
Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016**24 . NGUỒN KINH PHÍ ĐÃ HÌNH THÀNH TÀI SẢN CỐ ĐỊNH**

- Nguồn vốn hình thành: do Bộ Khoa học và Công nghệ cấp;
- Tài sản hình thành bao gồm: Bàn kiểm công tơ 3 pha, thiết bị đo phóng điện cục bộ và các thiết bị đo đặc khác. Nguyên giá của các tài sản hình thành từ dự án nêu trên là 4.635.000.000 đồng; hao mòn lũy kế đến ngày 30/06/2016 là 1.478.155.546 đồng.

25 . CHÊNH LỆCH TỶ GIÁ HỜI ĐOÁI

	6 tháng đầu năm 2016 VND	6 tháng đầu năm 2015 VND
Số dư đầu kỳ	84.376.333	960.044.030
Số tăng trong kỳ	77.568.555	397.349.095
- Do chuyển đổi BCTC lập bằng ngoại tệ sang VND	77.568.555	397.349.095
	161.944.888	1.357.393.125

26 . CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**a) Ngoại tệ các loại**

	30/06/2016	01/01/2016
- Đồng đô la Mỹ (USD)	176.774,79	1.410.425,78
- Đồng Bảng Anh (GBP)	-	196,59
- Đồng Krone Đan Mạch (DKK)	-	1.923,75
- Đồng Euro (EUR)	585,48	585,48
- Đồng Reil Cambodia (Reil)	10.431.616,00	62.028.859,00
- Đồng Yên Nhật (JPY)	33.000,00	33.000,00

b) Nợ khó đòi đã xử lý

	30/06/2016 VND	01/01/2016 VND
	9.524.621.748	9.524.621.748

27 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	6 tháng đầu năm 2016 VND	6 tháng đầu năm 2015 VND
Doanh thu bán thành phẩm	2.523.382.086.004	2.906.260.073.170
Doanh thu bán hàng hóa, vật tư, phế liệu	1.086.402.776.845	1.511.716.675.420
Doanh thu cung cấp dịch vụ	76.189.064.000	85.974.499.544
Doanh thu hợp đồng xây dựng	-	11.433.519.152
	3.685.973.926.849	4.515.384.767.286
Doanh thu đối với các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 42.)	98.802.682.244	31.722.555.400

28 . CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU

	6 tháng đầu năm 2016 VND	6 tháng đầu năm 2015 VND
Chiết khấu thương mại	46.570.970.046	174.419.321.130
Hàng bán bị trả lại	4.250.502.390	8.753.019.168
	50.821.472.436	183.172.340.298

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAM

Số 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ
Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

29 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	6 tháng đầu năm 2016 VND	6 tháng đầu năm 2015 VND
Giá vốn của thành phẩm đã bán	2.042.874.103.045	2.188.288.144.088
Giá vốn của hàng hóa, vật tư, phế liệu đã bán	1.075.816.517.197	1.447.159.814.455
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	52.543.013.031	45.654.224.217
Giá vốn hoạt động xây dựng	-	11.054.072.040
Dự phòng/hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(4.141.232.617)	25.839.582.765
	<u>3.167.092.400.656</u>	<u>3.717.995.837.565</u>

30 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	6 tháng đầu năm 2016 VND	6 tháng đầu năm 2015 VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	7.092.315.066	17.943.315.721
Chiết khấu thanh toán, lãi bán hàng trả chậm	-	306.138.901
Lãi bán các khoản đầu tư	19.842.550.996	-
Lãi từ chuyển công ty con thành công ty liên kết	11.592.309.098	-
Cổ tức, lợi nhuận được chia	111.216.053.384	21.854.091.511
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	1.096.746.930	992.272.581
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ	70.489.071	1.341.635.074
Doanh thu hoạt động tài chính khác	-	10.000
	<u>150.910.464.545</u>	<u>42.437.463.788</u>

31 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	6 tháng đầu năm 2016 VND	6 tháng đầu năm 2015 VND
Chi phí lãi vay	23.027.137.533	32.382.582.025
Chiết khấu thanh toán, lãi mua hàng trả chậm	607.583.824	1.337.261.538
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	1.013.145.520	4.730.592.440
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ	385.265.820	1.897.969
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư	(127.289.200)	(632.702.200)
Chi phí tài chính khác	88.800.504	-
	<u>24.994.644.001</u>	<u>37.819.631.772</u>



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAMSố 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**
Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016**32 . CHI PHÍ BÁN HÀNG**

	6 tháng đầu năm 2016 VND	6 tháng đầu năm 2015 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.875.481.650	1.320.503.604
Chi phí nhân công	8.285.303.975	24.773.554.881
Chi phí khấu hao tài sản cố định	267.959.421	1.381.186.951
Chi phí dịch vụ mua ngoài	30.816.655.122	39.855.450.969
Chi phí khác bằng tiền	31.897.375.773	46.529.077.003
Chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hóa	14.457.942.659	12.104.362.750
Hoàn nhập dự phòng bảo hành sản phẩm	-	(25.785.004.820)
Hoàn nhập dự phòng tái cơ cấu, dự phòng khác	(9.635.816.533)	(980.749.400)
	77.964.902.067	99.198.381.938

33 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	6 tháng đầu năm 2016 VND	6 tháng đầu năm 2015 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	4.498.782.516	5.047.587.953
Chi phí nhân công	49.583.205.160	76.177.035.224
Chi phí khấu hao tài sản cố định	4.500.876.204	5.872.355.464
Thuế, phí, lệ phí	2.207.802.396	7.650.203.334
Chi phí dự phòng/hoàn nhập dự phòng	(259.066.412)	2.964.693.605
- Trích dự phòng nợ phải thu khó đòi	1.306.762.034	2.964.693.605
- Hoàn nhập quỹ dự phòng tiền lương	(1.565.828.446)	-
Hoàn nhập dự phòng trợ cấp thôi việc	-	(130.835.500)
Lợi thế thương mại	2.600.000.000	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	15.619.044.042	21.585.146.962
Chi phí khác bằng tiền	30.588.307.666	42.690.299.511
	109.338.951.572	161.856.486.553

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAM

Số 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ
Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

34 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	6 tháng đầu năm 2016	6 tháng đầu năm 2015
	VND	VND
Công ty mẹ	17.962.929.933	22.485.159.101
- Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị Điện Việt Nam	17.962.929.933	22.485.159.101
Công ty con	35.345.562.713	49.484.472.542
- Công ty Cổ phần Dây cáp điện Việt Nam	22.453.219.705	13.142.625.984
- Công ty Cổ phần Thiết bị điện	-	15.962.342.691
- Công ty Cổ phần Chế tạo Điện cơ Hà Nội	3.752.406.052	2.179.330.177
- Công ty Cổ phần Khí cụ điện 1	-	2.133.336.263
- Công ty TNHH GELEX Campuchia	370.794.091	376.488.043
- Công ty Cổ phần Chế tạo Bơm Hải Dương	1.383.107.772	1.655.649.518
- Công ty Cổ phần Kinh doanh Vật tư Thibidi	-	5.854.285.517
- Công ty Cổ phần Điện cơ Hà Nội	120.648.714	163.917.403
- Trường Cao đẳng Công nghệ Hà Nội	109.022.128	164.507.957
- Công ty TNHH Cadivi Đồng Nai	7.156.364.251	7.851.988.989
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	53.308.492.646	71.969.631.643

Các khoản điều chỉnh thuế TNDN của các kỳ trước vào thuế TNDN hiện hành kỳ này	538.731.441	914.325.563
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu kỳ	24.083.794.257	37.127.235.805
Thuế thu nhập doanh nghiệp giảm do mất quyền kiểm soát tại Công ty con	(1.561.514.940)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong kỳ	(43.264.234.155)	(60.303.538.844)
Thuế TNDN phải nộp cuối kỳ	33.105.269.249	49.707.654.167

35 . THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HOẢN LẠI

a) Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

	30/06/2016	01/01/2016
	VND	VND
- Thuế suất thuế TNDN sử dụng để xác định giá trị tài sản thuế thu nhập hoãn lại	20%	22%
- Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	600.000.000	1.394.848.392
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	600.000.000	1.394.848.392

b) Thuế thu nhập hoãn lại phải trả

	30/06/2016	01/01/2016
	VND	VND
- Thuế suất Thuế TNDN sử dụng để xác định giá trị Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	20%	22%
- Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	3.531.942.577	234.802.801
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	3.531.942.577	234.802.801

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAM

Số 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ
Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

c) Chi phí thuế TNDN hoãn lại

	6 tháng đầu năm 2016	6 tháng đầu năm 2015
	VND	VND
Chi phí thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ các khoản Chênh lệch tạm thời phải chịu thuế	3.531.942.577	-
Chi phí thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ việc hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại	1.394.848.392	1.446.027.220
Chi phí thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ các khoản Chênh lệch tạm thời được khấu trừ	(600.000.000)	(660.000.000)
Chi phí thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ việc hoàn nhập thuế thu nhập hoãn lại phải trả	(234.802.801)	-
	4.091.988.168	786.027.220

36 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Tổng Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau :

	6 tháng đầu năm 2016	6 tháng đầu năm 2015
	VND	VND
Lợi nhuận sau thuế	243.818.583.199	191.656.903.126
Các khoản điều chỉnh	-	(1.916.569.031)
- <i>Quỹ khen thưởng phúc lợi được trích từ lợi nhuận sau thuế</i>	-	(1.916.569.031)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	243.818.583.199	189.740.334.095
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	154.500.000	139.300.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.578	1.362

Tổng Công ty chưa có dự tính trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi trên Lợi nhuận sau thuế cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016.

37 . LÃI SUY GIẢM TRÊN CỔ PHIẾU

Theo Nghị quyết đại hội đồng cổ đông bất thường số 27/TBĐVN/NQ-ĐHCĐ ngày 01 tháng 08 năm 2016, Tổng Công ty dự kiến phát hành thêm cổ phiếu để tăng vốn. Theo đó, việc tính toán lãi suy giảm trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Tổng Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau :

	6 tháng đầu năm 2016
	VND
Lợi nhuận thuần sau thuế	243.818.583.199
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	243.818.583.199
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	154.500.000
Cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm	77.250.000
Giá trị thị trường bình quân cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	24.100
Giá phát hành dự kiến	18.000
Số lượng bình quân cổ phiếu dự kiến phát hành theo giá bình quân thị trường	(57.697.095)
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	1.401



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAMSố 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**
Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016**38 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	6 tháng đầu năm 2016	6 tháng đầu năm 2015
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	2.027.787.593.108	2.357.306.489.024
Chi phí nhân công	170.598.136.256	253.931.574.226
Chi phí khấu hao tài sản cố định	46.589.082.817	56.818.700.929
Chi phí dịch vụ mua ngoài	81.844.709.019	117.242.164.818
Chi phí khác bằng tiền	76.509.068.521	92.614.651.952
	<u>2.403.328.589.721</u>	<u>2.877.913.580.949</u>

39 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Tổng Công ty bao gồm:

	Giá trị sổ kế toán			
	30/06/2016		01/01/2016	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	274.084.024.082	-	518.493.494.834	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	1.189.453.927.266	(32.152.996.367)	977.088.876.424	(39.760.678.457)
Các khoản cho vay	358.040.497.778	-	481.627.083.589	-
Đầu tư ngắn hạn	270.000.000.000	-	-	-
Đầu tư dài hạn	8.491.514.600	(407.852.600)	8.491.514.600	(535.141.800)
	<u>2.100.069.963.726</u>	<u>(32.560.848.967)</u>	<u>1.985.700.969.447</u>	<u>(40.295.820.257)</u>
			Giá trị sổ kế toán	
	30/06/2016		01/01/2016	
	VND		VND	
Nợ phải trả tài chính				
Vay và nợ			765.126.575.404	521.327.353.978
Phải trả người bán, phải trả khác			855.848.037.753	946.521.459.986
Chi phí phải trả			22.243.355.030	34.017.384.934
			<u>1.643.217.968.187</u>	<u>1.501.866.198.898</u>

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Tổng Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Tổng Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAMSố 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**
Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016**Rủi ro thị trường**

Hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá, tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Rủi ro về giá:

Tổng Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu ngắn hạn và dài hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư. Các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn được nắm giữ với mục đích chiến lược lâu dài, tại thời điểm kết thúc năm tài chính Tổng Công ty chưa có kế hoạch bán các khoản đầu tư này.

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Tổng Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Tổng Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

Rủi ro về lãi suất:

Tổng Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Tổng Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Tổng Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Tổng Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Tổng Công ty. Tổng Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	<u>Từ 1 năm</u> <u>trở xuống</u>	<u>Trên 1 năm</u> <u>(tên 5 năm</u>	<u>Trên 5 năm</u>	<u>Cộng</u>
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 30/06/2016				
Tiền và các khoản tương đương tiền	274.084.024.082	-	-	274.084.024.082
Phải thu khách hàng, phải thu khác	1.156.703.466.649	597.464.250	-	1.157.300.930.899
Các khoản cho vay	358.040.497.778	-	-	358.040.497.778
Đầu tư ngắn hạn	270.000.000.000	-	-	270.000.000.000
Đầu tư dài hạn	-	8.083.662.000	-	8.083.662.000
	<u>2.058.827.988.509</u>	<u>8.681.126.250</u>	<u>-</u>	<u>2.067.509.114.759</u>
Tại ngày 01/01/2016				
Tiền và các khoản tương đương tiền	518.493.494.834	-	-	518.493.494.834
Phải thu khách hàng, phải thu khác	936.933.197.967	395.000.000	-	937.328.197.967
Các khoản cho vay	481.627.083.589	-	-	481.627.083.589
Đầu tư dài hạn	-	7.956.372.800	-	7.956.372.800
	<u>1.937.053.776.390</u>	<u>8.351.372.800</u>	<u>-</u>	<u>1.945.405.149.190</u>

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAMSố 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ**
Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016**Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Tổng Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Tổng Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 30/06/2016				
Vay và nợ	720.022.477.313	45.104.098.091	-	765.126.575.404
Phải trả người bán, phải trả khác	849.194.489.471	6.653.548.282	-	855.848.037.753
Chi phí phải trả	22.243.355.030	-	-	22.243.355.030
	<u>1.591.460.321.814</u>	<u>51.757.646.373</u>	<u>-</u>	<u>1.643.217.968.187</u>
Tại ngày 01/01/2016				
Vay và nợ	504.114.164.978	17.213.189.000	-	521.327.353.978
Phải trả người bán, phải trả khác	937.620.584.104	8.900.875.882	-	946.521.459.986
Chi phí phải trả	34.017.384.934	-	-	34.017.384.934
	<u>1.475.752.134.016</u>	<u>26.114.064.882</u>	<u>-</u>	<u>1.501.866.198.898</u>

Tổng Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Tổng Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

40 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Theo Nghị quyết đại hội đồng cổ đông bất thường số 27/TBĐVN/NQ-ĐHCĐ ngày 01 tháng 08 năm 2016, Tổng Công ty đã thông qua phương án phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu để tăng vốn điều lệ như sau:

- Số lượng cổ phần dự kiến phát hành: 77.250.000 cổ phần; mệnh giá phát hành: 10.000 đồng/cổ phần;
- Tỷ lệ phát hành: Tỷ lệ thực hiện quyền mua cổ phần là 2:1 (cổ đông sở hữu 1 cổ phần tương ứng với 1 quyền, 2 quyền được mua 1 cổ phần mới);
- Giá phát hành: 18.000 đồng/cổ phần;
- Thời gian thực hiện dự kiến: Ủy quyền cho HĐQT quyết định sau khi được UBCK Nhà nước cấp phép;
- Phương án sử dụng vốn:
 - + Tăng tỷ lệ sở hữu tại Công ty Cổ phần Thiết bị điện thông qua việc mua cổ phần chào bán cho cổ đông chiến lược (578.200.000.000 đồng);
 - + Đầu tư vào ngành logistics thông qua việc tìm kiếm, thương thảo để mua cổ phần chi phối của các doanh nghiệp đang hoạt động hiệu quả trong ngành, bao gồm Công ty Cổ phần Kho vận Miền Nam và các doanh nghiệp khác (812.300.000.000 đồng).

Ngoài ra, không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất này.

41 . BÁO CÁO BỘ PHẬN

Hơn 90% hoạt động của Tổng Công ty là hoạt động sản xuất, thương mại và chủ yếu diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam, do đó Tổng Công ty không lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAM

Số 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ
Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

42 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong kỳ, Tổng Công ty có các giao dịch phát sinh và số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán với các bên liên quan như sau:

Giao dịch phát sinh trong kỳ:

Mối quan hệ	6 tháng đầu năm	6 tháng đầu năm	
	2016	2015	
	VND	VND	
Doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ	98.802.682.244	31.722.555.400	
Công ty CP Thiết bị điện	Công ty liên kết	39.915.153.716	-
Công ty CP Sản xuất và Thương mại EMIC	Công ty liên kết	57.261.109.529	31.722.555.400
Công ty CP Khí cụ điện I	Công ty liên kết	1.626.419.000	-
Công ty CP Vật tư và Xây dựng Hà Nội	Công ty liên kết	2.120.984.756	915.777.000
Công ty Dây đồng Việt Nam - CFT	Công ty liên doanh	487.090.869	471.927.233
Mua hàng hóa, dịch vụ	323.442.962.048	447.896.869.260	
Công ty CP Thiết bị điện	Công ty liên kết	13.225.000	-
Công ty CP Sản xuất và Thương mại EMIC	Công ty liên kết	73.585.539.212	38.226.135.866
Công ty CP Khí cụ điện I	Công ty liên kết	49.908.400	-
Công ty CP Vật tư và Xây dựng Hà Nội	Công ty liên kết	5.715.263.289	1.564.134.545
Công ty Dây đồng Việt Nam - CFT	Công ty liên doanh	244.079.026.147	408.106.598.849
Lãi cho vay vốn	986.553.600	506.553.600	
Công ty CP Chế tạo Máy điện Việt Nam - Hungari	Công ty liên kết	371.553.600	371.553.600
Công ty CP Sản xuất và Thương mại EMIC	Công ty liên kết	480.000.000	-
Công ty CP Vật tư và Xây dựng Hà Nội	Công ty liên kết	135.000.000	135.000.000
Cổ tức lợi nhuận được chia	60.145.263.500	17.431.408.311	
Công ty CP Thiết bị điện	Công ty liên kết	31.277.056.000	-
Công ty CP Khí cụ điện I	Công ty liên kết	3.470.080.000	-
Công ty CP Chế tạo Máy điện Việt Nam - Hungari	Công ty liên kết	-	1.490.700.000
Công ty CP Sản xuất và Thương mại EMIC	Công ty liên kết	1.020.000.000	-
Công ty Dây đồng Việt Nam - CFT	Công ty liên doanh	24.378.127.500	15.940.708.311

Số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán:

Mối quan hệ	30/06/2016	01/01/2016	
	VND	VND	
Phải thu ngắn hạn khách hàng	31.358.524.458	88.242.658.500	
Công ty CP Thiết bị điện	Công ty liên kết	13.724.461.056	4.885.001.339
Công ty CP Sản xuất và Thương mại EMIC	Công ty liên kết	13.543.785.302	19.260.669.510
Công ty CP Khí cụ điện I	Công ty liên kết	802.407.100	-
Công ty CP Vật tư và Xây dựng Hà Nội	Công ty liên kết	3.287.871.000	4.296.396.172
Công ty CP Sản xuất và Thương mại EMIC	Công ty liên kết	-	5.735.060.102
Công ty CP Vật tư và Xây dựng Hà Nội	Công ty liên kết	-	77.977.562
Công ty CP Sản xuất và Thương mại EMIC	Công ty liên kết	-	16.000.000.000
Công ty CP Chế tạo Máy điện Việt Nam - Hungari	Công ty liên kết	12.385.120.000	12.385.120.000
Công ty CP Vật tư và Xây dựng Hà Nội	Công ty liên kết	4.500.000.000	4.500.000.000

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAM

Số 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ
Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

Số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán (tiếp theo):


	Mối quan hệ	30/06/2016	01/01/2016
		VND	VND
Phải thu lãi cho vay vốn		2.423.926.363	2.195.706.096
Công ty CP Sản xuất và Thương mại EMIC	Công ty liên kết	-	278.333.333
Công ty CP Chế tạo Máy điện Việt Nam - Hungari	Công ty liên kết	2.288.926.363	1.917.372.763
Công ty CP Vật tư và Xây dựng Hà Nội	Công ty liên kết	135.000.000	-
Phải trả người bán ngắn hạn		47.278.873.234	95.298.974.007
Công ty CP Thiết bị điện	Công ty liên kết	-	718.268.100
Công ty CP Vật tư và Xây dựng Hà Nội	Công ty liên kết	-	107.520.000
Công ty Dây đồng Việt Nam - CFT	Công ty liên doanh	47.278.873.234	94.473.185.907
Phải thu khác		1.000.000	6.124.660.000
Công ty CP Chế tạo Máy điện Việt Nam - Hungari	Công ty liên kết	1.000.000	1.000.000
Công ty CP Khí cụ điện I	Công ty liên kết	-	6.123.660.000
Phải trả khác		-	16.699.815.109
Công ty CP Sản xuất và Thương mại EMIC	Công ty liên kết	-	16.699.815.109

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	6 tháng đầu năm 2016	6 tháng đầu năm 2015
	VND	VND
Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc và Hội đồng Quản trị	2.313.000.000	2.148.000.000

43 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ và các thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán. Số liệu so sánh trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ và các thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã được soát xét cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015.




Đoàn Thị Lan Phương
Người lập



Phạm Tuấn Anh
Kế toán trưởng




Nguyễn Trọng Tiểu
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 15 tháng 08 năm 2016



**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
GIỮA NIÊN ĐỘ**

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAM

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016
(đã được soát xét)

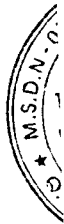
TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAM

Số 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

NỘI DUNG

Trang

Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02-03
Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ	04
Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đã được soát xét	05-41
Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ	05-06
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ	07
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ	08-09
Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ	10-41



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAM

Số 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị điện Việt Nam (sau đây gọi tắt là "Tổng Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Tổng Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016.

CÔNG TY

Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị điện Việt Nam được chuyển đổi từ doanh nghiệp Nhà nước - Tổng Công ty Thiết bị điện Việt Nam theo Quyết định số 1422/QĐ-TTg ngày 10 tháng 08 năm 2010 của Thủ tướng Chính Phủ, hoạt động theo Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0100100512 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 01 tháng 12 năm 2010, đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 16 tháng 09 năm 2015.

Trụ sở chính của Tổng Công ty được đặt tại: Số 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Hoa Cương	Chủ tịch	
Ông Nguyễn Trọng Tiểu	Thành viên	
Ông Võ Anh Linh	Thành viên	Bỏ nhiệm ngày 04/03/2016
Ông Nguyễn Văn Tuấn	Thành viên	Bỏ nhiệm ngày 16/07/2016
Ông Phạm Mạnh Hà	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 16/07/2016
Ông Đỗ Văn Chính	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 04/03/2016
Bà Nguyễn Thị Bích Ngọc	Thành viên	

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Tổng Công ty trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Trọng Tiểu	Tổng Giám đốc	
Ông Nguyễn Tiến Vinh	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Đỗ Văn Chính	Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 01/05/2016
Ông Phạm Mạnh Hà	Phó Tổng Giám đốc	Bỏ nhiệm ngày 01/07/2016

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Bà Vũ Thanh Hương	Trưởng ban	Bỏ nhiệm ngày 04/03/2016
Bà Nguyễn Thị Thanh Yên	Thành viên	Miễn nhiệm trưởng ban ngày 04/03/2016
Bà Trương Thị Hương Lan	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 04/03/2016
Ông Phạm Thế Ngọc	Thành viên	Bỏ nhiệm ngày 04/03/2016
Ông Bạch Thành Nam	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 04/03/2016

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện soát xét các Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho Tổng Công ty.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAM

Số 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Tổng Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Tổng Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ;
- Lập các Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

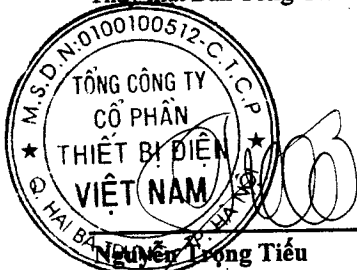
Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Tổng Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Tổng Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Tổng Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 06 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Tổng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06 tháng 10 năm 2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Nguyễn Trọng Tiểu
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 15 tháng 08 năm 2016

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị điện Việt Nam**

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo của Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị điện Việt Nam được lập ngày 15 tháng 08 năm 2016, từ trang 05 đến trang 41, bao gồm: Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ tại ngày 30 tháng 06 năm 2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Tổng Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 – Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

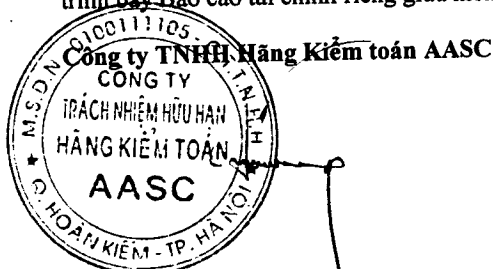
Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị điện Việt Nam tại ngày 30 tháng 06 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Tổng Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

SAO Y BẢN CHÍNH

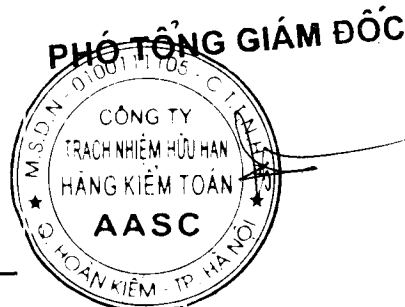
Ngày 16 tháng 9 năm 2016.



Nguyễn Quốc Dũng
Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
Số: 0285-2013-002-1

Hà Nội, ngày 26 tháng 08 năm 2016



Nguyễn Thanh Tùng

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2016

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	30/06/2016	01/01/2016
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		1.336.459.853.699	1.144.269.067.995
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	144.660.293.991	121.223.651.001
111	1. Tiền		134.660.293.991	81.223.651.001
112	2. Các khoản tương đương tiền		10.000.000.000	40.000.000.000
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	4	575.000.000.000	345.000.000.000
121	1. Chứng khoán kinh doanh		40.000.000.000	-
123	2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		535.000.000.000	345.000.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		498.418.687.097	523.194.428.297
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	472.758.057.946	361.641.437.848
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	4.146.330.104	12.900.612.693
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	7	16.885.120.000	137.885.120.000
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	8	13.190.356.668	18.431.917.350
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(8.577.261.901)	(7.680.743.874)
139	6. Tài sản thiếu chờ xử lý		16.084.280	16.084.280
140	IV. Hàng tồn kho	10	116.920.110.700	144.613.856.313
141	1. Hàng tồn kho		116.920.110.700	144.613.856.313
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		1.460.761.911	10.237.132.384
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	14	150.225.646	-
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		1.300.903.315	10.227.499.434
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	16	9.632.950	9.632.950
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		1.180.549.104.771	1.208.201.957.221
220	II. Tài sản cố định		483.133.893.628	469.522.667.273
221	1. Tài sản cố định hữu hình	12	483.133.893.628	469.522.667.273
222	- Nguyên giá		714.271.616.628	694.910.567.055
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(231.137.723.000)	(225.387.899.782)
227	2. Tài sản cố định vô hình	13	-	-
228	- Nguyên giá		60.000.000	60.000.000
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(60.000.000)	(60.000.000)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn		8.729.940.181	24.885.835.408
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	11	8.729.940.181	24.885.835.408
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn	4	656.459.459.743	682.050.850.059
251	1. Đầu tư vào công ty con		448.498.373.355	492.960.564.527
252	2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		225.342.852.300	189.090.285.532
254	3. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn		(17.381.765.912)	-
260	VI. Tài sản dài hạn khác		32.225.811.219	31.742.604.481
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	14	32.225.811.219	31.742.604.481
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		2.517.008.958.470	2.352.471.025.216

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAM

Số 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ
Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2016
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	30/06/2016	01/01/2016
			VND	VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		508.317.796.354	397.423.826.482
310	I. Nợ ngắn hạn		405.143.070.765	309.698.414.276
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	15	108.689.093.780	212.733.705.406
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		608.046.800	626.980.260
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	16	13.495.992.250	4.850.479.995
314	4. Phải trả người lao động		2.759.006.029	34.954.535.859
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn		-	351.500.000
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	17	1.629.494.952	1.367.584.028
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	18	22.407.973.744	39.007.134.093
320	8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	19	235.561.582.575	-
322	9. Quỹ khen thưởng phúc lợi		19.991.880.635	15.806.494.635
330	II. Nợ dài hạn		103.174.725.589	87.725.412.206
336	1. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	17	47.500.945.262	36.865.162.057
337	2. Phải trả dài hạn khác	18	6.653.548.282	6.200.875.882
342	3. Dự phòng phải trả dài hạn	20	39.892.207.051	35.489.024.271
343	4. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ		9.128.024.994	9.170.349.996
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		2.008.691.162.116	1.955.047.198.734
410	I. Vốn chủ sở hữu	21	2.006.232.409.341	1.952.510.962.625
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		1.550.000.000.000	1.550.000.000.000
411a	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		1.550.000.000.000	1.550.000.000.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		66.378.000.000	66.378.000.000
415	3. Cổ phiếu quỹ		(5.025.000.000)	(5.025.000.000)
418	4. Quỹ đầu tư phát triển		139.656.441.276	62.000.000.000
421	5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		255.222.968.065	279.157.962.625
421a	LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		29.506.521.349	29.506.521.349
421b	LNST chưa phân phối kỳ này		225.716.446.716	249.651.441.276
430	II. Nguồn kinh phí và quỹ khác		2.458.752.775	2.536.236.109
432	1. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	22	2.458.752.775	2.536.236.109
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		2.517.008.958.470	2.352.471.025.216

(Signature)

(Signature)



Đoàn Thị Lan Phương
Người lập

Phạm Tuấn Anh
Kế toán trưởng

Nguyễn Trọng Tiểu
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 15 tháng 08 năm 2016

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAM

Số 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ
Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	6 tháng đầu năm	6 tháng đầu năm
			2016	2015
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	24	732.227.822.687	670.482.277.973
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	25	201.188.000	6.062.153.330
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		732.026.634.687	664.420.124.643
11	4. Giá vốn hàng bán	26	619.451.997.442	538.402.460.853
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		112.574.637.245	126.017.663.790
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	27	182.242.946.641	141.762.253.056
22	7. Chi phí tài chính	28	18.321.654.100	178.472.278
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		565.668.584	13.249.248
25	8. Chi phí bán hàng	29	12.861.654.417	10.723.999.833
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	30	19.809.899.044	24.510.953.784
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		243.824.376.325	232.366.490.951
31	11. Thu nhập khác		80.688.757	137.386.920
32	12. Chi phí khác		225.688.433	258.906.997
40	13. Lợi nhuận khác		(144.999.676)	(121.520.077)
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		243.679.376.649	232.244.970.874
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	31	17.962.929.933	22.485.159.101
52	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		225.716.446.716	209.759.811.773

(Handwritten signature)

(Handwritten signature)



Đoàn Thị Lan Phương
Người lập

Phạm Tuấn Anh
Kế toán trưởng

Nguyễn Trọng Tiểu
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 15 tháng 08 năm 2016

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016
(Theo phương pháp trực tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	6 tháng đầu năm	6 tháng đầu năm
			2016	2015
			VND	VND
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác		705.427.336.105	579.671.977.034
02	2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ		(746.906.221.356)	(572.938.390.578)
03	3. Tiền chi trả cho người lao động		(44.025.497.942)	(45.291.578.275)
04	4. Tiền lãi vay đã trả		(565.668.584)	(13.249.248)
05	5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(9.099.399.393)	(29.830.343.879)
06	6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		21.695.454.743	6.502.334.266
07	7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(62.719.822.463)	(44.435.251.374)
20	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>		<i>(136.193.818.890)</i>	<i>(106.334.502.054)</i>
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(43.048.013.957)	(64.999.038.637)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		35.001.600	-
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(250.000.000.000)	(50.000.000.000)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		181.000.000.000	40.000.000.000
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(19.123.660.000)	-
26	6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		47.175.835.400	-
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		162.384.041.411	134.404.163.182
30	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>		<i>78.423.204.454</i>	<i>59.405.124.545</i>
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
33	1. Tiền thu từ đi vay		272.851.582.575	15.587.350.231
34	2. Tiền trả nợ gốc vay		(37.290.000.000)	-
36	3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(154.352.610.000)	(162.999.880.000)
40	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>		<i>81.208.972.575</i>	<i>(147.412.529.769)</i>



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

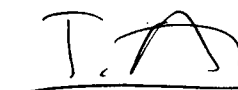
Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

(Theo phương pháp trực tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	6 tháng đầu năm	6 tháng đầu năm
			2016	2015
			VND	VND
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		23.438.358.139	(194.341.907.278)
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		121.223.651.001	328.491.195.250
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		(1.715.149)	-
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	3	<u>144.660.293.991</u>	<u>134.149.287.972</u>

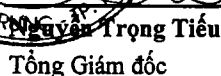


Đoàn Thị Lan Phương
Người lập



Phạm Tuấn Anh
Kế toán trưởng




Trọng Tiêu
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 15 tháng 08 năm 2016



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

1 . ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị điện Việt Nam được chuyển đổi từ doanh nghiệp Nhà nước - Tổng Công ty Thiết bị điện Việt Nam theo Quyết định số 1422/QĐ-TTg ngày 10 tháng 08 năm 2010 của Thủ tướng Chính Phủ, hoạt động theo Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0100100512 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 01 tháng 12 năm 2010, đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 16 tháng 09 năm 2015.

Trụ sở chính của Tổng Công ty được đặt tại: Số 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội.

Vốn điều lệ của Tổng Công ty theo đăng ký là 1.550.000.000.000 đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 30 tháng 06 năm 2016 là 1.550.000.000.000 đồng; tương đương 155.000.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Lĩnh vực kinh doanh

Thiết kế chế tạo, sản xuất, kinh doanh các sản phẩm thiết bị đo điện mang thương hiệu GELEX-EMIC như: Công tơ điện 1 pha, 3 pha cơ khí; Công tơ điện tử thông minh 1 pha, 3 pha đa chức năng; Máy biến dòng điện, máy biến điện áp đo lường trung thế, hạ thế và các thiết bị đo điện điện tử khác. Kinh doanh dịch vụ khách sạn.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty chủ yếu là:

- Sản xuất kinh doanh thiết bị điện dùng trong công nghiệp, nông nghiệp và dân dụng;
- Thiết kế, chế tạo, kinh doanh và sửa chữa các thiết bị đo đếm điện một pha, ba pha (có dòng điện một chiều và xoay chiều) các cấp điện áp hạ thế, trung thế và cao thế đến 220KV;
- Thi công, lắp đặt công trình đường dây, trạm biến áp đến 220KV;
- Thi công các công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp, giao thông, công trình thủy lợi;
- Kinh doanh bất động sản, dịch vụ khách sạn, du lịch và cho thuê văn phòng, nhà ở, nhà xưởng, kho bãi, kinh doanh tổ chức dịch vụ du lịch lữ hành nội địa và quốc tế;
- Kinh doanh, xuất nhập khẩu vật tư, thiết bị, phụ tùng máy móc.

Cấu trúc doanh nghiệp

Tổng Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:

Khách sạn Bình Minh - Hà Nội

Cơ sở sản xuất tại KCN Đại Đồng - Hoàn Sơn -

Tiên Du - Bắc Ninh

Địa chỉ

Hà Nội

Hà Nội

Hoạt động kinh doanh chính

Kinh doanh khách sạn

Sản xuất kinh doanh thiết bị điện

Thông tin về các công ty con, công ty liên kết, công ty liên doanh của Tổng Công ty xem chi tiết tại Thuyết minh số 4.



2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI TỔNG CÔNG TY

2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Tổng Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Tổng Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Tổng Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3 . Cơ sở lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Tổng Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp các các nghiệp vụ, giao dịch phát sinh tại Văn phòng Tổng công ty và các đơn vị trực thuộc gồm Cơ sở Sản xuất tại Khu công nghiệp Tiên Du Bắc Ninh và Khách sạn Bình Minh Hà Nội.

Những người sử dụng các Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này nên đọc các Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kết hợp với các báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tổng Công ty và các Công ty con ("Tập đoàn") cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016 để có đủ thông tin về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ của toàn Tổng Công ty.

2.4 . Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Tổng Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Tổng Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.



Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

2.5 . Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong kỳ kế toán được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế này được xác định theo nguyên tắc sau:

- Khi mua bán ngoại tệ là tỷ giá được quy định trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Tổng Công ty và ngân hàng thương mại;
- Khi góp vốn là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Tổng Công ty mở tài khoản tại ngày góp vốn hoặc Khi nhận góp vốn: là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Tổng Công ty mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn;
- Khi ghi nhận nợ phải thu là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi ghi nhận nợ phải trả là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi mua sắm tài sản hoặc thanh toán bằng ngoại tệ là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ: áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Tổng Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả: áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán.

2.6 . Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2.7 . Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại thời điểm nhất định trong tương lai, các khoản cho vay,... được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên doanh liên kết được ghi nhận ban đầu trên sổ kế toán theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Cổ tức nhận bằng cổ phiếu chi thực hiện ghi nhận số lượng cổ phiếu được nhận, không ghi nhận tăng giá trị khoản đầu tư và doanh thu hoạt động tài chính.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối kỳ cụ thể như sau:

- Đối với các khoản đầu tư chứng khoán kinh doanh: căn cứ trích lập dự phòng là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng;
- Đối với các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên doanh liên kết: căn cứ vào Báo cáo tài chính riêng của công ty con, công ty liên doanh, liên kết tại thời điểm trích lập dự phòng. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong kế hoạch khi quyết định đầu tư;
- Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: căn cứ khả năng thu hồi để lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật.

2.8 . Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Tổng Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

2.9 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối kỳ: Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo chi phí phát sinh thực tế cho từng loại sản phẩm chưa hoàn thành.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối kỳ là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAM

Số 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

2.10 . Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	20 - 50	năm
- Máy móc, thiết bị	03 - 15	năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	05 - 10	năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 10	năm
- Phần mềm quản lý	03	năm

2.11 . Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

2.12 . Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Tổng Công ty.

2.13 . Vay

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì thực hiện theo đối chi tiết theo nguyên tệ.

2.14 . Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

2.15 . Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như chi phí lãi tiền vay phải trả... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong kỳ. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAM

Số 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ
Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

2.16 . Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng phải trả chỉ được ghi nhận khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Tổng Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra;
- Sự giảm sút về những lợi ích kinh tế có thể xảy ra dẫn đến việc yêu cầu phải thanh toán nghĩa vụ nợ;
- Đưa ra được một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.

Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tổng Công ty áp dụng tỷ lệ trích lập dự phòng bảo hành hàng hóa 5% trên giá trị hợp đồng căn cứ theo các điều khoản hợp đồng cụ thể.

Chỉ những khoản chi phí liên quan đến khoản dự phòng phải trả đã lập ban đầu mới được bù đắp bằng khoản dự phòng phải trả đó.

Dự phòng phải trả được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh của kỳ kế toán. Khoản chênh lệch giữa số dự phòng phải trả đã lập ở kỳ kế toán trước chưa sử dụng hết lớn hơn số dự phòng phải trả lập ở kỳ báo cáo được hoàn nhập ghi giảm chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khoản chênh lệch lớn hơn của khoản dự phòng phải trả về bảo hành công trình xây lắp được hoàn nhập vào thu nhập khác trong kỳ kế toán.

2.17 . Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện gồm doanh thu nhận trước như: số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều kỳ kế toán về cho thuê tài sản.

Doanh thu chưa thực hiện được kết chuyển vào Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ theo số tiền được xác định phù hợp với từng kỳ kế toán.

2.18 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh chênh lệch giữa mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ) và có thể là thặng dư dương (nếu giá phát hành cao hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu) hoặc thặng dư âm (nếu giá phát hành thấp hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu).

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Tổng Công ty phát hành và được Tổng Công ty mua lại, cổ phiếu này không bị hủy bỏ và sẽ được tái phát hành trở lại trong khoảng thời gian theo quy định của pháp luật về chứng khoán. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế mua lại và trình bày trên Bảng cân đối kế toán là một khoản ghi giảm Vốn đầu tư của chủ sở hữu. Giá vốn của cổ phiếu quỹ khi tái phát hành hoặc khi sử dụng để trả cổ tức, thưởng... được tính theo phương pháp bình quân gia quyền.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Tổng Công ty. Việc phân phối lợi nhuận được thực hiện khi Tổng Công ty có lợi nhuận sau thuế chưa phân phối không vượt quá mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất sau khi đã loại trừ ảnh hưởng của các khoản lãi do ghi nhận từ giao dịch mua giá rẻ. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông tán thành thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Tổng Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng cân đối kế toán của Tổng Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Đại hội đồng Cổ đông Tổng Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

10011
CƠ
TRÁCH
HÃNG
A
HOÀN

2.19 . Doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Tổng Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Tổng Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Tổng Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

Cổ phiếu thưởng hay cổ tức trả bằng cổ phiếu: Không ghi nhận khoản thu nhập khi quyền được nhận cổ phiếu thưởng hay cổ tức bằng cổ phiếu được xác lập, số lượng cổ phiếu thưởng hay cổ tức bằng cổ phiếu nhận được thuyết minh trên Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ có liên quan.

2.20 . Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong kỳ gồm: Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh. Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc: nếu phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ thì ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của kỳ lập báo cáo (kỳ trước), và nếu phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ thì ghi giảm doanh thu của kỳ phát sinh (kỳ sau).

15 - C
NG TY
NHÌEM
ANG KI
P
05 7-10
3 TY
H HUU
NIEM T
ASI
NIEM -

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAM

Số 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ
Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

2.21 . Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong kỳ được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong kỳ và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

2.22 . Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thanh lý, chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán;
- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.23 . Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong kỳ và thuế suất thuế TNDN trong kỳ kế toán hiện hành.

2.24 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Tổng Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Tổng Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Tổng Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Tổng Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Tổng Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Tổng Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Tổng Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới Tổng Công ty.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, Tổng Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	30/06/2016	01/01/2016
	VND	VND
Tiền mặt	1.848.934.367	709.824.907
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	132.811.359.624	80.513.826.094
Các khoản tương đương tiền	10.000.000.000	40.000.000.000
	<u>144.660.293.991</u>	<u>121.223.651.001</u>

Tại 30/06/2016, các khoản tương đương tiền là tiền gửi có kỳ hạn không quá 03 tháng được gửi tại các ngân hàng thương mại với lãi suất quy định tại từng Ngân hàng ở từng thời điểm.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAMSố 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ**
Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016**4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH****a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	30/06/2016		01/01/2016	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
	VND	VND	VND	VND
Đầu tư ngắn hạn	535.000.000.000	535.000.000.000	345.000.000.000	345.000.000.000
- Tiền gửi có kỳ hạn ⁽¹⁾	305.000.000.000	305.000.000.000	345.000.000.000	345.000.000.000
- Các khoản đầu tư khác ⁽²⁾	230.000.000.000	230.000.000.000	-	-
	535.000.000.000	535.000.000.000	345.000.000.000	345.000.000.000

(1) Tại thời điểm 30/06/2016, các khoản tiền gửi có kỳ hạn trên 03 tháng tại các Ngân hàng thương mại, với lãi suất quy định tại từng Ngân hàng ở từng thời điểm.

Tại ngày 30/06/2016, khoản tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội có giá trị là 120 tỷ đồng đang được dùng làm tài sản bảo đảm cho khoản vay ngắn hạn từ Ngân hàng.

(2) Hợp đồng ủy thác đầu tư với Công ty TNHH MTV Quản lý quỹ NHTMCP Công thương Việt Nam theo Hợp đồng số 01/2016/HĐQLDMĐT/VTBC-GELEX ngày 22 tháng 6 năm 2016:

- Thời hạn quản lý danh mục đầu tư là 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng này;
- Tại thời điểm 30/06, danh mục đầu tư của Tổng Công ty bao gồm:
 - + 180 trái phiếu của Công ty Cổ phần Chứng khoán IB với mệnh giá 1 tỷ đồng/trái phiếu tương đương với số tiền là 180 tỷ đồng; Ngày phát hành: 27/06/2016; Ngày đáo hạn: 27/06/2017; Lãi suất: 9%/năm;
 - + 50 trái phiếu của Công ty Cổ phần SCI với mệnh giá 1 tỷ đồng/trái phiếu tương đương với số tiền là 50 tỷ đồng; Ngày phát hành: 25/12/2015; Ngày đáo hạn: 25/12/2018; Lãi suất: 10%/năm.

b) Chứng khoán kinh doanh

Tại ngày 30/06/2016, Tổng Công ty đang nắm giữ 40 chứng chỉ tiền gửi của Công ty Tài chính TNHH HD Saison với giá trị là 40 tỷ đồng có kỳ hạn là 1 năm, lãi suất: 10%/năm (Ngày phát hành: 24/03/2016).

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAM

Số 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ
Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

c) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	30/06/2016		01/01/2016	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Đầu tư vào Công ty con	448.498.373.355	-	492.960.564.527	-
- Công ty CP Dây cáp điện Việt Nam	220.957.490.174	-	220.957.490.174	-
- Công ty CP Chế tạo Điện cơ Hà Nội (1)	214.009.733.181	-	214.009.733.181	-
- Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng GELEX (2)	13.000.000.000	-	-	-
- Công ty CP Chế tạo Bơm Hải Dương (3)	-	-	27.333.284.404	-
- Công ty CP Khí cụ điện 1 (4)	-	-	30.128.906.768	-
- Công ty TNHH GELEX Campuchia	531.150.000	-	531.150.000	-
Đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết	225.342.852.300	(17.381.765.912)	189.090.285.532	-
- Công ty CP Chế tạo Máy điện Việt Nam - Hungari	16.777.167.627	(16.764.540.972)	16.777.167.627	-
- Công ty CP Vật tư và Xây dựng Hà Nội	5.233.587.356	(617.224.940)	5.233.587.356	-
- Công ty CP Sản xuất và Thương mại EMIC	5.332.103.750	-	5.332.103.750	-
- Công ty CP Thiết bị điện	92.462.038.822	-	92.462.038.822	-
- Công ty Dây đồng Việt Nam - CFT	69.285.387.977	-	69.285.387.977	-
- Công ty cổ phần Khí cụ điện I (4)	36.252.566.768	-	-	-
	673.841.225.655	(17.381.765.912)	682.050.850.059	-

Việc trích lập dự phòng đối với các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết căn cứ vào Báo cáo tài chính tại thời điểm trích lập dự phòng của bên nhận đầu tư.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAMSố 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ**
Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016**Đầu tư vào công ty con**

Thông tin chi tiết về các công ty con của Tổng Công ty vào ngày 30/06/2016 như sau:

<u>Tên công ty</u>	<u>Nơi thành lập và hoạt động</u>	<u>Tỷ lệ lợi ích</u>	<u>Tỷ lệ biểu quyết</u>	<u>Hoạt động kinh doanh chính</u>
Công ty CP Dây cáp điện Việt Nam	TP. Hồ Chí Minh	65,006%	65,006%	Sản xuất kinh doanh dây và cáp điện
Công ty CP Chế tạo Điện cơ Hà Nội	TP. Hà Nội	65,88%	65,88%	Sản xuất, chế tạo, kinh doanh thiết bị điện
Công ty TNHH GELEX Campuchia	Phnom Penh, Campuchia	100,00%	100,00%	Kinh doanh, phân phối sản phẩm thiết bị điện
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng GELEX	TP. Hà Nội	65,00%	65,00%	Xây dựng dân dụng và công nghiệp

(1) Lý do thay đổi đối với khoản đầu tư vào Công ty CP Chế tạo Điện cơ Hà Nội:

Trong kỳ, Công ty CP Chế tạo Điện cơ Hà Nội đã phát hành thành công cổ phiếu để trả cổ tức với số lượng cổ phiếu phân phối là 4.555.000 cổ phiếu. Do số lượng cổ phiếu để trả cổ tức không được xác định cho số lượng cổ phiếu quỹ tại Công ty con dẫn đến tỷ lệ lợi ích và tỷ lệ biểu quyết của Tổng Công ty tăng từ 65,84% lên 65,88%.

(2) Lý do thay đổi đối với khoản đầu tư vào Công ty CP Đầu tư Xây dựng Gelex:

Trong kỳ, Tổng Công ty đã tham gia góp vốn thành lập Công ty CP Đầu tư Xây dựng Gelex với số tiền là 13 tỷ đồng, chiếm 65% vốn điều lệ. Đến thời điểm 30/06/2016, Tổng Công ty đã góp đầy đủ vốn theo đúng cam kết phần vốn góp của mình.

(3) Lý do thay đổi đối với khoản đầu tư vào Công ty CP Chế tạo Bơm Hải Dương:

Trong kỳ, Tổng Công ty thực hiện thoái toàn bộ 1.793.758 cổ phần của Công ty CP Chế tạo Bơm Hải Dương do Tổng Công ty đang nắm giữ.

(4) Lý do thay đổi đối với khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Khí cụ điện I:

Trong kỳ Công ty CP Khí cụ điện I hoàn tất việc phát hành tăng vốn điều lệ từ 34.000.000.000 đồng lên 45.600.000.000 đồng. Tổng Công ty mua thêm 510.305 cổ phần tương đương với 6.123.660.000 đồng. Điều này dẫn đến tỷ lệ lợi ích và tỷ lệ biểu quyết của Tổng Công ty giảm từ 51,3% xuống 49,24%. Do đó, khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Khí cụ điện I được chuyển sang trình bày là khoản Đầu tư vào Công ty liên kết.

Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết

Thông tin chi tiết về các công ty liên doanh, liên kết của Tổng Công ty vào ngày 30/06/2016 như sau:

<u>Tên công ty</u>	<u>Nơi thành lập và hoạt động</u>	<u>Tỷ lệ lợi ích</u>	<u>Tỷ lệ biểu quyết</u>	<u>Hoạt động kinh doanh chính</u>
Công ty CP Chế tạo Máy điện Việt Nam - Hungari	TP. Hà Nội	34,27%	34,27%	Sản xuất, chế tạo, kinh doanh thiết bị điện
Công ty CP Vật tư và Xây dựng Hà Nội	TP. Hà Nội	45,00%	45,00%	Xây dựng dân dụng và công nghiệp
Công ty CP Sản xuất và Thương mại EMIC	TP. Hà Nội	25,50%	25,50%	Sản xuất, chế tạo, kinh doanh thiết bị điện
Công ty CP Thiết bị điện	Tỉnh Đồng Nai	43,44%	43,44%	Sản xuất, chế tạo, kinh doanh thiết bị điện
Công ty Dây đồng Việt Nam - CFT	Tỉnh Đồng Nai	36,35%	36,35%	Sản xuất dây đồng và dây đồng tráng thiếc
Công ty cổ phần Khí cụ điện I	TP. Hà Nội	49,24%	49,24%	Sản xuất, chế tạo, kinh doanh thiết bị điện

Các giao dịch trọng yếu giữa Tổng Công ty và Công ty con, Công ty liên doanh, liên kết trong kỳ: Xem thuyết minh số 36.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAM

Số 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ
Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

5 . PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG NGẮN HẠN

	<u>30/06/2016</u>	<u>01/01/2016</u>
	VND	VND
a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng có số dư lớn		
- Tổng công ty Điện lực Miền Nam TNHH	76.578.302.260	67.408.349.632
- Công ty Cổ phần Dây cáp điện Việt Nam	89.650.301.971	112.572.718.644
- Công ty Cổ phần sản xuất và thương mại EMIC	13.543.785.302	18.326.134.743
- Công ty TNHH Một thành viên Điện lực Đồng Nai	20.267.984.880	4.248.278.981
- Tổng Công ty Điện lực TP Hà Nội	21.766.063.181	380.760.781
- Tổng Công ty điện lực TP Hồ Chí Minh TNHH	13.770.885.030	34.314.218.582
- Công ty TNHH GELEX Campuchia	38.598.128.829	33.308.028.708
- Các khoản phải thu khách hàng khác	198.582.606.493	91.082.947.777
	<u>472.758.057.946</u>	<u>361.641.437.848</u>
b) Phải thu khách hàng là các bên liên quan	<u>150.238.238.133</u>	<u>170.592.398.516</u>
Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 36.		

6 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	<u>30/06/2016</u>		<u>01/01/2016</u>	
	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>
	VND	VND	VND	VND
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Truyền thông và Dữ liệu Thanh toán An Du tại Hải Phòng	2.146.000.000	-	-	-
- Công ty cổ phần Nghiệp Quảng	865.170.000	-	-	-
- Công ty Cổ phần sản xuất và thương mại EMIC	-	-	5.735.060.102	-
- Công ty Cổ phần EXTEX Việt Nam	-	-	3.907.200.000	-
- Trả trước cho người bán khác	1.135.160.104	-	3.258.352.591	-
	<u>4.146.330.104</u>	<u>-</u>	<u>12.900.612.693</u>	<u>-</u>

7 . PHẢI THU VỀ CHO VAY NGẮN HẠN

	<u>30/06/2016</u>	<u>01/01/2016</u>
	VND	VND
Công ty CP Dây cáp điện Việt Nam	-	95.000.000.000
Công ty CP Sản xuất và Thương mại EMIC	-	16.000.000.000
Công ty CP Chế tạo Bơm Hải Dương	-	10.000.000.000
Công ty CP Chế tạo Máy điện Việt Nam - Hungari	12.385.120.000	12.385.120.000
Công ty CP Vật tư và Xây dựng Hà Nội	4.500.000.000	4.500.000.000
	<u>16.885.120.000</u>	<u>137.885.120.000</u>

Số dư phản ánh các khoản cho vay từ 03 tháng đến 12 tháng với lãi suất bằng với lãi suất tại các Ngân hàng thương mại mà Tổng Công ty đang giao dịch ở từng thời điểm.

TÔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAM

Số 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

8 . PHẢI THU KHÁC

	30/06/2016		01/01/2016	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
- Phải thu về lãi tiền gửi, tiền cho vay	5.263.422.196	-	5.319.317.210	-
- Tạm ứng	2.852.982.000	-	801.695.136	-
- Ký cược, ký quỹ	22.470.000	-	22.470.000	-
- Phải thu Trung tâm hỗ trợ đầu tư và Phát triển khu công nghiệp Bắc Ninh về kinh phí xây dựng hạ tầng	10.000.000	-	10.000.000	-
- Tiền mua thêm cổ phần Công ty Cổ phần khí cụ điện 1	-	-	6.123.660.000	-
- Phải thu Công ty GELEX Cambodia	4.957.327.000	-	4.957.327.000	-
- Tạm ứng tiền thưởng HĐQT, ban điều hành đợt 1 năm 2015	-	-	1.100.000.000	-
- Phải thu khác	84.155.472	-	97.448.004	-
	13.190.356.668	-	18.431.917.350	-

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAM

Số 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ
Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

9 . NỢ XẤU

	30/06/2016		01/01/2016	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi (*)	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi (*)
	VND	VND	VND	VND
Tổng Công ty Điện lực Hà Nội	380.760.781	-	380.760.781	-
Công ty CP Vật tư vận tải xây lắp điện lực Miền Trung	109.774.466	-	109.774.466	-
Các khoản khác	13.851.045.893	5.764.319.239	15.805.364.809	8.615.156.182
	14.341.581.140	5.764.319.239	16.295.900.056	8.615.156.182

(*) Ghi chú: Giá trị có thể thu hồi được trình bày trên cơ sở trích lập theo hướng dẫn của Thông tư 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009. Tuy nhiên, Tổng Công ty xác định các khoản nợ xấu đều có khả năng thu hồi do Tổng Công ty vẫn đang tiếp tục thực hiện cung cấp sản phẩm, hàng hóa cho các đối tác này.

10 . HÀNG TỒN KHO

	30/06/2016		01/01/2016	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	29.259.796.436	-	61.000.123.485	-
Công cụ, dụng cụ	1.880.482.189	-	824.160.806	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	3.931.001.855	-	5.056.533.174	-
Thành phẩm	81.848.830.220	-	77.733.038.848	-
	116.920.110.700	-	144.613.856.313	-

11 . CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒ DANG

	30/06/2016	01/01/2016
	VND	VND
Xây dựng cơ bản dở dang	8.729.940.181	24.806.235.408
- Văn phòng - Khách sạn tại số 10 Trần Nguyên Hãn, Hà Nội	4.138.214.910	4.138.214.910
- Trụ sở làm việc Tổng Công ty tại 52 Lê Đại Hành, Hà Nội	3.110.965.816	4.526.282.862
- Dự án Đầu tư xây dựng nhà xưởng sản xuất	-	16.141.737.636
- Công trình san nền, tường rào KCN Đại Đồng - Bắc Ninh	1.322.608.182	-
- Công trình Nhà máy thiết bị điện tử	158.151.273	-
Mua sắm tài sản cố định	-	79.600.000
	8.729.940.181	24.885.835.408

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAM

Số 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

12 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	420.798.728.897	171.158.700.386	18.343.398.586	84.609.739.186	694.910.567.055
- Mua trong kỳ	-	4.291.733.400	-	182.598.636	4.474.332.036
- Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	25.567.898.448	-	-	1.765.498.889	27.333.397.337
- Thanh lý, nhượng bán	-	(12.446.679.800)	-	-	(12.446.679.800)
Số dư cuối kỳ	446.366.627.345	163.003.753.986	18.343.398.586	86.557.836.711	714.271.616.628
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	119.102.763.701	90.502.161.655	8.765.785.526	7.017.188.900	225.387.899.782
- Khấu hao trong kỳ	7.084.810.885	6.243.039.286	1.109.709.348	3.639.135.163	18.076.694.682
- Hao mòn trong kỳ	-	119.808.336	-	-	119.808.336
- Thanh lý, nhượng bán	-	(12.446.679.800)	-	-	(12.446.679.800)
Số dư cuối kỳ	126.187.574.586	84.418.329.477	9.875.494.874	10.656.324.063	231.137.723.000
Giá trị còn lại					
Tại ngày đầu năm	301.695.965.196	80.656.538.731	9.577.613.060	77.592.550.286	469.522.667.273
Tại ngày cuối kỳ	320.179.052.759	78.585.424.509	8.467.903.712	75.901.512.648	483.133.893.628

Trong đó:

- Nguyên giá tài sản cố định cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 98.169.771.728 VND

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAM

Số 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ
Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

13 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

Tài sản cố định vô hình của Tổng Công ty là Phần mềm máy tính với nguyên giá tại ngày 30/06/2016 là 60.000.000 đồng. Tài sản này đã hết khấu hao từ trước ngày 01/01/2016.

14 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	<u>30/06/2016</u>	<u>01/01/2016</u>
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	150.225.646	-
	<u>150.225.646</u>	<u>-</u>
b) Dài hạn		
Chi phí sửa chữa lớn TSCĐ chờ phân bổ	2.069.334.052	1.765.980.114
Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	8.944.335.670	8.034.397.930
Chi phí xây dựng hạ tầng và san nền	13.009.793.764	13.276.448.872
Chi phí thuê đất	7.490.678.226	7.589.145.708
Chi phí trả trước dài hạn khác	711.669.507	1.076.631.857
	<u>32.225.811.219</u>	<u>31.742.604.481</u>

15 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	<u>30/06/2016</u>		<u>01/01/2016</u>	
	Giá trị	Số có khả năng trả	Giá trị	Số có khả năng trả
	VND	nợ VND	VND	nợ VND
a) Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn				
Công ty TNHH MTV Cadivi Đồng Nai	-	-	24.860.000.000	24.860.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Lạc Hồng	-	-	28.126.311.000	28.126.311.000
Công ty Cổ phần Dây đồng CFT	32.253.130.647	32.253.130.647	75.512.559.134	75.512.559.134
Công ty Cổ phần Kim loại màu và nhựa Đồng Việt	-	-	37.372.908.100	37.372.908.100
Công ty cổ phần Chế tạo Điện cơ Hà Nội	51.343.916.389	51.343.916.389	11.629.809.343	11.629.809.343
Phải trả các đối tượng khác	25.092.046.744	25.092.046.744	35.232.117.829	35.232.117.829
	<u>108.689.093.780</u>	<u>108.689.093.780</u>	<u>212.733.705.406</u>	<u>212.733.705.406</u>
b) Phải trả người bán là các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 36.)				
	<u>83.597.047.036</u>	<u>83.597.047.036</u>	<u>118.360.415.492</u>	<u>118.360.415.492</u>

105 -
CÔNG TY
LIÊN HỢP
KIỂM
AAS
KIỂM

N-01001
CÓN
TRÁCH NHIỆM
KIỂM KIẾ
AAS
KIỂM - T

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAMSố 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ**

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

16 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu năm	Số phải nộp đầu năm	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	Số phải thu cuối kỳ	Số phải nộp cuối kỳ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	9.632.950	-	6.903.437.086	6.903.437.086	9.632.950	-
Thuế Xuất khẩu, Nhập khẩu	-	-	173.728.205	173.728.205	-	-
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	-	4.499.399.393	17.962.929.933	9.099.399.393	-	13.362.929.933
Thuế Thu nhập cá nhân	-	351.080.602	5.909.631.442	6.128.049.727	-	132.662.317
Thuế Nhà đất, Tiền thuê đất	-	-	1.103.048.682	1.102.648.682	-	400.000
Các loại thuế khác	-	-	5.000.000	5.000.000	-	-
	9.632.950	4.850.479.995	32.057.775.348	23.412.263.093	9.632.950	13.495.992.250

Quyết toán thuế của Tổng Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAMSố 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ**
Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016**17 . DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN**

	<u>30/06/2016</u>	<u>01/01/2016</u>
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
- Doanh thu nhận trước cho thuê văn phòng	1.629.494.952	1.367.584.028
	<u>1.629.494.952</u>	<u>1.367.584.028</u>
b) Dài hạn		
- Doanh thu nhận trước cho thuê văn phòng	47.500.945.262	36.865.162.057
	<u>47.500.945.262</u>	<u>36.865.162.057</u>

18 . PHẢI TRẢ KHÁC

	<u>30/06/2016</u>	<u>01/01/2016</u>
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
- Kinh phí công đoàn	928.737.636	1.351.187.456
- Bảo hiểm xã hội	2.288.994	45.237.672
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	113.500.000	83.532.600
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả	277.710.000	130.320.000
- Thuế TNCN thu thừa của cán bộ công nhân viên	1.003.859.860	619.069.521
- Đặt cọc thực hiện dự án Trụ sở số 10 Trần Nguyên Hãn, Hà Nội	20.000.000.000	20.000.000.000
- Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại Emic	-	16.699.815.109
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	81.877.254	77.971.735
	<u>22.407.973.744</u>	<u>39.007.134.093</u>
b) Dài hạn		
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	6.653.548.282	6.200.875.882
	<u>6.653.548.282</u>	<u>6.200.875.882</u>

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAM

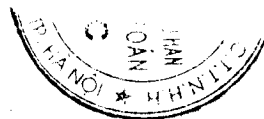
Số 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

19 . VAY NGẮN HẠN

	01/01/2016		Trong kỳ		30/06/2016	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
- Ngân hàng TNHH CTBC - Chi nhánh Hồ Chí Minh ⁽¹⁾	-	-	52.850.922.575	37.290.000.000	15.560.922.575	15.560.922.575
- Ngân hàng TMCP Đầu tư phát triển Việt Nam - Sở giao dịch ⁽²⁾	-	-	100.000.660.000	-	100.000.660.000	100.000.660.000
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Hà Nội ⁽³⁾	-	-	120.000.000.000	-	120.000.000.000	120.000.000.000
	-	-	272.851.582.575	37.290.000.000	235.561.582.575	235.561.582.575



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAMSố 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ**

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay ngắn hạn:

- (1) Thỏa thuận sửa đổi thư cho vay số AC2- STVN715-14 ngày 26 tháng 02 năm 2016, với các điều khoản chi tiết sau:
- + Hạn mức tín dụng: 2.500.000 USD;
 - + Mục đích vay: dùng cho mục đích tài trợ thanh toán nguyên vật liệu của bên vay theo quy định pháp luật Việt Nam;
 - + Thời hạn của hợp đồng: 01 năm;
 - + Lãi suất cho vay: theo từng khoản ứng vay. Lãi suất áp dụng cho các khoản vay tại thời điểm 30/06 là 5,4% đến 5,5%;
 - + Các hình thức bảo đảm tiền vay: Tín chấp.
- (2) Hợp đồng tín dụng số 01/2016/252/HĐBLHM ngày 6 tháng 7 năm 2016, với các điều khoản chi tiết sau:
- + Hạn mức tín dụng: 140.000.000.000 VND;
 - + Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở L/C;
 - + Thời hạn của hợp đồng: được quy định cụ thể tại từng khế ước nhận nợ;
 - + Lãi suất cho vay: ghi trên từng giấy nhận nợ. Lãi suất áp dụng cho các khoản vay tại thời điểm 30/06 là 5,5%/năm;
 - + Các hình thức bảo đảm tiền vay: Tín chấp.
- (3) Hợp đồng tín dụng số 01/2016-HĐTD/NHCT106-TBĐ ngày 22/03/2016, với các điều khoản chi tiết sau:
- + Hạn mức tín dụng: 120.000.000.000 VND;
 - + Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh;
 - + Thời hạn của hợp đồng: thời hạn áp dụng cho vay các khoản nợ là 02 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên;
 - + Lãi suất cho vay: ghi trên từng Giấy nhận nợ. Lãi suất cho vay tại thời điểm ký Hợp đồng và tại thời điểm 30/06 là 6,5%/năm;
 - + Các hình thức bảo đảm tiền vay: 02 sổ thẻ tiết kiệm do Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội phát hành với giá trị là 120 tỷ đồng.

20 . DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ DÀI HẠN

	30/06/2016	01/01/2016
	VND	VND
- Dự phòng bảo hành sản phẩm hàng hóa	39.892.207.051	35.489.024.271
	39.892.207.051	35.489.024.271

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAM

Số 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ
Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

21 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

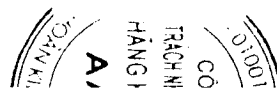
a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	1.400.000.000.000	-	(5.025.000.000)	32.500.000.000	242.561.521.349	1.670.036.521.349
Lãi trong kỳ trước	-	-	-	-	209.759.811.773	209.759.811.773
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	29.500.000.000	(213.055.000.000)	(183.555.000.000)
Số dư cuối kỳ trước	1.400.000.000.000	-	(5.025.000.000)	62.000.000.000	239.266.333.122	1.696.241.333.122
Số dư đầu năm nay (*)	1.550.000.000.000	66.378.000.000	(5.025.000.000)	62.000.000.000	279.157.962.625	1.952.510.962.625
Lãi trong kỳ này	-	-	-	-	225.716.446.716	225.716.446.716
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	77.656.441.276	(249.651.441.276)	(171.995.000.000)
Số dư cuối kỳ này	1.550.000.000.000	66.378.000.000	(5.025.000.000)	139.656.441.276	255.222.968.065	2.006.232.409.341

(*) Theo Nghị quyết Đại hội cổ đông bất thường ngày 26/06/2015 của Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị điện Việt Nam, Đại hội đồng cổ đông đã thông qua phương án phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ nhằm mục đích phục vụ mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh. Ngày 06 tháng 08 năm 2015, Tổng Công ty đã thực hiện chào bán hết 15 triệu cổ phiếu như kế hoạch cho Công ty chứng khoán Bản Việt với giá bán 14.434 đồng/cổ phần. Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ này, Tổng Công ty đang thực hiện sử dụng nguồn vốn theo đúng như cam kết tại các văn bản đã được thông qua.

Theo Nghị quyết của Đại Hội đồng cổ đông thường niên số 19/TBĐVN/NQ-ĐHCĐ ngày 04 tháng 03 năm 2016, Tổng Công ty công bố việc phân phối lợi nhuận năm 2015 như sau:

	Tỷ lệ	Số tiền
	%	VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	100,00%	249.651.441.276
Trích Quỹ đầu tư phát triển	31,10%	77.656.441.276
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	6,01%	15.000.000.000
Chi trả cổ tức (bằng 10% vốn điều lệ)	61,89%	154.500.000.000
Trích Quỹ thưởng Ban điều hành	1,00%	2.495.000.000



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAM

Số 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Tỷ lệ (%)	Cuối kỳ VND	Tỷ lệ (%)	Đầu kỳ VND
Công ty Cổ phần Chứng khoán Bản Việt	9,68%	150.000.000.000	9,68%	150.000.000.000
Các cổ đông khác	90,00%	1.395.000.000.000	90,00%	1.395.000.000.000
Cổ phiếu quỹ	0,32%	5.000.000.000	0,32%	5.000.000.000
	100%	1.550.000.000.000	100%	1.550.000.000.000

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	6 tháng đầu năm 2016 VND	6 tháng đầu năm 2015 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	1.550.000.000.000	1.400.000.000.000
- <i>Vốn góp đầu kỳ</i>	1.550.000.000.000	1.400.000.000.000
- <i>Vốn góp cuối kỳ</i>	1.550.000.000.000	1.400.000.000.000

d) Cổ phiếu

	30/06/2016	01/01/2016
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	155.000.000	155.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	155.000.000	155.000.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	155.000.000	155.000.000
Số lượng cổ phiếu được mua lại (<i>cổ phiếu quỹ</i>)	500.000	500.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	500.000	500.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	154.500.000	154.500.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	154.500.000	154.500.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000

e) Các quỹ công ty

	30/06/2016 VND	01/01/2016 VND
Quỹ đầu tư phát triển	139.656.441.276	62.000.000.000
	139.656.441.276	62.000.000.000

22 . NGUỒN KINH PHÍ ĐÃ HÌNH THÀNH TÀI SẢN CỐ ĐỊNH

- Nguồn vốn hình thành: do Bộ Khoa học và Công nghệ cấp;
- Mục đích: thực hiện các dự án theo chương trình “Nghiên cứu ứng dụng và phát triển công nghệ năng lượng” cấp nhà nước giai đoạn 2011-2015;
- Tài sản hình thành từ chương trình bao gồm: Bàn kiểm công tơ 3 pha và Thiết bị đo phóng điện cục bộ. Nguyên giá của các tài sản nêu trên là 2.736.000.000 đồng; hao mòn lũy kế đến ngày 30/06/2016 là 277.247.225 đồng.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAM

Số 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

23 . CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngoại tệ các loại

	30/06/2016	01/01/2016
- Đồng đô la Mỹ (USD)	18.692,00	18.692,00
- Đồng Yên Nhật (JPY)	33.000,00	33.000,00

24 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	6 tháng đầu năm 2016	6 tháng đầu năm 2015
	VND	VND
Doanh thu bán thành phẩm	508.611.745.676	374.680.092.755
Doanh thu bán hàng hóa	200.466.254.771	275.181.442.245
Doanh thu cung cấp dịch vụ	23.149.822.240	20.620.742.973
	732.227.822.687	670.482.277.973
Doanh thu đối với các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 36.)	243.438.382.766	319.871.957.707

25 . CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU

	6 tháng đầu năm 2016	6 tháng đầu năm 2015
	VND	VND
Hàng bán bị trả lại	201.188.000	6.062.153.330
	201.188.000	6.062.153.330

26 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	6 tháng đầu năm 2016	6 tháng đầu năm 2015
	VND	VND
Giá vốn của thành phẩm đã bán	406.622.722.465	253.568.735.502
Giá vốn của hàng hóa đã bán	197.757.005.189	272.778.902.096
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	15.072.269.788	12.054.823.255
	619.451.997.442	538.402.460.853

27 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	6 tháng đầu năm 2016	6 tháng đầu năm 2015
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	7.237.898.897	11.528.185.650
Lãi bán các khoản đầu tư	19.842.550.996	-
Cổ tức, lợi nhuận được chia	155.090.247.500	130.149.758.911
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	72.249.248	84.308.495
	182.242.946.641	141.762.253.056

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAMSố 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà NộiBáo cáo tài chính riêng giữa niên độ
Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016**28 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	6 tháng đầu năm 2016	6 tháng đầu năm 2015
	VND	VND
Chi phí lãi vay	565.668.584	13.249.248
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	39.359.470	165.223.030
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ	334.860.134	-
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư	17.381.765.912	-
	18.321.654.100	178.472.278

29 . CHI PHÍ BÁN HÀNG

	6 tháng đầu năm 2016	6 tháng đầu năm 2015
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.361.572.763	716.107.365
Chi phí nhân công	612.290.941	808.563.702
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.275.187.902	7.821.725.206
Chi phí khác bằng tiền	1.183.731.250	1.354.183.499
Chi phí bảo hành	4.428.871.561	23.420.061
	12.861.654.417	10.723.999.833

30 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	6 tháng đầu năm 2016	6 tháng đầu năm 2015
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.570.849.478	1.048.424.114
Chi phí nhân công	7.952.973.316	8.132.932.790
Chi phí khấu hao tài sản cố định	350.770.066	546.638.868
Thuế, phí, lệ phí	1.108.048.682	5.659.094.918
Chi phí dự phòng/hoàn nhập dự phòng	(669.310.419)	-
- Trích dự phòng nợ phải thu khó đòi	896.518.027	-
- Hoàn nhập quỹ dự phòng tiền lương	(1.565.828.446)	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.795.069.722	4.594.686.765
Chi phí khác bằng tiền	3.701.498.199	4.529.176.329
	19.809.899.044	24.510.953.784

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAM

Số 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ
Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

31 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	6 tháng đầu năm 2016 VND	6 tháng đầu năm 2015 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	243.679.376.649	232.244.970.874
Các khoản điều chỉnh tăng	1.227.708.178	650.056.678
- Chi phí không hợp lệ	922.916.574	650.056.678
- Lãi đánh giá lại ngoại tệ cuối kỳ các khoản tiền và nợ phải thu	304.791.604	-
Các khoản điều chỉnh giảm	(155.092.435.160)	(130.689.758.911)
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	(155.090.247.500)	(130.149.758.911)
- Lãi đánh giá lại ngoại tệ cuối kỳ	(2.187.660)	(540.000.000)
Thu nhập tính thuế TNDN	89.814.649.667	102.205.268.641
Thuế suất thuế TNDN	20%	22%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	17.962.929.933	22.485.159.101
Các khoản điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các kỳ trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành kỳ này	-	222.650.608
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu kỳ	4.499.399.393	23.726.493.271
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong kỳ	(9.099.399.393)	(29.830.343.879)
Thuế TNDN phải nộp cuối kỳ	13.362.929.933	16.603.959.101

32 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	6 tháng đầu năm 2016 VND	6 tháng đầu năm 2015 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	392.287.499.700	208.385.629.805
Chi phí nhân công	19.946.557.683	44.842.773.243
Chi phí khấu hao tài sản cố định	18.076.694.682	14.367.051.773
Chi phí dịch vụ mua ngoài	17.725.852.971	19.478.800.957
Chi phí dự phòng/hoàn nhập dự phòng	(669.310.419)	-
Chi phí khác bằng tiền	10.994.970.061	11.920.053.221
	458.362.264.678	298.994.308.999

33 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Tổng Công ty bao gồm:

	Giá trị sổ kế toán			
	30/06/2016		01/01/2016	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	144.660.293.991	-	121.223.651.001	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	485.948.414.614	(8.577.261.901)	380.073.355.198	(7.680.743.874)
Các khoản cho vay	321.885.120.000	-	482.885.120.000	-
Đầu tư ngắn hạn	270.000.000.000	-	-	-
	1.222.493.828.605	(8.577.261.901)	984.182.126.199	(7.680.743.874)

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAMSố 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ**
Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

	Giá trị số kế toán	
	30/06/2016	01/01/2016
	VND	VND
Nợ phải trả tài chính		
Vay và nợ	235.561.582.575	-
Phải trả người bán, phải trả khác	137.750.615.806	257.941.715.381
Chi phí phải trả	-	351.500.000
	373.312.198.381	258.293.215.381

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Tổng Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Tổng Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá, tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Rủi ro về giá:

Tổng Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu ngắn hạn và dài hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư. Các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn được nắm giữ với mục đích chiến lược lâu dài, tại thời điểm kết thúc năm tài chính Tổng Công ty chưa có kế hoạch bán các khoản đầu tư này.

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Tổng Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Tổng Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

Rủi ro về lãi suất:

Tổng Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Tổng Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Tổng Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Tổng Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Tổng Công ty. Tổng Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAM

Số 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ
Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 30/06/2016				
Tiền và các khoản trương đương tiền	144.660.293.991	-	-	144.660.293.991
Phải thu khách hàng, phải thu khác	477.371.152.713	-	-	477.371.152.713
Các khoản cho vay	321.885.120.000	-	-	321.885.120.000
Đầu tư ngắn hạn	270.000.000.000	-	-	270.000.000.000
	1.213.916.566.704	-	-	1.213.916.566.704
Tại ngày 01/01/2016				
Tiền và các khoản trương đương tiền	121.223.651.001	-	-	121.223.651.001
Phải thu khách hàng, phải thu khác	372.392.611.324	-	-	372.392.611.324
Các khoản cho vay	482.885.120.000	-	-	482.885.120.000
	976.501.382.325	-	-	976.501.382.325

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Tổng Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Tổng Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 30/06/2016				
Vay và nợ	235.561.582.575	-	-	235.561.582.575
Phải trả người bán, phải trả khác	131.097.067.524	6.653.548.282	-	137.750.615.806
	366.658.650.099	6.653.548.282	-	373.312.198.381
Tại ngày 01/01/2016				
Phải trả người bán, phải trả khác	251.740.839.499	6.200.875.882	-	257.941.715.381
Chi phí phải trả	351.500.000	-	-	351.500.000
	252.092.339.499	6.200.875.882	-	258.293.215.381

Tổng Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Tổng Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAM

Số 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

34 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Theo Nghị quyết đại hội đồng cổ đông bất thường số 27/TBĐVN/NQ-ĐHCĐ ngày 01 tháng 08 năm 2016, Tổng Công ty đã thông qua phương án phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ như sau:

- Số lượng cổ phần dự kiến phát hành: 77.250.000 cổ phần;
- Mệnh giá phát hành: 10.000 đồng/cổ phần;
- Đối tượng phát hành: Cổ đông hiện hữu;
- Tỷ lệ phát hành: Tỷ lệ thực hiện quyền mua cổ phần là 2:1 (cổ đông sở hữu 1 cổ phần tương ứng với 1 quyền, 2 quyền được mua 1 cổ phần mới);
- Giá phát hành: 18.000 đồng/cổ phần;
- Thời gian thực hiện dự kiến: Ủy quyền cho HĐQT quyết định sau khi được UBCK Nhà nước cấp phép;
- Phương án sử dụng vốn:
 - + Tăng tỷ lệ sở hữu tại Công ty Cổ phần Thiết bị điện thông qua việc mua cổ phần chào bán cho cổ đông chiến lược (578.200.000.000 đồng);
 - + Đầu tư vào ngành logistics thông qua việc tìm kiếm, thương thảo để mua cổ phần chi phối của các doanh nghiệp đang hoạt động hiệu quả trong ngành, bao gồm Công ty Cổ phần Kho vận Miền Nam và các doanh nghiệp khác (812.300.000.000 đồng).

Ủy quyền cho Hội đồng quản trị lập và phê duyệt phương án sử dụng vốn chi tiết cho từng mục đích nói trên.

Ngoài ra không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán đòi hỏi phải được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này.



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAM

Số 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ
Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

35 . BÁO CÁO BỘ PHẬN

Theo lĩnh vực kinh doanh

	Hoạt động thương mại	Hoạt động sản xuất	Hoạt động cung cấp dịch vụ	Tổng cộng các bộ phận	Loại trừ	Tổng cộng toàn doanh nghiệp
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	200.466.254.771	508.410.557.676	23.149.822.240	732.026.634.687	-	732.026.634.687
Chi phí bộ phận trực tiếp	197.757.005.189	406.622.722.465	15.072.269.788	619.451.997.442	-	619.451.997.442
Lợi nhuận gộp từ bán hàng và cung cấp dịch vụ	2.709.249.582	101.787.835.211	8.077.552.452	112.574.637.245	-	112.574.637.245
Tổng chi phí mua TSCĐ	4.237.755.164	10.747.541.867	489.375.525	15.474.672.556	-	15.474.672.556
Tài sản bộ phận	304.197.494.001	771.487.539.115	35.128.694.952	1.110.813.728.068	-	1.110.813.728.068
Tài sản không phân bổ	-	-	-	1.406.195.230.402	-	1.406.195.230.402
Tổng tài sản	304.197.494.001	771.487.539.115	35.128.694.952	2.517.008.958.470	-	2.517.008.958.470
Nợ phải trả bộ phận	130.032.668.076	329.781.096.415	15.016.158.978	474.829.923.469	-	474.829.923.469
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	33.487.872.885	-	33.487.872.885
Tổng nợ phải trả	130.032.668.076	329.781.096.415	15.016.158.978	508.317.796.354	-	508.317.796.354

Theo khu vực địa lý

Hơn 90% hoạt động của Tổng Công ty diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam, do đó Tổng Công ty không lập báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAM

Số 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ
Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

36 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong kỳ, Tổng Công ty có các giao dịch phát sinh và số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán với các bên liên quan như sau:

Giao dịch phát sinh trong kỳ:

	Mối quan hệ	6 tháng đầu năm	6 tháng đầu năm
		2016	2015
		VND	VND
Doanh thu		243.438.382.766	319.871.957.707
Công ty CP Dây cáp điện Việt Nam	Công ty con	195.358.655.892	255.154.143.683
Công ty CP Chế tạo Điện cơ Hà Nội	Công ty con	3.146.267.100	3.659.413.970
Công ty TNHH Gelex Campuchia	Công ty con	5.559.222.966	18.595.156.881
Công ty Cổ phần đầu tư xây dựng GELEX	Công ty con	108.678.454	-
Công ty CP Thiết bị điện	Công ty liên kết	10.093.604.630	8.304.288.040
Công ty CP Khí cụ điện 1	Công ty liên kết	1.626.419.000	1.053.195.500
Công ty CP Vật tư và Xây dựng Hà Nội	Công ty liên kết	963.699.500	915.777.000
Công ty CP Sản xuất và Thương mại EMIC	Công ty liên kết	26.094.744.355	31.718.055.400
Công ty Dây đồng Việt Nam - CFT	Công ty liên doanh	487.090.869	471.927.233
Mua hàng		383.717.336.168	296.234.800.092
Công ty CP Dây cáp điện Việt Nam	Công ty con	910.125.908	1.016.898.215
Công ty CP Chế tạo Điện cơ Hà Nội	Công ty con	134.423.978.496	30.291.756.000
Công ty Cổ phần đầu tư xây dựng GELEX	Công ty con	491.354.545	-
Công ty CP Khí cụ điện 1	Công ty liên kết	-	4.999.200
Công ty CP Vật tư và Xây dựng Hà Nội	Công ty liên kết	5.715.263.289	1.564.134.545
Công ty CP Sản xuất và Thương mại EMIC	Công ty liên kết	73.585.539.212	38.226.135.866
Công ty CP Thiết bị điện	Công ty liên kết	13.225.000	-
Công ty Dây đồng Việt Nam - CFT	Công ty liên doanh	168.577.849.718	225.130.876.266
Lãi cho vay vốn		3.826.049.433	3.708.614.100
Công ty CP Dây cáp điện Việt Nam	Công ty con	2.839.495.833	2.850.000.000
Công ty CP Khí cụ điện 1	Công ty liên kết	-	172.060.500
Công ty CP Chế tạo Máy điện Việt Nam - Hungari	Công ty liên kết	371.553.600	371.553.600
Công ty CP Sản xuất và Thương mại EMIC	Công ty liên kết	480.000.000	180.000.000
Công ty CP Vật tư và Xây dựng Hà Nội	Công ty liên kết	135.000.000	135.000.000
Cổ tức, lợi nhuận nhận được		152.399.610.500	127.100.370.311
Công ty CP Dây cáp điện Việt Nam	Công ty con	56.165.472.000	56.165.472.000
Công ty CP Chế tạo Điện cơ Hà Nội	Công ty con	36.088.875.000	29.720.250.000
Công ty CP Thiết bị điện	Công ty liên kết	31.277.056.000	19.548.160.000
Công ty CP Khí cụ điện 1	Công ty liên kết	3.470.080.000	3.470.080.000
Công ty CP Chế tạo Máy điện Việt Nam - Hungari	Công ty liên kết	-	1.490.700.000
Công ty CP Sản xuất và Thương mại EMIC	Công ty liên kết	1.020.000.000	765.000.000
Công ty Dây đồng Việt Nam - CFT	Công ty liên doanh	24.378.127.500	15.940.708.311



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAM

Số 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ
Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

Số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán:

	Mối quan hệ	30/06/2016	01/01/2016
		VND	VND
Phải thu ngắn hạn khách hàng		150.238.238.133	170.592.398.516
Công ty CP Dây cáp điện Việt Nam	Công ty con	89.652.641.088	112.574.675.940
Công ty CP Chế tạo Điện cơ Hà Nội	Công ty con	348.458	1.362.619.291
Công ty TNHH Gelex Campuchia	Công ty con	38.598.128.829	33.308.028.708
Công ty cổ phần đầu tư xây dựng GELEX	Công ty con	85.478.800	-
Công ty CP Thiết bị điện	Công ty liên kết	4.267.577.556	934.193.084
Công ty CP Sản xuất và Thương mại EMIC	Công ty liên kết	13.543.785.302	18.326.134.743
Công ty CP Khí cụ điện 1	Công ty liên kết	802.407.100	326.845.200
Công ty CP Vật tư và Xây dựng Hà Nội	Công ty liên kết	3.287.871.000	3.759.901.550
Phải trả người bán ngắn hạn		83.597.047.036	118.360.415.492
Công ty CP Dây cáp điện Việt Nam	Công ty con	-	6.250.527.015
Công ty CP Chế tạo Điện cơ Hà Nội	Công ty con	51.343.916.389	11.629.809.343
Công ty CP Vật tư và Xây dựng Hà Nội	Công ty liên kết	-	107.520.000
Công ty Dây đồng Việt Nam CFT	Công ty liên doanh	32.253.130.647	75.512.559.134
Công ty TNHH MTV Cadivi Đồng Nai	(*)	-	24.860.000.000
Phải thu lãi cho vay		5.263.422.196	5.045.706.096
Công ty CP Dây cáp điện Việt Nam	Công ty con	2.839.495.833	2.850.000.000
Công ty CP Sản xuất và Thương mại EMIC	Công ty liên kết	-	278.333.333
Công ty CP Chế tạo Máy điện Việt Nam - Hungari	Công ty liên kết	2.288.926.363	1.917.372.763
Cty CP vật tư và xây dựng Hà Nội	Công ty liên kết	135.000.000	-
Ứng trước tiền hàng		-	5.813.037.664
Công ty CP Sản xuất và Thương mại EMIC	Công ty liên kết	-	5.735.060.102
Công ty Cổ phần Vật tư và Xây dựng Hà Nội	Công ty liên kết	-	77.977.562
Phải thu khác		4.958.327.000	11.081.987.000
Công ty TNHH Gelex Campuchia	Công ty con	4.957.327.000	4.957.327.000
Công ty CP Chế tạo Máy điện Việt Nam - Hungari	Công ty liên kết	1.000.000	1.000.000
Công ty CP Khí cụ điện 1	Công ty liên kết	-	6.123.660.000
Phải trả khác		-	16.699.815.109
Công ty CP Sản xuất và Thương mại EMIC	Công ty liên kết	-	16.699.815.109

(*) Đây là Công ty con mà Tổng Công ty sở hữu gián tiếp thông qua các công ty con khác.

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	6 tháng đầu năm 2016	6 tháng đầu năm 2015
	VND	VND
Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc và Hội đồng Quản trị	2.313.000.000	2.148.000.000



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAM

Số 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

37 . SỐ LIỆU SO SÁNH


Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ và các thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán. Số liệu so sánh trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ và các thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đã được soát xét cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015.



Đoàn Thị Lan Phương
Người lập



Phạm Tuấn Anh
Kế toán trưởng



Nguyễn Trọng Tiêu
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 15 tháng 08 năm 2016



BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAM

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

(đã được kiểm toán)

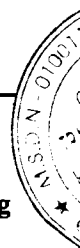
BẢN SÁCH

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAM

Số 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02-03
Báo cáo kiểm toán độc lập	04-05
Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán	06-51
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	06-08
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	09
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	10-11
Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất	12-51



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAM

Số 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị điện Việt Nam (sau đây gọi tắt là "Tổng Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

TỔNG CÔNG TY

Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị điện Việt Nam được chuyển đổi từ doanh nghiệp Nhà nước - Tổng Công ty Thiết bị điện Việt Nam theo Quyết định số 1422/QĐ-TTg ngày 10 tháng 08 năm 2010 của Thủ tướng Chính Phủ, hoạt động theo Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0100100512 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 01 tháng 12 năm 2010, đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 16 tháng 09 năm 2015.

Trụ sở của Tổng Công ty được đặt tại: Số 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Hoa Cương	Chủ tịch
Ông Nguyễn Trọng Tiểu	Thành viên
Ông Phạm Mạnh Hà	Thành viên
Ông Đỗ Văn Chính	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Bích Ngọc	Thành viên

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Tổng Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Trọng Tiểu	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Tiến Vinh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Đỗ Văn Chính	Phó Tổng Giám đốc
Ông Phạm Tuấn Anh	Giám đốc Tài chính kiêm Kế toán trưởng

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Bà Nguyễn Thị Thanh Yên	Trưởng ban
Bà Trương Thị Hương Lan	Thành viên
Ông Bạch Thành Nam	Thành viên

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính hợp nhất cho Tổng Công ty.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAM

Số 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Tổng Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính hợp nhất, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Tổng Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Tổng Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Tổng Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Tổng Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2015, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Tổng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06 tháng 10 năm 2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Nguyễn Trọng Tiếu Ban Tổng Giám đốc



Nguyễn Trọng Tiếu
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 25 tháng 02 năm 2016

Số: 255/2016/BC.KTTC-AASC.KT2

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị điện Việt Nam**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị điện Việt Nam được lập ngày 25 tháng 02 năm 2016, từ trang 06 đến trang 51, bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày ngày 31 tháng 12 năm 2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

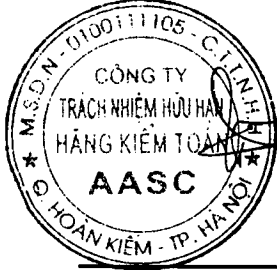
Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị điện Việt Nam tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC



SAO Y BẢN CHÍNH

Ngày 18 tháng . 8 . năm 2016 .

Nguyễn Thanh Tùng

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 0063-2013-002-1

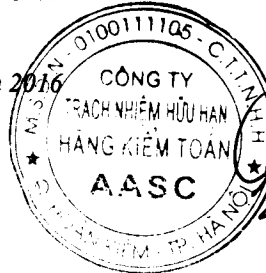
Vũ Xuân Biên

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 0743-2013-002-1

Hà Nội, ngày 03 tháng 03 năm 2016



Cát Thị Hà

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

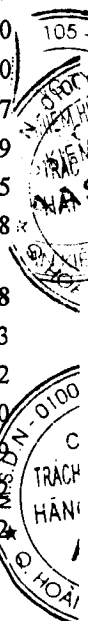
Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2015	01/01/2015
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		3.098.121.929.560	3.466.217.585.478
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	518.493.494.834	770.927.664.834
111	1. Tiền		337.190.219.960	340.160.278.936
112	2. Các khoản tương đương tiền		181.303.274.874	430.767.385.898
120	II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	4	448.433.560.889	271.325.737.173
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		448.433.560.889	271.325.737.173
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		1.006.793.864.550	1.022.896.544.181
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	964.049.114.852	914.121.519.657
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn		42.533.295.302	57.343.228.502
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	6	33.193.522.700	16.885.120.000
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	7	12.644.761.572	85.899.512.244
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(46.632.565.353)	(51.629.924.031)
139	6. Tài sản thiếu chờ xử lý		1.005.735.477	277.087.809
140	IV. Hàng tồn kho	9	1.089.029.229.696	1.378.861.337.210
141	1. Hàng tồn kho		1.094.473.019.541	1.387.600.833.410
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(5.443.789.845)	(8.739.496.200)
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		35.371.779.591	22.206.302.080
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	13	2.406.586.738	2.380.796.252
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		32.948.871.522	18.802.545.278
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	15	16.321.331	1.022.960.550
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		1.819.382.361.671	1.680.198.233.075
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		395.000.000	8.523.772.476
215	1. Phải thu về cho vay dài hạn		-	457.724.476
216	2. Phải thu dài hạn khác	7	395.000.000	8.066.048.000
220	II. Tài sản cố định		981.971.979.497	750.065.201.022
221	1. Tài sản cố định hữu hình	11	925.140.436.177	675.109.785.964
222	- Nguyên giá		1.715.524.224.347	1.512.780.293.213
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(790.383.788.170)	(837.670.507.249)
227	2. Tài sản cố định vô hình	12	56.831.543.320	74.955.415.058
228	- Nguyên giá		68.819.552.152	84.863.183.598
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(11.988.008.832)	(9.907.768.540)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn		44.873.799.497	337.570.727.947
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	10	44.873.799.497	337.570.727.947
250	V. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	4	646.827.240.129	456.640.221.118
252	1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		638.870.867.329	449.133.104.318
253	2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		8.491.514.600	8.491.514.600
254	3. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn		(535.141.800)	(984.397.800)
260	VI. Tài sản dài hạn khác		145.314.342.548	127.398.310.512
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	13	143.919.494.156	123.442.256.767
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	34.a	1.394.848.392	3.956.053.745
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		4.917.504.291.231	5.146.415.818.553

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAMSố 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính hợp nhất**
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2015	01/01/2015
			VND	VND
300	A. NỢ PHẢI TRẢ		1.924.215.058.500	2.407.699.506.770
310	I. Nợ ngắn hạn		1.800.610.784.387	2.294.253.255.662
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	14	571.664.467.750	576.964.314.072
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		95.368.632.658	118.621.678.224
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	15	29.164.746.632	52.288.685.558
314	4. Phải trả người lao động		110.252.303.880	143.747.897.589
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	16	34.017.384.934	86.709.024.960
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	17	18.530.302.185	58.434.941.980
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	18	365.956.116.354	331.333.663.527
320	8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	19	504.114.164.978	806.250.113.649
321	9. Dự phòng phải trả ngắn hạn	20	43.641.992.233	77.455.883.215
322	10. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		27.900.672.783	42.447.052.888
330	II. Nợ dài hạn		123.604.274.113	113.446.251.108
336	1. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	17	36.865.162.057	9.945.550.193
337	2. Phải trả dài hạn khác	18	8.900.875.882	7.597.579.662
338	3. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	19	17.213.189.000	28.380.689.000
341	4. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	34.b	234.802.801	528.689.079
342	5. Dự phòng phải trả dài hạn	20	49.382.894.377	43.481.057.652
343	6. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ		11.007.349.996	23.512.685.542



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAM

Số 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2015	01/01/2015
			VND	VND
400	B. VỐN CHỦ SỞ HỮU		2.993.289.232.731	2.738.716.311.783
410	I. Vốn chủ sở hữu	21	2.981.559.990.574	2.727.712.916.008
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		1.550.000.000.000	1.400.000.000.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		1.550.000.000.000	1.400.000.000.000
411b	- Cổ phiếu ưu đãi		-	-
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		66.378.000.000	-
414	3. Vốn khác của chủ sở hữu		47.050.714.170	47.513.826.624
415	4. Cổ phiếu quỹ		(5.025.000.000)	(7.125.000.000)
417	5. Chênh lệch tỷ giá hối đoái		84.376.333	960.044.030
418	6. Quỹ đầu tư phát triển		123.438.566.724	107.862.750.909
420	7. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		-	198.392.508
421	8. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		744.300.401.229	629.439.175.337
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối đến cuối kỳ trước		423.190.425.666	311.007.098.478
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này		321.109.975.563	318.432.076.859
429	10. Lợi ích cổ đông không kiểm soát		455.332.932.118	548.863.726.600
430	II. Nguồn kinh phí và quỹ khác		11.729.242.157	11.003.395.775
431	1. Nguồn kinh phí		4.011.662.947	1.857.403.945
432	2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ		7.717.579.210	9.145.991.830
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		4.917.504.291.231	5.146.415.818.553

[Signature]

[Signature]



Đoàn Thị Lan Phương
Người lập

Phạm Tuấn Anh
Kế toán trưởng

Nguyễn Trọng Tiêu
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 25 tháng 02 năm 2016

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Năm 2015

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2015	Năm 2014
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	24	8.630.723.684.053	9.317.276.336.021
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	25	248.016.241.157	582.253.464.449
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		8.382.707.442.896	8.735.022.871.572
11	4. Giá vốn hàng bán	26	7.276.539.684.313	7.480.197.065.732
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		1.106.167.758.583	1.254.825.805.840
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	27	130.147.064.204	62.602.582.164
22	7. Chi phí tài chính	28	130.345.487.560	63.051.135.790
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		54.828.381.840	66.136.795.496
24	8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết		5.198.438.999	44.203.620.719
25	9. Chi phí bán hàng	29	201.090.967.584	349.596.040.220
26	10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	30	338.748.091.893	344.502.283.936
30	11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		571.328.714.749	604.482.548.777
31	12. Thu nhập khác	31	6.462.728.666	13.964.037.229
32	13. Chi phí khác	32	3.388.813.123	45.217.324.768
40	14. Lợi nhuận khác		3.073.915.543	(31.253.287.539)
50	15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		574.402.630.292	573.229.261.238
51	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	33	118.297.862.487	125.951.156.146
52	17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		108.281.913	(947.112.464)
60	18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		455.996.485.892	448.225.217.556
61	19. Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ		321.109.975.563	318.432.076.859
62	20. Lợi nhuận sau thuế của Cổ đông không kiểm soát		134.886.510.329	129.793.140.697
70	21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	35	2.187	2.286



Đoàn Thị Lan Phương
Người lập

Phạm Tuấn Anh
Kế toán trưởng

Nguyễn Trọng Tiểu
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 25 tháng 02 năm 2016

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Năm 2015

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2015	Năm 2014
			VND	VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
01	1. Lợi nhuận trước thuế		574.402.630.292	573.229.261.238
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		97.653.503.258	104.567.782.106
03	- Các khoản dự phòng		74.716.618.222	(7.741.010.911)
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		(2.145.269.575)	(1.548.292.448)
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(172.372.046.107)	(100.455.987.991)
06	- Chi phí lãi vay		54.828.381.840	66.136.795.496
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		627.083.817.930	634.188.547.490
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		(215.694.534.103)	248.546.065.453
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		(128.528.629.928)	(93.690.001.364)
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		194.224.395.547	129.281.542.568
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		(28.788.629.089)	(3.291.378.102)
14	- Tiền lãi vay đã trả		(55.392.795.264)	(68.788.762.134)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(131.795.278.086)	(126.701.164.385)
16	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		40.217.626.226	16.245.000.000
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(295.788.764.748)	(179.895.510.887)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		5.537.208.485	555.894.338.639
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(201.507.426.652)	(185.285.793.108)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		702.080.000	8.016.582.285
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(459.193.246.676)	(231.098.759.131)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		282.085.422.960	213.679.563.369
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(95.653.040.249)	-
26	6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	73.517.183.000
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		120.822.728.550	56.945.799.568
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(352.743.482.067)	(64.225.424.017)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Năm 2015

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2015	Năm 2014
			VND	VND
III LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		224.306.340.000	-
	- Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu của Tổng Công ty		216.510.000.000	-
	- Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu của Công ty con		7.796.340.000	-
33	4. Tiền thu từ đi vay		1.473.067.321.335	2.221.336.348.285
34	5. Tiền trả nợ gốc vay		(1.377.507.233.285)	(2.270.321.956.784)
36	6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(225.079.517.819)	(166.620.730.000)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		94.786.910.231	(215.606.338.499)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		(252.419.363.351)	276.062.576.123
60	Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm		770.927.664.834	494.352.346.689
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		(14.806.649)	512.742.022
70	Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm	3	<u>518.493.494.834</u>	<u>770.927.664.834</u>

Đoàn Thị Lan Phương

Phạm Tuấn Anh



Nguyễn Trọng Tiểu

Đoàn Thị Lan Phương
Người lập

Phạm Tuấn Anh
Kế toán trưởng

Nguyễn Trọng Tiểu
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 25 tháng 02 năm 2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2015

1 . ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị điện Việt Nam được chuyển đổi từ doanh nghiệp Nhà nước - Tổng Công ty Thiết bị điện Việt Nam theo Quyết định số 1422/QĐ-TTg ngày 10 tháng 08 năm 2010 của Thủ tướng Chính Phủ, hoạt động theo Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0100100512 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 01 tháng 12 năm 2010, đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 16 tháng 09 năm 2015.

Trụ sở của Tổng Công ty được đặt tại: Số 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội.

Vốn điều lệ của Tổng Công ty thực góp đến ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 1.550.000.000.000 đồng; tương đương 155.000.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Lĩnh vực kinh doanh

Thiết kế chế tạo, sản xuất, kinh doanh các sản phẩm thiết bị đo điện mang thương hiệu GELEX-EMIC như: Công tơ điện 1 pha, 3 pha cơ khí; Công tơ điện tử thông minh 1 pha, 3 pha đa chức năng; Máy biến dòng điện, máy biến điện áp đo lường trung thế, hạ thế và các thiết bị đo điện điện tử khác. Kinh doanh dịch vụ khách sạn.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty là:

- Sản xuất kinh doanh thiết bị điện dùng trong công nghiệp, nông nghiệp và dân dụng;
- Thiết kế, chế tạo, kinh doanh và sửa chữa các thiết bị đo đếm điện một pha, ba pha (có dòng điện một chiều và xoay chiều) các cấp điện áp hạ thế, trung thế và cao thế đến 220KV;
- Thi công, lắp đặt công trình đường dây, trạm biến áp đến 220KV;
- Thi công các công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp, giao thông, công trình thủy lợi;
- Kinh doanh bất động sản, dịch vụ khách sạn, du lịch và cho thuê văn phòng, nhà ở, nhà xưởng, kho bãi, kinh doanh tổ chức dịch vụ du lịch lữ hành nội địa và quốc tế;
- Kinh doanh, xuất nhập khẩu vật tư, thiết bị, phụ tùng máy móc;

Đối với các ngành nghề kinh doanh có điều kiện, doanh nghiệp chỉ được kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật.

Cấu trúc Tổng Công ty

- **Tổng số Công ty con: 11 công ty**
- + Số lượng Công ty con được hợp nhất: 06 công ty con trực tiếp và 05 công ty con gián tiếp. Trong đó số lượng được hợp nhất đến thời điểm mất quyền kiểm soát là 01 công ty con trực tiếp và 02 công ty con gián tiếp.
- + Số lượng Công ty con không được hợp nhất: không có.
- **Thông tin về tái cấu trúc Tổng Công ty:** Trong năm, Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại EMIC (EPT) hoàn tất việc phát hành tăng vốn điều lệ từ 10 tỷ đồng lên 20 tỷ đồng. Do Tổng Công ty không mua thêm cổ phần dẫn đến tỷ lệ lợi ích và tỷ lệ biểu quyết của Tổng Công ty giảm từ 51,00% xuống 25,50%. Trong năm, Công ty Cổ phần Thiết bị điện cũng hoàn tất việc phát hành tăng vốn điều lệ từ 120 tỷ đồng lên 180 tỷ đồng. Do Tổng Công ty không mua thêm cổ phần dẫn đến tỷ lệ lợi ích và tỷ lệ biểu quyết của Tổng Công ty giảm từ 65,16% xuống 43,44%.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAMSố 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính hợp nhất**
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

- **Tổng Công ty có các công ty con trực tiếp được hợp nhất báo cáo tài chính tại thời điểm 31/12/2015 bao gồm:**

<u>Tên công ty</u>	<u>Địa chỉ</u>	<u>Tỷ lệ lợi ích</u>	<u>Tỷ lệ quyền biểu quyết</u>	<u>Hoạt động kinh doanh chính</u>
Công ty Cổ phần Dây cáp điện Việt Nam	TP. Hồ Chí Minh	65,006%	65,006%	Sản xuất kinh doanh dây và cáp điện
Công ty Cổ phần Thiết bị điện (*)	Tỉnh Đồng Nai	65,16%	65,16%	Sản xuất, chế tạo, kinh doanh thiết bị điện
Công ty Cổ phần Chế tạo Điện cơ Hà Nội	TP. Hà Nội	65,84%	65,84%	Sản xuất, chế tạo, kinh doanh thiết bị điện
Công ty Cổ phần Khí cụ điện 1	TP. Hà Nội	51,03%	51,03%	Sản xuất, chế tạo, kinh doanh thiết bị điện
Công ty GELEX Cambodia (1)	Phnom Penh, Campuchia	100,00%	100,00%	Kinh doanh, phân phối sản phẩm thiết bị điện
Công ty Cổ phần Chế tạo Bom Hải Dương (2)	Tỉnh Hải Dương	51,25%	51,25%	Sản xuất, chế tạo, kinh doanh máy bơm

(1) Lý do thay đổi đối với khoản đầu tư vào Công ty GELEX Cambodia:

Trong năm Công ty GELEX Cambodia thay đổi Giấy phép đầu tư ra nước ngoài số 754/BKHĐT-ĐTĐTRNN với số vốn điều lệ 25.000 USD, thấp hơn vốn đầu tư ban đầu đã góp của Tổng Công ty là 239.500 USD.

(2) Lý do thay đổi đối với khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Chế tạo Bom Hải Dương:

Trong năm Công ty CP Chế tạo Bom Hải Dương hoàn tất việc phát hành tăng vốn điều lệ từ 27.586.800.000 đồng lên 35.000.000.000 đồng. Do Tổng Công ty không mua thêm cổ phần dẫn đến tỷ lệ lợi ích và tỷ lệ biểu quyết của Tổng Công ty giảm từ 65,02% xuống 51,25%.

- **Tổng Công ty có các công ty con gián tiếp được hợp nhất báo cáo tài chính tại thời điểm 31/12/2015 bao gồm:**

<u>Tên công ty</u>	<u>Địa chỉ</u>	<u>Tỷ lệ lợi ích</u>	<u>Tỷ lệ quyền biểu quyết</u>	<u>Hoạt động kinh doanh chính</u>
Công ty Cổ phần Kinh doanh Vật tư Thibidi (*)	Tỉnh Đồng Nai	33,23%	51,00%	Kinh doanh, phân phối sản phẩm thiết bị điện
Công ty Liên doanh Thibidi (Cambodia) (*)	Phnom Penh, Campuchia	53,59%	100,00%	Kinh doanh, phân phối sản phẩm thiết bị điện
Công ty Cổ phần Điện cơ Hà Nội	TP. Hồ Chí Minh	51,75%	78,48%	Sản xuất và kinh doanh sản phẩm ngành điện
Trường Cao đẳng Công nghệ Hà Nội	TP. Hà Nội	35,94%	54,59%	Đào tạo, bồi dưỡng cao đẳng và dạy nghề
Công ty TNHH Cadivi Đồng Nai	Tỉnh Đồng Nai	65,09%	100,00%	Kinh doanh, phân phối sản phẩm thiết bị điện

(*) Công ty con trực tiếp và các Công ty con gián tiếp được hợp nhất tới thời điểm Tổng Công ty mất quyền kiểm soát.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAM

Số 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

- Tổng Công ty có các công ty liên kết, công ty liên doanh quan trọng được phản ánh trong báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu tại thời điểm 31/12/2015 bao gồm:

Tên công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty CP Chế tạo Máy điện Việt Nam - Hungari	TP. Hà Nội	34,27%	34,27%	Sản xuất, chế tạo, kinh doanh thiết bị điện
Công ty Cổ phần Thiết bị điện (*)	Tỉnh Đồng Nai	43,44%	43,44%	Sản xuất, chế tạo, kinh doanh thiết bị điện
Công ty CP Vật tư và Xây dựng Hà Nội	TP. Hà Nội	45,00%	45,00%	Xây dựng dân dụng và công nghiệp
Công ty CP Sản xuất và Thương mại EMIC	TP. Hà Nội	25,50%	25,50%	Sản xuất, chế tạo, kinh doanh thiết bị điện
Công ty Dây đồng Việt Nam - CFT	Tỉnh Đồng Nai	36,35%	36,35%	Sản xuất dây đồng và dây đồng tráng thiếc
Công ty TNHH S.A.S - CTAMAD	TP. Hà Nội	23,11%	23,11%	Kinh doanh khách sạn, dịch vụ du lịch

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI TỔNG CÔNG TY

2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Tổng Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Tổng Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Tổng Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3 . Thay đổi trong các chính sách kế toán và thuyết minh

Ngày 22/12/2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006, và Thông tư số 202/2014/TT-BTC hướng dẫn Phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015.

Ảnh hưởng của các thay đổi chính sách kế toán theo hướng dẫn của Thông tư 200/2014/TT-BTC và Thông tư 202/2014/TT-BTC được áp dụng phi hồi tố được áp dụng phi hồi tố. Tổng Công ty đã bổ sung thuyết minh thông tin so sánh trên Báo cáo tài chính hợp nhất đối với các chỉ tiêu có sự thay đổi giữa Thông tư 200/2014/TT-BTC và Quyết định 15/2006/QĐ-BTC, tại Thuyết minh số 42.

2.4 . Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty được lập trên cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty và Báo cáo tài chính của các công ty con do Tổng Công ty kiểm soát trực tiếp hoặc gián tiếp (các công ty con) được lập cho đến ngày 31 tháng 12 hàng năm. Việc kiểm soát đạt được khi Tổng Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Báo cáo tài chính của các công ty con được lập cho cùng kỳ với Báo cáo tài chính của Tổng Công ty, áp dụng các chính sách kế toán nhất quán với các chính sách kế toán của Tổng Công ty. Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để đảm bảo tính nhất quán trong các chính sách kế toán được áp dụng tại Tổng Công ty và các công ty con.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất từ ngày mua lại hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty đó.

Các số dư, thu nhập và chi phí chủ yếu, kể cả các khoản lãi hay lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi hợp nhất Báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát:

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Công ty.

Lãi, lỗ khi có sự thay đổi tỷ lệ sở hữu tại công ty con:

- Trường hợp công ty mẹ sau khi thoái một phần vốn và mất quyền kiểm soát đối với công ty con, công ty con trở thành công ty liên kết: Khoản lãi, lỗ ghi nhận trên Báo cáo tài chính hợp nhất được xác định là chênh lệch giữa số thu từ việc thoái vốn và giá trị tài sản thuần chuyển nhượng cộng với số lợi thế thương mại được ghi giảm là toàn bộ số lợi thế thương mại còn chưa phân bổ;
- Trường hợp công ty con huy động thêm vốn góp từ các chủ sở hữu: Khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất, công ty mẹ xác định và điều chỉnh lại sự biến động giữa phần sở hữu của mình và cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con tại thời điểm trước và sau khi huy động thêm vốn.

2.5 . Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Tổng Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Tổng Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

2.6 . Chuyển đổi Báo cáo tài chính lập bằng ngoại tệ sang Đồng Việt Nam

Báo cáo tài chính lập bằng ngoại tệ được chuyển đổi sang Báo cáo tài chính lập bằng đồng Việt Nam theo các tỷ giá sau: tài sản và nợ phải trả theo tỷ giá cuối năm, vốn đầu tư của chủ sở hữu theo tỷ giá tại ngày góp vốn, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ theo tỷ giá bình quân năm tài chính.

2.7 . Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế này được xác định theo nguyên tắc sau:

- Khi mua bán ngoại tệ là tỷ giá được quy định trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng thương mại;
- Khi ghi nhận nợ phải thu là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi ghi nhận nợ phải trả là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi mua sắm tài sản hoặc thanh toán ngay bằng ngoại tệ là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Ban Tổng Giám đốc được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ: áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả: áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính.

2.8 . Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2.9 . Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại thời điểm nhất định trong tương lai, các khoản cho vay,... được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên doanh liên kết mua trong kỳ bên mua xác định ngày mua, giá phí khoản đầu tư và thực hiện thủ tục kế toán theo đúng quy định của Chuẩn mực kế toán "Hợp nhất kinh doanh" và "Đầu tư vào công ty liên doanh liên kết". Trong Báo cáo tài chính hợp nhất các khoản đầu tư vào công ty liên kết được kế toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm: các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Giá trị ghi sổ ban đầu của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Cổ tức nhận bằng cổ phiếu chỉ thực hiện ghi nhận số lượng cổ phiếu được nhận, không ghi nhận tăng giá trị khoản đầu tư và doanh thu hoạt động tài chính.

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm cụ thể như sau:

- Đối với khoản đầu tư nắm giữ lâu dài (không phân loại là chứng khoán kinh doanh) và không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư: nếu khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý của khoản đầu tư được xác định tin cậy thì việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu; nếu khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo thì việc lập dự phòng căn cứ vào Báo cáo tài chính tại thời điểm trích lập dự phòng của bên được đầu tư.
- Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: căn cứ khả năng thu hồi để lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật.

2.10 . Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Tổng Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

2.11 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang: chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo chi phí phát sinh thực tế cho từng loại sản phẩm chưa hoàn thành.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.12 . Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	20 - 50	năm
- Máy móc, thiết bị	03 - 15	năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	05 - 10	năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 10	năm
- Tài sản cố định khác	03 - 05	năm
- Phần mềm máy tính	03	năm

2.13 . Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các năm tài chính sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng năm hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

2.14 . Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Tổng Công ty.

2.15 . Vay và nợ phải trả thuê tài chính

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

2.16 . Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

2.17 . Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong năm báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như chi phí lãi tiền vay phải trả... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của năm báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

2.18 . Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng phải trả chỉ được ghi nhận khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh nghiệp có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra;
- Sự giảm sút về những lợi ích kinh tế có thể xảy ra dẫn đến việc yêu cầu phải thanh toán nghĩa vụ nợ;
- Đưa ra được một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.

Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc năm tài chính. Tổng Công ty áp dụng tỷ lệ trích lập dự phòng bảo hành hàng hóa 5% trên giá trị hợp đồng căn cứ theo các điều khoản hợp đồng cụ thể.

Chi những khoản chi phí liên quan đến khoản dự phòng phải trả đã lập ban đầu mới được bù đắp bằng khoản dự phòng phải trả đó.

Dự phòng phải trả được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh của năm tài chính. Khoản chênh lệch giữa số dự phòng phải trả đã lập ở năm trước chưa sử dụng hết lớn hơn số dự phòng phải trả lập ở năm báo cáo được hoàn nhập ghi giảm chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

2.19 . Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện gồm doanh thu nhận trước như: số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều năm tài chính về cho thuê tài sản.

Doanh thu chưa thực hiện được kết chuyển vào Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ theo số tiền được xác định phù hợp với từng năm tài chính.

2.20 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Vốn khác thuộc Vốn chủ sở hữu phản ánh số vốn kinh doanh được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh hoặc do được tặng, biếu, tài trợ, đánh giá lại tài sản (nếu được phép ghi tăng, giảm Vốn đầu tư của chủ sở hữu).

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Tổng Công ty phát hành và được Tổng Công ty mua lại, cổ phiếu này không bị hủy bỏ và sẽ được tái phát hành trở lại trong khoảng thời gian theo quy định của pháp luật về chứng khoán. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế mua lại và trình bày trên Bảng Cân đối kế toán là một khoản ghi giảm Vốn đầu tư của chủ sở hữu. Giá vốn của cổ phiếu quỹ khi tái phát hành hoặc khi sử dụng để trả cổ tức, thưởng... được tính theo phương pháp bình quân gia quyền.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Tổng Công ty. Việc phân phối lợi nhuận được thực hiện khi Tổng Công ty có lợi nhuận sau thuế chưa phân phối không vượt quá mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất sau khi đã loại trừ ảnh hưởng của các khoản lãi do ghi nhận từ giao dịch mua giá rẻ. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Tổng Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Tổng Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Đại hội đồng cổ đông Tổng Công ty, Thông báo của Hội đồng quản trị và Tổng Công ty hoàn thành việc chốt danh sách cổ đông để chi trả cổ tức.

2.21 . Doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Tổng Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Tổng Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hợp đồng xây dựng

Phần công việc hoàn thành của Hợp đồng xây dựng làm cơ sở xác định doanh thu được xác định theo phương pháp tỷ lệ phần trăm (%) giữa chi phí thực tế đã phát sinh của phần công việc đã hoàn thành tại một thời điểm so với tổng chi phí dự toán của hợp đồng.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Tổng Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

Cổ phiếu thưởng hay cổ tức trả bằng cổ phiếu: Không ghi nhận khoản thu nhập khi quyền được nhận cổ phiếu thưởng hay cổ tức bằng cổ phiếu được xác lập, số lượng cổ phiếu thưởng hay cổ tức bằng cổ phiếu nhận được thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất có liên quan.

2.22 . Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong kỳ gồm: Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Các khoản chiết khấu thương mại và hàng bán bị trả lại phát sinh cùng năm tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của năm phát sinh. Trường hợp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã tiêu thụ từ các năm trước, đến năm sau mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc: nếu phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất thì ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính hợp nhất của năm lập báo cáo (năm trước), và nếu phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất thì ghi giảm doanh thu của năm phát sinh (năm sau).

2.23 . Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán được ghi nhận phù hợp với doanh thu đã phát sinh trong kỳ và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng (bao gồm cả việc trích trước chi phí vào giá vốn hàng bán). Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức chi phí vượt mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

2.24 . Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thanh lý, chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán;
- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.25 . Thuế thu nhập doanh nghiệp

- a) Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và Thuế thu nhập hoãn lại phải trả

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được xác định dựa trên tổng chênh lệch tạm thời được khấu trừ và giá trị được khấu trừ chuyển sang năm sau của các khoản lỗ tính thuế và ưu đãi thuế chưa sử dụng. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định dựa trên các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế.

Tài sản thuế TNDN hoãn lại và Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất thuế TNDN hiện hành (hoặc thuế suất dự tính thay đổi trong tương lai nếu việc hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại hoặc thuế thu nhập hoãn lại phải trả nằm trong thời gian thuế suất mới có hiệu lực), dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc năm tài chính.

- b) Chi phí thuế TNDN hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

2.26 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Tổng Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Tổng Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Tổng Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Tổng Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Tổng Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Tổng Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Tổng Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới Tổng Công ty.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, cần chú ý tới bản chất của mối quan hệ chứ không chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAMSố 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính hợp nhất**
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015**3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
Tiền mặt	4.581.166.806	4.201.727.172
Tiền gửi ngân hàng	332.609.053.154	335.958.551.764
Các khoản tương đương tiền	181.303.274.874	430.767.385.898
	518.493.494.834	770.927.664.834

4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá gốc	Giá trị ghi sổ VND
Đầu tư ngắn hạn	448.433.560.889	448.433.560.889	271.325.737.173	271.325.737.173
- Tiền gửi có kỳ hạn	448.433.560.889	448.433.560.889	271.325.737.173	271.325.737.173
	448.433.560.889	448.433.560.889	271.325.737.173	271.325.737.173

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAMSố 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính hợp nhất**
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015**4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH****b) Đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết**

	Địa chỉ	31/12/2015			01/01/2015		
		Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Giá trị ghi sổ	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Giá trị ghi sổ
				VND			VND
- Công ty Cổ phần Chế tạo Máy điện Việt Nam - Hungari	TP. Hà Nội	34,27%	34,27%	20.360.017.528	34,27%	34,27%	20.188.297.220
- Công ty Cổ phần Vật tư và Xây dựng Hà Nội	TP. Hà Nội	45,00%	45,00%	5.528.359.676	45,00%	45,00%	5.524.630.171
- Công ty Dây Đồng Việt Nam - CFT	Tỉnh Đồng Nai	36,35%	36,35%	114.115.327.257	36,35%	36,35%	119.105.505.506
- Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại EMIC (1)	TP. Hà Nội	25,50%	25,50%	7.049.361.952	51,00%	51,00%	-
- Công ty CP Thiết bị điện (2)	Tỉnh Đồng Nai	43,44%	43,44%	198.878.604.355	65,16%	65,16%	-
- Công ty TNHH SAS - CTAMAD	TP. Hà Nội	23,11%	23,11%	292.939.196.561	23,11%	23,11%	304.314.671.421
				638.870.867.329			449.133.104.318

(1) Lí do thay đổi đối với khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại EMIC

Trong kỳ Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại EMIC (EPT) hoàn tất việc phát hành tăng vốn điều lệ từ 10 tỷ đồng lên 20 tỷ đồng. Do Tổng Công ty không mua thêm cổ phần dẫn đến tỷ lệ lợi ích và tỷ lệ biểu quyết của Tổng Công ty giảm từ 51,00% xuống 25,50%.

(2) Lí do thay đổi đối với khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Thiết bị điện:

Trong năm Công ty Cổ phần Thiết bị điện hoàn tất việc phát hành tăng vốn điều lệ từ 120 tỷ đồng lên 180 tỷ đồng. Do Tổng Công ty không mua thêm cổ phần dẫn đến tỷ lệ lợi ích và tỷ lệ biểu quyết của Tổng Công ty giảm từ 65,16% xuống 43,44%.

Các giao dịch trọng yếu giữa Công ty và Công ty liên doanh, liên kết trong kỳ: Xem thuyết minh số 41.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAM

Số 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

c) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	2.178.670.000	(535.141.800)	2.178.670.000	(984.397.800)
- Công ty Cổ phần Dây cáp điện Việt Thái	4.995.833.299	-	4.995.833.299	-
- Công ty Cổ phần Công nghệ cao	1.057.011.301	-	1.057.011.301	-
- Công ty Cổ phần XNK Dịch vụ và Đầu tư Việt Nam	260.000.000	-	260.000.000	-
	8.491.514.600	(535.141.800)	8.491.514.600	(984.397.800)

Tổng Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAMSố 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính hợp nhất**
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015**5 . PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG**

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
- Tổng công ty Điện lực Miền Nam	67.408.349.632	26.403.122.171
- Tổng Công ty Điện lực miền Bắc	78.030.669	74.617.874.069
- Electricite Du Cambodge (EDC)	-	19.608.870.986
- Công ty TNHH Một thành viên Điện lực Hải Phòng	-	2.706.238.700
- Công ty Cổ phần Điện máy TP. Hồ Chí Minh	-	31.653.787.155
- Ban quản lý dự án các công trình điện miền Nam	-	18.613.153.958
- Myanmar Solar Rays Co., Ltd Solar Rays Electrical Trading	38.775.578.887	18.826.721.261
- Công ty Cổ phần Sản xuất Thanh Vân	19.260.526.417	19.289.526.417
- Công ty Cổ phần Đầu tư Sản xuất Thương mại Đức Tường PQ	51.114.618.503	45.399.984.953
- Công ty TNHH Thiết bị điện Quý Dân	61.550.243.456	52.969.628.527
- Công ty Cổ phần Thương mại Điện máy Kim Biên	63.448.616.616	54.340.549.584
- Công ty Cổ phần Dây cáp điện Việt Thái	15.811.537.610	-
- Công ty Cổ phần Dây và cáp Sacom	23.736.287.344	-
- Các khoản phải thu khách hàng khác	622.865.325.718	549.692.061.876
	964.049.114.852	914.121.519.657
b) Phải thu khách hàng là các bên liên quan		
Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 41.	28.442.067.021	3.201.857.600

6 . PHẢI THU VỀ CHO VAY NGẮN HẠN

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại EMIC	16.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Chế tạo Máy điện Việt Nam - Hungari	12.385.120.000	12.385.120.000
Công ty Cổ phần Vật tư và Xây dựng Hà Nội	4.500.000.000	4.500.000.000
Cho vay ngắn hạn của Công ty Cổ phần Khí cụ Điện 1	308.402.700	-
	33.193.522.700	16.885.120.000

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAM

Số 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

7 . CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	30/06/2015		01/01/2015	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
a) Ngắn hạn	12.644.761.572	-	85.899.512.244	-
Phải thu về lãi tiền gửi, tiền cho vay	2.491.439.432	-	4.223.515.094	-
Phải thu về bảo hiểm xã hội	105.732.846	-	267.004.449	-
Phải thu về bảo hiểm y tế	17.357.999	-	18.419.563	-
Phải thu về bảo hiểm thất nghiệp	11.413.620	-	12.074.700	-
Tạm ứng	4.890.590.185	-	16.321.780.495	-
Ký cược, ký quỹ	3.632.172.469	-	51.811.608.278	-
Phải thu về thuế thu nhập cá nhân	9.151.710	-	8.953.733.946	-
Phải thu Kinh phí xây dựng hạ tầng	10.000.000	-	1.000.000.000	-
Tạm ứng tiền thưởng HĐQT, ban điều hành	1.100.000.000	-	-	-
Phải thu khác	376.903.311	-	3.291.375.719	-
b) Dài hạn	395.000.000	-	8.066.048.000	-
Ký cược, ký quỹ	395.000.000	-	8.066.048.000	-
	13.039.761.572	-	93.965.560.244	-

8 . NỢ XẤU

	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi	56.841.893.540	54.471.637.882	67.157.207.059	55.589.711.813
Công ty Cổ phần Sản xuất Thanh Vân	19.260.526.417	19.260.526.417	19.289.526.417	19.289.526.417
RMM METALLHANDEL GMBH	6.871.886.896	6.871.886.896	6.871.886.896	6.871.886.896
Công ty Cổ phần điện Sóng Thần	-	-	2.054.418.077	2.054.418.077
Công ty TNHH Xây dựng Hải Long	-	-	2.511.834.934	2.511.834.934
Các khoản khác	30.709.480.227	28.339.224.569	36.429.540.735	24.862.045.489
	56.841.893.540	54.471.637.882	67.157.207.059	55.589.711.813

Giá trị có thể thu hồi được ghi nhận căn cứ đánh giá của Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty và các Công ty con. Đối với các khoản nợ xấu của Công ty Cổ phần Dây cáp điện Việt Nam số dư các khoản nợ xấu đã có quyết định của Tòa án nhân dân buộc bên nợ phải trả là 19.445.763.787 đồng, số còn lại là 6.871.886.896 đồng được chờ quyết định của Tòa án.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAM

Số 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

9 . HÀNG TỒN KHO

	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Hàng mua đang đi đường	6.301.117.300	-	17.092.537.938	-
Nguyên liệu, vật liệu	318.564.535.179	-	363.507.740.731	(183.160.618)
Công cụ, dụng cụ	3.436.578.236	-	5.022.129.334	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	112.003.204.172	-	169.909.447.845	-
Thành phẩm	596.464.177.207	(5.164.038.845)	665.122.367.802	(8.276.584.582)
Hàng hoá	44.288.279.252	(279.751.000)	152.214.105.099	(279.751.000)
Hàng gửi đi bán	13.415.128.195	-	14.732.504.661	-
	1.094.473.019.541	(5.443.789.845)	1.387.600.833.410	(8.739.496.200)

10 . CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒ DANG

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
- Xây dựng cơ bản dở dang	40.276.323.737	314.157.186.967
Xây dựng Văn phòng Khách sạn tại số 10 Trần Nguyên Hãn	4.138.214.910	4.138.214.910
Xây dựng trụ sở làm việc Tổng Công ty tại 52 Lê Đại Hành	4.526.282.862	297.305.468.099
Dự án Nhà máy Cấp điện và xưởng sản xuất dây điện từ tại Tân Phú Trung của Công ty CP Dây cáp điện Việt Nam	7.796.532.540	5.683.541.634
Dự án Nhà máy cáp điện Cadivi Miền Trung	369.500.750	2.143.754.760
Dự án Xây dựng nhà xưởng sản xuất và văn phòng KCN Đại Đồng - Hoàn Sơn - Tiên Du - Bắc Ninh (*)	16.141.737.636	260.410.182
Dự án đầu tư sản xuất MBA Amorphous	5.243.205.244	-
Công trình khác	2.060.849.795	4.625.797.382
- Mua sắm tài sản cố định	3.882.522.088	21.773.910.400
Chi phí mua đất Khu đô thị An Phú - An Khánh	-	15.100.000.000
Dây chuyền máy kéo đại	-	3.400.000.000
Phần mềm ERP	3.287.000.400	2.872.460.400
Các tài sản khác	595.521.688	401.450.000
- Sửa chữa lớn tài sản cố định	714.953.672	1.639.630.580
Sửa chữa lớn, nâng cấp máy móc tại Công ty Cổ phần Dây cáp điện Việt Nam	622.856.122	1.639.630.580
Sửa chữa lớn tài sản cố định khác	92.097.550	-
	44.873.799.497	337.570.727.947

(*) Dự án Đầu tư xây dựng nhà xưởng sản xuất được Tổng Công ty thực hiện từ quý IV năm 2014 và dự kiến hoàn thành đầu năm 2016 với tổng dự toán 29,28 tỷ đồng.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAM

Số 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

11 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá						
Số dư đầu năm	576.902.579.836	811.382.480.627	100.157.427.746	24.257.405.004	80.400.000	1.512.780.293.213
- Mua trong năm	28.298.987.218	75.162.639.036	18.324.916.272	848.956.726	-	122.635.499.253
- Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	246.018.606.012	21.421.205.960	837.233.638	82.811.532.777	-	351.088.578.387
- Tăng do chuyển đổi báo cáo	-	-	39.487.500	2.406.293	-	41.893.793
- Thanh lý, nhượng bán	(804.532.536)	(2.727.854.819)	(1.036.594.919)	-	-	(4.568.982.274)
- Giảm do chuyển công ty con thành Công ty liên kết	(95.460.396.219)	(142.339.357.958)	(23.150.877.493)	(5.051.458.568)	(80.400.000)	(266.082.490.238)
- Giảm khác	(370.567.787)	-	-	-	-	(370.567.787)
- Phân loại lại	-	970.365.811	(875.960.811)	(94.405.000)	-	-
Số dư cuối năm	754.584.676.524	763.869.478.657	94.295.631.934	102.774.437.232	-	1.715.524.224.347
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	258.136.654.812	494.114.902.908	65.296.205.850	20.042.343.679	80.400.000	837.670.507.249
- Khấu hao trong năm	27.306.471.406	57.098.213.953	7.861.445.494	6.228.849.077	-	98.494.979.930
- Khấu hao tài sản hình thành từ dự án KHCN	-	2.896.733.171	-	79.365.000	-	2.976.098.171
- Tăng do chuyển đổi báo cáo	-	-	16.366.441	891.907	-	17.258.348
- Thanh lý, nhượng bán	(162.094.174)	(1.938.821.621)	(188.020.423)	-	-	(2.288.936.218)
- Giảm do chuyển công ty con thành Công ty liên kết	(36.820.986.319)	(92.574.887.850)	(12.742.807.849)	(4.254.868.439)	(80.400.000)	(146.473.950.457)
- Phân loại lại	(11.502.187)	950.345.734	(875.960.811)	(75.051.589)	-	(12.168.853)
Số dư cuối năm	248.448.543.538	460.546.486.295	59.367.228.702	22.021.529.635	-	790.383.788.170
Giá trị còn lại						
Tại ngày đầu năm	318.765.925.024	317.267.577.719	34.861.221.896	4.215.061.325	-	675.109.785.964
Tại ngày cuối năm	506.136.132.986	303.322.992.362	34.928.403.232	80.752.907.597	-	925.140.436.177

Trong đó:

- Giá trị còn lại cuối năm của tài sản cố định hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 152.172.471.471 đồng
- Nguyên giá tài sản cố định cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 386.855.983.031 đồng

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAM

Số 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

12 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Giá trị quyền sử dụng đất (*) VND	Phần mềm máy tính VND	Tài sản cố định vô hình khác VND	Cộng VND
Nguyên giá				
Số dư đầu năm	79.437.072.507	2.777.471.665	2.648.639.426	84.863.183.598
- Mua trong năm	-	6.067.200.000	-	6.067.200.000
- Giảm khác	-	(47.381.873)	-	(47.381.873)
- Giảm do chuyển đổi công ty con thành liên kết	(20.529.754.848)	(1.533.694.725)	-	(22.063.449.573)
Số dư cuối năm	58.907.317.659	7.263.595.067	2.648.639.426	68.819.552.152
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư đầu năm	6.818.668.105	1.867.475.422	1.221.625.013	9.907.768.540
- Khấu hao trong năm	1.033.159.048	1.631.158.051	163.012.158	2.827.329.257
- Giảm khác	-	(47.381.873)	-	(47.381.873)
- Giảm do chuyển đổi công ty con thành liên kết	-	(699.707.092)	-	(699.707.092)
Số dư cuối năm	7.851.827.153	2.751.544.508	1.384.637.171	11.988.008.832
Giá trị còn lại				
Tại ngày đầu năm	72.618.404.402	909.996.243	1.427.014.413	74.955.415.058
Tại ngày cuối năm	51.055.490.506	4.512.050.559	1.264.002.255	56.831.543.320

(*) Giá trị quyền sử dụng đất bao gồm giá trị quyền sử dụng đất có thời hạn với tổng số tiền là 50.991.285.959 đồng, là quyền sử dụng đất tại 70-72 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Quận 1, thành phố Hồ Chí Minh, với thời hạn sử dụng là 50 năm bắt đầu từ ngày 19/10/2007. Còn lại là quyền sử dụng đất lâu dài với tổng số tiền là 8.328.636.676 đồng.

13 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2015 VND	01/01/2015 VND
a) Ngắn hạn	2.406.586.738	2.380.796.252
Công cụ dụng cụ xuất dùng	1.237.762.135	2.380.796.252
Chi phí thuê kho, văn phòng, thuê đất	65.000.925	-
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	1.103.823.678	-
b) Dài hạn	143.919.494.156	123.442.256.767
Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	11.812.029.259	11.671.271.641
Chi phí sửa chữa lớn TSCĐ chờ phân bổ	6.104.468.867	5.445.295.097
Chi phí xây dựng hạ tầng và san nền	13.276.448.872	12.001.250.757
Chi phí thuê đất trả trước	111.421.492.433	92.818.552.769
Chi phí trả trước dài hạn khác	1.305.054.725	1.505.886.503
	146.326.080.894	125.823.053.019

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAM

Số 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

14 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
a) Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn				
- Công ty Cổ phần Ngô Han	-	-	21.784.112.895	21.784.112.895
- Công ty TNHH Trung tâm thép NSSB Sài Gòn	-	-	24.922.014.508	24.922.014.508
- Công ty LG International (HK)	35.028.075.466	35.028.075.466	-	-
- LS NIKKO COPPER INC.	33.654.074.601	33.654.074.601	-	-
- Công ty TNHH MTV Sản xuất và Thương mại Tân Nghệ Nam	56.157.913.449	56.157.913.449	9.414.957.749	9.414.957.749
- Công ty Cổ phần Dây cáp điện Việt Thái	17.279.749.520	17.279.749.520	1.077.687.600	1.077.687.600
- Công ty Cổ phần Địa ốc - Cáp điện Thịnh Phát	51.654.495.103	51.654.495.103	30.729.257.457	30.729.257.457
- Công ty Cổ phần Kim loại màu và nhựa Đồng Việt	73.838.368.564	73.838.368.564	38.150.382	38.150.382
- Công ty Cổ phần Dây và cáp Sacom	25.052.616.758	25.052.616.758	-	-
- DAEWOO INTERNATIONAL CORP.	13.418.105.039	13.418.105.039	93.228.742.051	93.228.742.051
- Công ty Dây đồng Việt Nam CFT	94.473.185.907	94.473.185.907	123.193.260.639	123.193.260.639
- Phải trả các đối tượng khác	171.107.883.343	171.107.883.343	272.576.130.791	272.576.130.791
	571.664.467.750	571.664.467.750	576.964.314.072	576.964.314.072
b) Phải trả người bán là các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 41.)				
	95.298.974.007	95.298.974.007	123.193.260.639	123.193.260.639

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAMSố 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính hợp nhất**

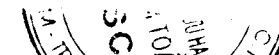
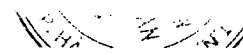
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

15 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu năm	Số phải nộp đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số giảm trong năm (*)	Số phải thu cuối năm	Số phải nộp cuối năm
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	43.310.410	10.149.476.457	142.383.269.172	149.691.892.911	9.632.950	2.807.175.258
Thuế Xuất khẩu, Nhập khẩu	6.468.538	150.639.429	2.188.304.967	2.339.164.239	6.688.381	-
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	973.181.602	38.331.740.850	95.949.071.664	109.223.836.655	-	24.083.794.257
Thuế Thu nhập cá nhân	-	3.500.748.626	11.285.723.603	12.516.855.352	-	2.269.616.877
Thuế Nhà đất, Tiền thuê đất	-	113.625.218	14.715.273.223	14.824.738.201	-	4.160.240
Các loại thuế khác	-	42.454.978	532.296.889	574.751.867	-	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-	29.649.611	29.649.611	-	-
	1.022.960.550	52.288.685.558	267.083.589.129	289.200.888.836	16.321.331	29.164.746.632

Quyết toán thuế của Tổng Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

(*) Số giảm trong năm bao gồm số tiền thực nộp trong năm và số giảm do mất quyền kiểm soát tại các công ty con.



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAMSố 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

16 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	<u>31/12/2015</u>	<u>01/01/2015</u>
	VND	VND
- Chi phí lãi vay	197.007.906	978.272.162
- Trích trước chi phí vận chuyển, thuê kho, phí bảo vệ, tiền ăn ca	4.257.853.767	3.388.784.891
- Trích trước lãi ký quỹ và các khoản chiết khấu	14.196.798.172	47.163.601.097
- Chi phí hoa hồng	-	21.596.588.670
- Phí bản quyền của hợp đồng Lixang AVK	3.070.875.500	3.070.875.500
- Chi phí thuê đất tại số 16 Nguyễn Biểu, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh của CTCP Dây cáp điện Việt Nam	1.413.720.000	-
- Trích trước chi phí khuyến mại	6.974.241.959	6.572.851.000
- Chi phí phải trả khác	3.906.887.630	3.938.051.640
	<u>34.017.384.934</u>	<u>86.709.024.960</u>

17 . DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN

	<u>31/12/2015</u>	<u>01/01/2015</u>
	VND	VND
a) Ngắn hạn	18.530.302.185	58.434.941.980
- Doanh thu nhận trước cho thuê văn phòng, tài sản	1.367.584.028	872.149.354
- Doanh thu nhận trước từ tiền thu học phí	2.245.263.612	2.767.517.405
- Các khoản doanh thu chưa thực hiện khác	14.917.454.545	54.795.275.221
b) Dài hạn	36.865.162.057	9.945.550.193
- Doanh thu nhận trước cho thuê văn phòng	36.865.162.057	9.945.550.193
	<u>55.395.464.242</u>	<u>68.380.492.173</u>

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAMSố 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính hợp nhất**
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015**18 . PHẢI TRẢ KHÁC**

	<u>31/12/2015</u>	<u>01/01/2015</u>
	VND	VND
a) Ngắn hạn	365.956.116.354	331.333.663.527
- Tài sản thừa chờ giải quyết	711.508.637	1.087.852.802
- Kinh phí công đoàn	1.827.363.518	2.928.982.471
- Bảo hiểm xã hội	643.113.182	343.516.974
- Bảo hiểm y tế	72.090.053	121.826.929
- Bảo hiểm thất nghiệp	57.320.033	217.235.866
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	301.399.158.645	252.550.342.331
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả	130.320.000	808.210.000
- Phải trả cổ tức cho cổ đông thiểu số tại Công ty con	8.847.566.054	2.288.720.969
- Phải trả lãi vay	325.463.455	108.612.623
- Nhận đặt cọc thực hiện dự án 10 Trần Nguyên Hãn - Hà Nội	20.000.000.000	20.000.000.000
- Phải trả Tổng Công ty Đầu tư và kinh doanh vốn Nhà nước	-	36.964.348.246
- Cổ đông Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại EMIC góp thêm vốn điều lệ	-	10.000.000.000
- Cổ đông Công ty Cổ phần Khí cụ điện 1 góp thêm vốn điều lệ	7.796.340.000	-
- Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại Emic	16.699.815.109	-
- Phải trả Quỹ khen thưởng, phúc lợi CTCP Dây cáp điện Việt Nam	5.307.769.345	-
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	2.138.288.323	3.914.014.316
b) Dài hạn	8.900.875.882	7.597.579.662
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	8.900.875.882	7.597.579.662
	<u>374.856.992.236</u>	<u>338.931.243.189</u>

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAM

Số 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

19 . VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

	01/01/2015		Trong năm		31/12/2015	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
a) Vay ngắn hạn						
- Vay ngắn hạn ngân hàng	762.748.904.787	762.748.904.787	1.428.148.009.127	1.712.814.293.991	478.082.619.923	478.082.619.923
- Vay ngắn hạn tổ chức	-	-	3.800.000.000	3.800.000.000	-	-
- Vay ngắn hạn cá nhân	29.052.953.090	29.052.953.090	38.098.812.208	55.308.220.243	11.843.545.055	11.843.545.055
- Vay dài hạn đến hạn trả ngân hàng	260.255.772	260.255.772	-	260.255.772	-	-
- Vay dài hạn đến hạn trả Công ty Đầu tư Tài chính Nhà Nước	14.188.000.000	14.188.000.000	14.188.000.000	14.188.000.000	14.188.000.000	14.188.000.000
	806.250.113.649	806.250.113.649	1.484.234.821.335	1.786.370.770.006	504.114.164.978	504.114.164.978
b) Vay dài hạn						
- Vay dài hạn Công ty Đầu tư Tài chính Nhà Nước	42.568.689.000	42.568.689.000	-	14.188.000.000	28.380.689.000	28.380.689.000
- Vay dài hạn Ngân hàng	260.255.772	260.255.772	3.020.500.000	260.255.772	3.020.500.000	3.020.500.000
	42.828.944.772	42.828.944.772	3.020.500.000	14.448.255.772	31.401.189.000	31.401.189.000
Khoản nợ đến hạn trả trong vòng 12 tháng	(14.448.255.772)	(14.448.255.772)	(14.188.000.000)	(14.448.255.772)	(14.188.000.000)	(14.188.000.000)
Khoản nợ đến hạn trả sau 12 tháng	28.380.689.000	28.380.689.000			17.213.189.000	17.213.189.000

12/31/2015

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAM

Số 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

Chi tiết số dư các khoản vay:

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
a) Ngắn hạn	504.114.164.978	806.250.113.649
Vay ngắn hạn ngân hàng	478.082.619.923	762.748.904.787
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Hải Dương	59.174.463.176	29.050.925.533
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN KCN Biên Hòa	-	315.415.287.947
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Sở giao dịch 2	-	97.457.780.191
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Tây Hà Nội	5.091.823.440	-
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Đồng Nai	-	67.093.620.809
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - VP Hồ Chí Minh	157.108.792.439	88.854.600.473
Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam - CN Hải Dương	22.825.223.351	7.494.979.818
Ngân hàng TMCP Quân đội	130.605.674.167	54.984.151.929
Ngân hàng TMCP Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam	94.409.634.132	-
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Campuchia	-	5.311.500.000
Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam - CN Hà Nội	5.485.982.888	-
Ngân hàng TNHH MTV HSBC	-	9.986.556.490
Ngân hàng TNHH CTBC - Chi nhánh TP Hồ Chí Minh	3.381.026.330	87.099.501.597
Vay ngắn hạn tổ chức	1.350.000.000	1.350.000.000
Công đoàn Công ty Cổ phần Chế tạo Điện cơ Hà Nội	1.300.000.000	1.150.000.000
Công đoàn Trường Cao đẳng Công nghệ Hà Nội	50.000.000	100.000.000
Công đoàn Công ty Cổ phần Kinh doanh Vật tư Thibidi	-	100.000.000
Vay cá nhân	10.493.545.055	27.702.953.090
Vay dài hạn đến hạn trả	14.188.000.000	14.448.255.772
Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam - Sở giao dịch 1	-	260.255.772
Công ty Đầu tư Tài chính Nhà nước	14.188.000.000	14.188.000.000
b) Vay dài hạn	17.213.189.000	28.380.689.000
Công ty Đầu tư tài chính Nhà nước	14.192.689.000	28.380.689.000
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Hồ Chí Minh	3.020.500.000	-
	521.327.353.978	834.630.802.649

20 . DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
a) Ngắn hạn	43.641.992.233	77.455.883.215
- Dự phòng bảo hành sản phẩm hàng hóa	43.641.992.233	77.455.883.215
b) Dài hạn	49.382.894.377	43.481.057.632
- Dự phòng bảo hành sản phẩm hàng hóa	49.382.894.377	34.139.544.070
- Dự phòng phải trả khác (Dự phòng phải trả trợ cấp mất việc làm)	-	9.341.513.562
	93.024.886.610	120.936.940.847

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAM

Số 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

21 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quý đầu tư phát triển	Quý khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	1.400.000.000.000	-	47.513.826.624	(5.025.000.000)	819.607.405	64.580.464.743	186.096.715	571.636.332.758	451.373.236.710	2.531.084.564.955
Lãi trong năm trước	-	-	-	-	-	-	-	318.432.076.859	129.793.140.697	448.225.217.556
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	-	-	43.282.286.166	145.555.599	(83.097.049.954)	(20.304.326.920)	(59.973.535.109)
Chi trả cổ tức tại Công ty mẹ	-	-	-	-	-	-	-	(167.400.000.000)	-	(167.400.000.000)
Chi trả cổ tức tại Công ty con	-	-	-	-	-	-	-	-	(69.975.746.000)	(69.975.746.000)
Tăng do hợp nhất kinh doanh	-	-	-	(2.100.000.000)	140.436.625	-	-	5.987.574.849	42.063.509.029	46.091.520.503
Giảm do thoái vốn tại công ty con	-	-	-	-	-	-	-	(15.913.913.084)	15.913.913.084	-
Giảm khác	-	-	-	-	-	-	(133.259.806)	(205.846.091)	-	(339.105.897)
Số dư cuối năm trước	1.400.000.000.000	-	47.513.826.624	(7.125.000.000)	960.044.030	107.862.750.909	198.392.508	629.439.175.337	548.863.726.600	2.727.712.916.008
Số dư đầu năm nay	1.400.000.000.000	-	47.513.826.624	(7.125.000.000)	960.044.030	107.862.750.909	198.392.508	629.439.175.337	548.863.726.600	2.727.712.916.008
Tăng vốn trong năm	150.000.000.000	66.378.000.000	-	-	-	-	-	-	-	216.378.000.000
Lãi trong năm	-	-	-	-	-	-	-	321.109.975.563	134.886.510.329	455.996.485.892
Phân phối lợi nhuận của mẹ	-	-	-	-	-	29.500.000.000	-	(45.655.000.000)	-	(16.155.000.000)
Phân phối lợi nhuận của các công ty con	-	-	-	-	-	8.981.561.604	-	(22.646.866.490)	(8.405.162.687)	(22.070.467.573)
Chi trả cổ tức của mẹ	-	-	-	-	-	-	-	(167.400.000.000)	-	(167.400.000.000)
Chi trả cổ tức của các công ty con	-	-	-	-	-	-	-	-	(63.560.472.904)	(63.560.472.904)
Ảnh hưởng khi công ty con tăng vốn	-	-	-	-	-	(1.756.701.142)	-	(1.131.258.777)	13.106.839.919	10.218.880.000
Ảnh hưởng khi chuyển công ty con thành liên kết	-	-	(463.112.454)	2.100.000.000	(838.620.418)	(21.149.044.647)	(198.392.508)	30.577.383.041	(169.558.509.139)	(159.530.296.125)
Chuyển đổi báo cáo	-	-	-	-	(37.047.279)	-	-	6.992.555	-	(30.054.724)
Số dư cuối năm	1.550.000.000.000	66.378.000.000	47.050.714.170	(5.025.000.000)	84.376.333	123.438.566.724	-	744.300.401.229	455.332.932.118	2.981.559.990.574

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAM

Số 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Tỷ lệ (%)	31/12/2015 VND	Tỷ lệ (%)	01/01/2015 VND
Vốn góp của Nhà nước Công ty Cổ phần Chứng khoán Bản Việt	0,00%	-	87,17%	1.220.448.000.000
Các cổ đông khác	9,68%	150.000.000.000	0,00%	-
Cổ phiếu quỹ	90,00%	1.395.000.000.000	12,47%	174.552.000.000
	0,32%	5.000.000.000	0,36%	5.000.000.000
	100%	1.550.000.000.000	100%	1.400.000.000.000

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	1.550.000.000.000	1.400.000.000.000
- Vốn góp đầu năm	1.400.000.000.000	1.400.000.000.000
- Vốn góp tăng trong năm	150.000.000.000	-
- Vốn góp cuối năm	1.550.000.000.000	1.400.000.000.000

d) Cổ phiếu

	31/12/2015	01/01/2015
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	155.000.000	140.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	155.000.000	140.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	155.000.000	140.000.000
Số lượng cổ phiếu được mua lại	500.000	700.000
- Cổ phiếu phổ thông	500.000	700.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	154.500.000	139.300.000
- Cổ phiếu phổ thông	154.500.000	139.300.000
Mệnh giá cổ phiếu đã lưu hành (VND)	10.000	10.000

e) Các quỹ công ty

	31/12/2015 VND	01/01/2015 VND
Quỹ đầu tư phát triển	123.438.566.724	107.862.750.909
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	-	198.392.508
	123.438.566.724	108.061.143.417

22 . CHÊNH LỆCH TỶ GIÁ

	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Chênh lệch tỷ giá do chuyển đổi BCTC lập bằng ngoại tệ sang VND	(37.047.279)	140.436.625
Chênh lệch tỷ giá phát sinh do chuyển Công ty con thành Công ty liên kết	(838.620.418)	-
	(875.667.697)	140.436.625

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAM

Số 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

23 . CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	<u>31/12/2015</u>	<u>01/01/2015</u>
	VND	VND
a) Tài sản nhận giữ hộ	-	11.336.052.670
- Vật tư hàng hóa nhận giữ hộ, gia công, nhận ủy thác	-	11.336.052.670
b) Nợ khó đòi đã xử lý	9.524.621.748	9.524.621.748

c) Ngoại tệ các loại

	<u>31/12/2015</u>	<u>01/01/2015</u>
- Đồng đô la Mỹ (USD)	1.410.425,78	3.117.490,89
- Đồng Bảng Anh (GBP)	196,59	196,59
- Đồng Krone Đan Mạch (DKK)	1.923,75	1.923,75
- Đồng Euro (EUR)	585,48	3.385,48
- Đồng đô la Úc (AUD)	-	250,00
- Đồng Yên Nhật (JPY)	-	33.000,00
- Đồng Reil Cambodia (Reil)	62.028.859,00	166.413.523,19

24 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	<u>Năm 2015</u>	<u>Năm 2014</u>
	VND	VND
Doanh thu bán thành phẩm	5.440.471.204.776	5.504.179.940.394
Doanh thu bán hàng hóa, vật tư, phế liệu	3.005.164.621.981	3.626.643.509.567
Doanh thu cung cấp dịch vụ	173.654.338.144	169.510.394.780
Doanh thu hợp đồng xây dựng	11.433.519.152	16.942.491.280
	<u>8.630.723.684.053</u>	<u>9.317.276.336.021</u>

Doanh thu đối với các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 41.)

<u>150.693.011.553</u>	<u>2.396.941.462</u>
-------------------------------	-----------------------------

25 . CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU

	<u>Năm 2015</u>	<u>Năm 2014</u>
	VND	VND
Chiết khấu thương mại	233.769.642.562	565.842.428.634
Hàng bán bị trả lại	14.246.598.595	311.121.000
Giảm giá hàng bán	-	16.099.914.815
	<u>248.016.241.157</u>	<u>582.253.464.449</u>

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAMSố 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

26 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Giá vốn của thành phẩm đã bán	4.288.432.342.700	3.849.393.897.231
Giá vốn của hàng hóa, vật tư, phế liệu đã bán	2.858.716.412.663	3.501.119.668.558
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	106.028.536.499	107.569.866.761
Giá vốn hoạt động xây dựng	11.054.072.040	15.332.916.889
Hao hụt mất mát hàng tồn kho	196.106.412	379.581.473
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	12.112.213.999	6.401.134.820
	<u>7.276.539.684.313</u>	<u>7.480.197.065.732</u>

27 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	28.544.412.931	35.035.291.563
Chiết khấu thanh toán, lãi bán hàng trả chậm	306.138.901	751.539.661
Lãi bán các khoản đầu tư	220.000.000	-
Cổ tức, lợi nhuận được chia	93.702.479.511	21.310.897.049
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	5.161.566.853	3.955.530.864
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	2.177.708.362	1.549.323.027
Doanh thu hoạt động tài chính khác	34.757.646	-
	<u>130.147.064.204</u>	<u>62.602.582.164</u>

28 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Lãi tiền vay	54.828.381.840	66.136.795.496
Chiết khấu thanh toán, lãi mua hàng trả chậm	587.490.486	5.501.421.532
Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư tài chính	65.888.679.265	1.713.573.200
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	8.837.688.344	5.482.886.567
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	32.438.787	1.030.579
Hoàn nhập dự phòng tổn thất đầu tư	(466.203.037)	(16.931.354.000)
Chi phí tài chính khác	637.011.875	1.146.782.416
	<u>130.345.487.560</u>	<u>63.051.135.790</u>

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAMSố 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

29 . CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	3.307.483.018	17.282.331.582
Chi phí nhân công	32.134.567.198	40.586.108.123
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.943.037.244	2.273.182.595
Chi phí dịch vụ mua ngoài	75.187.838.260	69.726.009.187
Chi phí khác bằng tiền	49.438.713.020	164.242.653.213
Chi phí bảo hành	39.079.328.844	55.485.755.520
	201.090.967.584	349.596.040.220

30 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	11.088.792.801	11.454.451.270
Chi phí nhân công	166.065.862.040	156.537.430.490
Chi phí khấu hao tài sản cố định	11.799.799.878	15.855.256.215
Thuế, phí, lệ phí	12.313.895.849	9.645.930.871
Chi phí dự phòng	16.148.019.389	25.730.481.566
- Trích quỹ Phát triển khoa học và công nghệ	-	16.620.685.542
- Trích quỹ dự phòng tiền lương	5.439.866.636	6.320.587.753
- Trích dự phòng nợ phải thu khó đòi	10.708.152.753	2.789.208.269
Chi phí dịch vụ mua ngoài	39.322.843.229	36.435.659.536
Chi phí khác bằng tiền	82.008.878.707	88.843.073.968
	338.748.091.893	344.502.283.936

31 . THU NHẬP KHÁC

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	2.018.192.584	7.684.358.781
Tiền phạt thu được	2.906.000	-
Thuế được giảm	4.606.364	-
Thu từ hỗ trợ lãi suất của Công ty đầu tư Tài chính Nhà nước	1.463.336.988	3.069.280.284
Thu nhập từ hỗ trợ quản lý của đối tác đầu tư vào Công ty TNHH SAS-CTAMAD.	1.174.500.000	1.144.800.000
Thu nhập khác	1.799.186.730	2.065.598.164
	6.462.728.666	13.964.037.229

32 . CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Giá trị còn lại và chi phí từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	1.153.084.865	6.064.606.921
Lãi chậm nộp phải trả	-	36.964.348.246
Chi phí khác	2.235.728.258	2.188.369.601
	3.388.813.123	45.217.324.768

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAMSố 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính hợp nhất**
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015**33 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	<u>Năm 2015</u>	<u>Năm 2014</u>
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	574.402.630.292	573.229.261.238
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế và thuế suất hiện hành	118.297.862.487	125.251.885.162
Các khoản điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các kỳ trước vào chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành kỳ này	-	699.270.984
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	<u>118.297.862.487</u>	<u>125.951.156.146</u>
Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước vào thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp năm nay	222.650.608	278.121.146
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu năm	37.358.559.248	37.830.446.341
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong năm	(131.795.278.086)	(126.701.164.385)
Thuế TNDN phải nộp cuối năm	<u>24.083.794.257</u>	<u>37.358.559.248</u>

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAMSố 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính hợp nhất**
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015**34 . THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HOẢN LẠI****a) Tài sản thuế thu nhập hoãn lại**

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
- Thuế suất thuế TNDN sử dụng để xác định giá trị tài sản thuế thu nhập hoãn lại	20%	22%
- Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	1.394.848.392	3.956.053.745
	1.394.848.392	3.956.053.745

b) Thuế thu nhập hoãn lại phải trả

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
- Thuế suất Thuế TNDN sử dụng để xác định giá trị Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	20%	22%
- Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	234.802.801	528.689.079
	234.802.801	528.689.079

35 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau :

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Lợi nhuận sau thuế	321.109.975.563	318.432.076.859
Các khoản điều chỉnh	(3.052.076.031)	-
- Quỹ khen thưởng phúc lợi được trích từ lợi nhuận sau thuế ⁽¹⁾	(557.076.031)	-
- Quỹ thưởng Ban điều hành được trích từ lợi nhuận sau thuế ⁽²⁾	(2.495.000.000)	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	318.057.899.532	318.432.076.859
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	145.458.242	139.300.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	2.187	2.286

Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông của Tổng Công ty để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu năm 2014 bao gồm cả số phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi. Năm 2015, theo hướng dẫn của Thông tư 200/2014/TT-BTC, số dự tính phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi được loại ra khi tính Lãi cơ bản trên cổ phiếu.

(1) Quỹ khen thưởng phúc lợi được trích từ lợi nhuận sau thuế căn cứ số liệu của một số công ty con đã tạm tính, Tổng Công ty và một số công ty con khác chưa thực hiện điều chỉnh khoản quỹ khen thưởng phúc lợi được trích từ lợi nhuận sau thuế do không có đủ cơ sở ước tính.

(2) Quỹ thưởng Ban điều hành được trích 1% từ lợi nhuận sau thuế trên báo cáo tài chính riêng của Tổng công ty theo Nghị quyết đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2015 số 04/TBĐVN/NQ-ĐHĐCĐ ngày 24/04/2015.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAMSố 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính hợp nhất**
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015**36 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	4.525.048.849.562	3.852.387.496.790
Chi phí nhân công	482.804.251.997	321.431.518.819
Chi phí khấu hao tài sản cố định	109.191.574.562	105.805.904.239
Chi phí dịch vụ mua ngoài	202.367.873.401	104.681.085.929
Chi phí khác bằng tiền	227.534.719.752	256.358.517.694
	<u>5.546.947.269.274</u>	<u>4.640.664.523.471</u>

37 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

	Giá trị sổ kế toán			
	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản trương đương tiền	518.493.494.834	-	770.927.664.834	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	977.088.876.424	(46.632.565.353)	1.008.087.079.901	(51.629.924.031)
Các khoản cho vay	481.627.083.589	-	288.668.581.649	-
Đầu tư dài hạn	8.491.514.600	(535.141.800)	8.491.514.600	(984.397.800)
	<u>1.985.700.969.447</u>	<u>(47.167.707.153)</u>	<u>2.076.174.840.984</u>	<u>(52.614.321.831)</u>

	Giá trị sổ kế toán	
	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
Nợ phải trả tài chính		
Vay và nợ	521.327.353.978	834.630.802.649
Phải trả người bán, phải trả khác	946.521.459.986	915.895.557.261
Chi phí phải trả	34.017.384.934	86.709.024.960
	<u>1.501.866.198.898</u>	<u>1.837.235.384.870</u>

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Tổng Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Tổng Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá, tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Rủi ro về giá:

Tổng Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư. Các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn được nắm giữ với mục đích chiến lược lâu dài, tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán Tổng Công ty chưa có kế hoạch bán các khoản đầu tư này.

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Tổng Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Tổng Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

Rủi ro về lãi suất:

Tổng Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Tổng Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Tổng Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Tổng Công ty.



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAM

Số 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Tổng Công ty. Tổng Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 31/12/2015				
Tiền và các khoản trương đương tiền	518.493.494.834	-	-	518.493.494.834
Phải thu khách hàng, phải thu khác	930.061.311.071	395.000.000	-	930.456.311.071
Các khoản cho vay	481.627.083.589	-	-	481.627.083.589
Đầu tư dài hạn	-	7.956.372.800	-	7.956.372.800
	<u>1.930.181.889.494</u>	<u>8.351.372.800</u>	<u>-</u>	<u>1.938.533.262.294</u>
Tại ngày 01/01/2015				
Tiền và các khoản trương đương tiền	770.927.664.834	-	-	770.927.664.834
Phải thu khách hàng, phải thu khác	948.391.107.870	8.066.048.000	-	956.457.155.870
Các khoản cho vay	288.210.857.173	457.724.476	-	288.668.581.649
Đầu tư dài hạn	-	7.507.116.800	-	7.507.116.800
	<u>2.007.529.629.877</u>	<u>16.030.889.276</u>	<u>-</u>	<u>2.023.560.519.153</u>

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Tổng Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Tổng Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 31/12/2015				
Vay và nợ	504.114.164.978	17.213.189.000	-	521.327.353.978
Phải trả người bán, phải trả khác	937.620.584.104	8.900.875.882	-	946.521.459.986
Chi phí phải trả	34.017.384.934	-	-	34.017.384.934
	<u>1.475.752.134.016</u>	<u>26.114.064.882</u>	<u>-</u>	<u>1.501.866.198.898</u>

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAMSố 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính hợp nhất**
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 01/01/2015				
Vay và nợ	806.250.113.649	28.380.689.000	-	834.630.802.649
Phải trả người bán, phải trả khác	908.297.977.599	7.597.579.662	-	915.895.557.261
Chi phí phải trả	86.709.024.960	-	-	86.709.024.960
	<u>1.801.257.116.208</u>	<u>35.978.268.662</u>	<u>-</u>	<u>1.837.235.384.870</u>

Tổng Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là có thể kiểm soát được. Tổng Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

38 . THÔNG TIN KHÁC

Tháng 10 năm 2015, cổ phiếu của Tổng công ty cổ phần Thiết bị điện Việt Nam chính thức giao dịch trên Sàn chứng khoán UPCOM - Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hà Nội với mã chứng khoán: GEX. Tháng 12 năm 2015, Cổ đông Nhà nước (Bộ Công Thương) đã thoái toàn bộ vốn đầu tư tại Tổng công ty.

39 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất này.

40 . BÁO CÁO BỘ PHẬN

Hơn 90% hoạt động của Tổng Công ty là hoạt động sản xuất, thương mại và hơn 90% hoạt động của Tổng Công ty diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam, do đó Tổng Công ty không lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

CT
 HẠN
 TOÁN
 BC
 110
 NG T
 NIỆM H
 KIỂM
 AS
 NIỆM

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAMSố 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính hợp nhất**
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015**41 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Ngoài các thông tin về giao dịch với các bên liên quan đã nêu ở các Thuyết minh trên, Tổng Công ty còn có các giao dịch phát sinh trong năm và số dư tại ngày kết thúc năm tài chính với các bên liên quan như sau:

Trong năm, Công ty có giao dịch với các bên liên quan như sau:

	<u>Mối quan hệ</u>	<u>Năm 2015</u>	<u>Năm 2014</u>
		VND	VND
Doanh thu bán hàng cung cấp dịch vụ		150.693.011.553	2.396.941.462
Công ty Cổ phần Vật tư và Xây dựng Hà Nội	Công ty liên kết	6.299.022.106	1.936.141.500
Công ty Dây Đồng Việt Nam - CFT	Công ty liên doanh	471.927.233	460.799.962
Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại EMIC	Công ty liên kết	70.720.334.187	-
Công ty CP Thiết bị điện	Công ty liên kết	73.201.728.027	-
Mua hàng hóa		610.805.849.443	732.395.018.843
Công ty Cổ phần Chế tạo Máy điện Việt Nam - Hungari	Công ty liên kết	119.592.220	-
Công ty Dây Đồng Việt Nam - CFT	Công ty liên doanh	452.947.619.761	732.395.018.843
Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại EMIC	Công ty liên kết	130.185.666.462	-
Công ty CP Thiết bị điện	Công ty liên kết	27.552.971.000	-
Cho vay vốn		10.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại EMIC	Công ty liên kết	10.000.000.000	-
Lãi cho vay vốn		1.471.440.533	1.055.320.000
Công ty Cổ phần Chế tạo Máy điện Việt Nam - Hungari	Công ty liên kết	743.107.200	774.070.000
Công ty Cổ phần Vật tư và Xây dựng Hà Nội	Công ty liên kết	270.000.000	281.250.000
Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại EMIC	Công ty liên kết	458.333.333	-
Cổ tức, lợi nhuận được chia		69.996.408.311	71.438.120.106
Công ty CP Chế tạo Máy điện Việt Nam - Hungary	Công ty liên kết	1.490.700.000	2.086.980.000
Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại EMIC	Công ty liên kết	765.000.000	-
Công ty CP Vật tư và Xây dựng Hà Nội	Công ty liên kết	-	450.000.000
Công ty TNHH S.A.S - CTAMAD	Công ty liên kết	51.800.000.000	58.800.000.000
Công ty CP Dây đồng Việt Nam CFT	Công ty liên doanh	15.940.708.311	10.101.140.106

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAM

Số 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

Số dư với các bên liên quan tại ngày kết thúc kỳ kế toán:

	<u>Mối quan hệ</u>	<u>31/12/2015</u>	<u>01/01/2015</u>
		VND	VND
Phải thu khách hàng		28.442.067.021	3.201.857.600
Công ty Cổ phần Vật tư và Xây dựng Hà Nội	Công ty liên kết	4.296.396.172	3.201.857.600*
Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại EMIC	Công ty liên kết	19.260.669.510	
Công ty CP Thiết bị điện	Công ty liên kết	4.885.001.339	
Phải thu vốn cho vay		32.885.120.000	22.885.120.000
Công ty Cổ phần Chế tạo Máy điện Việt Nam - Hungary	Công ty liên kết	12.385.120.000	12.385.120.000
Công ty Cổ phần Vật tư và Xây dựng Hà Nội	Công ty liên kết	4.500.000.000	4.500.000.000
Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại EMIC	Công ty liên kết	16.000.000.000	6.000.000.000
Phải thu lãi cho vay vốn		2.195.706.096	1.349.265.563
Công ty Cổ phần Chế tạo Máy điện Việt Nam - Hungary	Công ty liên kết	1.917.372.763	1.174.265.563
Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại EMIC	Công ty liên kết	278.333.333	175.000.000
Phải trả tiền hàng		95.298.974.007	123.193.260.639
Công ty Cổ phần Vật tư và Xây dựng Hà Nội	Công ty liên kết	107.520.000	-
Công ty Dây Đồng Việt Nam - CFT	Công ty liên doanh	94.473.185.907	123.193.260.639
Công ty CP Thiết bị điện	Công ty liên kết	718.268.100	-
Ứng trước tiền hàng		5.813.037.664	-
Công ty Cổ phần Vật tư và Xây dựng Hà Nội	Công ty liên kết	77.977.562	-
Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại EMIC	Công ty liên kết	5.735.060.102	-
Phải thu khác		1.000.000	130.586.149
Công ty Cổ phần Chế tạo Máy điện Việt Nam - Hungary	Công ty liên kết	1.000.000	1.000.000
Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại EMIC	Công ty liên kết	-	129.586.149
Phải trả khác		16.699.815.109	-
Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại EMIC	Công ty liên kết	16.699.815.109	-

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	<u>Năm 2015</u>	<u>Năm 2014</u>
	VND	VND
Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc và Hội đồng Quản trị	4.321.100.000	4.066.000.000

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAM

Số 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

42 . SỐ LIỆU SO SÁNH

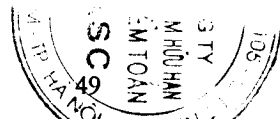
Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014, đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán. Một số chỉ tiêu đã được phân loại lại cho phù hợp với Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp để so sánh với số liệu năm nay.

Tổng Công ty thực hiện thay đổi phương pháp lập Báo cáo lưu chuyển tiền tệ theo hướng dẫn tại Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014. Do đó Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014 đã được Tổng Công ty lập lại theo phương pháp gián tiếp để so sánh với số liệu kỳ này.

Số liệu theo Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

Số liệu điều chỉnh theo Thông tư 200/2014/TT-BTC

Mã số	Tên khoản mục	Số tiền	Mã số	Tên khoản mục	Số tiền	Thay đổi
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN			BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN			
121	1. Đầu tư ngắn hạn	288.210.857.173	123	3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	271.325.737.173	(288.210.857.173)
131	1. Phải thu khách hàng	914.121.519.657	131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	914.121.519.657	-
132	2. Trả trước cho người bán	57.343.228.502	132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	57.343.228.502	-
135	5. Các khoản phải thu khác	17.766.123.471	135	5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	16.885.120.000	16.885.120.000
158	5. Tài sản ngắn hạn khác	68.410.476.582	136	6. Phải thu ngắn hạn khác	85.899.512.244	68.133.388.773
139	6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(51.629.924.031)	155	5. Tài sản ngắn hạn khác	-	(68.410.476.582)
154	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	1.022.960.550	139	8. Tài sản thiếu chờ xử lý	277.087.809	277.087.809
258	3. Đầu tư dài hạn khác	8.949.239.076	137	7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(51.629.924.031)	-
218	4. Phải thu dài hạn khác	-	153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	1.022.960.550	-
268	3. Tài sản dài hạn khác	8.066.048.000	215	5. Phải thu về cho vay dài hạn	457.724.476	457.724.476
230	4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	337.570.727.947	253	3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	8.491.514.600	(457.724.476)
252	2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	449.133.104.318	216	6. Phải thu dài hạn khác	8.066.048.000	8.066.048.000
259	4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	(984.397.800)	268	4. Tài sản dài hạn khác	-	(8.066.048.000)
			242	2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	337.570.727.947	(337.570.727.947)
			242	2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	449.133.104.318	-
			254	4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	(984.397.800)	-



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAM

Số 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

42 . SỐ LIỆU SO SÁNH (tiếp theo)

Số liệu theo Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014			Số liệu điều chỉnh theo Thông tư 200/2014/TT-BTC			Thay đổi
Mã số	Tên khoản mục	Số tiền	Mã số	Tên khoản mục	Số tiền	
311	1. Vay và nợ ngắn hạn	806.250.113.649	320	1. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	806.250.113.649	-
312	2. Phải trả người bán	576.964.314.072	311	2. Phải trả người bán ngắn hạn	576.964.314.072	-
313	3. Người mua trả tiền trước	118.621.678.224	312	3. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	118.621.678.224	-
314	4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	52.288.685.558	313	4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	52.288.685.558	-
315	5. Phải trả người lao động	143.747.897.589	314	5. Phải trả người lao động	143.747.897.589	-
316	6. Chi phí phải trả	86.709.024.960	315	6. Chi phí phải trả ngắn hạn	86.709.024.960	-
			318	9. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	58.434.941.980	58.434.941.980
338	8. Doanh thu chưa thực hiện	68.380.492.173	336	12. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	9.945.550.193	(58.434.941.980)
319	9. Các khoản phải trả, phải nộp khác	331.333.663.527	319	10. Phải trả ngắn hạn khác	331.333.663.527	-
320	10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	77.455.883.215	321	11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	77.455.883.215	-
323	11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	42.447.052.888	322	12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	42.447.052.888	-
333	3. Phải trả dài hạn khác	7.597.579.662	337	6. Phải trả dài hạn khác	7.597.579.662	-
334	4. Vay và nợ dài hạn	28.380.689.000	338	7. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	28.380.689.000	-
335	5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	528.689.079	341	10. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	528.689.079	-
336	6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	9.341.513.562				(9.341.513.562)
337	7. Dự phòng phải trả dài hạn	34.139.544.070	342	11. Dự phòng phải trả dài hạn	43.481.057.632	9.341.513.562
339	9. Quỹ phát triển khoa học công nghệ	23.512.685.542	343	13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	23.512.685.542	-

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAM

Số 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

42 . SỐ LIỆU SO SÁNH (tiếp theo)

Số liệu theo Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014			Số liệu điều chỉnh theo Thông tư 200/2014/TT-BTC			Thay đổi
Mã số	Tên khoản mục	Số tiền	Mã số	Tên khoản mục	Số tiền	
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	1.400.000.000.000	411	1. Vốn góp của chủ sở hữu	1.400.000.000.000	-
			411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	1.400.000.000.000	
417	7. Quỹ đầu tư phát triển	60.910.599.947	418	8. Quỹ đầu tư phát triển	107.862.750.909	46.952.150.962
418	8. Quỹ dự phòng tài chính	46.952.150.962				(46.952.150.962)
419	9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	198.392.508	420	10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	198.392.508	-
420	10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	629.439.175.337	421	11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	629.439.175.337	-
			421a	- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	311.007.098.478	
			421b	- LNST chưa phân phối kỳ này	318.432.076.859	
			429	12. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	548.863.726.600	548.863.726.600
439	C . LỢI ÍCH CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	548.863.726.600				(548.863.726.600)

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

45	14. Phần lãi (lỗ) trong công ty liên kết, liên doanh	44.203.620.719
60	18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	448.225.217.556
61	18.1. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	129.793.140.697

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

24	8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	44.203.620.719	44.203.620.719
			(44.203.620.719)
60	18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	448.225.217.556	-
62	20. Lợi nhuận sau thuế của Cổ đông không kiểm soát	129.793.140.697	-

Đoàn Thị Lan Phương

Phạm Tuấn Anh



Đoàn Thị Lan Phương
Người lập

Phạm Tuấn Anh
Kế toán trưởng

Nguyễn Trọng Tiêu
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 25 tháng 02 năm 2016

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAM

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

(đã được kiểm toán)

LẤN SẮC

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAM

Số 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,

Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

NỘI DUNG

Trang

Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02-03
Báo cáo kiểm toán độc lập	04-05
Báo cáo tài chính riêng đã được kiểm toán	06-43
Bảng cân đối kế toán	06-07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	09-10
Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng	11-43



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAM

Số 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị điện Việt Nam (sau đây gọi tắt là "Tổng Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

CÔNG TY

Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị điện Việt Nam được chuyển đổi từ doanh nghiệp Nhà nước - Tổng Công ty Thiết bị điện Việt Nam theo Quyết định số 1422/QĐ-TTg ngày 10 tháng 08 năm 2010 của Thủ tướng Chính Phủ, hoạt động theo Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0100100512 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 01 tháng 12 năm 2010, đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 16 tháng 09 năm 2015.

Trụ sở chính của Tổng Công ty được đặt tại: Số 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Hoa Cương	Chủ tịch
Ông Nguyễn Trọng Tiểu	Thành viên
Ông Phạm Mạnh Hà	Thành viên
Ông Đỗ Văn Chính	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Bích Ngọc	Thành viên

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Tổng Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Trọng Tiểu	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Tiến Vinh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Đỗ Văn Chính	Phó Tổng Giám đốc
Ông Phạm Tuấn Anh	Giám đốc Tài chính kiêm Kế toán trưởng

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Bà Nguyễn Thị Thanh Yến	Trưởng ban
Bà Trương Thị Hương Lan	Thành viên
Ông Bạch Thành Nam	Thành viên

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính riêng cho Tổng Công ty.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAM

Số 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính riêng phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Tổng Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính riêng, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Tổng Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính riêng hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính riêng trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính riêng dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Tổng Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính riêng tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Tổng Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Tổng Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2015, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Tổng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06 tháng 10 năm 2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Nguyễn Trọng Tiểu
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 27 tháng 01 năm 2016

Số: 104/2016/BC.KTTC-AASC.KT2

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị điện Việt Nam**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính riêng kèm theo của Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị điện Việt Nam được lập ngày 27 tháng 01 năm 2016, từ trang 06 đến trang 43, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị điện Việt Nam tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC



SAO Y BẢN CHÍNH

Ngày 18 tháng 2 năm 2016.

Nguyễn Thanh Tùng

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 0063-2013-002-1

Vũ Xuân Biển

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: Q743-2013-002-1

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

Hà Nội, ngày 18 tháng 02 năm 2016.



Cát Thị Hà

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2015	01/01/2015
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		1.144.269.067.995	966.394.793.356
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	121.223.651.001	328.491.195.250
111	1. Tiền		81.223.651.001	158.485.086.006
112	2. Các khoản tương đương tiền		40.000.000.000	170.006.109.244
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	4	345.000.000.000	147.661.751.062
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		345.000.000.000	147.661.751.062
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		523.194.428.297	411.373.525.949
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	361.641.437.848	266.910.356.785
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn		12.900.612.693	13.033.548.054
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	6	137.885.120.000	133.620.470.000
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	7	18.431.917.350	5.043.127.630
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(7.680.743.874)	(7.250.060.800)
139	6. Tài sản thiếu chờ xử lý		16.084.280	16.084.280
140	IV. Hàng tồn kho	9	144.613.856.313	78.759.122.848
141	1. Hàng tồn kho		144.613.856.313	78.759.122.848
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		10.237.132.384	109.198.247
152	1. Thuế GTGT được khấu trừ		10.227.499.434	99.565.297
153	2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	14	9.632.950	9.632.950
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		1.208.201.957.221	1.142.044.024.226
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		-	66.048.000
216	1. Phải thu dài hạn khác	7	-	66.048.000
220	II. Tài sản cố định		469.522.667.273	132.075.661.062
221	1. Tài sản cố định hữu hình	11	469.522.667.273	132.062.327.738
222	- Nguyên giá		694.910.567.055	325.154.314.764
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(225.387.899.782)	(193.091.987.026)
227	2. Tài sản cố định vô hình		-	13.333.324
228	- Nguyên giá		60.000.000	60.000.000
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(60.000.000)	(46.666.676)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn	10	24.885.835.408	301.443.683.009
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		24.885.835.408	301.443.683.009
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn	4	682.050.850.059	687.008.177.059
251	1. Đầu tư vào công ty con		492.960.564.527	595.712.034.099
252	2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		189.090.285.532	91.296.142.960
260	VI. Tài sản dài hạn khác		31.742.604.481	21.450.455.096
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	12	31.742.604.481	21.450.455.096
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		2.352.471.025.216	2.108.438.817.582

CÔNG
TRÁCH NHIỆ
HÀNG K
A
HOAN

CÔNG
TRÁCH NHIỆ
HÀNG K
HOAN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2015	01/01/2015
			VND	VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		397.423.826.482	437.148.720.020
310	I. Nợ ngắn hạn		309.698.414.276	379.111.046.095
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	13	212.733.705.406	203.571.131.270
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		626.980.260	3.224.788.793
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	14	4.850.479.995	24.031.264.051
314	4. Phải trả người lao động		34.954.535.859	30.130.004.009
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn		351.500.000	388.000.000
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	15	1.367.584.028	40.819.935.591
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	16	39.007.134.093	59.521.289.746
322	8. Quỹ khen thưởng phúc lợi		15.806.494.635	17.424.632.635
330	II. Nợ dài hạn		87.725.412.206	58.037.673.925
336	1. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	15	36.865.162.057	9.945.550.193
337	2. Phải trả dài hạn khác	16	6.200.875.882	4.697.579.662
342	3. Dự phòng phải trả dài hạn	17	35.489.024.271	34.139.544.070
343	4. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ		9.170.349.996	9.255.000.000
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		1.955.047.198.734	1.671.290.097.562
410	I. Vốn chủ sở hữu	18	1.952.510.962.625	1.670.036.521.349
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		1.550.000.000.000	1.400.000.000.000
411a	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		1.550.000.000.000	1.400.000.000.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		66.378.000.000	-
415	3. Cổ phiếu quỹ		(5.025.000.000)	(5.025.000.000)
418	4. Quỹ đầu tư phát triển		62.000.000.000	32.500.000.000
421	5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		279.157.962.625	242.561.521.349
421a	LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		29.506.521.349	11.528.471.970
421b	LNST chưa phân phối kỳ này		249.651.441.276	231.033.049.379
430	II. Nguồn kinh phí và quỹ khác		2.536.236.109	1.253.576.213
431	1. Nguồn kinh phí		-	(1.437.626.564)
432	2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ		2.536.236.109	2.691.202.777
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		2.471.025.216	2.108.438.817.582

(Signature)

(Signature)



Đoàn Thị Lan Phương
Người lập

Phạm Tuấn Anh
Kế toán trưởng

Nguyễn Trọng Tiểu
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 27 tháng 01 năm 2016

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2015

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2015	Năm 2014
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	20	1.357.283.426.331	1.283.672.651.858
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	21	7.207.354.930	8.151.897.005
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		1.350.076.071.401	1.275.520.754.853
11	4. Giá vốn hàng bán	22	1.139.357.295.319	1.045.163.800.334
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		210.718.776.082	230.356.954.519
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	23	156.149.387.465	152.197.783.442
22	7. Chi phí tài chính	24	971.650.284	(13.858.669.689)
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		556.154.000	194.258.129
25	8. Chi phí bán hàng	25	20.559.666.575	33.191.081.912
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	62.162.978.295	55.271.429.545
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		283.173.868.393	307.950.896.193
31	11. Thu nhập khác		296.526.042	4.250.604.698
32	12. Chi phí khác		319.553.766	40.716.704.426
40	13. Lợi nhuận khác		(23.027.724)	(36.466.099.728)
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		283.150.840.669	271.484.796.465
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	27	33.499.399.393	40.451.747.086
52	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		249.651.441.276	231.033.049.379







Đoàn Thị Lan Phương
Người lập

Phạm Tuấn Anh
Kế toán trưởng

Nguyễn Trọng Tiêu
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 27 tháng 01 năm 2016

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2015

(Theo phương pháp trực tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2015	Năm 2014
			VND	VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
01	1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác		1.373.904.857.936	1.429.704.726.236
02	2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ		(1.275.222.922.093)	(1.167.105.470.075)
03	3. Tiền chi trả cho người lao động		(70.165.531.528)	(59.500.110.584)
04	4. Tiền lãi vay đã trả		(556.154.000)	(194.258.129)
05	5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(52.949.143.879)	(28.979.831.009)
06	6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		31.146.116.656	12.009.489.169
07	7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(114.598.969.944)	(71.620.794.395)
20	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>		<i>(108.441.746.852)</i>	<i>114.313.751.213</i>
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(95.370.629.264)	(56.481.682.118)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		-	4.442.283.547
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(277.482.014.011)	(42.661.479.020)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		75.879.115.073	100.000.000.000
26	5. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	73.517.183.000
27	6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		149.704.055.431	155.867.488.911
30	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>		<i>(147.269.472.771)</i>	<i>234.683.794.320</i>
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		216.510.000.000	-
33	2. Tiền thu từ đi vay		39.170.470.231	14.953.211.660
34	3. Tiền trả nợ gốc vay		(39.170.470.231)	(14.953.211.660)
36	4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(168.077.890.000)	(166.620.730.000)
40	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>		<i>48.432.110.000</i>	<i>(166.620.730.000)</i>

1105 - C
CÔNG TY
KIỂM HỮU H
KIỂM TC
ASC
KIỂM - T



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2015

(Theo phương pháp trực tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2015	Năm 2014
			VND	VND
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		(207.279.109.623)	182.376.815.533
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		328.491.195.250	146.112.536.235
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		11.565.374	1.843.482
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	3	<u>121.223.651.001</u>	<u>328.491.195.250</u>

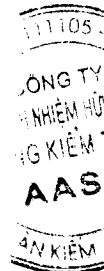
Đoàn Thị Lan Phương
Người lập

Phạm Tuấn Anh
Kế toán trưởng



Nguyễn Trọng Tiêu
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 27 tháng 01 năm 2016



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Năm 2015

1 . ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị điện Việt Nam được chuyển đổi từ doanh nghiệp Nhà nước - Tổng Công ty Thiết bị điện Việt Nam theo Quyết định số 1422/QĐ-TTg ngày 10 tháng 08 năm 2010 của Thủ tướng Chính Phủ, hoạt động theo Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0100100512 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 01 tháng 12 năm 2010, đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 16 tháng 09 năm 2015.

Trụ sở chính của Tổng Công ty được đặt tại: Số 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội.

Vốn điều lệ của Tổng Công ty theo đăng ký là 1.550.000.000.000 đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 1.550.000.000.000 đồng; tương đương 155.000.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Lĩnh vực kinh doanh

Thiết kế chế tạo, sản xuất, kinh doanh các sản phẩm thiết bị đo điện mang thương hiệu GELEX-EMIC như: Công tơ điện 1 pha, 3 pha cơ khí; Công tơ điện tử thông minh 1 pha, 3 pha đa chức năng; Máy biến dòng điện, máy biến điện áp đo lường trung thế, hạ thế và các thiết bị đo điện điện tử khác. Kinh doanh dịch vụ khách sạn.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty là:

- Sản xuất kinh doanh thiết bị điện dùng trong công nghiệp, nông nghiệp và dân dụng;
- Thiết kế, chế tạo, kinh doanh và sửa chữa các thiết bị đo đếm điện một pha, ba pha (có dòng điện một chiều và xoay chiều) các cấp điện áp hạ thế, trung thế và cao thế đến 220KV;
- Thi công, lắp đặt công trình đường dây, trạm biến áp đến 220KV;
- Thi công các công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp, giao thông, công trình thủy lợi;
- Kinh doanh bất động sản, dịch vụ khách sạn, du lịch và cho thuê văn phòng, nhà ở, nhà xưởng, kho bãi, kinh doanh tổ chức dịch vụ du lịch lữ hành nội địa và quốc tế;
- Kinh doanh, xuất nhập khẩu vật tư, thiết bị, phụ tùng máy móc.

Cấu trúc doanh nghiệp

Tổng Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:	Địa chỉ	Hoạt động kinh doanh chính
Khách sạn Bình Minh - Hà Nội	Hà Nội	Kinh doanh khách sạn
Cơ sở sản xuất tại KCN Đại Đồng - Hoàn Sơn - Tiên Du - Bắc Ninh	Hà Nội	Sản xuất kinh doanh thiết bị điện

Thông tin về các công ty con, công ty liên kết, công ty liên doanh của Tổng Công ty xem chi tiết tại Thuyết minh số 4.



2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Tổng Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Tổng Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Tổng Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3 . Thay đổi trong các chính sách kế toán và thuyết minh

Ngày 22/12/2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006, và có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015.

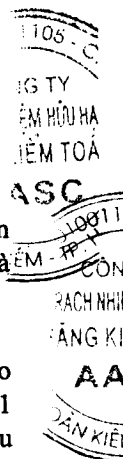
Ảnh hưởng của các thay đổi chính sách kế toán theo hướng dẫn của Thông tư số 200/2014/TT-BTC được áp dụng phi hồi tố. Tổng Công ty đã bổ sung thuyết minh thông tin so sánh trên Báo cáo tài chính riêng đối với các chỉ tiêu có sự thay đổi giữa Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC, tại Thuyết minh số 34.

2.4 . Cơ sở lập Báo cáo tài chính riêng

Báo cáo tài chính riêng được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

Báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp các nghiệp vụ, giao dịch phát sinh tại Văn phòng Tổng công ty và các đơn vị trực thuộc gồm Cơ sở Sản xuất tại Khu công nghiệp Tiên Du Bắc Ninh và Khách sạn Bình Minh Hà Nội.

Những người sử dụng các Báo cáo tài chính riêng này nên đọc các Báo cáo tài chính riêng kết hợp với các báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty và các Công ty con ("Tập đoàn") cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 để có đủ thông tin về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ của toàn Tổng Công ty.



2.5 . Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Tổng Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Tổng Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

2.6 . Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong năm tài chính được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế này được xác định theo nguyên tắc sau:

- Khi mua bán ngoại tệ là tỷ giá được quy định trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Tổng Công ty và ngân hàng thương mại;
- Khi góp vốn hoặc nhận góp vốn là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Tổng Công ty mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn;
- Khi ghi nhận nợ phải thu là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi ghi nhận nợ phải trả là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi mua sắm tài sản hoặc thanh toán ngay bằng ngoại tệ là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ: áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Tổng Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả: áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính.

2.7 . Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2.8 . Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại thời điểm nhất định trong tương lai, các khoản cho vay,... được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên doanh liên kết được ghi nhận ban đầu trên sổ kế toán theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Cổ tức nhận bằng cổ phiếu chỉ thực hiện ghi nhận số lượng cổ phiếu được nhận, không ghi nhận tăng giá trị khoản đầu tư và doanh thu hoạt động tài chính.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm cụ thể như sau:

- Đối với các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên doanh liên kết: căn cứ vào Báo cáo tài chính riêng của công ty con, công ty liên doanh, liên kết tại thời điểm trích lập dự phòng. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong kế hoạch khi quyết định đầu tư.
- Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: căn cứ khả năng thu hồi để lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật.

2.9 . Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Tổng Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các kế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

2.10 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

011
CÔNG
NHIÊN
KIỂM
AS

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối kỳ: Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo chi phí phát sinh thực tế cho từng loại sản phẩm chưa hoàn thành.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.11 . Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	20 - 50	năm
- Máy móc, thiết bị	03 - 15	năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	05 - 10	năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 10	năm
- Phần mềm quản lý	03	năm

2.12 . Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các năm tài chính sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng năm tài chính được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

2.13 . Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Tổng Công ty.

2.14 . Vay

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

2.15 . Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay". Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

2.16 . Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong năm báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như chi phí lãi tiền vay phải trả... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của năm báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

2.17 . Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng phải trả chỉ được ghi nhận khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Tổng Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra;
- Sự giảm sút về những lợi ích kinh tế có thể xảy ra dẫn đến việc yêu cầu phải thanh toán nghĩa vụ nợ;
- Đưa ra được một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.

Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc năm tài chính Tổng Công ty áp dụng tỷ lệ trích lập dự phòng bảo hành hàng hóa 5% trên giá trị hợp đồng căn cứ theo các điều khoản hợp đồng cụ thể.

Chỉ những khoản chi phí liên quan đến khoản dự phòng phải trả đã lập ban đầu mới được bù đắp bằng khoản dự phòng phải trả đó.

Dự phòng phải trả được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh của năm tài chính. Khoản chênh lệch giữa số dự phòng phải trả đã lập ở năm tài chính trước chưa sử dụng hết lớn hơn số dự phòng phải trả lập ở năm báo cáo được hoàn nhập ghi giảm chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

2.18 . Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện là doanh thu nhận trước số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều năm tài chính về cho thuê tài sản.

Doanh thu chưa thực hiện được kết chuyển vào Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ theo số tiền được xác định phù hợp với từng năm tài chính.

2.19 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh chênh lệch giữa mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ) và có thể là thặng dư dương (nếu giá phát hành cao hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu) hoặc thặng dư âm (nếu giá phát hành thấp hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu).

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Tổng Công ty phát hành và được Tổng Công ty mua lại, cổ phiếu này không bị hủy bỏ và sẽ được tái phát hành trở lại trong khoảng thời gian theo quy định của pháp luật về chứng khoán. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế mua lại và trình bày trên Bảng Cân đối kế toán là một khoản ghi giảm Vốn đầu tư của chủ sở hữu. Giá vốn của cổ phiếu quỹ khi tái phát hành hoặc khi sử dụng để trả cổ tức, thưởng... được tính theo phương pháp bình quân gia quyền.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông tán thành thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Tổng Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Tổng Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Đại hội đồng Cổ đông Tổng Công ty .



2.20 . Doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Tổng Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

Cổ phiếu thưởng hay cổ tức trả bằng cổ phiếu: Không ghi nhận khoản thu nhập khi quyền được nhận cổ phiếu thưởng hay cổ tức bằng cổ phiếu được xác lập, số lượng cổ phiếu thưởng hay cổ tức bằng cổ phiếu nhận được thuyết minh trên Báo cáo tài chính riêng có liên quan.

2.21 . Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong năm là hàng bán bị trả lại.

Các khoản hàng bán bị trả lại phát sinh cùng năm tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của năm phát sinh. Trường hợp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã tiêu thụ từ các năm trước, đến năm sau mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc: nếu phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính riêng thì ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính riêng của năm lập báo cáo (năm trước), và nếu phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính riêng thì ghi giảm doanh thu của năm phát sinh (năm sau).

TS - C
CÔNG TY
KIỂM SÁT
AA
AN KI

2.22 . Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong kỳ được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm.

2.23 . Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thanh lý, chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán;
- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.24 . Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

2.25 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Tổng Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Tổng Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Tổng Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Tổng Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Tổng Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Tổng Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Tổng Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới Tổng Công ty.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng, Tổng Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAMSố 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính riêng**
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015**3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
Tiền mặt	709.824.907	1.258.930.321
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	80.513.826.094	157.226.155.685
Các khoản tương đương tiền (*)	40.000.000.000	170.006.109.244
	121.223.651.001	328.491.195.250

(*) Tại 31/12/2015, các khoản tương đương tiền là tiền gửi có kỳ hạn không quá 03 tháng được gửi tại các ngân hàng thương mại với lãi suất quy định tại từng Ngân hàng ở từng thời điểm.

4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
	VND	VND		VND
Đầu tư ngắn hạn	345.000.000.000	345.000.000.000	147.661.751.062	147.661.751.062
- Tiền gửi có kỳ hạn	345.000.000.000	345.000.000.000	147.661.751.062	147.661.751.062
	345.000.000.000	345.000.000.000	147.661.751.062	147.661.751.062

Tại thời điểm 31/12/2015, các khoản tiền gửi có kỳ hạn trên 03 tháng tại các Ngân hàng thương mại, với lãi suất quy định tại từng Ngân hàng ở từng thời điểm.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAM

Số 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	31/12/2015			01/01/2015		
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND
Đầu tư vào Công ty con	492.960.564.527	492.960.564.527	-	595.712.034.099	595.712.034.099	-
- Công ty CP Dây cáp điện Việt Nam	220.957.490.174	220.957.490.174	-	220.957.490.174	220.957.490.174	-
- Công ty CP Chế tạo Điện cơ Hà Nội	214.009.733.181	214.009.733.181	-	214.009.733.181	214.009.733.181	-
- Công ty CP Khí cụ điện 1	30.128.906.768	30.128.906.768	-	30.128.906.768	30.128.906.768	-
- Công ty GELEX Cambodia (tên cũ Công ty CP Thiết bị Điện Việt Nam Cambodia) (1)	531.150.000	531.150.000	-	5.488.477.000	5.488.477.000	-
- Công ty CP Chế tạo Bom Hải Dương (2)	27.333.284.404	27.333.284.404	-	27.333.284.404	27.333.284.404	-
- Công ty CP Sản xuất và Thương mại EMIC (3)	-	-	-	5.332.103.750	5.332.103.750	-
- Công ty CP Thiết bị điện (4)	-	-	-	92.462.038.822	92.462.038.822	-
Đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết	189.090.285.532	189.090.285.532	-	91.296.142.960	91.296.142.960	-
- Công ty CP Chế tạo Máy điện Việt Nam - Hungari	16.777.167.627	16.777.167.627	-	16.777.167.627	16.777.167.627	-
- Công ty CP Vật tư và Xây dựng Hà Nội	5.233.587.356	5.233.587.356	-	5.233.587.356	5.233.587.356	-
- Công ty CP Sản xuất và Thương mại EMIC (3)	5.332.103.750	5.332.103.750	-	-	-	-
- Công ty CP Thiết bị điện (4)	92.462.038.822	92.462.038.822	-	-	-	-
- Công ty Dây đồng Việt Nam - CFT	69.285.387.977	69.285.387.977	-	69.285.387.977	69.285.387.977	-
	682.050.850.059	682.050.850.059	-	687.008.177.059	687.008.177.059	-

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAMSố 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính riêng**
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015**Đầu tư vào công ty con**

Thông tin chi tiết về các công ty con của Tổng Công ty vào ngày 31/12/2015 như sau:

Tên công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty CP Dây cáp điện Việt Nam	TP. Hồ Chí Minh	65,006%	65,006%	Sản xuất kinh doanh dây và cáp điện
Công ty CP Chế tạo Điện cơ Hà Nội	TP. Hà Nội	65,84%	65,84%	Sản xuất, chế tạo, kinh doanh thiết bị điện
Công ty CP Khí cụ điện 1	TP. Hà Nội	51,03%	51,03%	Sản xuất, chế tạo, kinh doanh thiết bị điện
Công ty GELEX Cambodia (tên cũ Công ty CP Thiết bị Điện Việt Nam Cambodia)	Phnom Penh, Campuchia	100,00%	100,00%	Kinh doanh, phân phối sản phẩm thiết bị điện
Công ty CP Chế tạo Bơm Hải Dương	Tỉnh Hải Dương	51,25%	51,25%	Sản xuất, chế tạo, kinh doanh máy bơm

(1) Lý do thay đổi đối với khoản đầu tư vào Công ty GELEX Cambodia:

Trong năm Công ty GELEX Cambodia thay đổi Giấy phép đầu tư ra nước ngoài số 754/BKHĐT-ĐTRNN với số vốn điều lệ 25.000 USD, thấp hơn vốn đầu tư ban đầu của Tổng Công ty là 239.500 USD.

(2) Lý do thay đổi đối với khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Chế tạo Bơm Hải Dương:

Trong năm Công ty CP Chế tạo Bơm Hải Dương hoàn tất việc phát hành tăng vốn điều lệ từ 27.586.800.000 đồng lên 35.000.000.000 đồng. Do Tổng Công ty không mua thêm cổ phần dẫn đến tỷ lệ lợi ích và tỷ lệ biểu quyết của Tổng Công ty giảm từ 65,02% xuống 51,25%.

Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết

Thông tin chi tiết về các công ty liên doanh, liên kết của Công ty vào ngày 31/12/2015 như sau:

Tên công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty CP Chế tạo Máy điện Việt Nam - Hungari	TP. Hà Nội	34,27%	34,27%	Sản xuất, chế tạo, kinh doanh thiết bị điện
Công ty CP Vật tư và Xây dựng Hà Nội	TP. Hà Nội	45,00%	45,00%	Xây dựng dân dụng và công nghiệp
Công ty CP Sản xuất và Thương mại EMIC	TP. Hà Nội	25,50%	25,50%	Sản xuất, chế tạo, kinh doanh thiết bị điện
Công ty CP Thiết bị điện	Tỉnh Đồng Nai	43,44%	43,44%	Sản xuất, chế tạo, kinh
Công ty Dây đồng Việt Nam - CFT	Tỉnh Đồng Nai	36,35%	36,35%	Sản xuất dây đồng và dây đồng tráng thiếc

(3) Lý do thay đổi đối với khoản đầu tư vào Công ty CP Sản xuất và Thương mại EMIC

Trong kỳ Công ty CP Sản xuất và Thương mại EMIC (EPT) hoàn tất việc phát hành tăng vốn điều lệ từ 10 tỷ đồng lên 20 tỷ đồng. Do Tổng Công ty không mua thêm cổ phần dẫn đến tỷ lệ lợi ích và tỷ lệ biểu quyết của Tổng Công ty giảm từ 51,00% xuống 25,50%.

(4) Lý do thay đổi đối với khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Thiết bị điện:

Trong năm Công ty Cổ phần Thiết bị điện hoàn tất việc phát hành tăng vốn điều lệ từ 120 tỷ đồng lên 180 tỷ đồng. Do Tổng Công ty không mua thêm cổ phần dẫn đến tỷ lệ lợi ích và tỷ lệ biểu quyết của Tổng Công ty giảm từ 65,16% xuống 43,44%.

Các giao dịch trọng yếu giữa Công ty và Công ty con, Công ty liên doanh, liên kết trong năm: Xem thuyết minh số 33.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAMSố 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

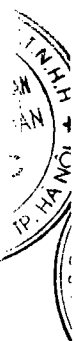
5 . PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG NGẮN HẠN

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng có số dư lớn		
- Tổng công ty Điện lực Miền Nam TNHH	67.408.349.632	21.728.451.352
- Công ty CP dây cáp điện Việt Nam	112.572.718.644	21.557.796.014
- Tổng Công ty Điện lực miền Bắc	78.030.669	74.617.874.069
- Các khoản phải thu khách hàng khác	181.582.338.903	149.006.235.350
	361.641.437.848	266.910.356.785
b) Phải thu khách hàng là các bên liên quan		
Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 33.	170.693.555.649	68.679.785.234

6 . PHẢI THU VỀ CHO VAY NGẮN HẠN

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
Công ty CP Dây cáp điện Việt Nam	95.000.000.000	95.000.000.000
Công ty CP Sản xuất và Thương mại EMIC	16.000.000.000	6.000.000.000
Công ty CP Khí cụ điện 1	-	5.735.350.000
Công ty CP Chế tạo Bom Hải Dương	10.000.000.000	10.000.000.000
Công ty CP Chế tạo Máy điện Việt Nam - Hungari	12.385.120.000	12.385.120.000
Công ty CP Vật tư và Xây dựng Hà Nội	4.500.000.000	4.500.000.000
	137.885.120.000	133.620.470.000

Số dư phản ánh các khoản cho vay từ 03 tháng đến 12 tháng với lãi suất cho vay bằng 6%.



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAM

Số 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

7 . PHẢI THU KHÁC

	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
a) Ngắn hạn				
- Phải thu về lãi tiền gửi, tiền cho vay	5.319.317.210	-	1.369.210.007	-
- Phải thu về bảo hiểm xã hội	-	-	7.773.881	-
- Tam ứng	801.695.136	-	2.403.780.121	-
- Ký cược, ký quỹ	22.470.000	-	22.470.000	-
- Phải thu Trung tâm hỗ trợ đầu tư và Phát triển khu công nghiệp Bắc Ninh về kinh phí xây dựng hạ tầng	10.000.000	-	1.000.000.000	-
- Tiền mua thêm cổ phần Công ty Cổ phần khí cụ điện 1	6.123.660.000	-	-	-
- Phải thu Công ty GELEX Cambodia	4.957.327.000	-	-	-
- Tam ứng tiền thưởng HĐQT, ban điều hành đợt 1 năm 2015	1.100.000.000	-	-	-
- Phải thu khác	97.448.004	-	239.893.621	-
	18.431.917.350	-	5.043.127.630	-
b) Dài hạn				
- Ký cược, ký quỹ	-	-	66.048.000	-
	-	-	66.048.000	-

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAM

Số 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

8 . NỢ XẤU

	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Tổng Công ty Điện lực Hà Nội	380.760.781	380.760.781	380.760.781	380.760.781
Công ty CP Vật tư vận tải xây lắp điện lực Miền Trung	109.774.466	109.774.466	109.774.466	109.774.466
Các khoản khác	15.805.364.809	15.805.364.809	13.551.004.712	13.551.004.712
	16.295.900.056	16.295.900.056	14.041.539.959	14.041.539.959

Tổng Công ty xác định các khoản nợ xấu đều có khả năng thu hồi do Tổng Công ty vẫn đang tiếp tục thực hiện cung cấp sản phẩm, hàng hóa cho các đối tác.

9 . HÀNG TỒN KHO

	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	61.000.123.485	-	18.206.616.003	-
Công cụ, dụng cụ	824.160.806	-	2.637.759.111	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	5.056.533.174	-	5.311.230.912	-
Thành phẩm	77.733.038.848	-	52.603.516.822	-
	144.613.856.313	-	78.759.122.848	-

10 . CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	31/12/2015 VND	01/01/2015 VND
Xây dựng cơ bản dở dang	24.806.235.408	301.443.683.009
- Văn phòng - Khách sạn tại số 10 Trần Nguyên Hãn, Hà Nội	4.138.214.910	4.138.214.910
- Trụ sở làm việc Tổng Công ty tại 52 Lê Đại Hành, Hà Nội	4.526.282.862	297.305.468.099
- Dự án Đầu tư xây dựng nhà xưởng sản xuất (*)	16.141.737.636	-
Mua sắm tài sản cố định	79.600.000	-
	24.885.835.408	301.443.683.009

(*) Dự án Đầu tư xây dựng nhà xưởng sản xuất được Tổng Công ty thực hiện từ quý IV năm 2014 và dự kiến hoàn thành đầu năm 2016 với tổng dự toán 29,28 tỷ đồng.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAM

Số 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

11 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	191.329.812.564	122.591.377.205	9.434.918.586	1.798.206.409	325.154.314.764
- Mua trong năm	-	38.336.319.258	8.908.480.000	-	47.244.799.258
- Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành (*)	229.468.916.333	10.231.003.923	-	82.811.532.777	322.511.453.033
Số dư cuối năm	420.798.728.897	171.158.700.386	18.343.398.586	84.609.739.186	694.910.567.055
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	105.369.999.296	78.692.265.424	7.459.773.771	1.569.948.535	193.091.987.026
- Khấu hao trong năm	13.732.764.405	11.809.896.231	1.306.011.755	5.447.240.365	32.295.912.756
Số dư cuối năm	119.102.763.701	90.502.161.655	8.765.785.526	7.017.188.900	225.387.899.782
Giá trị còn lại					
Tại ngày đầu năm	85.959.813.268	43.899.111.781	1.975.144.815	228.257.874	132.062.327.738
Tại ngày cuối năm	301.695.965.196	80.656.538.731	9.577.613.060	77.592.550.286	469.522.667.273

Trong đó:

- Nguyên giá tài sản cố định cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 106.764.758.984 đồng

(*) Tòa nhà Trụ sở Văn phòng Tổng Công ty tại số 52 Lê Đại Hành đang được Tổng Công ty tạm ghi nhận nguyên giá dựa trên phần lớn chi phí xây dựng cơ bản thực tế đã phát sinh với tổng giá trị 322.511.453.033 đồng. Khấu hao tạm trích trong năm đồng thời là khấu hao lũy kế đến 31/12/2015 là 8.904.823.020 đồng. Khi Báo cáo quyết toán vốn đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành được duyệt, Tổng Công ty sẽ điều chỉnh lại giá tạm tính căn cứ theo giá trị tài sản được duyệt.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAM

Số 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

12 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	8.034.397.930	792.317.839
Chi phí sửa chữa lớn TSCĐ chờ phân bổ	1.765.980.114	261.480.084
Chi phí xây dựng hạ tầng và san nền	13.276.448.872	12.001.250.757
Chi phí thuê đất	7.589.145.708	7.786.080.672
Chi phí trả trước dài hạn khác	1.076.631.857	609.325.744
	31.742.604.481	21.450.455.096

13 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá trị	Số có khả năng trả	Giá trị	Số có khả năng trả
	VND	nợ VND	VND	nợ VND
a) Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn				
Công ty TNHH MTV Cadivi Đồng Nai	24.860.000.000	24.860.000.000	-	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Lạc Hồng	28.126.311.000	28.126.311.000	16.924.041.522	16.924.041.522
Công ty Cổ phần Dây đồng CFT	75.512.559.134	75.512.559.134	110.165.974.693	110.165.974.693
Công ty Cổ phần Kim loại màu và nhựa Đồng Việt	37.372.908.100	37.372.908.100	-	-
Phải trả các đối tượng khác	46.861.927.172	46.861.927.172	76.481.115.055	76.481.115.055
	212.733.705.406	212.733.705.406	203.571.131.270	203.571.131.270
b) Phải trả người bán là các bên liên quan				
Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 33.	118.360.415.492	118.360.415.492	118.793.714.058	118.793.714.058

10011
CỘNG
HÒA
XÃ HỘI
CHUYÊN
CHÍNH
HÀNH
KINH
TẾ
ĐỊA
PHƯƠNG
VIỆT
NAM
A/
TOÁN KI

15 - C
Y
HỮU HẠN
A TOÁN
SC
TP. H

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAM

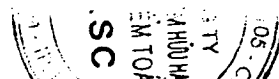
Số 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

14 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu năm	Số phải nộp đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số phải thu cuối năm	Số phải nộp cuối năm
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	9.632.950	-	18.324.248.538	18.324.248.538	9.632.950	-
Thuế Xuất khẩu, Nhập khẩu	-	-	366.495.136	366.495.136	-	-
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	-	23.726.493.271	33.722.050.001	52.949.143.879	-	4.499.399.393
Thuế Thu nhập cá nhân	-	231.457.860	2.981.175.004	2.861.552.262	-	351.080.602
Thuế Nhà đất, Tiền thuê đất	-	73.312.920	7.089.121.735	7.162.434.655	-	-
Các loại thuế khác	-	-	5.000.000	5.000.000	-	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-	8.445.844	8.445.844	-	-
	9.632.950	24.031.264.051	62.496.536.258	81.677.320.314	9.632.950	4.850.479.995

Quyết toán thuế của Tổng Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAM

Số 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

15 . DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN

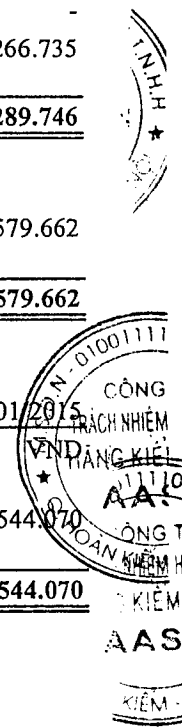
	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
- Doanh thu nhận trước cho thuê văn phòng	1.367.584.028	808.512.991
- Các khoản doanh thu chưa thực hiện khác	-	40.011.422.600
	<u>1.367.584.028</u>	<u>40.819.935.591</u>
b) Dài hạn		
- Doanh thu nhận trước cho thuê văn phòng	36.865.162.057	9.945.550.193
	<u>36.865.162.057</u>	<u>9.945.550.193</u>

16 . PHẢI TRẢ KHÁC

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
- Kinh phí công đoàn	1.351.187.456	909.187.198
- Bảo hiểm xã hội	45.237.672	-
- Thuế TNCN thu thừa của cán bộ công nhân viên	619.069.521	671.294.967
- Phải trả Tổng Công ty Đầu tư và kinh doanh vốn Nhà nước	-	36.964.348.246
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	83.532.600	57.982.600
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả	130.320.000	808.210.000
- Đặt cọc thực hiện dự án Trụ sở số 10 Trần Nguyễn Hãn, Hà Nội	20.000.000.000	20.000.000.000
- Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại Emic	16.699.815.109	-
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	77.971.735	110.266.735
	<u>39.007.134.093</u>	<u>59.521.289.746</u>
b) Dài hạn		
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	6.200.875.882	4.697.579.662
	<u>6.200.875.882</u>	<u>4.697.579.662</u>

17 . DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ DÀI HẠN

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
- Dự phòng bảo hành sản phẩm hàng hóa	35.489.024.271	34.139.544.070
	<u>35.489.024.271</u>	<u>34.139.544.070</u>



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAM

Số 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

18 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	1.400.000.000.000	-	(5.025.000.000)	4.000.000.000	223.528.471.970	1.622.503.471.970
Lãi trong năm trước	-	-	-	-	231.033.049.379	231.033.049.379
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	28.500.000.000	(212.000.000.000)	(183.500.000.000)
Số dư cuối năm trước	1.400.000.000.000	-	(5.025.000.000)	32.500.000.000	242.561.521.349	1.670.036.521.349
Số dư đầu năm nay	1.400.000.000.000	-	(5.025.000.000)	32.500.000.000	242.561.521.349	1.670.036.521.349
Tăng vốn trong năm (*)	150.000.000.000	66.378.000.000	-	-	-	216.378.000.000
Lãi trong năm	-	-	-	-	249.651.441.276	249.651.441.276
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	29.500.000.000	(213.055.000.000)	(183.555.000.000)
Số dư cuối năm này	1.550.000.000.000	66.378.000.000	(5.025.000.000)	62.000.000.000	279.157.962.625	1.952.510.962.625

Theo Nghị quyết của Đại Hội đồng cổ đông số 04/TBĐVN/NQ-ĐHCĐ ngày 24 tháng 04 năm 2015, Tổng Công ty công bố việc phân phối lợi nhuận năm 2014 như sau:

	Tỷ lệ	Số tiền
	%	VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	100,00%	231.033.049.379
Trích Quỹ đầu tư phát triển	12,77%	29.500.000.000
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	6,49%	15.000.000.000
Chi trả cổ tức (bằng 12% vốn điều lệ)	72,46%	167.400.000.000
Trích Quỹ thưởng Ban điều hành	0,50%	1.155.000.000
Lợi nhuận chưa phân phối	7,78%	17.978.049.379

(*) Trong năm, Tổng Công ty đã hoàn thành thủ tục tăng vốn theo phương thức chào bán cho cổ đông chiến lược là Công ty Cổ phần Chứng khoán Bản Việt với tổng số cổ phiếu chào bán thành công là 15.000.000 cổ phiếu, tương ứng với tổng giá trị theo mệnh giá là 1.500.000.000.000 đồng.



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAM

Số 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	<u>Tỷ lệ</u>	<u>Cuối năm</u>	<u>Tỷ lệ</u>	<u>Đầu năm</u>
	(%)	VND	(%)	VND
Vốn góp của Nhà nước	0,00%	-	87,17%	1.220.448.000.000
Công ty Cổ phần Chứng khoán Bản Việt	9,68%	150.000.000.000	0,00%	-
Các cổ đông khác	90,00%	1.395.000.000.000	12,47%	174.552.000.000
Cổ phiếu quỹ	0,32%	5.000.000.000	0,36%	5.000.000.000
	<u>100%</u>	<u>1.550.000.000.000</u>	<u>100%</u>	<u>1.400.000.000.000</u>

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	<u>Năm 2015</u>	<u>Năm 2014</u>
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	1.550.000.000.000	1.400.000.000.000
- <i>Vốn góp đầu năm</i>	1.400.000.000.000	1.400.000.000.000
- <i>Vốn góp tăng trong năm</i>	150.000.000.000	-
- <i>Vốn góp cuối năm</i>	1.550.000.000.000	1.400.000.000.000

d) Cổ phiếu

	<u>31/12/2015</u>	<u>01/01/2015</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	155.000.000	140.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	155.000.000	140.000.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	155.000.000	140.000.000
Số lượng cổ phiếu được mua lại (<i>cổ phiếu quỹ</i>)	500.000	500.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	500.000	500.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	154.500.000	139.500.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	154.500.000	139.500.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000

e) Các quỹ Tổng công ty

	<u>31/12/2015</u>	<u>01/01/2015</u>
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	62.000.000.000	32.500.000.000
	<u>62.000.000.000</u>	<u>32.500.000.000</u>

19 . CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngoại tệ các loại	<u>31/12/2015</u>	<u>01/01/2015</u>
- Đồng đô la Mỹ (USD)	18.692,00	127.048,24
- Đồng Yên Nhật (JPY)	33.000,00	33.000,00

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAMSố 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính riêng**
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015**20 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Doanh thu bán thành phẩm	702.585.145.135	654.609.145.254
Doanh thu bán hàng hóa	608.198.717.170	596.436.045.751
Doanh thu cung cấp dịch vụ	46.499.564.026	32.627.460.853
	<u>1.357.283.426.331</u>	<u>1.283.672.651.858</u>
Doanh thu đối với các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 33.)	<u>681.156.221.089</u>	<u>652.911.280.516</u>

21 . CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Hàng bán bị trả lại	7.207.354.930	8.151.897.005
	<u>7.207.354.930</u>	<u>8.151.897.005</u>

22 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Giá vốn của thành phẩm đã bán	507.147.637.089	438.636.109.661
Giá vốn của hàng hóa đã bán	602.330.231.691	589.205.997.166
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	29.879.426.539	17.321.693.507
	<u>1.139.357.295.319</u>	<u>1.045.163.800.334</u>

23 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	23.504.403.723	26.978.035.178
Lãi bán các khoản đầu tư	-	595.000.000
Cổ tức, lợi nhuận được chia	130.149.758.911	124.450.799.773
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	936.650.066	171.074.430
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	1.558.574.765	2.874.061
	<u>156.149.387.465</u>	<u>152.197.783.442</u>

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAMSố 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

24 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Lãi tiền vay	556.154.000	194.258.129
Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư tài chính	-	1.713.573.200
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	415.496.284	571.284.203
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	-	1.030.579
Dự phòng tổn thất đầu tư	-	(16.609.555.800)
Chi phí tài chính khác	-	270.740.000
	971.650.284	(13.858.669.689)

25 . CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.980.426.567	14.251.134.052
Chi phí nhân công	1.367.984.102	975.690.496
Chi phí dịch vụ mua ngoài	11.735.227.046	13.372.150.477
Chi phí khác bằng tiền	4.103.128.598	2.351.985.930
Chi phí bảo hành	1.372.900.262	2.240.120.957
	20.559.666.575	33.191.081.912

26 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	2.534.340.155	2.128.137.241
Chi phí nhân công	24.056.183.457	21.353.437.286
Chi phí khấu hao tài sản cố định	972.630.390	1.862.719.837
Thuế, phí, lệ phí	7.094.121.735	5.932.796.201
Chi phí dự phòng	6.001.385.210	6.146.690.625
- Trích quỹ Phát triển khoa học và công nghệ	-	4.000.000.000
- Trích quỹ dự phòng tiền lương	5.570.702.136	6.320.587.755
- Trích dự phòng/hoàn nhập dự phòng nợ phải thu khó đòi	430.683.074	(4.173.897.130)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	11.105.492.580	7.638.151.675
Chi phí khác bằng tiền	10.398.824.768	10.209.496.680
	62.162.978.295	55.271.429.545

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAM

Số 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

27 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	283.150.840.669	271.484.796.465
Các khoản điều chỉnh tăng	1.450.715.900	38.170.727.727
- Chi phí không hợp lệ	1.450.715.900	38.170.727.727
Các khoản điều chỉnh giảm	(132.331.559.328)	(124.743.717.327)
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	(130.149.758.911)	(124.450.799.773)
- Lãi đánh giá lại ngoại tệ cuối năm	(1.641.800.417)	-
- Chi phí quản lý năm 2014 đã tính thuế TNDN	(540.000.000)	-
- Các khoản nộp theo biên bản thanh tra thuế	-	(292.917.554)
Thu nhập tính thuế TNDN	152.269.997.241	184.911.806.865
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành (thuế suất 22%)	33.499.399.393	40.680.597.510
Chi phí thuế TNDN điều chỉnh giảm của năm 2013	-	(228.850.424)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	33.499.399.393	40.451.747.086
Các khoản điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào thuế TNDN hiện hành năm nay	222.650.608	156.733.646
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu năm	23.726.493.271	12.097.843.548
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong năm	(52.949.143.879)	(28.979.831.009)
Thuế TNDN phải nộp cuối năm	4.499.399.393	23.726.493.271

28 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	466.375.144.122	384.128.329.377
Chi phí nhân công	79.384.858.195	74.046.192.496
Chi phí khấu hao tài sản cố định	32.069.629.408	25.403.624.963
Chi phí dịch vụ mua ngoài	37.838.941.307	27.081.318.263
Chi phí khác bằng tiền	30.262.682.550	27.614.158.901
	645.931.255.582	538.273.624.000

29 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Tổng Công ty bao gồm:

	Giá trị sổ kế toán			
	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản trương đương tiền	121.223.651.001	-	328.491.195.250	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	380.073.355.198	(7.680.743.874)	272.019.532.415	(7.250.060.800)
Các khoản cho vay	482.885.120.000	-	281.282.221.062	-
	<u>984.182.126.199</u>	<u>(7.680.743.874)</u>	<u>881.792.948.727</u>	<u>(7.250.060.800)</u>
			Giá trị sổ kế toán	
			31/12/2015	01/01/2015
			VND	VND
Nợ phải trả tài chính				
Phải trả người bán, phải trả khác			257.941.715.381	267.790.000.678
Chi phí phải trả			351.500.000	388.000.000
			<u>258.293.215.381</u>	<u>268.178.000.678</u>

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc năm tài chính năm do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Tổng Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Tổng Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAM

Số 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá, tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Rủi ro về giá:

Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu ngắn hạn và dài hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư. Các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn được nắm giữ với mục đích chiến lược lâu dài, tại thời điểm kết thúc năm tài chính Tổng Công ty chưa có kế hoạch bán các khoản đầu tư này.

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Tổng Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

Rủi ro về lãi suất:

Tổng Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Tổng Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Tổng Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Tổng Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Tổng Công ty. Tổng Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 31/12/2015				
Tiền và các khoản tương đương tiền	121.223.651.001	-	-	121.223.651.001
Phải thu khách hàng, phải thu khác	372.392.611.324	-	-	372.392.611.324
Các khoản cho vay	482.885.120.000	-	-	482.885.120.000
	<u>976.501.382.325</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>976.501.382.325</u>
Tại ngày 01/01/2015				
Tiền và các khoản tương đương tiền	328.491.195.250	-	-	328.491.195.250
Phải thu khách hàng, phải thu khác	264.703.423.615	66.048.000	-	264.769.471.615
Các khoản cho vay	281.282.221.062	-	-	281.282.221.062
	<u>874.476.839.927</u>	<u>66.048.000</u>	<u>-</u>	<u>874.542.887.927</u>



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAMSố 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Tổng Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Tổng Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 31/12/2015				
Phải trả người bán, phải trả khác	251.740.839.499	6.200.875.882	-	257.941.715.381
Chi phí phải trả	351.500.000	-	-	351.500.000
	<u>252.092.339.499</u>	<u>6.200.875.882</u>	<u>-</u>	<u>258.293.215.381</u>
Tại ngày 01/01/2015				
Phải trả người bán, phải trả khác	263.092.421.016	4.697.579.662	-	267.790.000.678
Chi phí phải trả	388.000.000	-	-	388.000.000
	<u>263.480.421.016</u>	<u>4.697.579.662</u>	<u>-</u>	<u>268.178.000.678</u>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

30 . THÔNG TIN KHÁC

Tháng 10 năm 2015, cổ phiếu của Tổng công ty cổ phần Thiết bị điện Việt Nam chính thức giao dịch trên Sàn chứng khoán UPCOM - Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hà Nội với mã chứng khoán: GEX. Tháng 12 năm 2015, Cổ đông Nhà nước (Bộ Công Thương) đã thoái toàn bộ vốn đầu tư tại Tổng công ty.

31 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính riêng này.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAM

Số 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

32 . BÁO CÁO BỘ PHẬN

Theo lĩnh vực kinh doanh

	Hoạt động sản xuất	Hoạt động thương mại	Hoạt động cung cấp dịch vụ	Tổng cộng các bộ phận	Loại trừ	Tổng cộng toàn doanh nghiệp
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	702.452.685.135	601.123.822.240	46.499.564.026	1.350.076.071.401	-	1.350.076.071.401
Chi phí bộ phận trực tiếp	507.147.637.089	602.330.231.691	29.879.426.539	1.139.357.295.319	-	1.139.357.295.319
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	195.305.048.046	(1.206.409.451)	16.620.137.487	210.718.776.082	-	210.718.776.082
Tổng chi phí mua TSCĐ	48.491.689.477	41.496.758.917	3.209.956.296	93.198.404.690	-	93.198.404.690
Tài sản bộ phận	545.217.987.932	466.570.244.225	36.091.254.649	1.047.879.486.806	-	1.047.879.486.806
Tài sản không phân bổ	-	-	-	1.304.591.538.410	-	1.304.591.538.410
Tổng tài sản	545.217.987.932	466.570.244.225	36.091.254.649	2.352.471.025.216	-	2.352.471.025.216
Nợ phải trả bộ phận	196.034.054.939	167.756.124.915	12.976.671.998	376.766.851.852	-	376.766.851.852
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	20.656.974.630	-	20.656.974.630
Tổng nợ phải trả	196.034.054.939	167.756.124.915	12.976.671.998	397.423.826.482	-	397.423.826.482

Theo khu vực địa lý

Hơn 90% hoạt động của Tổng Công ty diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam, do đó Tổng Công ty không lập báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAMSố 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính riêng**

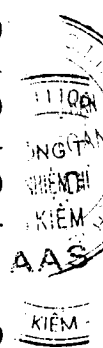
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

33 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong năm, Tổng Công ty có các giao dịch phát sinh và số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm với các bên liên quan như sau:

Giao dịch phát sinh trong năm:

	Mối quan hệ	Năm 2015 VND	Năm 2014 VND
Doanh thu		681.156.221.089	652.911.280.516
Công ty CP Dây cáp điện Việt Nam	Công ty con	570.920.260.544	568.343.486.184
Công ty CP Thiết bị điện	Công ty liên kết	12.520.597.680	18.661.045.750
Công ty CP Chế tạo Điện cơ Hà Nội	Công ty con	8.697.244.120	6.071.904.320
Công ty CP Sản xuất và Thương mại EMIC	Công ty con	58.587.141.625	42.222.892.357
Công ty CP Khí cụ điện 1	Công ty con	2.369.314.500	3.084.846.000
Công ty GELEX Cambodia (tên cũ Công ty CP Thiết bị Điện Việt Nam Cambodia)	Công ty con	24.751.354.967	12.130.164.443
Công ty CP Chế tạo Bơm Hải Dương	Công ty con	512.885.920	-
Công ty CP Vật tư và Xây dựng Hà Nội	Công ty liên kết	2.325.494.500	1.936.141.500
Công ty Dây đồng Việt Nam CFT	Công ty liên doanh	471.927.233	460.799.962
Mua hàng		694.856.476.333	598.031.502.753
Công ty CP Dây cáp điện Việt Nam	Công ty con	3.133.644.387	3.848.145.349
Công ty CP Thiết bị điện	Công ty liên kết	-	32.748.000
Công ty CP Chế tạo Điện cơ Hà Nội	Công ty con	110.423.793.474	422.308.000
Công ty CP Sản xuất và Thương mại EMIC	Công ty con	124.141.279.511	68.869.011.594
Công ty CP Khí cụ điện 1	Công ty con	4.999.200	16.999.000
Công ty CP Chế tạo Bơm Hải Dương	Công ty con	4.205.140.000	-
Công ty Dây đồng Việt Nam CFT	Công ty liên doanh	452.947.619.761	524.842.290.810
Công ty TNHH Một thành viên Cadivi Đồng Nai	(*)	22.600.000.000	-
Cho vay vốn		10.000.000.000	6.000.000.000
Công ty CP Sản xuất và Thương mại EMIC	Công ty liên kết	10.000.000.000	6.000.000.000
Thu hồi vốn cho vay		5.735.350.000	-
Công ty CP Khí cụ điện 1	Công ty con	5.735.350.000	-
Lãi cho vay vốn		8.025.124.225	8.562.124.156
Công ty CP Dây cáp điện Việt Nam	Công ty con	5.700.000.000	5.937.500.000
Công ty CP Sản xuất và Thương mại EMIC	Công ty con	458.333.333	282.833.333
Công ty CP Khí cụ điện 1	Công ty con	253.683.692	432.415.267
Công ty CP Kinh doanh Vật tư Thibidi	(*)	-	229.055.556
Công ty CP Chế tạo Máy điện Việt Nam - Hungari	Công ty liên kết	743.107.200	774.070.000
Công ty CP Chế tạo Bơm Hải Dương	Công ty con	600.000.000	625.000.000
Công ty CP Vật tư và Xây dựng Hà Nội	Công ty liên kết	270.000.000	281.250.000



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAM

Số 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

	Mối quan hệ	Năm 2015	Năm 2014
		VND	VND
Cổ tức lợi nhuận được chia		130.149.758.911	124.450.799.773
Công ty CP Dây cáp điện Việt Nam	Công ty con	56.165.472.000	56.165.472.000
Công ty CP Thiết bị điện	Công ty liên kết	19.548.160.000	19.548.160.000
Công ty CP Chế tạo Điện cơ Hà Nội	Công ty con	29.720.250.000	29.720.250.000
Công ty CP Sản xuất và Thương mại EMIC	Công ty con	765.000.000	816.000.000
Công ty CP Khí cụ điện 1	Công ty con	3.470.080.000	3.470.080.000
Công ty CP Chế tạo Bơm Hải Dương	Công ty con	3.049.388.600	2.092.717.667
Công ty CP Chế tạo Máy điện Việt Nam - Hungari	Công ty liên kết	1.490.700.000	2.086.980.000
Công ty Dây đồng Việt Nam CFT	Công ty liên doanh	15.940.708.311	10.101.140.106
Công ty CP Vật tư và Xây dựng Hà Nội	Công ty liên kết	-	450.000.000

Số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm:

	Mối quan hệ	31/12/2015	01/01/2015
		VND	VND
Phải thu ngắn hạn khách hàng		170.693.555.649	68.679.785.234
Công ty CP Dây cáp điện Việt Nam	Công ty con	112.574.675.940	21.557.796.014
Công ty CP Thiết bị điện	Công ty liên kết	934.193.084	2.001.574.300
Công ty CP Chế tạo Điện cơ Hà Nội	Công ty con	1.362.619.291	1.565.800.720
Công ty CP Sản xuất và Thương mại EMIC	Công ty con	18.326.134.743	15.094.288.769
Công ty CP Khí cụ điện 1	Công ty con	326.845.200	756.079.500
Công ty GELEX Cambodia (tên cũ Công ty CP Thiết bị Điện Việt Nam Cambodia)	Công ty con	33.308.028.708	24.502.388.331
Công ty CP Chế tạo Bơm Hải Dương	Công ty con	101.157.133	-
Công ty CP Vật tư và Xây dựng Hà Nội	Công ty liên kết	3.759.901.550	3.201.857.600
Phải trả người bán ngắn hạn		118.360.415.492	118.793.714.058
Công ty CP Dây cáp điện Việt Nam	Công ty con	6.250.527.015	2.803.518.189
Công ty CP Thiết bị điện	Công ty liên kết	-	36.022.800
Công ty CP Chế tạo Điện cơ Hà Nội	Công ty con	11.629.809.343	-
Công ty CP Sản xuất và Thương mại EMIC	Công ty con	-	5.788.198.376
Công ty CP Vật tư và Xây dựng Hà Nội	Công ty liên kết	107.520.000	-
Công ty Dây đồng Việt Nam CFT	Công ty liên doanh	75.512.559.134	110.165.974.693
Công ty TNHH MTV Cadivi Đồng Nai	(*)	24.860.000.000	-
Phải thu vốn cho vay		137.885.120.000	133.620.470.000
Công ty CP Dây cáp điện Việt Nam	Công ty con	95.000.000.000	95.000.000.000
Công ty CP Sản xuất và Thương mại EMIC	Công ty con	16.000.000.000	6.000.000.000
Công ty CP Khí cụ điện 1	Công ty con	-	5.735.350.000
Công ty CP Chế tạo Bơm Hải Dương	Công ty con	10.000.000.000	10.000.000.000
Công ty CP Vật tư và Xây dựng Hà Nội	Công ty liên kết	4.500.000.000	4.500.000.000
Công ty CP Chế tạo Máy điện Việt Nam - Hungari	Công ty liên kết	12.385.120.000	12.385.120.000



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAM

Số 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

	Mối quan hệ	31/12/2015	01/01/2015
		VND	VND
Phải thu lãi cho vay		5.045.706.096	1.349.765.563
Công ty CP Dây cáp điện Việt Nam	Công ty con	2.850.000.000	-
Công ty CP Sản xuất và Thương mại EMIC	Công ty con	278.333.333	175.500.000
Công ty CP Chế tạo Máy điện Việt Nam - Hungari	Công ty liên kết	1.917.372.763	1.174.265.563
Ứng trước tiền hàng		5.813.037.664	5.788.198.376
Công ty CP Sản xuất và Thương mại EMIC	Công ty liên kết	5.735.060.102	5.788.198.376
Công ty Cổ phần Vật tư và Xây dựng Hà Nội	Công ty liên kết	77.977.562	-
Phải thu khác		11.081.987.000	130.586.149
Công ty CP Sản xuất và Thương mại EMIC	Công ty liên kết	-	129.586.149
Công ty CP Chế tạo Máy điện Việt Nam - Hungari	Công ty liên kết	1.000.000	1.000.000
Công ty CP Khí cụ điện I	Công ty con	6.123.660.000	-
Công ty GELEX Cambodia (tên cũ Công ty CP Thiết bị Điện Việt Nam Cambodia)	Công ty con	4.957.327.000	-
Phải trả khác		16.699.815.109	-
Công ty CP Sản xuất và Thương mại EMIC	Công ty liên kết	16.699.815.109	-

(*) Đây là các công ty con mà Tổng Công ty sở hữu gián tiếp thông qua các công ty con khác.

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc và Hội đồng Quản trị	4.321.100.000	4.310.500.000



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAM

Số 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

34 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014, đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán. Một số chỉ tiêu đã được phân loại lại cho phù hợp với Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp để so sánh với số liệu năm nay.

Số liệu theo Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

Số liệu điều chỉnh theo Thông tư 200/2014/TT-BTC

Mã số	Tên khoản mục	Số tiền
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN		
121	1. Đầu tư ngắn hạn	281.282.221.062
131	1. Phải thu khách hàng	266.910.356.785
132	2. Trả trước cho người bán	13.033.548.054
135	5. Các khoản phải thu khác	2.616.877.509
158	5. Tài sản ngắn hạn khác	2.442.334.401
139	6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(7.250.060.800)
154	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	9.632.950
218	4. Phải thu dài hạn khác	-
268	3. Tài sản dài hạn khác	66.048.000
230	4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	301.443.683.009

Mã số	Tên khoản mục	Số tiền	Thay đổi
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN			
123	3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	147.661.751.062	(281.282.221.062)
135	5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	133.620.470.000	147.661.751.062
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	266.910.356.785	133.620.470.000
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	13.033.548.054	-
136	6. Phải thu ngắn hạn khác	5.043.127.630	-
139	8. Tài sản thiếu chờ xử lý	16.084.280	2.426.250.121
155	5. Tài sản ngắn hạn khác	-	16.084.280
137	7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(7.250.060.800)	(2.442.334.401)
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	9.632.950	-
216	6. Phải thu dài hạn khác	66.048.000	66.048.000
268	4. Tài sản dài hạn khác	-	(66.048.000)
242	2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	301.443.683.009	(301.443.683.009)



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAM

Số 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

34 SỐ LIỆU SO SÁNH (tiếp theo)

Số liệu theo Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014			Số liệu điều chỉnh theo Thông tư 200/2014/TT-BTC			
Mã số	Tên khoản mục	Số tiền	Mã số	Tên khoản mục	Số tiền	Thay đổi
312	2. Phải trả người bán	203.571.131.270	311	2. Phải trả người bán ngắn hạn	203.571.131.270	-
313	3. Người mua trả tiền trước	3.224.788.793	312	3. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	3.224.788.793	-
314	4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	24.031.264.051	313	4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	24.031.264.051	-
315	5. Phải trả người lao động	30.130.004.009	314	5. Phải trả người lao động	30.130.004.009	-
316	6. Chi phí phải trả	388.000.000	315	6. Chi phí phải trả ngắn hạn	388.000.000	-
			318	9. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	40.819.935.591	40.819.935.591
338	8. Doanh thu chưa thực hiện	50.765.485.784	336	12. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	9.945.550.193	(40.819.935.591)
319	9. Các khoản phải trả, phải nộp khác	59.521.289.746	319	10. Phải trả ngắn hạn khác	59.521.289.746	-
323	11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	17.424.632.635	322	12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	17.424.632.635	-
333	3. Phải trả dài hạn khác	4.697.579.662	337	6. Phải trả dài hạn khác	4.697.579.662	-
337	7. Dự phòng phải trả dài hạn	34.139.544.070	342	11. Dự phòng phải trả dài hạn	34.139.544.070	-
339	9. Quỹ phát triển khoa học công nghệ	9.255.000.000	343	13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	9.255.000.000	-
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	1.400.000.000.000	411	1. Vốn góp của chủ sở hữu	1.400.000.000.000	-
			411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	1.400.000.000.000	-
414	4. Cổ phiếu quỹ	(5.025.000.000)	415	5. Cổ phiếu quỹ	(5.025.000.000)	-
417	7. Quỹ đầu tư phát triển	22.000.000.000	418	8. Quỹ đầu tư phát triển	32.500.000.000	10.500.000.000
418	8. Quỹ dự phòng tài chính	10.500.000.000				(10.500.000.000)
420	10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	242.561.521.349	421	11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	242.561.521.349	-
			421a	- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	11.528.471.970	-
			421b	- LNST chưa phân phối kỳ này	231.033.049.379	-
432	1. Nguồn kinh phí	(1.437.626.564)	431	1. Nguồn kinh phí	(1.437.626.564)	-
433	2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	2.691.202.777	432	2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	2.691.202.777	-

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAM

Số 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

34 SỐ LIỆU SO SÁNH (tiếp theo)

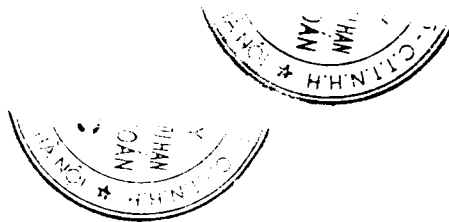
Số liệu theo Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014			Số liệu điều chỉnh theo Thông tư 200/2014/TT-BTC			
Mã số	Tên khoản mục	Số tiền	Mã số	Tên khoản mục	Số tiền	Thay đổi
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
24	8. Chi phí bán hàng	33.191.081.912	25	8. Chi phí bán hàng	33.191.081.912	-
25	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	55.271.429.545	26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	55.271.429.545	-

Đoàn Thị Lan Phương
Người lập
Hà Nội, ngày 27 tháng 01 năm 2016

Phạm Tuấn Anh
Kế toán trưởng



Nguyễn Trọng Tiêu
Tổng Giám đốc



BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAM

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

(đã được kiểm toán)

LẤY SẠO

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAM

Số 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,

Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02-03
Báo cáo kiểm toán độc lập	04-05
Báo cáo tài chính riêng đã được kiểm toán	06-36
Bảng cân đối kế toán	06-08
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	09
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	10-11
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng	12-36



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAM

Số 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị điện Việt Nam (sau đây gọi tắt là "Tổng Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014.

CÔNG TY

Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị điện Việt Nam được chuyển đổi từ doanh nghiệp Nhà nước - Tổng Công ty Thiết bị điện Việt Nam theo Quyết định số 1422/QĐ-TTg ngày 10 tháng 08 năm 2010 của Thủ tướng Chính Phủ, hoạt động theo Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0100100512 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 01 tháng 12 năm 2010, đăng ký thay đổi lần thứ 2 ngày 27 tháng 07 năm 2011.

Trụ sở của Tổng Công ty tại: Số 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Hoa Cương	Chủ tịch	
Ông Nguyễn Trọng Tiểu	Thành viên	
Ông Phạm Mạnh Hà	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 01/12/2014
Ông Trần Ngọc Minh	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 01/01/2014
Ông Đỗ Văn Chính	Thành viên	
Bà Nguyễn Thị Bích Ngọc	Thành viên	

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Trọng Tiểu	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Tiến Vinh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Đỗ Văn Chính	Phó Tổng Giám đốc
Ông Phạm Tuấn Anh	Giám đốc Tài chính kiêm Kế toán trưởng

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Bà Nguyễn Thị Thanh Yên	Trưởng ban
Bà Trương Thị Hương Lan	Thành viên
Ông Bạch Thành Nam	Thành viên

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính riêng cho Tổng Công ty.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAM

Số 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính riêng phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Tổng Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính riêng, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Tổng Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính riêng hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính riêng trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính riêng dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Tổng Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính riêng tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Tổng Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Tổng Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2014, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014, phù hợp với Chuẩn mực, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Tổng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 52/2012/TT-BTC ngày 05 tháng 04 năm 2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.



Nguyễn Trọng Tiểu
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 28 tháng 02 năm 2015

Số: 276 /2015/BC.KTTC-AASC.KT2

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị điện Việt Nam**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính riêng kèm theo của Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị điện Việt Nam được lập ngày 28 tháng 02 năm 2015, từ trang 06 đến trang 36, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 và Thuyết minh báo cáo tài chính riêng.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị điện Việt Nam tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



SAO Y BẢN CHÍNH
Ngày 18 tháng 8 năm 2016

Nguyễn Thanh Tùng

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 0063-2013-002-1

Hà Nội, ngày 16 tháng 03 năm 2015

Vũ Xuân Biển

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 0743-2013-002-1

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC



Cát Thị Hà

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2014	01/01/2014
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		966.394.793.356	869.253.233.347
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	328.491.195.250	146.112.536.235
111	1. Tiền		158.485.086.006	76.112.536.235
112	2. Các khoản tương đương tiền		170.006.109.244	70.000.000.000
120	II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	4	281.282.221.062	346.241.942.442
121	1. Đầu tư ngắn hạn		281.282.221.062	362.851.498.242
129	2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn		-	(16.609.555.800)
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		275.310.721.548	271.829.144.113
131	1. Phải thu của khách hàng		266.910.356.785	236.747.660.459
132	2. Trả trước cho người bán		13.033.548.054	39.997.133.468
135	5. Các khoản phải thu khác	5	2.616.877.509	6.508.308.116
139	6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(7.250.060.800)	(11.423.957.930)
140	IV. Hàng tồn kho	6	78.759.122.848	93.739.670.508
141	1. Hàng tồn kho		78.759.122.848	93.739.670.508
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		2.551.532.648	11.329.940.049
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		-	2.876.860
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		99.565.297	8.808.884.938
154	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	7	9.632.950	671.808.427
158	5. Tài sản ngắn hạn khác	8	2.442.334.401	1.846.369.824
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		1.142.044.024.226	1.082.480.917.364
220	II. Tài sản cố định		433.519.344.071	323.803.294.394
221	1. Tài sản cố định hữu hình	9	132.062.327.738	153.521.427.391
222	- Nguyên giá		325.154.314.764	322.903.409.547
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(193.091.987.026)	(169.381.982.156)
227	3. Tài sản cố định vô hình	10	13.333.324	33.333.328
228	- Nguyên giá		60.000.000	60.000.000
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(46.666.676)	(26.666.672)
230	4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	11	301.443.683.009	170.248.533.675
250	IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	12	687.008.177.059	737.413.177.059
251	1. Đầu tư vào công ty con		595.712.034.099	646.117.034.099
252	2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh		91.296.142.960	91.296.142.960
260	V. Tài sản dài hạn khác		21.516.503.096	21.264.445.911
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	13	21.450.455.096	21.198.397.911
268	3. Tài sản dài hạn khác		66.048.000	66.048.000
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		2.108.438.817.582	1.951.734.150.711

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2014	01/01/2014
			VND	VND
300	A. NỢ PHẢI TRẢ		437.148.720.020	327.758.084.801
310	I. Nợ ngắn hạn		338.291.110.504	288.658.996.598
312	2. Phải trả người bán		203.571.131.270	212.876.218.434
313	3. Người mua trả tiền trước		3.224.788.793	2.612.200.340
314	4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	14	24.031.264.051	12.097.843.548
315	5. Phải trả người lao động		30.130.004.009	21.333.947.765
316	6. Chi phí phải trả		388.000.000	334.000.000
319	9. Các khoản phải trả, phải nộp khác	15	59.521.289.746	25.805.746.376
323	11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		17.424.632.635	13.599.040.135
330	II. Nợ dài hạn		98.857.609.516	39.099.088.203
333	3. Phải trả dài hạn khác		4.697.579.662	1.585.633.992
337	7. Dự phòng phải trả dài hạn		34.139.544.070	32.014.454.211
338	8. Doanh thu chưa thực hiện		50.765.485.784	-
339	9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ		9.255.000.000	5.499.000.000
400	B. VỐN CHỦ SỞ HỮU		1.671.290.097.562	1.623.976.065.910
410	I. Vốn chủ sở hữu	16	1.670.036.521.349	1.622.503.471.970
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		1.400.000.000.000	1.400.000.000.000
414	4. Cổ phiếu quỹ		(5.025.000.000)	(5.025.000.000)
417	7. Quỹ đầu tư phát triển		22.000.000.000	-
418	8. Quỹ dự phòng tài chính		10.500.000.000	4.000.000.000
420	10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		242.561.521.349	223.528.471.970
430	II. Nguồn kinh phí và quỹ khác		1.253.576.213	1.472.593.940
432	1. Nguồn kinh phí	17	(1.437.626.564)	1.472.593.940
433	2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ		2.691.202.777	-
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		2.108.438.817.582	1.951.734.150.711

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	31/12/2014	01/01/2014
5. Ngoại tệ các loại		
- Đồng đô la Mỹ (USD)	127.048,24	38.740,46
- Đồng Yên nhật (JPY)	33.000,00	33.000,00

Đoàn Thị Lan Phương
Người lập

Phạm Tuấn Anh
Kế toán trưởng



Nguyễn Trọng Tiểu
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 28 tháng 02 năm 2015

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2014

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2014	Năm 2013
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	18	1.283.672.651.858	1.194.600.995.419
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	19	8.151.897.005	4.254.864.127
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	20	1.275.520.754.853	1.190.346.131.292
11	4. Giá vốn hàng bán	21	1.045.163.800.334	1.025.565.311.630
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		230.356.954.519	164.780.819.662
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	22	152.197.783.442	173.588.543.336
22	7. Chi phí tài chính	23	(13.858.669.689)	5.865.103.184
23	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>		194.258.129	3.636.217.090
24	8. Chi phí bán hàng	24	33.191.081.912	26.975.626.448
25	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	55.271.429.545	50.665.844.850
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		307.950.896.193	254.862.788.516
31	11. Thu nhập khác	26	4.250.604.698	44.654.148
32	12. Chi phí khác	27	40.716.704.426	684.118.739
40	13. Lợi nhuận khác		(36.466.099.728)	(639.464.591)
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		271.484.796.465	254.223.323.925
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	28	40.451.747.086	33.585.645.566
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		231.033.049.379	220.637.678.359



Đoàn Thị Lan Phương
Người lập



Phạm Tuấn Anh
Kế toán trưởng




Nguyễn Trọng Tiểu
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 28 tháng 02 năm 2015

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2014

(Theo phương pháp trực tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2014	Năm 2013
			VND	VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
01	1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác		1.429.704.726.236	1.180.856.127.529
02	2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ		(1.167.105.470.075)	(981.411.559.152)
03	3. Tiền chi trả cho người lao động		(59.500.110.584)	(54.462.509.886)
04	4. Tiền chi trả lãi vay		(194.258.129)	(3.636.217.090)
05	5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp		(28.979.831.009)	(34.109.537.915)
06	6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		12.009.489.169	42.204.763.085
07	7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(71.620.794.395)	(203.232.296.363)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		114.313.751.213	(53.791.229.792)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(56.481.682.118)	(126.439.650.378)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		4.442.283.547	-
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(42.661.479.020)	(117.385.120.000)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		100.000.000.000	266.952.200.000
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	(70.061.229.404)
26	6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		73.517.183.000	-
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		155.867.488.911	176.222.192.247
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		234.683.794.320	129.288.392.465
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
32	2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành		-	(5.025.000.000)
33	3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được		14.953.211.660	258.794.023.157
34	4. Tiền chi trả nợ gốc vay		(14.953.211.660)	(258.794.023.157)
36	6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(166.620.730.000)	(286.031.320.000)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(166.620.730.000)	(291.056.320.000)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		182.376.815.533	(215.559.157.327)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2014

(Theo phương pháp trực tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2014	Năm 2013
			VND	VND
60	Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm		146.112.536.235	361.672.624.621
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		1.843.482	(931.059)
70	Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm	3	<u>328.491.195.250</u>	<u>146.112.536.235</u>

Đoàn Thị Lan Phương
Người lập

Phạm Tuấn Anh
Kế toán trưởng



Nguyễn Trọng Tiêu
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 28 tháng 02 năm 2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2014

1 . THÔNG TIN CHUNG

1.1 . Hình thức sở hữu vốn

Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị điện Việt Nam được chuyển đổi từ doanh nghiệp Nhà nước - Tổng Công ty Thiết bị điện Việt Nam theo Quyết định số 1422/QĐ-TTg ngày 10 tháng 08 năm 2010 của Thủ tướng Chính Phủ, hoạt động theo Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0100100512 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 01 tháng 12 năm 2010, đăng ký thay đổi lần thứ 2 ngày 27 tháng 07 năm 2011.

Trụ sở của Tổng Công ty tại: Số 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội.

Vốn điều lệ của Tổng Công ty đến ngày 31 tháng 12 năm 2014 là 1.400.000.000.000 đồng; tương đương 140.000.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Các đơn vị trực thuộc của Tổng Công ty như sau:

<u>Tên đơn vị</u>	<u>Nơi thành lập và hoạt động</u>	<u>Hoạt động kinh doanh chính</u>
Khách sạn Bình Minh - Hà Nội	Hà Nội	Kinh doanh khách sạn
Cơ sở sản xuất tại KCN Đại Đồng - Hoàn Sơn - Tiên Du - Bắc Ninh	Bắc Ninh	Sản xuất kinh doanh thiết bị điện

Thông tin về các công ty con, công ty liên kết, công ty liên doanh của Tổng Công ty xem chi tiết tại Thuyết minh số 12.

1.2 . Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty gồm:

- Sản xuất kinh doanh thiết bị điện dùng trong công nghiệp, nông nghiệp và dân dụng;
- Thiết kế, chế tạo, kinh doanh và sửa chữa các thiết bị đo đếm điện một pha, ba pha (có dòng điện một chiều và xoay chiều) các cấp điện áp hạ thế, trung thế và cao thế đến 220KV;
- Thi công, lắp đặt công trình đường dây, trạm biến áp đến 220KV;
- Thi công các công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp, giao thông, công trình thủy lợi;
- Kinh doanh bất động sản, dịch vụ khách sạn, du lịch và cho thuê văn phòng, nhà ở, nhà xưởng, kho bãi, kinh doanh tổ chức dịch vụ du lịch lữ hành nội địa và quốc tế;
- Kinh doanh, xuất nhập khẩu vật tư, thiết bị, phụ tùng máy móc.

Đối với các ngành nghề kinh doanh có điều kiện, doanh nghiệp chỉ được kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật.

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI TỔNG CÔNG TY

2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Tổng Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Tổng Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 đã được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Tổng Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

Hình thức kế toán áp dụng

Tổng Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

2.3 . Cơ sở lập báo cáo tài chính riêng

Báo cáo tài chính riêng được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

Báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp các nghiệp vụ, giao dịch phát sinh và được ghi sổ kế toán tại các đơn vị thành viên hạch toán phụ thuộc và tại Văn phòng Tổng Công ty.

Trong báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty, các nghiệp vụ giao dịch nội bộ và số dư nội bộ có liên quan đến tài sản, nguồn vốn và công nợ phải thu, phải trả nội bộ đã được loại trừ.

Những người sử dụng báo cáo tài chính riêng này nên đọc các báo cáo tài chính riêng này kết hợp với các báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty và các Công ty con ("Tập đoàn") cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 để có đủ thông tin về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ của cả Tập đoàn.

2.4 . Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Tổng Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Tổng Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

2.5 . Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian đáo hạn không quá 03 tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2.6 . Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên Báo cáo tài chính riêng theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác sau khi trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản nợ phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho từng khoản phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

2.7 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang: chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo chi phí phát sinh thực tế cho từng loại sản phẩm chưa hoàn thành.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối kỳ là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.8 . Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	20 - 25 năm
- Máy móc, thiết bị	03 - 07 năm
- Phương tiện vận tải	05 - 10 năm
- Thiết bị dụng cụ quản lý	03 - 05 năm
- Phần mềm máy tính	03 năm

2.9 . Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào các Công ty con mà trong đó Tổng Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc. Các khoản phân phối lợi nhuận mà Tổng Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các Công ty con sau ngày Tổng Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ của Tổng Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Các khoản đầu tư vào các Công ty liên kết mà trong đó Tổng Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc. Các khoản phân phối lợi nhuận từ số lợi nhuận thuần lũy kế của các Công ty liên kết sau ngày đầu tư được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ của Tổng Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Khoản đầu tư vào công ty liên doanh được kế toán theo phương pháp giá gốc. Khoản vốn góp liên doanh không điều chỉnh theo thay đổi của phần sở hữu của công ty trong tài sản thuần của công ty liên doanh. Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty phản ánh khoản thu nhập được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của Công ty liên doanh phát sinh sau khi góp vốn liên doanh.

Các khoản đầu tư tài chính tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Kỳ phiếu, tín phiếu kho bạc, tiền gửi ngân hàng có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là "tương đương tiền";
- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm hoặc trong 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn;
- Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm hoặc hơn 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn.

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường hoặc giá trị hợp lý của chúng tại thời điểm lập dự phòng.

- Đối với các khoản đầu tư chứng khoán: nếu chứng khoán đã được niêm yết thì giá trị thị trường được tính theo giá giao dịch bình quân tại ngày trích lập dự phòng trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX) hoặc giá đóng cửa tại ngày trích lập dự phòng trên Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HSX); nếu chứng khoán chưa được niêm yết trên thị trường chứng khoán thì giá trị thị trường được xác định theo giá giao dịch bình quân trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) tại ngày lập dự phòng hoặc giá trung bình trên cơ sở giá giao dịch được cung cấp tối thiểu bởi ba Tổng Công ty chứng khoán tại thời điểm lập dự phòng. Trường hợp không thể xác định được giá thị trường của chứng khoán thì Tổng Công ty không trích lập dự phòng giảm giá chứng khoán. Đối với chứng khoán niêm yết bị hủy giao dịch, ngừng giao dịch kể từ ngày giao dịch thứ sáu trở đi thì giá trị thị trường là giá trị sổ sách tại ngày lập bảng cân đối kế toán gần nhất;
- Đối với các khoản đầu tư dài hạn vào tổ chức kinh tế: mức trích lập dự phòng được xác định dựa vào báo cáo tài chính tại thời điểm trích lập dự phòng của tổ chức kinh tế.

2.10 . Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay".

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

2.11 . Chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh của một năm tài chính hoặc một chu kỳ kinh doanh được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Các chi phí đã phát sinh trong năm tài chính nhưng liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các niên độ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

2.12 . Chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

2.13 . Các khoản dự phòng phải trả

Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc năm tài chính. Trong năm, Tổng Công ty áp dụng tỷ lệ trích lập dự phòng bảo hành hàng hóa từ 3% đến 5% trên giá trị hợp đồng.

Chỉ những khoản chi phí liên quan đến khoản dự phòng phải trả đã lập ban đầu mới được bù đắp bằng khoản dự phòng phải trả đó.

Khoản chênh lệch giữa số dự phòng phải trả đã lập ở năm trước chưa sử dụng hết lớn hơn số dự phòng phải trả lập ở năm báo cáo được hoàn nhập ghi giảm chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

2.14 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Tổng Công ty phát hành và sau đó mua lại. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế và trình bày trên Bảng Cân đối kế toán là một khoản ghi giảm vốn chủ sở hữu. Tổng Công ty không ghi nhận các khoản lãi (lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy cổ phiếu quỹ.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Tổng Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Tổng Công ty sau khi có Nghị quyết chia cổ tức của Đại hội đồng cổ đông Tổng Công ty, Thông báo của Hội đồng quản trị và Tổng Công ty hoàn thành việc chốt danh sách cổ đông để chi trả cổ tức.

2.15 . Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Tổng Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Tại ngày kết thúc năm tài chính, các khoản mục tiền tệ (tiền mặt, tiền gửi, tiền đang chuyển, nợ phải thu, nợ phải trả không bao gồm các khoản Người mua ứng trước và Ứng trước cho người bán, Doanh thu nhận trước) có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá bình quân của các ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty mở tài khoản công bố tại thời điểm lập Báo cáo tài chính. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính.

2.16 . Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Tổng Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Tổng Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Tổng Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn;

2.17 . Ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.18 . Các khoản thuế

Thuế hiện hành

Tài sản thuế và các khoản thuế phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc năm tính thuế.

2.19 . Các bên liên quan

Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết là các bên liên quan. Các bên liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, cần chú ý tới bản chất của mối quan hệ chứ không chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<u>31/12/2014</u>	<u>01/01/2014</u>
	VND	VND
Tiền mặt	1.258.930.321	1.453.058.964
Tiền gửi ngân hàng	157.226.155.685	74.659.477.271
Các khoản tương đương tiền	170.006.109.244	70.000.000.000
	<u><u>328.491.195.250</u></u>	<u><u>146.112.536.235</u></u>

4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	<u>31/12/2014</u>	<u>01/01/2014</u>
	VND	VND
Chứng khoán đầu tư ngắn hạn	-	24.230.756.200
Đầu tư ngắn hạn khác	281.282.221.062	338.620.742.042
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	-	(16.609.555.800)
	<u><u>281.282.221.062</u></u>	<u><u>346.241.942.442</u></u>

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAM

Số 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

Chi tiết các khoản đầu tư ngắn hạn

	31/12/2014		01/01/2014	
	Số lượng	Giá trị VND	Số lượng	Giá trị VND
Cổ phiếu đầu tư ngắn hạn		-		24.230.756.200
- Công ty CP Chế tạo Biến thế và Vật liệu điện Hà Nội	-	-	1.732.091	24.230.756.200
Tiền gửi có kỳ hạn ⁽¹⁾		147.661.751.062		160.000.272.042
Cho vay ngắn hạn ⁽²⁾		133.620.470.000		178.620.470.000
- Công ty CP Dây cáp điện Việt Nam	-	95.000.000.000	-	95.000.000.000
- Công ty CP Sản xuất và Thương mại EMIC	-	6.000.000.000	-	-
- Công ty CP Khí cụ điện 1	-	5.735.350.000	-	7.735.350.000
- Công ty CP Chế tạo Bơm Hải Dương	-	10.000.000.000	-	10.000.000.000
- Công ty CP Kinh doanh Vật tư THIBIDI	-	-	-	15.000.000.000
- Công ty CP Chế tạo Máy điện Việt Nam - Hungari	-	12.385.120.000	-	12.385.120.000
- Công ty CP Vật tư và Xây dựng Hà Nội	-	4.500.000.000	-	4.500.000.000
- Công ty CP Chế tạo Biến thế và Vật liệu điện Hà Nội	-	-	-	1.000.000.000
- Công ty CP Đầu tư Lạc Hồng	-	-	-	33.000.000.000
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn		-		(16.609.555.800)
		281.282.221.062		346.241.942.442

(1) Số dư phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn trên 03 tháng tại các Ngân hàng thương mại, với lãi suất quy định tại từng Ngân hàng ở từng thời điểm.

(2) Số dư phản ánh các khoản cho vay từ 03 tháng đến 12 tháng với lãi suất bằng với lãi suất tại các Ngân hàng thương mại mà Tổng Công ty đang giao dịch ở từng thời điểm.

5 . CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Phải thu về bảo hiểm xã hội	7.773.881	135.299.438
Phải thu về cổ tức và lợi nhuận được chia	-	2.329.786.500
Phải thu về lãi tiền gửi, lãi tiền cho vay	1.369.210.007	3.478.077.800
Phải thu Trung tâm hỗ trợ đầu tư và Phát triển khu công nghiệp Bắc Ninh về kinh phí xây dựng hạ tầng	1.000.000.000	-
Phải thu khác	239.893.621	565.144.378
	2.616.877.509	6.508.308.116

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAMSố 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

6 . HÀNG TỒN KHO

	<u>31/12/2014</u>	<u>01/01/2014</u>
	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	18.206.616.003	27.478.661.754
Công cụ, dụng cụ	2.637.759.111	1.058.820.368
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	5.311.230.912	5.568.373.585
Thành phẩm	52.603.516.822	59.633.814.801
	<u>78.759.122.848</u>	<u>93.739.670.508</u>

7 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU NHÀ NƯỚC

	<u>31/12/2014</u>	<u>01/01/2014</u>
	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	9.632.950	9.632.950
Thuế Thu nhập cá nhân	-	381.591.477
Thuế Nhà đất, Tiền thuê đất	-	280.584.000
	<u>9.632.950</u>	<u>671.808.427</u>

8 . TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC

	<u>31/12/2014</u>	<u>01/01/2014</u>
	VND	VND
Tạm ứng	2.403.780.121	1.807.815.544
Tài sản thiếu chờ xử lý	16.084.280	16.084.280
Các khoản thế chấp, ký quỹ, ký cược	22.470.000	22.470.000
	<u>2.442.334.401</u>	<u>1.846.369.824</u>

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAM

Số 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

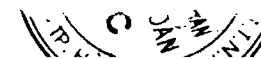
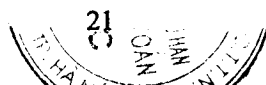
Báo cáo tài chính riêng
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

9 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá					
Tại ngày 01/01/2014	190.435.601.011	120.299.744.112	10.369.858.015	1.798.206.409	322.903.409.547
Mua sắm	-	6.534.717.093	31.500.000	-	6.566.217.093
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	894.211.553	-	-	-	894.211.553
Thanh lý, nhượng bán	-	(4.243.084.000)	(966.439.429)	-	(5.209.523.429)
Tại ngày 31/12/2014	191.329.812.564	122.591.377.205	9.434.918.586	1.798.206.409	325.154.314.764
Giá trị hao mòn lũy kế					
Tại ngày 01/01/2014	93.819.272.777	67.237.281.611	7.045.167.473	1.280.260.295	169.381.982.156
Trích khấu hao	11.550.726.519	12.162.164.473	1.381.045.727	289.688.240	25.383.624.959
Thanh lý, nhượng bán	-	(707.180.660)	(966.439.429)	-	(1.673.620.089)
Tại ngày 31/12/2014	105.369.999.296	78.692.265.424	7.459.773.771	1.569.948.535	193.091.987.026
Giá trị còn lại					
Tại ngày 01/01/2014	96.616.328.234	53.062.462.501	3.324.690.542	517.946.114	153.521.427.391
Tại ngày 31/12/2014	85.959.813.268	43.899.111.781	1.975.144.815	228.257.874	132.062.327.738

Trong đó:

- Nguyên giá tài sản cố định cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 76.449.647.841 đồng



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAM

Số 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

10 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Phần mềm máy tính VND	Cộng VND
Nguyên giá		
Tại ngày 01/01/2014	60.000.000	60.000.000
Tại ngày 31/12/2014	60.000.000	60.000.000
Giá trị hao mòn lũy kế		
Tại ngày 01/01/2014	26.666.672	26.666.672
Trích khấu hao	20.000.004	20.000.004
Tại ngày 31/12/2014	46.666.676	46.666.676
Giá trị còn lại		
Tại ngày 01/01/2014	33.333.328	33.333.328
Tại ngày 31/12/2014	13.333.324	13.333.324

11 . CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
Xây dựng cơ bản dở dang	301.443.683.009	170.216.086.250
Văn phòng - Khách sạn tại số 10 Trần Nguyên Hãn, Hà Nội	4.138.214.910	546.451.273
Trụ sở làm việc Tổng Công ty tại 52 Lê Đại Hành, Hà Nội	297.305.468.099	169.669.634.977
Mua sắm tài sản cố định	-	10.394.413
Máy quần dây	-	10.394.413
Sửa chữa lớn tài sản cố định	-	22.053.012
Cổng Tổng Công ty	-	22.053.012
	301.443.683.009	170.248.533.675

12 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
Đầu tư vào công ty con	595.712.034.099	646.117.034.099
Công ty CP Dây cáp điện Việt Nam	220.957.490.174	220.957.490.174
Công ty CP Thiết bị điện	92.462.038.822	92.462.038.822
Công ty CP Chế tạo Điện cơ Hà Nội	214.009.733.181	264.414.733.181
Công ty CP Sản xuất và Thương mại EMIC	5.332.103.750	5.332.103.750
Công ty CP Khí cụ điện 1	30.128.906.768	30.128.906.768
Công ty CP Thiết bị điện Việt Nam (Cambodia)	5.488.477.000	5.488.477.000
Công ty CP Chế tạo Bơm Hải Dương	27.333.284.404	27.333.284.404
Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	91.296.142.960	91.296.142.960
Công ty CP Chế tạo Máy điện Việt Nam - Hungari	16.777.167.627	16.777.167.627
Công ty CP Vật tư và Xây dựng Hà Nội	5.233.587.356	5.233.587.356
Công ty Dây đồng Việt Nam - CFT	69.285.387.977	69.285.387.977
	687.008.177.059	737.413.177.059

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAMSố 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

Đầu tư vào công ty con

Thông tin chi tiết về các công ty con của Công ty vào ngày 31/12/2014 như sau:

<u>Tên công ty</u>	<u>Nơi thành lập và hoạt động</u>	<u>Tỷ lệ lợi ích</u>	<u>Tỷ lệ biểu quyết</u>	<u>Hoạt động kinh doanh chính</u>
Công ty CP Dây cáp điện Việt Nam	TP. Hồ Chí Minh	65,006%	65,006%	Sản xuất kinh doanh dây và cáp điện
Công ty CP Thiết bị điện	Tỉnh Đồng Nai	65,16%	65,16%	Sản xuất, chế tạo, kinh doanh thiết bị điện
Công ty CP Chế tạo Điện cơ Hà Nội	TP. Hà Nội	65,84%	65,84%	Sản xuất, chế tạo, kinh doanh thiết bị điện
Công ty CP Sản xuất và Thương mại EMIC	TP. Hà Nội	51,00%	51,00%	Sản xuất, chế tạo, kinh doanh thiết bị điện
Công ty CP Khí cụ điện 1	TP. Hà Nội	51,03%	51,03%	Sản xuất, chế tạo, kinh doanh thiết bị điện
Công ty CP Thiết bị điện Việt Nam (Cambodia)	Phnom Penh, Campuchia	100,00%	100,00%	Kinh doanh, phân phối sản phẩm thiết bị điện
Công ty CP Chế tạo Bơm Hải Dương	Tỉnh Hải Dương	65,02%	65,02%	Sản xuất, chế tạo, kinh doanh máy bơm

Trong năm Công ty thực hiện giảm vốn đầu tư tại Công ty Cổ phần Chế tạo Điện cơ Hà Nội, cụ thể:

- Về số lượng: 5.000.000 cổ phiếu
- Về giá trị: 50.405.000.000 đồng

Đầu tư vào công ty liên kết

Thông tin chi tiết về các công ty liên kết của Công ty vào ngày 31/12/2014 như sau:

<u>Tên công ty</u>	<u>Nơi thành lập và hoạt động</u>	<u>Tỷ lệ lợi ích</u>	<u>Tỷ lệ biểu quyết</u>	<u>Hoạt động kinh doanh chính</u>
Công ty CP Chế tạo Máy điện Việt Nam - Hungari	TP. Hà Nội	34,27%	34,27%	Sản xuất, chế tạo, kinh doanh thiết bị điện
Công ty CP Vật tư và Xây dựng Hà Nội	TP. Hà Nội	45,00%	45,00%	Xây dựng dân dụng và công nghiệp

Đầu tư vào công ty liên doanh

Thông tin chi tiết về các công ty liên doanh của Công ty vào ngày 31/12/2014 như sau:

<u>Tên công ty</u>	<u>Nơi thành lập và hoạt động</u>	<u>Tỷ lệ lợi ích</u>	<u>Tỷ lệ biểu quyết</u>	<u>Hoạt động kinh doanh chính</u>
Công ty Dây đồng Việt Nam - CFT	Tỉnh Đồng Nai	36,35%	36,35%	Sản xuất dây đồng và dây đồng tráng thiếc

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAMSố 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

13 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	792.317.839	1.396.379.108
Chi phí sửa chữa lớn TSCĐ chờ phân bổ	261.480.084	616.609.922
Chi phí xây dựng hạ tầng và san nền	12.001.250.757	11.088.358.801
Chi phí thuê đất	7.786.080.672	7.983.015.636
Chi phí trả trước dài hạn khác	609.325.744	114.034.444
	21.450.455.096	21.198.397.911

14 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	23.726.493.271	12.097.843.548
Thuế Thu nhập cá nhân	231.457.860	-
Thuế Nhà đất, Tiền thuê đất	73.312.920	-
	24.031.264.051	12.097.843.548

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

15 . CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	909.187.198	3.771.192.748
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	57.982.600	-
Phải trả cổ tức cho cổ đông	808.210.000	28.940.000
Đặt cọc thực hiện dự án Trụ sở số 10 Trần Nguyên Hãn, Hà Nội	20.000.000.000	20.000.000.000
Thuế thu nhập cá nhân thu thừa của cán bộ nhân viên	671.294.967	1.133.046.560
Phải trả Tổng Công ty Đầu tư và kinh doanh vốn Nhà nước	36.964.348.246	-
Phải trả, phải nộp khác	110.266.735	872.567.068
	59.521.289.746	25.805.746.376

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAM

Số 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

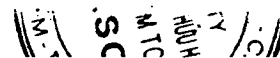
16 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Năm 2013						
Tại ngày 01/01/2013	1.400.000.000.000	-	-	2.000.000.000	179.785.793.611	1.581.785.793.611
Lãi trong năm	-	-	-	-	220.637.678.359	220.637.678.359
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	2.000.000.000	(176.895.000.000)	(174.895.000.000)
Mua cổ phiếu quỹ	-	(5.025.000.000)	-	-	-	(5.025.000.000)
Tại ngày 31/12/2013	1.400.000.000.000	(5.025.000.000)	-	4.000.000.000	223.528.471.970	1.622.503.471.970
Năm 2014						
Tại ngày 01/01/2014	1.400.000.000.000	(5.025.000.000)	-	4.000.000.000	223.528.471.970	1.622.503.471.970
Lãi trong năm	-	-	-	-	231.033.049.379	231.033.049.379
Phân phối lợi nhuận	-	-	22.000.000.000	6.500.000.000	(212.000.000.000)	(183.500.000.000)
Tại ngày 31/12/2014	1.400.000.000.000	(5.025.000.000)	22.000.000.000	10.500.000.000	242.561.521.349	1.670.036.521.349

Theo Nghị quyết của Đại Hội đồng cổ đông số 07/THBDVN/NQ-ĐHCĐ ngày 28 tháng 04 năm 2014, Tổng Công ty công bố việc phân phối lợi nhuận năm 2013 như sau:

	Tỷ lệ	Số tiền
	%	VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	100,00%	220.637.678.359
Trích Quỹ đầu tư phát triển	9,97%	22.000.000.000
Trích Quỹ dự phòng tài chính	2,95%	6.500.000.000
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	6,80%	15.000.000.000
Trích Quỹ thưởng Ban điều hành	0,50%	1.100.000.000
Chi trả cổ tức (bằng 12% vốn điều lệ)	75,87%	167.400.000.000
Lợi nhuận chưa phân phối	3,91%	8.637.678.359



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAM

Số 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Tỷ lệ (%)	31/12/2014 VND	Tỷ lệ (%)	01/01/2014 VND
Vốn góp của Nhà nước (SCIC)	87,17%	1.220.448.000.000	87,17%	1.220.448.000.000
Vốn góp của cổ đông khác	12,83%	179.552.000.000	12,83%	179.552.000.000
	100%	1.400.000.000.000	100%	1.400.000.000.000

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	1.400.000.000.000	1.400.000.000.000
- <i>Vốn góp đầu năm</i>	1.400.000.000.000	1.400.000.000.000
- <i>Vốn góp cuối năm</i>	1.400.000.000.000	1.400.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	167.400.000.000	168.000.000.000
- <i>Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước</i>	167.400.000.000	168.000.000.000

d) Cổ phiếu

	31/12/2014	01/01/2014
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	140.000.000	140.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	140.000.000	140.000.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	140.000.000	140.000.000
Số lượng cổ phiếu được mua lại	500.000	500.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	500.000	500.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	139.500.000	139.500.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	139.500.000	139.500.000
Mệnh giá cổ phiếu đã lưu hành (VND)	10.000	10.000

e) Các quỹ Tổng Công ty

	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
Quỹ đầu tư phát triển	22.000.000.000	-
Quỹ dự phòng tài chính	10.500.000.000	4.000.000.000
	32.500.000.000	4.000.000.000

17 . NGUỒN KINH PHÍ

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Nguồn kinh phí còn lại đầu năm	1.472.593.940	5.950.000.000
Nguồn kinh phí được cấp trong năm	3.600.000.000	-
Chi sự nghiệp	(6.510.220.504)	(4.477.406.060)
	(1.437.626.564)	1.472.593.940

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAMSố 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

18 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Doanh thu bán thành phẩm	654.609.145.254	531.016.164.066
Doanh thu bán hàng hóa	596.436.045.751	631.023.687.812
Doanh thu cung cấp dịch vụ	32.627.460.853	32.561.143.541
	<u>1.283.672.651.858</u>	<u>1.194.600.995.419</u>

19 . CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Hàng bán bị trả lại	8.151.897.005	4.254.864.127
	<u>8.151.897.005</u>	<u>4.254.864.127</u>

20 . DOANH THU THUẦN BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Doanh thu thuần về bán thành phẩm	646.992.323.666	526.899.462.666
Doanh thu thuần về bán hàng hóa	596.383.495.751	631.010.687.812
Doanh thu thuần về cung cấp dịch vụ	32.144.935.436	32.435.980.814
	<u>1.275.520.754.853</u>	<u>1.190.346.131.292</u>

21 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Giá vốn của thành phẩm đã bán	438.636.109.661	389.090.437.048
Giá vốn của hàng hóa đã bán	589.205.997.166	622.234.812.096
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	17.321.693.507	14.240.062.486
	<u>1.045.163.800.334</u>	<u>1.025.565.311.630</u>

22 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay vốn	26.978.035.178	52.461.217.996
Lãi từ thanh lý khoản đầu tư dài hạn	595.000.000	-
Cổ tức, lợi nhuận được chia	124.450.799.773	121.120.766.760
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	171.074.430	4.614.832
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	2.874.061	1.943.748
	<u>152.197.783.442</u>	<u>173.588.543.336</u>

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAM

Số 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

23 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Lãi tiền vay	194.258.129	3.636.217.090
Lỗ do thanh lý khoản đầu tư ngắn hạn	1.713.573.200	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	571.284.203	371.596.055
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	1.030.579	2.874.807
Dự phòng/hoàn nhập dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	(16.609.555.800)	1.558.881.900
Chi phí tài chính khác	270.740.000	295.533.332
	(13.858.669.689)	5.865.103.184

24 . CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu, đồ dùng	14.251.134.052	11.324.122.105
Chi phí nhân công	975.690.496	470.718.236
Chi phí bảo hành	2.240.120.957	2.988.331.255
Chi phí dịch vụ mua ngoài	13.372.150.477	10.297.553.835
Chi phí khác bằng tiền	2.351.985.930	1.894.901.017
	33.191.081.912	26.975.626.448

25 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu, đồ dùng	2.128.137.241	6.143.350.851
Chi phí nhân công	21.353.437.286	16.302.141.805
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.862.719.837	2.377.757.013
Thuế, phí, lệ phí	5.932.796.201	4.421.822.201
Chi phí dự phòng	6.146.690.625	6.259.364.465
- Trích quỹ Phát triển khoa học và công nghệ	4.000.000.000	-
- Trích quỹ dự phòng tiền lương	6.320.587.755	-
- Trích dự phòng nợ phải thu khó đòi	(4.173.897.130)	6.259.364.465
Chi phí dịch vụ mua ngoài	7.638.151.675	993.057.056
Chi phí khác bằng tiền	10.209.496.680	14.168.351.459
	55.271.429.545	50.665.844.850

26 . THU NHẬP KHÁC

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Thu nhập từ thanh lý tài sản	4.062.985.043	-
Thu nhập khác	187.619.655	44.654.148
	4.250.604.698	44.654.148

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAM

Số 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

27 . CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Chi phí thanh lý tài sản	3.535.903.340	-
Chi phí lãi chậm nộp phải trả	36.964.348.246	-
Chi phí khác	216.452.840	684.118.739
	40.716.704.426	684.118.739

28 . THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	271.484.796.465	254.223.323.925
Các khoản điều chỉnh tăng	38.170.727.727	1.240.025.100
- Chi phí không hợp lệ	38.170.727.727	1.240.025.100
Các khoản điều chỉnh giảm	(124.743.717.327)	(121.120.766.760)
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	(124.450.799.773)	(121.120.766.760)
- Các khoản đã nộp theo BB thanh tra thuế	(292.917.554)	-
Tổng thu nhập tính thuế	184.911.806.865	134.342.582.265
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	22%	25%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế và thuế suất hiện hành	40.680.597.510	33.585.645.566
Chi phí thuế TNDN điều chỉnh giảm của năm 2013 (25%)	(228.850.424)	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	40.451.747.086	33.585.645.566
Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước vào thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp năm nay	156.733.646	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu năm	12.097.843.548	12.621.735.897
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong năm	(28.979.831.009)	(34.109.537.915)
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp cuối năm	23.726.493.271	12.097.843.548

29 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	384.128.329.377	348.216.148.793
Chi phí nhân công	74.046.192.496	59.839.414.612
Chi phí khấu hao tài sản cố định	25.403.624.963	25.508.080.481
Chi phí dịch vụ mua ngoài	27.081.318.263	23.177.347.270
Chi phí khác bằng tiền	27.614.158.901	24.230.979.676
	538.273.624.000	480.971.970.832

30 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

	Giá trị sổ kế toán			
	31/12/2014		01/01/2014	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	328.491.195.250	-	146.112.536.235	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	269.527.234.294	(7.250.060.800)	243.255.968.575	(11.423.957.930)
Các khoản cho vay	281.282.221.062	-	338.620.742.042	-
Đầu tư ngắn hạn	-	-	24.230.756.200	(16.609.555.800)
	879.300.650.606	(7.250.060.800)	752.220.003.052	(28.033.513.730)

	Giá trị sổ kế toán	
	31/12/2014 VND	01/01/2014* VND
Nợ phải trả tài chính		
Phải trả người bán, phải trả khác	267.790.000.678	240.267.598.802
Chi phí phải trả	388.000.000	334.000.000
	268.178.000.678	240.601.598.802

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Tổng Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Tổng Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Giám đốc Tổng Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá, tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Rủi ro về giá:

Tổng Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu ngắn hạn và dài hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư. Các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn được nắm giữ với mục đích chiến lược lâu dài, tại thời điểm kết thúc năm tài chính Tổng Công ty chưa có kế hoạch bán các khoản đầu tư này.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAMSố 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Tổng Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản doanh thu và chi phí của Tổng Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

Rủi ro về lãi suất:

Tổng Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Tổng Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Tổng Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Tổng Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Tổng Công ty. Tổng Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 31/12/2014				
Tiền và các khoản tương đương tiền	328.491.195.250	-	-	328.491.195.250
Phải thu khách hàng, phải thu khác	262.277.173.494	-	-	262.277.173.494
Các khoản cho vay	281.282.221.062	-	-	281.282.221.062
	<u>872.050.589.806</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>872.050.589.806</u>
Tại ngày 01/01/2014				
Tiền và các khoản tương đương tiền	146.112.536.235	-	-	146.112.536.235
Phải thu khách hàng, phải thu khác	231.832.010.645	-	-	231.832.010.645
Các khoản cho vay	338.620.742.042	-	-	338.620.742.042
Đầu tư ngắn hạn	7.621.200.400	-	-	7.621.200.400
	<u>724.186.489.322</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>724.186.489.322</u>

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Tổng Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Tổng Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAMSố 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính riêng**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 31/12/2014				
Phải trả người bán, phải trả khác	263.092.421.016	4.697.579.662	-	267.790.000.678
Chi phí phải trả	388.000.000	-	-	388.000.000
	<u>263.480.421.016</u>	<u>4.697.579.662</u>	<u>-</u>	<u>268.178.000.678</u>
Tại ngày 01/01/2014				
Phải trả người bán, phải trả khác	238.681.964.810	1.585.633.992	-	240.267.598.802
Chi phí phải trả	334.000.000	-	-	334.000.000
	<u>239.015.964.810</u>	<u>1.585.633.992</u>	<u>-</u>	<u>240.601.598.802</u>

Tổng Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Tổng Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

31 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAM

Số 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

32 . BÁO CÁO BỘ PHẬN

Theo lĩnh vực kinh doanh

	Hoạt động sản xuất	Hoạt động thương mại	Hoạt động cung cấp dịch vụ	Tổng cộng các bộ phận	Loại trừ	Tổng cộng toàn doanh nghiệp
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	646.992.323.666	596.383.495.751	32.144.935.436	1.275.520.754.853	-	1.275.520.754.853
Chi phí bộ phận trực tiếp	438.636.109.661	589.205.997.166	17.321.693.507	1.045.163.800.334	-	1.045.163.800.334
Chi phí không phân bổ	-	-	-	-	-	-
Lợi nhuận gộp từ hoạt động kinh doanh	208.356.214.005	7.177.498.585	14.823.241.929	230.356.954.519	-	230.356.954.519
Tổng chi phí mua tài sản cố định	-	-	-	6.566.217.093	-	6.566.217.093
Tài sản bộ phận trực tiếp	171.118.673.231	186.357.820.038	21.564.611.175	379.041.104.444	-	379.041.104.444
Tài sản không phân bổ	-	-	-	1.729.397.713.138	-	1.729.397.713.138
Tổng tài sản	171.118.673.231	186.357.820.038	21.564.611.175	2.108.438.817.582	-	2.108.438.817.582
Nợ phải trả bộ phận trực tiếp	115.625.534.687	132.189.596.599	57.838.398.293	305.653.529.579	-	305.653.529.579
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	131.495.190.441	-	131.495.190.441
Tổng nợ phải trả	115.625.534.687	132.189.596.599	57.838.398.293	437.148.720.020	-	437.148.720.020

Theo khu vực địa lý

Hơn 90% hoạt động của Tổng Công ty diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam, do đó Tổng Công ty không lập báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAM

Số 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

33 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong năm, Tổng Công ty có giao dịch với các bên liên quan như sau:

	<u>Mối quan hệ</u>	<u>Năm 2014</u> VND	<u>Năm 2013</u> VND
Doanh thu			
Công ty CP Dây cáp điện Việt Nam	Công ty con	568.343.486.184	602.855.524.918
Công ty CP Thiết bị điện	Công ty con	18.661.045.750	13.321.057.550
Công ty CP Chế tạo Điện cơ Hà Nội	Công ty con	6.071.904.320	7.976.097.440
Công ty CP Sản xuất và Thương mại EMIC	Công ty con	42.222.892.357	70.104.049.074
Công ty CP Khí cụ điện 1	Công ty con	3.084.846.000	-
Công ty CP Thiết bị điện Việt Nam - Cambodia	Công ty con	12.130.164.443	11.674.452.326
Công ty CP Kinh doanh Vật tư Thibidi	(*)	37.367.567.400	30.998.023.200
Công ty CP Vật tư và Xây dựng Hà Nội	Công ty liên kết	1.936.141.500	3.084.318.500
Công ty Dây đồng Việt Nam CFT	Công ty liên doanh	460.799.962	456.436.326
Mua hàng			
Công ty CP Dây cáp điện Việt Nam	Công ty con	3.848.145.349	11.084.881.760
Công ty CP Thiết bị điện	Công ty con	32.748.000	-
Công ty CP Chế tạo Điện cơ Hà Nội	Công ty con	422.308.000	16.311.122.853
Công ty CP Sản xuất và Thương mại EMIC	Công ty con	68.869.011.594	55.807.662.394
Công ty CP Khí cụ điện 1	Công ty con	16.999.000	227.351.470
Công ty CP Chế tạo Máy điện Việt Nam - Hungari	Công ty liên kết	-	6.247.720.765
Công ty Dây đồng Việt Nam CFT	Công ty liên doanh	524.842.290.810	689.495.349.870
Cho vay vốn			
Công ty CP Sản xuất và Thương mại EMIC	Công ty con	6.000.000.000	-
Lãi cho vay vốn			
Công ty CP Dây cáp điện Việt Nam	Công ty con	5.937.500.000	7.243.750.000
Công ty CP Thiết bị điện	Công ty con	-	3.090.895.556
Công ty CP Chế tạo Điện cơ Hà Nội	Công ty con	-	1.631.728.250
Công ty CP Sản xuất và Thương mại EMIC	Công ty con	282.833.333	-
Công ty CP Khí cụ điện 1	Công ty con	432.415.267	521.487.105
Công ty CP Chế tạo Bơm Hải Dương	Công ty con	625.000.000	770.833.000
Công ty CP Kinh doanh Vật tư Thibidi	(*)	229.055.556	-
Công ty CP Cơ điện Hà Nội	(*)	-	47.625.000
Công ty CP Chế tạo Máy điện Việt Nam - Hungari	Công ty liên kết	774.070.000	818.152.800
Công ty CP Vật tư và Xây dựng Hà Nội	Công ty liên kết	281.250.000	343.125.000
Cổ tức, lợi nhuận được chia			
Công ty CP Dây cáp điện Việt Nam	Công ty con	56.165.472.000	46.492.983.000
Công ty CP Thiết bị điện	Công ty con	19.548.160.000	15.638.528.000
Công ty CP Chế tạo Điện cơ Hà Nội	Công ty con	29.720.250.000	33.893.860.000
Công ty CP Sản xuất và Thương mại EMIC	Công ty con	816.000.000	-
Công ty CP Khí cụ điện 1	Công ty con	3.470.080.000	3.470.080.000
Công ty CP Chế tạo Bơm Hải Dương	Công ty con	2.092.717.667	-
Công ty CP Chế tạo Máy điện Việt Nam - Hungari	Công ty liên kết	2.086.980.000	2.385.120.000
Công ty CP Vật tư và Xây dựng Hà Nội	Công ty liên kết	450.000.000	450.000.000
Công ty Dây đồng Việt Nam CFT	Công ty liên doanh	10.101.140.106	6.965.299.760

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAM

Số 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính riêng
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

Số dư với các bên liên quan tại ngày kết thúc năm tài chính:

	Mối quan hệ	31/12/2014	01/01/2014
		VND	VND
Phải thu tiền bán hàng hóa, dịch vụ			
Công ty CP Dây cáp điện Việt Nam	Công ty con	21.557.796.014	75.870.960.286
Công ty CP Thiết bị điện	Công ty con	2.001.574.300	3.733.134.702
Công ty CP Chế tạo Điện cơ Hà Nội	Công ty con	1.565.800.720	824.230.751
Công ty CP Sản xuất và Thương mại EMIC	Công ty con	15.094.288.769	12.691.702.748
Công ty CP Khí cụ điện 1	Công ty con	756.079.500	255.872.683
Công ty CP Thiết bị điện Việt Nam - Cambodia	Công ty con	24.502.388.331	20.345.878.080
Công ty CP Kinh doanh Vật tư Thibidi	(*)	2.321.965.404	3.640.328.074
Công ty CP Vật tư và Xây dựng Hà Nội	Công ty liên kết	3.201.857.600	3.172.101.950
Phải trả tiền mua hàng hóa, dịch vụ			
Công ty CP Dây cáp điện Việt Nam	Công ty con	2.803.518.189	11.335.063.865
Công ty CP Thiết bị điện	Công ty con	36.022.800	-
Công ty CP Sản xuất và Thương mại EMIC	Công ty con	5.788.198.376	-
Công ty CP Chế tạo Máy điện Việt Nam - Hungari	Công ty liên kết	-	5.457.237
Công ty Dây đồng Việt Nam CFT	Công ty liên doanh	110.165.974.693	166.115.015.159
Phải thu vốn cho vay			
Công ty CP Dây cáp điện Việt Nam	Công ty con	95.000.000.000	95.000.000.000
Công ty CP Sản xuất và Thương mại EMIC	Công ty con	6.000.000.000	-
Công ty CP Khí cụ điện 1	Công ty con	5.735.350.000	7.735.350.000
Công ty CP Chế tạo Bơm Hải Dương	Công ty con	10.000.000.000	10.000.000.000
Công ty CP Kinh doanh Vật tư Thibidi	(*)	-	15.000.000.000
Công ty CP Chế tạo Máy điện Việt Nam - Hungari	Công ty liên kết	12.385.120.000	12.385.120.000
Công ty CP Vật tư và Xây dựng Hà Nội	Công ty liên kết	4.500.000.000	4.500.000.000
Phải thu lãi cho vay vốn			
Công ty CP Dây cáp điện Việt Nam	Công ty con	-	1.662.500.000
Công ty CP Sản xuất và Thương mại EMIC	Công ty con	175.500.000	-
Công ty CP Chế tạo Điện cơ Hà Nội	Công ty con	-	175.000.000
Công ty CP Kinh doanh Vật tư Thibidi	(*)	-	262.500.000
Công ty CP Chế tạo Máy điện Việt Nam - Hungari	Công ty liên kết	1.174.265.563	405.652.800
Phải thu khác			
Công ty CP Sản xuất và Thương mại EMIC	Công ty con	129.586.149	5.964.840
Công ty CP Chế tạo Máy điện Việt Nam - Hungari	Công ty liên kết	1.000.000	1.000.000

(*) Đây là các công ty con mà Tổng Công ty sở hữu gián tiếp thông qua các công ty con khác.

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc và Hội đồng Quản trị	4.310.500.000	4.066.000.000

34 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013, đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán.

Một số chỉ tiêu trên thuyết minh số 29 - Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố đã được phân loại lại cho phù hợp để so sánh với số liệu năm nay.

	Phân loại và trình bày lại	Đã trình bày trên báo cáo năm trước
	VND	VND
Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố	480.971.970.832	480.971.970.832
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	348.216.148.793	390.842.535.860
Chi phí nhân công	59.839.414.612	33.054.256.714
Chi phí khấu hao tài sản cố định	25.508.080.481	10.644.931.504
Chi phí dịch vụ mua ngoài	23.177.347.270	20.965.415.199
Chi phí khác bằng tiền	24.230.979.676	25.464.831.555



[Handwritten signature]

[Handwritten signature]

[Handwritten signature]

Đoàn Thị Lan Phương
Người lập

Phạm Tuấn Anh
Kế toán trưởng

Nguyễn Trọng Tiểu
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 28 tháng 02 năm 2015



BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAM

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

(đã được kiểm toán)

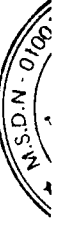
BẢN SÁC

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAM

Số 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02-03
Báo cáo kiểm toán độc lập	04-05
Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán	06-41
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	06-08
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	09
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	10-41
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	12-41



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAM

Số 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị điện Việt Nam (sau đây gọi tắt là "Tổng Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014.

CÔNG TY

Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị điện Việt Nam được chuyển đổi từ doanh nghiệp Nhà nước - Tổng Công ty Thiết bị điện Việt Nam theo Quyết định số 1422/QĐ-TTg ngày 10 tháng 08 năm 2010 của Thủ tướng Chính Phủ, hoạt động theo Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0100100512 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 01 tháng 12 năm 2010, đăng ký thay đổi lần thứ 2 ngày 27 tháng 07 năm 2011.

Trụ sở của Tổng Công ty tại: Số 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Hoa Cương	Chủ tịch	
Ông Nguyễn Trọng Tiểu	Thành viên	
Ông Phạm Mạnh Hà	Thành viên	Bỏ nhiệm ngày 01/12/2014
Ông Trần Ngọc Minh	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 01/01/2014
Ông Đỗ Văn Chính	Thành viên	
Bà Nguyễn Thị Bích Ngọc	Thành viên	

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Tổng Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Trọng Tiểu	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Tiến Vinh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Đỗ Văn Chính	Phó Tổng Giám đốc
Ông Phạm Tuấn Anh	Giám đốc Tài chính kiêm Kế toán trưởng

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Bà Nguyễn Thị Thanh Yên	Trưởng ban
Bà Trương Thị Hương Lan	Thành viên
Ông Bạch Thành Nam	Thành viên

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính hợp nhất cho Tổng Công ty.



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAM

Số 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Tổng Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính hợp nhất, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Tổng Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất;
- Lập các Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Tổng Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Tổng Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Tổng Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2014, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014, phù hợp với Chuẩn mực, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Tổng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 52/2012/TT-BTC ngày 05 tháng 04 năm 2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Nguyễn Trọng Tiểu
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 28 tháng 02 năm 2015

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị điện Việt Nam**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị điện Việt Nam được lập ngày 28 tháng 02 năm 2015, từ trang 06 đến trang 41, bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 và Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị điện Việt Nam tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC



SAO Y BẢN CHÍNH

Ngày 18 tháng 8... năm 2016

Nguyễn Thanh Tùng

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 0063-2013-002-1

Vũ Xuân Biền

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 0743-2013-002-1

Hà Nội, ngày 25 tháng 03 năm 2015

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC



Cát Thị Hà

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2014	01/01/2014
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		3.466.217.585.478	3.204.004.185.828
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	770.927.664.834	494.352.346.689
111	1. Tiền		340.160.278.936	255.735.206.138
112	2. Các khoản tương đương tiền		430.767.385.898	238.617.140.551
120	II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	4	288.210.857.173	277.546.592.442
121	1. Đầu tư ngắn hạn		288.210.857.173	294.156.148.242
129	2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn		-	(16.609.555.800)
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		937.600.947.599	1.089.838.390.170
131	1. Phải thu của khách hàng		914.121.519.657	1.026.964.385.967
132	2. Trả trước cho người bán		57.343.228.502	93.383.285.900
135	5. Các khoản phải thu khác	5	17.766.123.471	18.331.434.065
139	6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(51.629.924.031)	(48.840.715.762)
140	IV. Hàng tồn kho	6	1.378.861.337.210	1.291.572.470.666
141	1. Hàng tồn kho		1.387.600.833.410	1.293.910.832.046
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(8.739.496.200)	(2.338.361.380)
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		90.616.778.662	50.694.385.861
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		2.380.796.252	1.913.656.781
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		18.802.545.278	19.480.327.919
154	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	7	1.022.960.550	677.639.585
158	5. Tài sản ngắn hạn khác	8	68.410.476.582	28.622.761.576
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		1.682.298.233.075	1.532.792.407.103
220	II. Tài sản cố định		1.087.635.928.969	934.063.765.879
221	1. Tài sản cố định hữu hình	9	675.109.785.964	665.097.613.550
222	- Nguyên giá		1.512.780.293.213	1.401.564.230.025
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(837.670.507.249)	(736.466.616.475)
227	3. Tài sản cố định vô hình	10	74.955.415.058	75.255.535.032
228	- Nguyên giá		84.863.183.598	83.777.511.230
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(9.907.768.540)	(8.521.976.198)
230	4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	11	337.570.727.947	193.710.617.297
250	IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	12	459.197.945.594	467.069.085.101
252	2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh		449.133.104.318	456.459.772.656
258	3. Đầu tư dài hạn khác		11.049.239.076	11.915.508.445
259	4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn		(984.397.800)	(1.306.196.000)
260	V. Tài sản dài hạn khác		135.464.358.512	131.659.556.123
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	13	123.442.256.767	120.618.018.136
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	30.2	3.956.053.745	2.975.489.987
268	3. Tài sản dài hạn khác		8.066.048.000	8.066.048.000
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		5.148.515.818.553	4.736.796.592.931

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2014	01/01/2014
			VND	VND
300	A. NỢ PHẢI TRẢ		2.407.699.506.770	2.202.869.076.920
310	I. Nợ ngắn hạn		2.235.818.313.682	2.073.644.434.519
311	1. Vay và nợ ngắn hạn	14	806.250.113.649	742.819.840.708
312	2. Phải trả người bán		576.964.314.072	582.868.138.493
313	3. Người mua trả tiền trước		118.621.678.224	72.637.780.635
314	4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	15	52.288.685.558	56.086.023.689
315	5. Phải trả người lao động		143.747.897.589	113.550.404.807
316	6. Chi phí phải trả	16	86.709.024.960	95.285.536.955
319	9. Các khoản phải trả, phải nộp khác	17	331.333.663.527	361.232.297.840
320	10. Dự phòng phải trả ngắn hạn		77.455.883.215	18.638.353.874
323	11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		42.447.052.888	30.526.057.518
330	II. Nợ dài hạn		171.881.193.088	129.224.642.401
333	3. Phải trả dài hạn khác		7.597.579.662	4.285.633.992
334	4. Vay và nợ dài hạn	18	28.380.689.000	42.825.353.442
335	5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	30.2	528.689.079	495.237.785
336	6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm		9.341.513.562	-
337	7. Dự phòng phải trả dài hạn		34.139.544.070	32.014.454.211
338	8. Doanh thu chưa thực hiện		68.380.492.173	42.104.962.971
339	9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ		23.512.685.542	7.499.000.000
400	B. VỐN CHỦ SỞ HỮU		2.191.952.585.183	2.082.554.279.301
410	I. Vốn chủ sở hữu	19	2.180.949.189.408	2.079.711.328.245
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		1.400.000.000.000	1.400.000.000.000
413	3. Vốn khác của chủ sở hữu		47.513.826.624	47.513.826.624
414	4. Cổ phiếu quỹ		(5.025.000.000)	(5.025.000.000)
416	6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái		960.044.030	819.607.405
417	7. Quỹ đầu tư phát triển		60.910.599.947	30.075.806.000
418	8. Quỹ dự phòng tài chính		46.952.150.962	34.504.658.743
419	9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		198.392.508	186.096.715
420	10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		629.439.175.337	571.636.332.758
430	II. Nguồn kinh phí và quỹ khác		11.003.395.775	2.842.951.056
432	1. Nguồn kinh phí		1.857.403.945	1.723.020.735
433	2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ		9.145.991.830	1.119.930.321
439	C. LỢI ÍCH CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ		548.863.726.600	451.373.236.710
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		5.148.515.818.553	4.736.796.592.931

105
NG T
NH IEM
G KIP
A/
DAN

5 - C T
TY
HIU HAI
EM TOA
ASC
EM - IV

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

CHỈ TIÊU	31/12/2014	01/01/2014
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công	11.336.052.670	14.975.717.710
4. Nợ khó đòi đã xử lý	9.524.621.748	9.630.621.748
5. Ngoại tệ các loại		
- Đồng đô la Mỹ (USD)	3.117.490,89	966.548,67
- Đồng Bảng Anh (GBP)	196,59	196,59
- Đồng Krone Đan Mạch (DKK)	1.923,75	1.923,75
- Đồng Euro (EUR)	3.385,48	630,91
- Đồng đô la Úc (AUD)	250,00	150,00
- Đồng Yên Nhật (JPY)	33.000,00	33.000,00
- Đồng Reil Cambodia (Reil)	914.100,19	33.000,00

Đoàn Thị Lan Phương
Người lập

Phạm Tuấn Anh
Kế toán trưởng



Nguyễn Trọng Tiêu
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 28 tháng 02 năm 2015

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Năm 2014

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2014	Năm 2013
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	20	9.317.276.336.021	7.397.259.851.934
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	21	582.253.464.449	9.176.667.179
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	22	8.735.022.871.572	7.388.083.184.755
11	4. Giá vốn hàng bán	23	7.480.197.065.732	6.328.873.326.859
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		1.254.825.805.840	1.059.209.857.896
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	24	62.602.582.164	52.925.442.017
22	7. Chi phí tài chính	25	63.051.135.790	105.276.658.262
23	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>		66.136.795.496	92.961.435.440
24	8. Chi phí bán hàng	26	349.596.040.220	253.093.440.008
25	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	27	344.502.283.936	294.157.757.185
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		560.278.928.058	459.607.444.458
31	11. Thu nhập khác	28	13.964.037.229	14.182.134.109
32	12. Chi phí khác	29	45.217.324.768	5.555.037.796
40	13. Lợi nhuận khác		(31.253.287.539)	8.627.096.313
45	14. Phần lãi (lỗ) trong công ty liên kết, liên doanh		44.203.620.719	66.971.461.804
50	15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		573.229.261.238	535.206.002.575
51	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	30.1	125.951.156.146	122.340.415.219
52	17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	30.2	(947.112.464)	1.255.682.877
60	18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		448.225.217.556	411.609.904.479
61	18.1. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số		129.793.140.697	102.056.549.097
62	18.2. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ		<u>318.432.076.859</u>	<u>309.553.355.382</u>
70	19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	31	2.283	2.215

[Signature]

[Signature]

Đoàn Thị Lan Phương
Người lập

Phạm Tuấn Anh
Kế toán trưởng

Nguyễn Trọng Tiêu
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 28 tháng 02 năm 2015

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤTNăm 2014
(Theo phương pháp trực tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2014	Năm 2013
			VND	VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
01	1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác		9.796.255.004.750	7.999.715.372.562
02	2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ		(8.486.171.182.758)	(6.892.339.238.809)
03	3. Tiền chi trả cho người lao động		(435.101.169.891)	(382.475.129.152)
04	4. Tiền chi trả lãi vay		(68.788.762.134)	(92.208.666.616)
05	5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp		(126.701.164.385)	(109.930.530.076)
06	6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		225.290.670.284	231.036.281.931
07	7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(348.889.057.227)	(541.859.920.010)
20	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>		<i>555.894.338.639</i>	<i>211.938.169.830</i>
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(185.285.793.108)	(202.355.488.385)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		8.016.582.285	4.766.662.300
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(231.098.759.131)	(274.271.523.924)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		213.679.563.369	379.269.800.301
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	(72.180.179.404)
26	6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		73.517.183.000	27.265.121.600
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		56.945.799.568	50.791.125.359
30	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>		<i>(64.225.424.017)</i>	<i>(86.714.482.153)</i>
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
32	2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành		-	(5.025.000.000)
33	3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được		2.221.336.348.285	2.233.157.511.989
34	4. Tiền chi trả nợ gốc vay		(2.270.321.956.784)	(2.277.885.260.144)
36	6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(166.620.730.000)	(286.031.320.000)
40	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>		<i>(215.606.338.499)</i>	<i>(335.784.068.155)</i>
50	<i>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</i>		<i>276.062.576.123</i>	<i>(210.560.380.478)</i>

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Năm 2014
(Theo phương pháp trực tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2014	Năm 2013
			VND	VND
60	Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm		494.352.346.689	704.858.745.045
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		512.742.022	53.982.122
70	Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm	3	<u>770.927.664.834</u>	<u>494.352.346.689</u>

Đoàn Thị Lan Phương
Người lập

Phạm Tuấn Anh
Kế toán trưởng



Nguyễn Trọng Tiêu
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 28 tháng 02 năm 2015

05 -
CÔNG TY
THÊM NHẬP
KIỂM
AAS
N KIẾ



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2014

1 . THÔNG TIN CHUNG

1.1 . Hình thức sở hữu vốn

Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị điện Việt Nam được chuyển đổi từ doanh nghiệp Nhà nước - Tổng Công ty Thiết bị điện Việt Nam theo Quyết định số 1422/QĐ-TTg ngày 10 tháng 08 năm 2010 của Thủ tướng Chính Phủ, hoạt động theo Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0100100512 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 01 tháng 12 năm 2010, đăng ký thay đổi lần thứ 2 ngày 27 tháng 07 năm 2011.

Trụ sở của Tổng Công ty tại: Số 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội.

Vốn điều lệ của Công ty đến ngày 31 tháng 12 năm 2014 là 1.400.000.000.000 đồng; tương đương 140.000.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Các đơn vị trực thuộc của Công ty như sau:

Tên đơn vị	Nơi thành lập và hoạt động	Hoạt động kinh doanh chính
Khách sạn Bình Minh - Hà Nội	TP. Hà Nội	Kinh doanh khách sạn

Các công ty con do Công ty sở hữu trực tiếp được hợp nhất báo cáo tài chính tại thời điểm 31/12/2014 như sau:

Tên công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty CP Dây cáp điện Việt Nam	TP. Hồ Chí Minh	65,09%	65,26%	Sản xuất kinh doanh dây cáp điện, khí cụ điện
Công ty CP Thiết bị điện	Tỉnh Đồng Nai	65,16%	65,16%	Sản xuất, chế tạo, kinh doanh thiết bị điện
Công ty CP Chế tạo Điện cơ Hà Nội	TP. Hà Nội	66,04%	65,52%	Sản xuất, chế tạo, kinh doanh thiết bị điện
Công ty CP Sản xuất và Thương mại Emic	TP. Hà Nội	51,00%	51,00%	Sản xuất, chế tạo, kinh doanh thiết bị điện
Công ty CP Khí Cụ điện 1	TP. Hà Nội	51,03%	51,03%	Sản xuất, chế tạo, kinh doanh thiết bị điện
Công ty CP Thiết bị điện Việt Nam (Cambodia)	Phnom Penh, Campuchia	100,00%	100,00%	Kinh doanh, phân phối sản phẩm thiết bị điện
Công ty CP Chế tạo Bơm Hải Dương	Tỉnh Hải Dương	65,02%	65,02%	Sản xuất, chế tạo, kinh doanh máy bơm

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAMSố 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính hợp nhất**
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

Các công ty con do Công ty sở hữu gián tiếp được hợp nhất báo cáo tài chính tại thời điểm 31/12/2014 như sau:

<u>Tên công ty</u>	<u>Nơi thành lập và hoạt động</u>	<u>Tỷ lệ lợi ích</u>	<u>Tỷ lệ biểu quyết</u>	<u>Hoạt động kinh doanh chính</u>
Công ty CP Kinh doanh Vật tư Thibidi	Tỉnh Đồng Nai	33,23%	51,00%	Kinh doanh, phân phối sản phẩm thiết bị điện
Công ty Liên doanh Thibidi (Cambodia)	Phnom Penh, Campuchia	53,59%	100,00%	Kinh doanh, phân phối sản phẩm thiết bị điện
Công ty CP Điện cơ Hà Nội	TP. Hồ Chí Minh	51,75%	78,48%	Sản xuất và kinh doanh sản phẩm ngành điện
Trường Cao đẳng Công nghệ Hà Nội	TP. Hà Nội	35,94%	54,59%	Đào tạo, bồi dưỡng cao đẳng và dạy nghề
Công ty TNHH Cadivi Đồng Nai	Tỉnh Đồng Nai	65,09%	100,00%	Kinh doanh, phân phối sản phẩm thiết bị điện

Các công ty liên kết, liên doanh của Công ty được kế toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu tại thời điểm 31/12/2014 như sau:

Các công ty liên kết:

Công ty CP Chế tạo Máy điện Việt Nam - Hungari

Công ty CP Vật tư và Xây dựng Hà Nội

Công ty TNHH S.A.S - CTAMAD (Tổng Công ty sở hữu gián tiếp qua Công ty CP Chế tạo Điện cơ Hà Nội).

Công ty liên doanh:

Công ty Dây đồng Việt Nam - CFT

Thông tin bổ sung về các công ty liên kết, công ty liên doanh của Công ty xem chi tiết tại Thuyết minh số 12.

1.2 . Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty gồm:

Đầu tư, quản lý vốn đầu tư và trực tiếp sản xuất kinh doanh trong các ngành nghề, lĩnh vực chính là:

- Sản xuất kinh doanh thiết bị điện dùng trong công nghiệp, nông nghiệp và dân dụng;
- Thiết kế, chế tạo, kinh doanh và sửa chữa các thiết bị đo đếm điện một pha, ba pha (có dòng điện một chiều và xoay chiều) các cấp điện áp hạ thế, trung thế và cao thế đến 220KV;
- Thi công, lắp đặt công trình đường dây, trạm biến áp đến 220KV;
- Thi công các công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp, giao thông, công trình thủy lợi;
- Kinh doanh bất động sản, dịch vụ khách sạn, du lịch và cho thuê văn phòng, nhà ở, nhà xưởng, kho bãi, kinh doanh tổ chức dịch vụ du lịch lữ hành nội địa và quốc tế;
- Kinh doanh, xuất nhập khẩu vật tư, thiết bị, phụ tùng máy móc.

Đối với các ngành nghề kinh doanh có điều kiện, doanh nghiệp chỉ được kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật.

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Tổng Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 đã được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Tổng Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

Hình thức kế toán áp dụng

Tổng Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

2.3 . Cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty được lập trên cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty và báo cáo tài chính của các công ty con do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho đến ngày 31 tháng 12 năm 2014. Việc kiểm soát đạt được khi Tổng Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Báo cáo tài chính của các công ty con được lập cho cùng năm kế toán với báo cáo tài chính của Tổng Công ty, áp dụng các chính sách kế toán nhất quán với các chính sách kế toán của Tổng Công ty. Trong trường hợp cần thiết Báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để đảm bảo tính nhất quán trong các chính sách kế toán được áp dụng tại Tổng Công ty và các công ty con.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất từ ngày mua lại hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty đó.

Các số dư, thu nhập và chi phí chủ yếu, kể cả các khoản lãi hay lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi hợp nhất Báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông thiểu số thể hiện phần lợi nhuận hoặc lỗ và tài sản thuần không nắm giữ bởi cổ đông của Tổng Công ty và được trình bày ở mục riêng trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất và Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất.

2.4 . Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Tổng Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Tổng Công ty. Trong Báo cáo tài chính hợp nhất các khoản đầu tư vào công ty liên kết được kế toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

2.5 . Góp vốn liên doanh

Các thỏa thuận góp vốn liên doanh liên quan đến việc thành lập một cơ sở kinh doanh độc lập trong đó có các bên tham gia góp vốn liên doanh được gọi là cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát. Trong báo cáo tài chính hợp nhất, các khoản đầu tư vào các liên doanh được kế toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

2.6 . Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại trên Báo cáo tài chính hợp nhất là phần phụ trội giữa mức giá mua so với phần lợi ích của Tổng Công ty trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con, công ty liên kết hoặc đơn vị góp vốn liên doanh tại ngày thực hiện nghiệp vụ đầu tư. Lợi thế thương mại được coi là một loại tài sản vô hình, được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính của lợi thế thương mại đó và không quá 10 năm.

Khi bán công ty con, công ty liên kết hoặc đơn vị góp vốn liên doanh, giá trị còn lại của khoản lợi thế thương mại chưa khấu hao hết được tính vào khoản lãi/lỗ do nghiệp vụ nhượng bán công ty tương ứng.

2.7 . Bất lợi kinh doanh

Bất lợi thương mại là phần phụ trội lợi ích của Tổng Công ty trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng đánh giá được của công ty con, công ty liên kết và đơn vị góp vốn liên doanh tại ngày diễn ra nghiệp vụ mua công ty so với mức giá mua công ty. Bất lợi thương mại được hạch toán ngay vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

2.8 . Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Tổng Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Tổng Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

2.9 . Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian đáo hạn không quá 03 tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2.10 . Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác sau khi trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản nợ phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho từng khoản phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

2.11 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang: chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo chi phí phát sinh thực tế cho từng loại sản phẩm chưa hoàn thành.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.12 . Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	20 - 25	năm
- Máy móc, thiết bị	03 - 07	năm
- Phương tiện vận tải	05 - 10	năm
- Thiết bị văn phòng, phần mềm kế toán	03 - 05	năm
- Tài sản cố định khác	03 - 05	năm
- Giá trị quyền sử dụng đất	50	năm
- Tài sản cố định vô hình khác	10 - 25	năm

2.13 . Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Kỳ phiếu, tín phiếu kho bạc, tiền gửi ngân hàng có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là "trương đương tiền";
- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm hoặc trong 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn;
- Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm hoặc hơn 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn.

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường hoặc giá trị hợp lý của chúng tại thời điểm lập dự phòng.



- Đối với các khoản đầu tư chứng khoán: nếu chứng khoán đã được niêm yết thì giá trị thị trường được tính theo giá giao dịch bình quân tại ngày trích lập dự phòng trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX) hoặc giá đóng cửa tại ngày trích lập dự phòng trên Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HSX); nếu chứng khoán đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) thì giá chứng khoán thực tế trên thị trường được xác định là giá giao dịch bình quân trên hệ thống tại ngày lập dự phòng; nếu chứng khoán chưa niêm yết và chưa đăng ký giao dịch ở thị trường giao dịch của các công ty đại chúng thì giá chứng khoán thực tế trên thị trường được xác định là giá trung bình trên cơ sở giá giao dịch được cung cấp tối thiểu bởi ba (03) công ty chứng khoán tại thời điểm lập dự phòng, trường hợp không thể xác định được giá thị trường của chứng khoán thì Công ty không trích lập dự phòng giảm giá chứng khoán. Đối với chứng khoán niêm yết bị hủy giao dịch, ngừng giao dịch kể từ ngày giao dịch thứ sáu trở đi thì giá trị thị trường là giá trị sổ sách tại ngày lập bảng cân đối kế toán gần nhất;
- Đối với các khoản đầu tư dài hạn vào tổ chức kinh tế: mức trích lập dự phòng được xác định dựa vào báo cáo tài chính tại thời điểm trích lập dự phòng của tổ chức kinh tế.

2.14 . Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

2.15 . Chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh của một năm tài chính hoặc một chu kỳ kinh doanh được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Các chi phí đã phát sinh trong năm tài chính nhưng liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các niên độ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng năm hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

2.16 . Chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

2.17 . Các khoản dự phòng phải trả

Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc năm tài chính.

Chỉ những khoản chi phí liên quan đến khoản dự phòng phải trả đã lập ban đầu mới được bù đắp bằng khoản dự phòng phải trả đó.

Khoản chênh lệch giữa số dự phòng phải trả đã lập ở năm trước chưa sử dụng hết lớn hơn số dự phòng phải trả lập ở năm báo cáo được hoàn nhập ghi giảm chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

2.18 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Vốn khác của chủ sở hữu được ghi theo giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản mà doanh nghiệp được các tổ chức, cá nhân khác tặng, biếu sau khi trừ (-) các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản được tặng, biếu này; và khoản bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh.

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Tổng Công ty phát hành và sau đó mua lại. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế và trình bày trên Bảng cân đối kế toán là một khoản ghi giảm vốn chủ sở hữu. Tổng Công ty không ghi nhận các khoản lãi (lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy cổ phiếu quỹ.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Tổng Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Tổng Công ty sau khi có Nghị quyết chia cổ tức của Đại hội đồng cổ đông Tổng Công ty, Thông báo của Hội đồng quản trị và Tổng Công ty hoàn thành việc chốt danh sách cổ đông để chi trả cổ tức.

2.19 . Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Tổng Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Tại ngày kết thúc năm tài chính, các khoản mục tiền tệ (tiền mặt, tiền gửi, tiền đang chuyển, nợ phải thu, nợ phải trả không bao gồm các khoản Người mua ứng trước và Ứng trước cho người bán, Doanh thu nhận trước) có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá bình quân của các ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty mở tài khoản công bố tại thời điểm lập Báo cáo tài chính. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong quá trình chuyển đổi báo cáo tài chính của công ty con tại nước ngoài để hợp nhất vào báo cáo của Tổng Công ty được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Tài sản và nợ phải trả (cả khoản mục tiền tệ và phi tiền tệ) của công ty con tại nước ngoài được quy đổi theo tỷ giá cuối năm;
- Các khoản mục về doanh thu, thu nhập khác và chi phí của công ty con tại nước ngoài được quy đổi theo tỷ giá tại ngày giao dịch; trường hợp tỷ giá trung bình xấp xỉ tỷ giá thực tế thì tỷ giá trung bình được sử dụng để chuyển đổi các khoản mục doanh thu, thu nhập khác và chi phí của cơ sở ở nước ngoài;
- Tất cả các khoản chênh lệch hối đoái khi chuyển đổi báo cáo tài chính của công ty con tại nước ngoài để hợp nhất vào báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty phải được phân loại như là vốn chủ sở hữu của Tổng Công ty cho đến khi thanh lý khoản đầu tư thuần đó.

2.20 . Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Tổng Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Tổng Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Chiết khấu thương mại năm 2013 đang được trừ trực tiếp vào doanh thu bán hàng. Năm 2014, chiết khấu thương mại được tách riêng và trình bày trên chỉ tiêu "Các khoản giảm trừ doanh thu" trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hợp đồng xây dựng

Phần công việc hoàn thành của Hợp đồng xây dựng làm cơ sở xác định doanh thu được xác định theo phương pháp tỷ lệ phần trăm (%) giữa chi phí thực tế đã phát sinh của phần công việc đã hoàn thành tại một thời điểm so với tổng chi phí dự toán của hợp đồng.

05 + C
CÔNG TY
NHIỆM VỤ
KIỂM TRA
A P
HOAN

MSDN 01
HÀ NỘI

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Tổng Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn;

2.21 . Ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.22 . Các khoản thuế

Thuế hiện hành

Tài sản thuế và các khoản thuế phải nộp cho kỳ kế toán hiện hành và các kỳ kế toán trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ tính thuế năm.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc năm tài chính giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

2.23 . Các bên liên quan

Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết là các bên liên quan. Các bên liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, cần chú ý tới bản chất của mối quan hệ chứ không chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

TTT105
MM/12
TOA
SC
TMM

TTT105
CÔNG T
CH NHIỆM
NG KIẾ
AA
CÁN KIẾ

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAMSố 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính hợp nhất**
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014**3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	<u>31/12/2014</u>	<u>01/01/2014</u>
	VND	VND
Tiền mặt	4.201.727.172	4.311.827.081
Tiền gửi ngân hàng	335.958.551.764	251.423.379.057
Các khoản tương đương tiền	430.767.385.898	238.617.140.551
	<u>770.927.664.834</u>	<u>494.352.346.689</u>

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, các khoản tiền gửi có kỳ hạn được gửi tại các ngân hàng thương mại với kỳ hạn dưới 03 tháng, lãi suất theo quy định của các ngân hàng tại từng thời điểm.

4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	<u>31/12/2014</u>	<u>01/01/2014</u>
	VND	VND
Chứng khoán đầu tư ngắn hạn	-	24.230.756.200
Đầu tư ngắn hạn khác	288.210.857.173	269.925.392.042
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	-	(16.609.555.800)
	<u>288.210.857.173</u>	<u>277.546.592.442</u>

Chi tiết các khoản đầu tư ngắn hạn

	<u>31/12/2014</u>		<u>01/01/2014</u>	
	<u>Số lượng</u>	<u>Giá trị</u> VND	<u>Số lượng</u>	<u>Giá trị</u> VND
Cổ phiếu đầu tư ngắn hạn		-		24.230.756.200
- Công ty Cổ phần Chế tạo Biển thể và Vật liệu điện Hà Nội	-	-	1.732.091	24.230.756.200
Tiền gửi có kỳ hạn tại ⁽¹⁾		271.325.737.173		219.040.272.042
- Tổng Công ty CP Thiết bị điện Việt Nam	-	147.661.751.062	-	160.000.272.042
- Công ty CP Chế tạo Điện cơ Hà Nội	-	72.628.000.000	-	22.848.000.000
- Công ty Liên Doanh Thibidi (Cambodia)	-	10.623.000.000	-	4.217.000.000
- Trường Cao đẳng Công nghệ Hà Nội	-	18.000.000.000	-	21.875.000.000
- Công ty CP Sản xuất và Thương mại Emic	-	-	-	100.000.000
- Công ty CP Kinh doanh Vật tư THIBIDI	-	22.412.986.111	-	10.000.000.000

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAM

Số 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

Chi tiết các khoản đầu tư ngắn hạn (tiếp theo)

	31/12/2014		01/01/2014	
	Số lượng	Giá trị VND	Số lượng	Giá trị VND
Cho vay ngắn hạn ⁽²⁾		16.885.120.000		50.885.120.000
- Công ty CP Chế tạo máy điện Việt Nam - Hungari	-	12.385.120.000	-	12.385.120.000
- Công ty CP Vật tư và Xây dựng Hà Nội	-	4.500.000.000	-	4.500.000.000
- Công ty CP Chế tạo Biến thế và Vật liệu điện Hà Nội	-	-	-	1.000.000.000
- Công ty CP Đầu tư Lạc Hồng	-	-	-	33.000.000.000
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn				(16.609.555.800)
		288.210.857.173		277.546.592.442

(1) Số dư phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn trên 03 tháng tại các Ngân hàng thương mại, với lãi suất quy định tại từng Ngân hàng ở từng thời điểm.

(2) Số dư phản ánh các khoản cho vay từ 03 tháng đến 12 tháng với lãi suất bằng với lãi suất tại các Ngân hàng thương mại mà Tổng Công ty và các Công ty con đang giao dịch ở từng thời điểm.

5 . CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Phải thu về bảo hiểm xã hội	267.004.449	739.479.113
Phải thu về bảo hiểm y tế	18.419.563	18.511.199
Phải thu về bảo hiểm thất nghiệp	12.074.700	12.136.030
Phải thu về cổ tức và lợi nhuận được chia	-	2.484.786.500
Phải thu về lãi tiền gửi, lãi tiền cho vay	4.223.515.094	2.338.339.550
Phải thu về thuế thu nhập cá nhân	8.953.733.946	5.271.448.321
Phải thu Kinh phí xây dựng hạ tầng	1.000.000.000	-
Phải thu khác	3.291.375.719	7.466.733.352
	17.766.123.471	18.331.434.065

6 . HÀNG TỒN KHO

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Hàng mua đang đi đường	17.092.537.938	784.613.505
Nguyên liệu, vật liệu	363.507.740.731	489.915.959.735
Công cụ, dụng cụ	5.022.129.334	2.925.964.030
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	169.909.447.845	142.545.586.914
Thành phẩm	665.122.367.802	607.316.083.381
Hàng hoá	152.214.105.099	46.117.378.394
Hàng gửi đi bán	14.732.504.661	4.305.246.087
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(8.739.496.200)	(2.338.361.380)
	1.378.861.337.210	1.291.572.470.666

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAM

Số 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

7 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU NHÀ NƯỚC

	<u>31/12/2014</u>	<u>01/01/2014</u>
	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	43.310.410	9.632.950
Thuế Xuất khẩu, Nhập khẩu	6.468.538	5.831.158
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	973.181.602	-
Thuế Thu nhập cá nhân	-	381.591.477
Thuế Nhà đất, Tiền thuê đất	-	280.584.000
	<u>1.022.960.550</u>	<u>677.639.585</u>

8 . TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC

	<u>31/12/2014</u>	<u>01/01/2014</u>
	VND	VND
Tạm ứng	16.321.780.495	13.499.866.025
Tài sản thiếu chờ xử lý	277.087.809	1.243.966.417
Các khoản thế chấp, ký quỹ, ký cược	51.811.608.278	13.878.929.134
	<u>68.410.476.582</u>	<u>28.622.761.576</u>

IT
CC
CH
AN
HC

10111 TO
CÔNG T
CH NHIỆM
NG KIỂM
AAS
AN KIỂM

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAM

Số 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

9 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá						
Tại ngày 01/01/2014	564.820.898.479	723.732.526.385	89.212.256.078	23.718.149.083	80.400.000	1.401.564.230.025
Mua sắm	10.350.855.614	92.611.780.430	11.882.938.811	538.354.000	-	115.383.928.855
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	4.286.027.594	617.000.000	46.352.711	-	-	4.949.380.305
Tăng khác do chuyển đổi báo cáo	135.714.478	-	17.319.575	901.921	-	153.935.974
Thanh lý, nhượng bán	(2.611.294.855)	(5.156.072.315)	(1.001.439.429)	-	-	(8.768.806.599)
Giảm khác	(79.621.474)	(422.753.873)	-	-	-	(502.375.347)
Tại ngày 31/12/2014	576.902.579.836	811.382.480.627	100.157.427.746	24.257.405.004	80.400.000	1.512.780.293.213
Giá trị hao mòn lũy kế						
Tại ngày 01/01/2014	229.437.451.603	430.586.342.994	57.869.756.169	18.507.740.708	65.325.001	736.466.616.475
Trích khấu hao	29.286.576.461	65.141.032.932	8.427.482.585	1.534.602.971	15.074.999	104.404.769.948
Tăng khác do chuyển đổi báo cáo	-	2.489.326	406.525	-	-	2.895.851
Thanh lý, nhượng bán	(507.751.778)	(1.195.008.471)	(1.001.439.429)	-	-	(2.704.199.678)
Giảm khác	(79.621.474)	(419.953.873)	-	-	-	(499.575.347)
Tại ngày 31/12/2014	258.136.654.812	494.114.902.908	65.296.205.850	20.042.343.679	80.400.000	837.670.507.249
Giá trị còn lại						
Tại ngày 01/01/2014	335.383.446.876	293.146.183.391	31.342.499.909	5.210.408.375	15.074.999	665.097.613.550
Tại ngày 31/12/2014	318.765.925.024	317.267.577.719	34.861.221.896	4.215.061.325	-	675.109.785.964

Trong đó:

- Giá trị còn lại cuối năm của tài sản cố định hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 151.832.186.469 đồng
- Nguyên giá tài sản cố định cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 402.866.855.726 đồng



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAM

Số 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

10 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Giá trị quyền sử dụng đất (*)	Phần mềm máy tính	Tài sản cố định vô hình khác	Cộng VND
Nguyên giá				
Tại ngày 01/01/2014	79.281.500.139	1.847.371.665	2.648.639.426	83.777.511.230
Mua sắm	-	946.100.000	-	946.100.000
Tăng khác do chuyển đổi báo cáo	155.572.368	-	-	155.572.368
Giảm khác	-	(16.000.000)	-	(16.000.000)
Tại ngày 31/12/2014	79.437.072.507	2.777.471.665	2.648.639.426	84.863.183.598
Giá trị hao mòn lũy kế				
Tại ngày 01/01/2014	5.798.842.381	1.664.520.962	1.058.612.855	8.521.976.198
Trích khấu hao	1.019.825.724	218.296.409	163.012.158	1.401.134.291
Giảm khác	-	(15.341.949)	-	(15.341.949)
Tại ngày 31/12/2014	6.818.668.105	1.867.475.422	1.221.625.013	9.907.768.540
Giá trị còn lại				
Tại ngày 01/01/2014	73.482.657.758	182.850.703	1.590.026.571	75.255.535.032
Tại ngày 31/12/2014	72.618.404.402	909.996.243	1.427.014.413	74.955.415.058

(*) Giá trị quyền sử dụng đất bao gồm giá trị quyền sử dụng đất có thời hạn với tổng số tiền là 50.991.285.959 đồng, là quyền sử dụng đất tại 70-72 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Quận 1, thành phố Hồ Chí Minh, với thời hạn sử dụng là 50 năm bắt đầu từ ngày 19/10/2007. Còn lại là quyền sử dụng đất lâu dài với tổng số tiền là 28.445.786.548 đồng.

11 . CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
Xây dựng cơ bản dở dang	314.157.186.967	175.632.227.555
Xây dựng Văn phòng Khách sạn tại số 10 Trần Nguyên Hãn	4.138.214.910	546.451.273
Xây dựng trụ sở làm việc Tổng Công ty tại 52 Lê Đại Hành	297.305.468.099	169.669.634.977
Dự án Nhà máy Cấp điện và xưởng sản xuất dây điện tử tại Tân Phú Trung của Công ty CP Dây cáp điện Việt Nam	5.683.541.634	5.176.814.000
Dự án Nhà máy cáp điện Cadivi Miền Trung	2.143.754.760	-
Dự án Xây dựng nhà xưởng sản xuất và văn phòng KCN Đại Đồng - Hoàn Sơn - Tiên Du - Bắc Ninh	260.410.182	-
Công trình khác	4.625.797.382	239.327.305
Mua sắm tài sản cố định	21.773.910.400	17.454.714.413
Chi phí mua đất Khu đô thị An Phú - An Khánh	15.100.000.000	15.100.000.000
Hệ thống Máy phóng điện Cục bộ	-	2.344.320.000
Dây chuyền máy kéo đại	3.400.000.000	-
Phần mềm ERP	2.872.460.400	-
Các tài sản khác	401.450.000	10.394.413
Sửa chữa lớn tài sản cố định	1.639.630.580	623.675.329
Máy móc thiết bị của Công ty CP Dây cáp điện Việt Nam	-	593.592.317
Sửa chữa lớn, nâng cấp máy móc tại Công ty Cổ phần Dây cáp điện Việt Nam	1.639.630.580	-
Sửa chữa tài sản khác	-	30.083.012
	337.570.727.947	193.710.617.297

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAM

Số 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

12 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	449.133.104.318	456.459.772.656
Công ty CP Chế tạo Máy điện Việt Nam - Hungari	20.188.297.220	20.607.671.165
Công ty CP Vật tư và Xây dựng Hà Nội	5.524.630.171	5.884.259.089
Công ty Dây Đồng Việt Nam - CFT	119.105.505.506	110.513.746.024
Công ty TNHH SAS - CTAMAD	304.314.671.421	319.454.096.378
Đầu tư dài hạn khác	11.049.239.076	11.915.508.445
Góp vốn dài hạn	6.312.844.600	6.312.844.600
Đầu tư cổ phiếu	2.178.670.000	2.178.670.000
Cho vay dài hạn	457.724.476	1.323.993.845
Đầu tư dài hạn khác	2.100.000.000	2.100.000.000
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	(984.397.800)	(1.306.196.000)
	459.197.945.594	467.069.085.101

Đầu tư vào công ty liên kết

Thông tin chi tiết về các công ty liên kết của Công ty vào ngày 31/12/2014 như sau:

Tên công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty CP Chế tạo Máy điện Việt Nam - Hungari	TP. Hà Nội	34,27%	34,27%	Sản xuất, chế tạo, kinh doanh thiết bị điện
Công ty CP Vật tư và Xây dựng Hà Nội	TP. Hà Nội	45,00%	45,00%	Xây dựng dân dụng và công nghiệp
Công ty TNHH SAS - CTAMAD	TP. Hà Nội	23,11%	23,11%	Kinh doanh dịch vụ khách sạn

Đầu tư vào công ty liên doanh

Thông tin chi tiết về các công ty liên doanh của Công ty vào ngày 31/12/2014 như sau:

Tên công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty Dây Đồng Việt Nam - CFT	Tỉnh Đồng Nai	36,35%	36,35%	Sản xuất dây đồng và dây đồng tráng thiếc

Đầu tư dài hạn khác

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Đầu tư cổ phiếu Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	2.178.670.000	2.178.670.000
Góp vốn vào Công ty CP Dây cáp điện Việt Thái	4.995.833.299	4.995.833.299
Góp vốn vào Công ty CP Công nghệ cao	1.057.011.301	1.057.011.301
Góp vốn vào Công ty CP XNK Dịch vụ và Đầu tư Việt Nam	260.000.000	260.000.000
Cho vay dài hạn của Công ty CP Khí cụ điện I	457.724.476	1.323.993.845
Đầu tư dài hạn khác	2.100.000.000	2.100.000.000
	11.049.239.076	11.915.508.445

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAM

Số 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

Chi tiết các khoản đầu tư dài hạn

	31/12/2014		01/01/2014	
	Số lượng	Giá trị VND	Số lượng	Giá trị VND
Đầu tư cổ phiếu		2.178.670.000		2.178.670.000
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	32.555	2.178.670.000	32.555	2.178.670.000
Góp vốn dài hạn		6.312.844.600		6.312.844.600
- Công ty Cổ phần Dây cáp điện Việt Thái	480.000	4.995.833.299	480.000	4.995.833.299
- Công ty Cổ phần Công nghệ cao	77.500	1.057.011.301	77.500	1.057.011.301
- Công ty Cổ phần XNK Dịch vụ và Đầu tư Việt Nam	26.000	260.000.000	26.000	260.000.000
Cho vay dài hạn của Công ty CP Khí cụ điện I		457.724.476		1.323.993.845
Đầu tư dài hạn khác		2.100.000.000		2.100.000.000
		11.049.239.076		11.915.508.445

Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn

	Số lượng	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị	Giá trị
			thị trường	dự phòng VND
Cổ phiếu đầu tư dài hạn			1.194.272.200	(984.397.800)
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	32.555	2.178.670.000	1.194.272.200	(984.397.800)
		2.178.670.000	1.194.272.200	(984.397.800)

13 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	11.671.271.641	5.078.998.547
Chi phí sửa chữa lớn TSCĐ chờ phân bổ	5.445.295.097	1.919.351.892
Chi phí xây dựng hạ tầng và san nền	12.001.250.757	11.088.358.801
Chi phí thuê đất	92.818.552.769	95.317.732.713
Giá trị lợi thế kinh doanh	-	2.867.488.542
Chi phí trả trước dài hạn khác	1.505.886.503	4.346.087.641
	123.442.256.767	120.618.018.136

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAM

Số 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

14 . VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	<u>31/12/2014</u>	<u>01/01/2014</u>
	VND	VND
Vay ngắn hạn	791.801.857.877	727.606.616.584
Vay ngân hàng	762.748.904.787	700.976.821.655
Vay đối tượng khác	29.052.953.090	26.629.794.929
Nợ dài hạn đến hạn trả	14.448.255.772	15.213.224.124
Vay dài hạn đến hạn trả	14.448.255.772	15.213.224.124
	<u>806.250.113.649</u>	<u>742.819.840.708</u>

Chi tiết vay ngắn hạn

	<u>31/12/2014</u>	<u>01/01/2014</u>
	VND	VND
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN KCN Biên Hòa	315.415.287.947	232.718.261.071
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Đồng Nai	67.093.620.809	45.528.365.260
Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam - CN Đồng Nai	-	52.665.875.017
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Hải Dương	29.050.925.533	18.807.149.357
Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam - CN Hải Dương	7.494.979.818	8.135.303.554
Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam - Sở giao dịch 1	-	75.830.066.385
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - VP Hồ Chí Minh	88.854.600.473	73.897.428.909
Ngân hàng TNHH MTV HSBC	9.986.556.490	73.172.961.163
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Sở giao dịch 2	97.457.780.191	107.241.260.639
Ngân hàng TNHH CTBC - Chi nhánh TP Hồ Chí Minh	87.099.501.597	-
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Campuchia	5.311.500.000	-
Ngân hàng TMCP Quân đội	54.984.151.929	8.000.000.000
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Hải Dương	-	1.480.150.300
Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội, Phòng giao dịch Cầu Diễn	-	3.500.000.000
Công đoàn Công ty CP Chế tạo Điện cơ Hà Nội	1.150.000.000	900.000.000
Công đoàn Trường Cao đẳng Công nghệ Hà Nội	100.000.000	-
Công đoàn Công ty CP Kinh doanh Vật tư Thibidi	100.000.000	-
Vay cá nhân	27.702.953.090	25.729.794.929
	<u>791.801.857.877</u>	<u>727.606.616.584</u>

Chi tiết nợ dài hạn đến hạn trả

	<u>31/12/2014</u>	<u>01/01/2014</u>
	VND	VND
Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam - Sở giao dịch 1	260.255.772	-
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	-	1.025.224.124
Công ty Đầu tư Tài chính Nhà Nước	14.188.000.000	14.188.000.000
	<u>14.448.255.772</u>	<u>15.213.224.124</u>

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAM

Số 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

15 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	10.149.476.457	15.078.738.402
Thuế Xuất khẩu, Nhập khẩu	150.639.429	1.274.609.686
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	38.331.740.850	37.830.446.341
Thuế Thu nhập cá nhân	3.500.748.626	1.621.225.058
Thuế Nhà đất, Tiền thuế đất	113.625.218	3.162.750
Các loại thuế khác	42.454.978	277.841.452
	52.288.685.558	56.086.023.689

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

16 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Chi phí lãi vay phải trả	978.272.162	817.820.840
Trích trước chi phí vận chuyển, thuê kho, phí bảo vệ, tiền ăn ca	3.388.784.891	5.003.504.299
Trích trước lãi ký quỹ và các khoản chiết khấu	47.163.601.097	58.888.512.113
Chi phí hoa hồng	21.596.588.670	8.974.118.854
Phí bản quyền của hợp đồng Lixang AVK	3.070.875.500	3.070.875.500
Trích trước chi phí giá vốn công trình	-	4.678.289.635
Trích trước chi phí bảo hành sản phẩm	-	8.184.917.612
Trích trước chi phí khuyến mại	6.572.851.000	-
Chi phí phải trả khác	3.938.051.640	5.667.498.102
	86.709.024.960	95.285.536.955

17 . CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỢ NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Tài sản thừa chờ xử lý	1.087.852.802	8.235.997.048
Kinh phí công đoàn	2.928.982.471	5.809.021.428
Bảo hiểm xã hội	343.516.974	110.091.548
Bảo hiểm y tế	121.826.929	86.368.481
Bảo hiểm thất nghiệp	217.235.866	124.192.925
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	252.550.342.331	306.563.485.700
Phải trả cổ tức cho cổ đông	808.210.000	28.940.000
Phải trả cổ tức cho cổ đông thiểu số tại Công ty con	2.288.720.969	-
Phải trả lãi vay	108.612.623	2.921.030.583
Thuế thu nhập cá nhân thu thừa của CBCNV	-	1.133.046.560
Nhận đặt cọc thực hiện dự án 10 Trần Nguyên Hãn - Hà Nội	20.000.000.000	20.000.000.000
Phải trả Tổng Công ty Đầu tư và kinh doanh vốn Nhà nước	36.964.348.246	-
Cổ đông Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại EMIC góp thêm vốn điều lệ	10.000.000.000	-
Phải trả, phải nộp khác	3.914.014.316	16.220.123.567
	331.333.663.527	361.232.297.840

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAM

Số 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

18 . VAY VÀ NỢ DÀI HẠN

	<u>31/12/2014</u>	<u>01/01/2014</u>
	VND	VND
Vay dài hạn	28.380.689.000	42.825.353.442
Vay ngân hàng	-	256.664.442
Vay đối tượng khác	28.380.689.000	42.568.689.000
	<u>28.380.689.000</u>	<u>42.825.353.442</u>

Chi tiết vay dài hạn

	<u>31/12/2014</u>	<u>01/01/2014</u>
	VND	VND
Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam - Sở giao dịch 1	-	256.664.442
Công ty Đầu tư tài chính Việt Nam	28.380.689.000	42.568.689.000
	<u>28.380.689.000</u>	<u>42.825.353.442</u>



TÔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAM

Số 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

19 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Vốn khác của chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 01/01/2013	1.400.000.000.000	-	-	-	22.410.998.710	25.739.990.783	216.005.400	420.680.968.970	1.869.047.963.863
Lãi trong năm	-	-	-	-	-	-	-	309.553.355.382	309.553.355.382
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	-	8.211.745.437	8.829.726.213	130.268.938	(46.066.963.074)	(28.895.222.486)
Chi trả cổ tức	-	-	-	-	-	-	-	(168.000.000.000)	(168.000.000.000)
Tăng do hợp nhất kinh doanh	-	47.513.826.624	-	-	-	-	-	55.549.660.145	103.063.486.769
Chuyển đổi báo cáo công ty con ở nước ngoài	-	-	-	819.607.405	-	-	-	-	819.607.405
Mua cổ phiếu quỹ	-	-	(5.025.000.000)	-	-	-	-	-	(5.025.000.000)
Giảm khác	-	-	-	-	(546.938.147)	(65.058.253)	(160.177.623)	(80.688.665)	(852.862.688)
Tại ngày 31/12/2013	1.400.000.000.000	47.513.826.624	(5.025.000.000)	819.607.405	30.075.806.000	34.504.658.743	186.096.715	571.636.332.758	2.079.711.328.245
Lãi trong năm	-	-	-	-	-	-	-	318.432.076.859	318.432.076.859
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	-	30.834.793.947	12.447.492.219	145.555.599	(83.097.049.954)	(39.669.208.189)
Chi trả cổ tức	-	-	-	-	-	-	-	(167.400.000.000)	(167.400.000.000)
Chuyển đổi báo cáo công ty con ở nước ngoài	-	-	-	140.436.625	-	-	-	-	140.436.625
Tăng do hợp nhất kinh doanh	-	-	-	-	-	-	-	5.987.574.849	5.987.574.849
Giảm do thoái vốn tại Công ty con	-	-	-	-	-	-	-	(15.913.913.084)	(15.913.913.084)
Giảm khác	-	-	-	-	-	-	(133.259.806)	(205.846.091)	(339.105.897)
Tại ngày 31/12/2014	1.400.000.000.000	47.513.826.624	(5.025.000.000)	960.044.030	60.910.599.947	46.952.150.962	198.392.508	629.439.175.337	2.180.949.189.408

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAM

Số 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	<u>Tỷ lệ</u>	<u>31/12/2014</u>	<u>Tỷ lệ</u>	<u>01/01/2014</u>
	(%)	VND	(%)	VND
Vốn góp của Nhà nước (SCIC)	87,17%	1.220.448.000.000	87,17%	1.220.448.000.000
Vốn góp của cổ đông khác	12,47%	174.552.000.000	12,47%	174.552.000.000
Cổ phiếu quỹ	0,36%	5.000.000.000	0,36%	5.000.000.000
	<u>100%</u>	<u>1.400.000.000.000</u>	<u>100%</u>	<u>1.400.000.000.000</u>

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	<u>Năm 2014</u>	<u>Năm 2013</u>
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	1.400.000.000.000	1.400.000.000.000
- <i>Vốn góp đầu năm</i>	1.400.000.000.000	1.400.000.000.000
- <i>Vốn góp cuối năm</i>	1.400.000.000.000	1.400.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	167.400.000.000	168.000.000.000
- <i>Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước</i>	167.400.000.000	168.000.000.000

d) Cổ phiếu

	<u>31/12/2014</u>	<u>01/01/2014</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	140.000.000	140.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	140.000.000	140.000.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	140.000.000	140.000.000
Số lượng cổ phiếu được mua lại	500.000	500.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	500.000	500.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	139.500.000	139.500.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	139.500.000	139.500.000
Mệnh giá cổ phiếu đã lưu hành (VND)	10.000	10.000

e) Các quỹ công ty

	<u>31/12/2014</u>	<u>01/01/2014</u>
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	60.910.599.947	30.075.806.000
Quỹ dự phòng tài chính	46.952.150.962	34.504.658.743
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	198.392.508	186.096.715
	<u>108.061.143.417</u>	<u>64.766.561.458</u>

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAMSố 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính hợp nhất**
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014**20 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Doanh thu bán thành phẩm	5.504.179.940.394	4.939.157.673.301
Doanh thu bán hàng hóa	3.626.643.509.567	2.307.579.067.814
Doanh thu cung cấp dịch vụ	169.510.394.780	127.914.620.392
Doanh thu về hợp đồng xây dựng	16.942.491.280	22.608.490.427
	<u>9.317.276.336.021</u>	<u>7.397.259.851.934</u>

21 . CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Chiết khấu thương mại	565.842.428.634	-
Giảm giá hàng bán	311.121.000	138.714.868
Hàng bán bị trả lại	16.099.914.815	9.037.952.311
	<u>582.253.464.449</u>	<u>9.176.667.179</u>

22 . DOANH THU THUẦN BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Doanh thu thuần về bán thành phẩm	4.922.839.988.945	4.930.279.993.996
Doanh thu thuần về bán hàng hóa	3.626.212.521.984	2.307.405.242.667
Doanh thu thuần về cung cấp dịch vụ	169.027.869.363	127.789.457.665
Doanh thu thuần về hợp đồng xây dựng	16.942.491.280	22.608.490.427
	<u>8.735.022.871.572</u>	<u>7.388.083.184.755</u>

23 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Giá vốn của thành phẩm đã bán	3.849.393.897.231	4.032.466.632.479
Giá vốn của hàng hóa đã bán	3.501.119.668.558	2.209.332.152.282
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	107.569.866.761	66.347.302.547
Giá vốn của hợp đồng xây dựng	15.332.916.889	20.721.249.050
Hao hụt mất mát hàng tồn kho	379.581.473	60.746.354
Dự phòng/hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	6.401.134.820	(54.755.853)
	<u>7.480.197.065.732</u>	<u>6.328.873.326.859</u>

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAMSố 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính hợp nhất**
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014**24 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay vốn	35.035.291.563	48.256.237.208
Chiết khấu thanh toán, lãi bán hàng trả chậm	751.539.661	1.027.889.843
Cổ tức, lợi nhuận được chia	21.310.897.049	609.066.000
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	3.955.530.864	2.093.294.335
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	1.549.323.027	791.063.721
Doanh thu hoạt động tài chính khác	-	147.890.910
	<u>62.602.582.164</u>	<u>52.925.442.017</u>

25 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Lãi tiền vay	66.136.795.496	92.961.435.440
Chiết khấu thanh toán, lãi mua hàng trả chậm	5.501.421.532	6.866.875.351
Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn	1.713.573.200	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	5.482.886.567	3.442.184.378
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	1.030.579	2.874.807
Dự phòng/hoàn nhập dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	(16.931.354.000)	1.571.903.900
Chi phí tài chính khác	1.146.782.416	431.384.386
	<u>63.051.135.790</u>	<u>105.276.658.262</u>

26 . CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu, đồ dùng	17.282.331.582	15.529.713.878
Chi phí nhân công	40.586.108.123	24.330.328.931
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.273.182.595	1.914.688.665
Chi phí bảo hành	55.485.755.520	11.842.415.174
Chi phí dịch vụ mua ngoài	69.726.009.187	55.842.853.336
Chi phí khác bằng tiền	164.242.653.213	143.633.440.024
	<u>349.596.040.220</u>	<u>253.093.440.008</u>

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAM

Số 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

27 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu, đồ dùng	11.454.451.270	15.371.585.057
Chi phí nhân công	156.537.430.490	123.067.127.248
Chi phí khấu hao tài sản cố định	15.855.256.215	19.212.415.109
Thuế, phí, lệ phí	9.645.930.871	14.398.157.139
Chi phí dự phòng	25.730.481.566	19.395.483.775
- Trích quỹ Phát triển khoa học và công nghệ	16.620.685.542	-
- Trích quỹ dự phòng tiền lương	6.320.587.755	-
- Trích dự phòng nợ phải thu khó đòi	2.789.208.269	19.395.483.775
Chi phí dịch vụ mua ngoài	36.435.659.556	23.894.169.200
Chi phí khác bằng tiền	88.843.073.968	78.818.819.657
	344.502.283.936	294.157.757.185

28 . THU NHẬP KHÁC

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Thu nhập từ thanh lý tài sản	7.684.358.781	5.723.057.347
Thu nhập từ bất lợi thương mại	-	985.647.191
Thu từ hỗ trợ lãi suất của Công ty đầu tư Tài chính Nhà nước	3.069.280.284	4.130.692.928
Thu nhập từ hỗ trợ quản lý của đối tác đầu tư vào Công ty TNHH SAS-CTAMAD.	1.144.800.000	-
Thu nhập khác	2.065.598.164	3.342.736.643
	13.964.037.229	14.182.134.109

29 . CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Chi phí thanh lý tài sản	6.064.606.921	3.470.071.673
Chi phí lãi chậm nộp phải trả	36.964.348.246	-
Chi phí khác	2.188.369.601	2.084.966.123
	45.217.324.768	5.555.037.796

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAM

Số 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

30 . THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

30.1 Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế và thuế suất hiện hành	125.251.885.162	123.722.511.887
Thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn, giảm	-	(1.382.096.668)
Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp năm nay	699.270.984	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	125.951.156.146	122.340.415.219
Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước vào thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp năm nay	278.121.146	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu năm	37.830.446.341	25.420.561.198
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong năm	(126.701.164.385)	(109.930.530.076)
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp cuối năm	37.358.559.248	37.830.446.341

30.2 Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại		
Chênh lệch tạm thời được khấu trừ	3.956.053.745	2.975.489.987
	3.956.053.745	2.975.489.987
	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả		
Chênh lệch tạm thời chịu thuế	528.689.079	495.237.785
	528.689.079	495.237.785
	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Chi phí thuế thu nhập hoãn lại tính vào Báo cáo kết quả kinh doanh		
Chênh lệch tạm thời phải chịu thuế	67.055.774	1.291.148.039
Hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại	103.068.182	41.022.727
Chênh lệch tạm thời được khấu trừ	(1.117.236.420)	(76.487.889)
	(947.112.464)	1.255.682.877

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAM

Số 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

31 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau :

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ	318.432.076.859	309.553.355.382
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	318.432.076.859	309.553.355.382
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	139.500.000	139.780.344
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	2.283	2.215

32 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	3.852.387.496.790	4.047.635.309.832
Chi phí nhân công	321.431.518.819	249.321.423.835
Chi phí khấu hao tài sản cố định	105.805.904.239	98.343.599.811
Chi phí dịch vụ mua ngoài	104.681.085.929	77.063.998.004
Chi phí khác bằng tiền	256.358.517.694	194.482.796.141
	4.640.664.523.471	4.666.847.127.623

33 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Tổng Công ty bao gồm:

	Giá trị sổ kế toán			
	31/12/2014		01/01/2014	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	770.927.664.834	-	494.352.346.689	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	931.887.643.128	(51.629.924.031)	1.045.295.820.032	(48.840.715.762)
Các khoản cho vay	288.210.857.173	-	269.925.392.042	-
Đầu tư ngắn hạn	-	-	24.230.756.200	(16.609.555.800)
Đầu tư dài hạn	11.049.239.076	(984.397.800)	11.915.508.445	(1.306.196.000)
	2.002.075.404.211	(52.614.321.831)	1.845.719.823.408	(66.756.467.562)

	Giá trị sổ kế toán	
	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
Nợ phải trả tài chính		
Vay và nợ	834.630.802.649	785.645.194.150
Phải trả người bán, phải trả khác	915.895.557.261	948.386.070.325
Chi phí phải trả	86.709.024.960	95.285.536.955
	1.837.235.384.870	1.829.316.801.430

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Tổng Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Tổng Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá, tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Rủi ro về giá:

Tổng Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu ngắn hạn và dài hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư. Các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn được nắm giữ với mục đích chiến lược lâu dài, tại thời điểm kết thúc năm tài chính Tổng Công ty chưa có kế hoạch bán các khoản đầu tư này.

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Tổng Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Tổng Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

Rủi ro về lãi suất:

Tổng Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Tổng Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Tổng Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Tổng Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Tổng Công ty. Tổng Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 31/12/2014				
Tiền và các khoản tương đương tiền	770.927.664.834	-	-	770.927.664.834
Phải thu khách hàng, phải thu khác	880.257.719.097	-	-	880.257.719.097
Các khoản cho vay	288.210.857.173	-	-	288.210.857.173
Đầu tư dài hạn	-	10.064.841.276	-	10.064.841.276
	<u>1.939.396.241.104</u>	<u>10.064.841.276</u>	<u>-</u>	<u>1.949.461.082.380</u>

TRAC HAN HOA

CÔNG NGHỆ ANH KI AA AN KI

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAM

Số 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 01/01/2014				
Tiền và các khoản tương đương tiền	494.352.346.689	-	-	494.352.346.689
Phải thu khách hàng, phải thu khác	996.455.104.270	-	-	996.455.104.270
Các khoản cho vay	269.925.392.042	-	-	269.925.392.042
Đầu tư ngắn hạn	7.621.200.400	-	-	7.621.200.400
Đầu tư dài hạn	-	10.609.312.445	-	10.609.312.445
	<u>1.768.354.043.401</u>	<u>10.609.312.445</u>	<u>-</u>	<u>1.778.963.355.846</u>

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Tổng Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Tổng Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 31/12/2014				
Vay và nợ	806.250.113.649	28.380.689.000	-	834.630.802.649
Phải trả người bán, phải trả khác	908.297.977.599	7.597.579.662	-	915.895.557.261
Chi phí phải trả	86.709.024.960	-	-	86.709.024.960
	<u>1.801.257.116.208</u>	<u>35.978.268.662</u>	<u>-</u>	<u>1.837.235.384.870</u>
Tại ngày 01/01/2014				
Vay và nợ	742.819.840.708	42.825.353.442	-	785.645.194.150
Phải trả người bán, phải trả khác	944.100.436.333	4.285.633.992	-	948.386.070.325
Chi phí phải trả	95.285.536.955	-	-	95.285.536.955
	<u>1.782.205.813.996</u>	<u>47.110.987.434</u>	<u>-</u>	<u>1.829.316.801.430</u>

Tổng Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Tổng Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

34 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAMSố 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính hợp nhất**
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014**35 . BÁO CÁO BỘ PHẬN**

Hơn 90% hoạt động của Tổng Công ty là hoạt động sản xuất, thương mại và hơn 90% hoạt động của Tổng Công ty diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam, do đó Tổng Công ty không lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

36 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong năm, Công ty có giao dịch với các bên liên quan như sau:

	<u>Mối quan hệ</u>	<u>Năm 2014</u> VND	<u>Năm 2013</u> VND
Doanh thu			
Công ty CP Vật tư và Xây dựng Hà Nội	Công ty liên kết	1.936.141.500	3.084.318.500
Công ty CP Dây đồng Việt Nam CFT	Công ty liên doanh	460.799.962	456.436.326
Mua hàng			
Công ty CP Chế tạo Máy điện Việt Nam - Hungary	Công ty liên kết	-	6.247.720.765
Công ty CP Dây đồng Việt Nam CFT	Công ty liên doanh	732.395.018.843	689.495.349.870
Lãi cho vay vốn			
Công ty CP Chế tạo Máy điện Việt Nam - Hungary	Công ty liên kết	774.070.000	818.152.800
Công ty CP Vật tư và Xây dựng Hà Nội	Công ty liên kết	281.250.000	343.125.000
Cổ tức, lợi nhuận được chia			
Công ty CP Chế tạo Máy điện Việt Nam - Hungary	Công ty liên kết	2.086.980.000	2.385.120.000
Công ty CP Vật tư và Xây dựng Hà Nội	Công ty liên kết	450.000.000	450.000.000
Công ty TNHH S.A.S - CTAMAD	Công ty liên kết	58.800.000.000	-
Công ty CP Dây đồng Việt Nam CFT	Công ty liên doanh	10.101.140.106	6.965.299.760

Số dư với các bên liên quan tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm:

	<u>Mối quan hệ</u>	<u>31/12/2014</u> VND	<u>01/01/2014</u> VND
Phải thu tiền bán hàng hóa, dịch vụ			
Công ty CP Vật tư và Xây dựng Hà Nội	Công ty liên kết	3.201.857.600	3.172.101.950
Phải trả tiền mua hàng hóa, dịch vụ			
Công ty CP Chế tạo Máy điện Việt Nam - Hungary	Công ty liên kết	-	5.457.237
Công ty CP Dây đồng Việt Nam CFT	Công ty liên doanh	123.193.260.639	166.115.015.159
Phải thu vốn cho vay			
Công ty CP Chế tạo Máy điện Việt Nam - Hungary	Công ty liên kết	12.385.120.000	12.385.120.000
Công ty CP Vật tư và Xây dựng Hà Nội	Công ty liên kết	4.500.000.000	4.500.000.000
Phải thu lãi cho vay vốn			
Công ty CP Chế tạo Máy điện Việt Nam - Hungary	Công ty liên kết	1.174.265.563	405.652.800
Phải thu khác			
Công ty CP Chế tạo Máy điện Việt Nam - Hungary	Công ty liên kết	1.000.000	1.000.000

TÔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAM

Số 52 Phố Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành,
Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

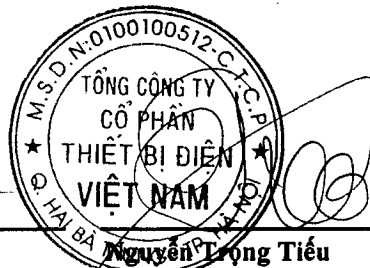
	<u>Năm 2014</u>	<u>Năm 2013</u>
	VND	VND
Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc và Hội đồng Quản trị	4.310.500.000	4.066.000.000

37 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013, đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán.

Đoàn Thị Lan Phương
Người lập

Phạm Tuấn Anh
Kế toán trưởng



Nguyễn Trọng Tiểu
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 28 tháng 02 năm 2015



Số: 27/TBĐVN/NQ- ĐHCĐ

Bắc Ninh, ngày 01 tháng 8 năm 2016

NGHỊ QUYẾT
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG BẤT THƯỜNG NĂM 2016
TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAM

Căn cứ Luật Doanh nghiệp của Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam số 68/2014/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Tổng công ty cổ phần Thiết bị điện Việt Nam đã được thông qua tại Đại hội đồng cổ đông lần đầu ngày 28 tháng 11 năm 2010 và được sửa đổi bổ sung tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016;

Căn cứ Biên bản Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2016 của Tổng công ty cổ phần Thiết bị điện Việt Nam ngày 01 tháng 8 năm 2016,

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG BẤT THƯỜNG NĂM 2016
TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAM

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua việc bổ nhiệm ông Nguyễn Văn Tuấn, số hộ chiếu B7831170 cấp ngày 12/4/2013 tại Hà Nội làm Thành viên Hội đồng quản trị Tổng công ty cổ phần Thiết bị điện Việt Nam kể từ ngày 16/7/2016 thay thế cho ông Phạm Mạnh Hà có Đơn xin rút không là Thành viên Hội đồng quản trị Tổng công ty cổ phần Thiết bị điện Việt Nam. Nhiệm kỳ của ông Nguyễn Văn Tuấn bắt đầu từ ngày 16/7/2016 đến hết nhiệm kỳ 2016 – 2020.

Điều 2. Thông qua Đề án Tái cấu trúc Tổng công ty cổ phần Thiết bị điện Việt Nam kèm theo Tờ trình số 37/TBĐVN/TTr-HĐQT ngày 20/7/2016 của Hội đồng quản trị Tổng công ty (Đề án chi tiết kèm theo Tờ trình số 37/TBĐVN/TTr-HĐQT đính kèm Nghị quyết này) với một số nội dung chính như sau:

- Thành lập Công ty TNHH một thành viên Thiết bị đo điện (do Tổng công ty nắm giữ 100% Vốn điều lệ) với Vốn điều lệ dự kiến là 368 tỷ đồng (Ba trăm sáu mươi tám tỷ đồng Việt Nam). Công ty TNHH một thành viên Thiết bị đo



điện sẽ vận hành toàn bộ hoạt động sản xuất, kinh doanh thiết bị đo điện hiện nay của Tổng công ty.

- Thành lập Công ty TNHH một thành viên Bất động sản GELEX (do Tổng công ty nắm giữ 100% Vốn điều lệ) với lĩnh vực hoạt động là kinh doanh bất động sản. Vốn điều lệ dự kiến của Công ty TNHH một thành viên Bất động sản GELEX dự kiến là 900 tỷ đồng (Chín trăm tỷ đồng Việt Nam).
- Mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty sang lĩnh vực năng lượng, trên cơ sở thành lập Công ty TNHH một thành viên Đầu tư Năng lượng GELEX với vốn điều lệ dự kiến 600 tỷ đồng (Sáu trăm tỷ đồng Việt Nam) hoạt động trong lĩnh vực đầu tư các dự án phát điện và các lĩnh vực khác liên quan tới điện. Công ty TNHH một thành viên Đầu tư Năng lượng sẽ thực hiện đầu tư dự án mới hoặc thông qua hoạt động mua bán doanh nghiệp, mua bán các dự án đang triển khai trong lĩnh vực phát điện và các lĩnh vực khác liên quan đến điện.
- Mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty sang lĩnh vực Logistic thông qua việc mua cổ phần chi phối các doanh nghiệp kinh doanh trong lĩnh vực khai thác cảng biển, kinh doanh kho bãi, vận tải, dịch vụ logistics đang hoạt động tốt, bao gồm nhưng không hạn chế ở việc thương thảo để mua lại cổ phần chi phối của Công ty cổ phần Kho vận Miền Nam – Sotrans (mã chứng khoán STG). Tổng giá trị đầu tư vào lĩnh vực logistics dự kiến là 1.500 tỷ đồng (Một nghìn năm trăm tỷ đồng Việt Nam).
- Tổ chức lại các Phòng, Ban tại Tổng công ty để nâng cao năng lực đầu tư và quản lý đầu tư.
- Đại hội đồng cổ đông ủy quyền/giao cho Hội đồng quản trị được toàn quyền chủ động tiến hành các công việc sau:
 - + Thực hiện các công việc, thủ tục cần thiết có liên quan để mở rộng, thay đổi ngành nghề kinh doanh của Tổng công ty theo định hướng đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.
 - + HĐQT và Ban Tổng Giám đốc xây dựng phương án chi tiết, quyết định và thực hiện tất cả các công việc, thủ tục cần thiết có liên quan để thành lập Công ty TNHH một thành viên Thiết bị đo điện, Công ty TNHH một thành viên Bất động sản GELEX, Công ty TNHH một thành viên Đầu tư Năng lượng.
 - + Lên kế hoạch chi tiết và triển khai thực hiện việc tổ chức lại các Phòng, Ban tại Tổng Công ty.
 - + Thực hiện mọi công việc, thủ tục có liên quan khác để hoàn tất việc tái cấu trúc Tổng Công ty theo định hướng đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Điều 3. Thông qua Phương án phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ đính kèm Tờ trình số 38/TBĐVN/TTr-HĐQT ngày 20/7/2016 của Hội đồng quản trị Tổng công ty cổ phần Thiết bị điện Việt Nam (Phương án phát hành chi tiết đính kèm Nghị quyết này) với một số nội dung chính như sau:

- Số lượng cổ phần dự kiến phát hành: 77.250.000 cổ phần
- Loại cổ phần phát hành: Cổ phần phổ thông
- Đối tượng phát hành: Cổ đông hiện hữu
- Tỷ lệ phát hành: Tỷ lệ thực hiện quyền mua cổ phần là 2:1 (cổ đông sở hữu 1 cổ phần tương ứng với 1 quyền, 2 quyền được mua 1 cổ phần mới)
- Giá phát hành: 18.000 đồng/cổ phần
- Phương án sử dụng số tiền thu được từ việc phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ:
 - + Tổng số vốn thu được từ việc chào bán cổ phiếu: dự kiến 1.390.500.000.000 đồng (Một nghìn ba trăm chín mươi tỷ năm trăm triệu đồng).
 - + Phương án sử dụng vốn:
 - Tăng tỷ lệ sở hữu tại Công ty cổ phần Thiết bị điện thông qua việc mua cổ phần chào bán cho cổ đông chiến lược: dự kiến 578.200.000.000 đồng (Năm trăm bảy mươi tám tỷ hai trăm triệu đồng).
 - Đầu tư vào ngành logistics thông qua việc tìm kiếm, thương thảo để mua cổ phần chi phối của các doanh nghiệp đang hoạt động hiệu quả trong ngành, bao gồm Công ty cổ phần Kho vận miền Nam và các doanh nghiệp khác: dự kiến 812.300.000.000 đồng (Tám trăm mười hai tỷ ba trăm triệu đồng).
- Ủy quyền cho HĐQT:
 - + Xây dựng và thông qua Phương án sử dụng vốn chi tiết cho các mục đích sử dụng vốn thu được từ đợt phát hành.
 - + Ủy quyền cho HĐQT điều chỉnh việc phân bổ số tiền thu được từ đợt chào bán cho các mục đích sử dụng vốn đã được thông qua và/hoặc thay đổi mục đích sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán cho phù hợp với tình hình thực tế và báo cáo Đại hội đồng cổ đông gần nhất về các nội dung điều chỉnh liên quan đến phương án sử dụng vốn này.
 - + Thực hiện đăng ký lưu ký bổ sung toàn bộ số lượng cổ phần mới phát hành trên Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam và đăng ký giao dịch bổ sung toàn bộ số lượng cổ phần mới phát hành trên Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội.
 - + Ủy quyền cho HĐQT thực hiện các công việc liên quan trong đợt phát hành tăng vốn điều lệ này.

Điều 4. Thông qua Phương án phát hành riêng lẻ trái phiếu kèm chứng quyền đính kèm Tờ trình số 39/TBĐVN/TTr-HĐQT ngày 20/7/2016 của Hội đồng quản trị Tổng công ty cổ phần Thiết bị điện Việt Nam (Phương án phát hành chi tiết đính kèm Nghị quyết này) với một số nội dung chính như sau:

4.1. Một số Điều kiện và điều khoản của trái phiếu:

1. Loại Trái phiếu:	Trái phiếu doanh nghiệp không chuyên đổi, có đảm bảo bằng tài sản hoặc không có đảm bảo bằng tài sản và kèm theo chứng quyền.
2. Số lượng Trái phiếu phát hành dự kiến:	2.000 (Hai nghìn) trái phiếu tương đương 2.000.000.000.000 đồng Việt Nam (Hai nghìn tỷ đồng) tính theo mệnh giá. Trái phiếu có thể được phát hành theo nhiều đợt.
3. Đối tượng phát hành:	Tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước.
4. Hình thức phát hành:	Phát hành riêng lẻ cho dưới 100 nhà đầu tư không kể nhà đầu tư chuyên nghiệp theo Nghị định số 90/2011/NĐ-CP thông qua đại lý phát hành
5. Kỳ hạn Trái phiếu:	Tối thiểu 01 (một) năm và tối đa 03 (ba) năm kể từ Ngày Phát hành. Ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định kỳ hạn trái phiếu của từng đợt phát hành.
6. Mục đích phát hành:	+ Đầu tư, xây dựng dự án Khu phức hợp Khách sạn, Trung tâm thương mại, Văn phòng cho thuê tại số 10 Trần Nguyễn Hãn; + Tái cơ cấu các khoản nợ của Tổng công ty + Tăng quy mô vốn hoạt động của Tổng công ty. Trong đó: - Thành lập Công ty TNHH MTV Bất động sản GELEX; - Thành lập Công ty TNHH MTV Đầu tư Năng lượng GELEX, hoạt động trong lĩnh vực đầu tư các dự án phát điện và các dự án kinh doanh liên quan đến điện khác; - Tăng quy mô vốn hoạt động của Tổng công ty - Các nội dung khác phù hợp với quy định của pháp luật Ủy quyền cho Hội đồng quản trị xây dựng, điều chỉnh, thay đổi mục đích phát hành phù hợp với nhu cầu sử dụng vốn và tình hình thị trường.

4.2. Một số Điều kiện và điều khoản của chứng quyền

1. Tổng số lượng chứng quyền phát hành:	2.000 (Hai nghìn) chứng quyền (với mỗi trái phiếu mua ban đầu, nhà đầu tư sẽ nhận được 01 (một) chứng quyền). Chứng quyền được phát hành thành nhiều đợt, số lượng Chứng quyền của mỗi đợt phát hành sẽ tương ứng với số lượng Trái Phiếu phát hành của từng đợt.
2. Số lượng cổ phần phát hành theo mỗi chứng quyền:	Số lượng cổ phần phát hành theo mỗi chứng quyền là 50.000 (Năm mươi nghìn) cổ phần cho 01 (một) chứng quyền. Số lượng cổ phần phát hành theo mỗi chứng quyền (50.000 cổ phần) vừa nêu là số lượng cổ phần tính tương ứng với Giá mua cổ phần được áp dụng tại mỗi thời điểm phát hành Trái phiếu kèm chứng quyền là 20.000 (Hai mươi nghìn) đồng/cổ phần.

3. Tổng số lượng cổ phần phát hành tối đa:	100.000.000 (Một trăm triệu) cổ phần
4. Loại cổ phần phát hành theo Chứng quyền:	Cổ phần phổ thông tự do chuyển nhượng
5. Giá mua cổ phần khi thực hiện Chứng quyền:	Giá mua cổ phần khi thực hiện Chứng quyền được điều chỉnh theo điều khoản chống pha loãng theo quy định tại bảng Điều kiện và Điều khoản của chứng quyền này. Trong mọi trường hợp, Giá mua cổ phần khi thực hiện chứng quyền không thấp hơn 10.000 (Mười nghìn) đồng/cổ phần
6. Thời điểm thực hiện Chứng quyền:	Chứng quyền kèm theo Trái phiếu của mỗi đợt phát hành được thực hiện tại các thời điểm sau thời hạn 01 (một) năm kể từ ngày hoàn thành đợt phát hành Trái phiếu đó.

Đại hội đồng cổ đông thống nhất ủy quyền cho HĐQT thực hiện các công việc sau

- Quy định và xây dựng các điều khoản và điều kiện chi tiết của Trái phiếu và Chứng quyền bao gồm nhưng không hạn chế ở:
 - + Đối với Trái phiếu: số lượng phát hành, số đợt phát hành, kỳ hạn, lãi suất, kỳ trả lãi, ngày phát hành, ngày đáo hạn, kỳ xác định lãi suất, tài sản bảo đảm, điều chỉnh/thay đổi mục đích phát hành/Phương án sử dụng vốn phát hành, Phương án mua lại Trái phiếu trước hạn, các cam kết bổ sung khác đối với Người Sở Hữu Trái phiếu ...
 - + Đối với Chứng quyền: thời hạn, giá mua cổ phần khi thực hiện chứng quyền, số lần, số lượng Chứng quyền thực hiện từng đợt, thời điểm thực hiện Chứng quyền, trình tự thủ tục thực hiện quyền mua cổ phần, thực hiện việc phát hành cổ phần tương ứng tại mỗi thời điểm thực hiện Chứng quyền...
 - + Bổ sung các điều khoản, điều kiện chi tiết khác đối với Trái phiếu và Chứng quyền theo quy định của pháp luật và yêu cầu của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.
- Toàn quyền đàm phán, thỏa thuận với các Nhà Đầu tư, tổ chức Tư vấn phát hành, Đại lý phát hành Trái phiếu và các tổ chức/cá nhân khác có liên quan;
- Lựa chọn nhà đầu tư mua Trái phiếu phù hợp, quyết định nội dung, ký kết các văn bản liên quan liên quan đến việc phát hành, Hợp đồng, phụ lục Hợp đồng, tài liệu cần thiết cho việc phát hành và lưu hành Trái phiếu, Chứng quyền của mỗi đợt phát hành;
- Quy định phương án xử lý Trái phiếu không chào bán hết (nếu có);

- Toàn quyền thực hiện việc điều chỉnh phương án phát hành và các Điều khoản và Điều kiện cụ thể của Trái phiếu và Chứng quyền. Sửa đổi, bổ sung, thay đổi mục đích phát hành và phương án sử dụng vốn (nếu cần thiết) đảm bảo việc huy động vốn của Tổng công ty được thành công và đúng quy định của pháp luật. Các nội dung sửa đổi bổ sung phải đảm bảo có lợi nhất cho cổ đông và Tổng công ty;
- Thực hiện việc phát hành theo phương án đã được phê duyệt, bao gồm nhưng không hạn chế việc bổ sung, chỉnh sửa, hoàn chỉnh hoặc thay đổi phương án này theo yêu cầu của các cơ quan quản lý Nhà nước sao cho việc huy động vốn của Tổng Công ty được thực hiện một cách hợp pháp và đúng quy định;
- Thực hiện thay đổi vốn điều lệ, chỉnh sửa Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Tổng công ty, thay đổi Đăng ký doanh nghiệp tương ứng với số cổ phần tăng thêm sau khi Tổng công ty hoàn tất việc phát hành cổ phiếu tương ứng với từng thời theo phương án thực hiện Chứng quyền.

Điều 5. Thông qua Tờ trình số 40/TBĐVN/TTr-HĐQT ngày 20/7/2016 của Hội đồng quản trị Tổng công ty về việc sửa đổi 12 nội dung của Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Tổng công ty cổ phần Thiết bị điện Việt Nam.

Hội đồng quản trị Tổng công ty chịu trách nhiệm thực hiện việc sửa đổi, bổ sung, cập nhật các nội dung này vào Điều lệ, đảm bảo quyền lợi của cổ đông và phù hợp với quy định của pháp luật.

Điều lệ sửa đổi, bổ sung có hiệu lực kể từ ngày được Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2016 của Tổng công ty cổ phần Thiết bị điện Việt Nam thông qua.

Điều 6. Điều khoản thi hành:

Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc có trách nhiệm thi hành Nghị quyết này và tổ chức triển khai theo chức năng, nhiệm vụ được quy định tại Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Tổng công ty cổ phần Thiết bị điện Việt Nam và các quy định của pháp luật có liên quan.

Nơi nhận:

- Các cổ đông;
- UB Chứng khoán NN;
- Lưu VP HĐQT.

**TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỌA**



Nguyễn Hoa Cường

Số: 45 /TBĐVN/BB- ĐHCĐ

Bắc Ninh, ngày 01 tháng 8 năm 2016

BIÊN BẢN
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG BẤT THƯỜNG NĂM 2016
TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAM

A- Thời gian, địa điểm, thành phần :

1. Thời gian: 9h00 ngày 01 tháng 8 năm 2016
2. Địa điểm: Hội trường Cơ quan Tổng công ty cổ phần Thiết bị điện Việt Nam, Khu Công nghiệp Đại Đồng, Tiên Du, Bắc Ninh
3. Thành phần tham dự:
 - Hội đồng quản trị Tổng công ty;
 - Ban Kiểm soát Tổng công ty;
 - Ban Tổng giám đốc Tổng công ty;
 - Và 42 cổ đông, đại diện cho 123.927.710 cổ phần, chiếm 80,21% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Tổng công ty cổ phần Thiết bị điện Việt Nam.

B - Nội dung Đại hội:

I. Khai mạc, Báo cáo kiểm tra tư cách cổ đông.

1. Ông Hoàng Phương: tuyên bố lý do, giới thiệu đại biểu.
2. Ông Nguyễn Minh Nghĩa - thay mặt Ban Kiểm tra tư cách cổ đông báo cáo kết quả kiểm tra Thủ tục triệu tập Đại hội đồng cổ đông và Tư cách cổ đông tham dự Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2016 Tổng công ty cổ phần Thiết bị điện Việt Nam.
 - Đến 9h07 ngày 01 tháng 8 năm 2016, tổng số cổ đông dự họp là: 42 cổ đông, đại diện 123.927.710 cổ phần, chiếm 80.21 % tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Tổng công ty.

- Kết luận: Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2016 của Tổng công ty cổ phần Thiết bị điện Việt Nam đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Tổng công ty.

II. Giới thiệu Chủ tọa, Thư ký, Thông qua Chương trình, Quy chế làm việc của Đại hội, Ban Kiểm phiếu.

1. Ông Hoàng Phương thay mặt Ban Tổ chức giới thiệu Chủ tọa Đại hội gồm:

- Ông Nguyễn Hoa Cương - Chủ tịch HĐQT Tổng công ty cổ phần Thiết bị điện Việt Nam;
- Ông Nguyễn Trọng Tiểu - Ủy viên HĐQT, Tổng giám đốc Tổng công ty cổ phần Thiết bị điện Việt Nam;
- Ông Võ Anh Linh - Ủy viên HĐQT Tổng công ty cổ phần Thiết bị điện Việt Nam.

2. Ông Nguyễn Hoa Cương thay mặt Chủ tọa giới thiệu Đoàn thư ký Đại hội gồm:

- Bà Trương Thị Hương Lan - Trợ lý Chủ tịch HĐQT Tổng công ty;
- Ông Phạm Minh Hiếu - Thư ký Tổng giám đốc Tổng công ty.

3. Ông Nguyễn Hoa Cương thay mặt Chủ tọa Đại hội giới thiệu Ban kiểm phiếu tại Đại hội gồm các ông:

- Ông Hồ Việt Đức, Giám đốc Xưởng Biến dòng - Biên áp 2 - Trưởng ban;
- Ông Phạm Thế Ngọc, Trưởng phòng Kỹ thuật - Ủy viên;
- Ông Đinh Văn Thái - Giám đốc Xưởng Cơ khí - Ủy viên.

Đại hội biểu quyết thông qua danh sách Ban kiểm phiếu: Với số cổ phần biểu quyết tán thành là 123.927.710 cổ phần, chiếm tỷ lệ 100% tổng số cổ phần được quyền biểu quyết tại Đại hội, danh sách Ban kiểm phiếu đã được Đại hội thông qua. Chi tiết cụ thể như trong Biên bản Tổng hợp kiểm phiếu biểu quyết kèm theo Hồ sơ Đại hội.

4. Ông Nguyễn Hoa Cương thay mặt Chủ tọa giới thiệu Chương trình Đại hội của Đại hội.

Đại hội tiến hành biểu quyết thông qua Chương trình Đại hội với kết quả biểu quyết tán thành là 123.927.710 cổ phần, chiếm tỷ lệ 100% tổng số cổ phần được quyền biểu quyết tại Đại hội. Chi tiết cụ thể như trong Biên bản Tổng hợp kiểm phiếu biểu quyết kèm theo Hồ sơ Đại hội.

5. Ông Nguyễn Trọng Tiểu thay mặt Chủ tọa giới thiệu Quy chế làm việc của Đại hội.

Đại hội tiến hành biểu quyết thông qua Quy chế làm việc của Đại hội với kết quả biểu quyết tán thành là 123.927.710 cổ phần, chiếm tỷ lệ 100% tổng số cổ phần được quyền biểu quyết tại Đại hội. Chi tiết cụ thể như trong Biên bản Tổng hợp kiểm phiếu biểu quyết kèm theo Hồ sơ Đại hội.

- Chủ tọa Đại hội thông báo: Tính đến 9h20, có 46 cổ đông dự họp, sở hữu và đại diện sở hữu 124.003.710 cổ phần, chiếm 80,26% tổng số cổ phần được quyền biểu quyết của Tổng công ty.

III. Thông qua Tờ trình về việc bổ nhiệm Thành viên Hội đồng quản trị Tổng công ty cổ phần Thiết bị điện Việt Nam nhiệm kỳ 2016-2020:

- Ông Nguyễn Hoa Cương – Chủ tịch Hội đồng quản trị Tổng công ty thay mặt Chủ tọa Đại hội trình bày nội dung Tờ trình về việc bổ nhiệm ông Nguyễn Văn Tuấn, số hộ chiếu B7831170 cấp ngày 12/4/2013 tại Hà Nội làm Thành viên Hội đồng quản trị Tổng công ty cổ phần Thiết bị điện Việt Nam kể từ ngày 16/7/2016 thay thế cho ông Phạm Mạnh Hà có Đơn xin rút không là Thành viên Hội đồng quản trị Tổng công ty cổ phần Thiết bị điện Việt Nam. Nhiệm kỳ của ông Nguyễn Văn Tuấn bắt đầu từ ngày 16/7/2016 đến hết nhiệm kỳ 2016 – 2020.

- Đại hội tiến hành biểu quyết thông qua Tờ trình của Hội đồng quản trị Tổng công ty về việc bổ nhiệm ông Nguyễn Văn Tuấn làm Thành viên Hội đồng quản trị Tổng công ty cổ phần Thiết bị điện Việt Nam nhiệm kỳ 2016-2020 với kết quả tán thành là 124.003.710 cổ phần, chiếm tỷ lệ 100% tổng số cổ phần được quyền biểu quyết tại Đại hội.

IV. Thông qua Tờ trình về Đề án Tái cấu trúc Tổng công ty:

1. Ông Nguyễn Hoa Cương thay mặt Chủ tọa Đại hội trình bày tóm tắt Đề án tái cấu trúc Tổng công ty với một số nội dung chính như sau:

- Thành lập Công ty TNHH một thành viên Thiết bị đo điện (do Tổng công ty nắm giữ 100% Vốn điều lệ) với Vốn điều lệ dự kiến là 368 tỷ đồng (Ba trăm

- sáu mươi tám tỷ đồng Việt Nam). Công ty TNHH một thành viên Thiết bị đo điện sẽ vận hành toàn bộ hoạt động sản xuất, kinh doanh thiết bị đo điện hiện nay của Tổng công ty.
- Thành lập Công ty TNHH một thành viên Bất động sản GELEX (do Tổng công ty nắm giữ 100% Vốn điều lệ) với lĩnh vực hoạt động là kinh doanh bất động sản. Vốn điều lệ dự kiến của Công ty TNHH một thành viên Bất động sản GELEX dự kiến là 900 tỷ đồng (Chín trăm tỷ đồng Việt Nam).
 - Mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty sang lĩnh vực năng lượng, trên cơ sở thành lập Công ty TNHH một thành viên Đầu tư Năng lượng GELEX với vốn điều lệ dự kiến 600 tỷ đồng (Sáu trăm tỷ đồng Việt Nam) hoạt động trong lĩnh vực đầu tư các dự án phát điện và các lĩnh vực khác liên quan tới điện. Công ty TNHH một thành viên Đầu tư Năng lượng sẽ thực hiện việc đầu tư dự án mới; hoặc mua bán doanh nghiệp, mua bán các dự án đang triển khai trong lĩnh vực phát điện và các lĩnh vực khác liên quan đến điện.
 - Mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng Công ty sang lĩnh vực Logistic, thông qua việc tìm kiếm, thương thảo để mua lại cổ phần chi phối của các doanh nghiệp kinh doanh trong lĩnh vực khai thác cảng biển, kinh doanh kho bãi, vận tải, dịch vụ logistics đang hoạt động tốt, bao gồm nhưng không hạn chế ở việc thương thảo để mua lại cổ phần chi phối của Công ty cổ phần Kho vận Miền Nam – Sotrans (mã chứng khoán STG). Tổng giá trị đầu tư vào lĩnh vực logistics dự kiến là 1.500 tỷ đồng (Một nghìn năm trăm tỷ đồng Việt Nam).
 - Tổ chức lại các Phòng, Ban tại Tổng Công ty để nâng cao năng lực đầu tư và quản lý đầu tư.
 - Đại hội đồng cổ đông ủy quyền/giao cho Hội đồng quản trị được toàn quyền chủ động tiến hành các công việc sau:
 - + Thực hiện các công việc, thủ tục cần thiết có liên quan để mở rộng, thay đổi ngành nghề kinh doanh của Tổng Công ty theo định hướng đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.
 - + HĐQT và Ban Tổng Giám đốc xây dựng phương án chi tiết, quyết định và thực hiện tất cả các công việc, thủ tục cần thiết có liên quan để thành lập Công ty TNHH một thành viên Thiết bị đo điện, Công ty TNHH một thành viên Bất động sản GELEX, Công ty TNHH một thành viên Đầu tư Năng lượng.
 - + Lên kế hoạch chi tiết và triển khai thực hiện việc tổ chức lại các Phòng, Ban tại Tổng Công ty.
 - + Thực hiện tìm kiếm các đối tác để thương thảo, ký kết hợp đồng mua cổ phần, quyết định các vấn đề và thực hiện các thủ tục có liên quan khác để mua chi phối cổ phần của Công ty cổ phần Kho vận Miền Nam – Sotrans (mã chứng khoán STG) cũng như các doanh nghiệp hoạt động hiệu quả khác trong lĩnh vực logistics theo đúng quy định của pháp luật hiện hành và Điều lệ Tổng Công ty.

- + Thực hiện mọi công việc, thủ tục có liên quan khác để hoàn tất việc tái cấu trúc Tổng Công ty theo định hướng đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

2. Chủ tọa Đại hội điều hành thảo luận về nội dung Đề án.

- Không có ý kiến đóng góp nào của các cổ đông .

3. Đại hội tiến hành biểu quyết thông qua nội dung Tờ trình về Đề án tái cấu trúc Tổng công ty.

- Chủ tọa Đại hội thông báo: Tính đến 9h42, có 49 cổ đông dự họp, sở hữu và đại diện sở hữu 124.034.510 cổ phần, chiếm 80,28%/ tổng số cổ phần được quyền biểu quyết của Tổng công ty.

4. Đại hội tiến hành biểu quyết thông qua Đề án Tái cấu trúc Tổng Công ty với kết quả tán thành là 124.034.510 cổ phần, chiếm tỷ lệ 100% tổng số cổ phần được quyền biểu quyết tại Đại hội. Chi tiết cụ thể như trong Biên bản Tổng họp kiểm phiếu biểu quyết kèm theo Hồ sơ Đại hội.

V. Thông qua Phương án phát hành cổ phiếu tăng Vốn điều lệ của Tổng công ty:

Ông Võ Anh Linh thay mặt Chủ tọa Đại hội trình bày Tờ trình về Phương án phát hành cổ phiếu tăng Vốn điều lệ của Tổng công ty với một số nội dung chính như sau:

- Số lượng cổ phần dự kiến phát hành: 77.250.000 cổ phần
- Loại cổ phần phát hành: Cổ phần phổ thông
- Đối tượng phát hành: Cổ đông hiện hữu
- Tỷ lệ phát hành: Tỷ lệ thực hiện quyền mua cổ phần là 2:1 (cổ đông sở hữu 1 cổ phần tương ứng với 1 quyền, 2 quyền được mua 1 cổ phần mới)
- Giá phát hành: 18.000 đồng/cổ phần
- Phương án sử dụng số tiền thu được từ việc phát hành cổ phiếu tăng Vốn điều lệ:

+ Tổng số vốn thu được từ việc chào bán cổ phiếu: dự kiến 1.390.500.000.000 đồng (Một nghìn ba trăm chín mươi tỷ năm trăm triệu đồng)

+ Phương án sử dụng vốn:

- Tăng tỷ lệ sở hữu tại Công ty cổ phần Thiết bị điện thông qua việc mua cổ phần chào bán cho Cổ đông chiến lược: dự kiến 578.200.000.000 đồng (Năm trăm bảy mươi tám tỷ hai trăm triệu đồng).

- Đầu tư vào ngành logistics thông qua việc tìm kiếm, thương thảo để mua cổ phần chi phối của các doanh nghiệp đang hoạt động hiệu quả trong ngành, bao gồm Công ty cổ phần Kho vận miền Nam và các doanh nghiệp khác: dự kiến 812.300.000.000 đồng (Tám trăm mười hai tỷ ba trăm triệu đồng).
- Ủy quyền cho HĐQT
 - + Ủy quyền cho HĐQT xây dựng và thông qua Phương án sử dụng vốn chi tiết cho các mục đích sử dụng vốn thu được từ đợt phát hành.
 - + Ủy quyền cho HĐQT điều chỉnh việc phân bổ số tiền thu được từ đợt chào bán cho các mục đích sử dụng vốn đã được thông qua và/hoặc thay đổi mục đích sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán cho phù hợp với tình hình thực tế và báo cáo Đại hội đồng cổ đông gần nhất về các nội dung điều chỉnh liên quan đến phương án sử dụng vốn này.
 - + Thực hiện đăng ký lưu ký bổ sung toàn bộ số lượng cổ phần mới phát hành trên Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam và đăng ký giao dịch bổ sung toàn bộ số lượng cổ phần mới phát hành trên Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội.
 - + Ủy quyền cho HĐQT thực hiện các công việc liên quan đến đợt phát hành tăng Vốn điều lệ này.

VI. Thông qua Phương án phát hành riêng lẻ Trái phiếu kèm Chứng quyền:

Ông Võ Anh Linh thay mặt Chủ tọa Đại hội trình bày Tờ trình về Phương án phát hành riêng lẻ Trái phiếu kèm Chứng quyền với một số nội dung chính như sau:

1.1. Một số Điều kiện và điều khoản của Trái phiếu:

1. Loại Trái phiếu:	Trái phiếu doanh nghiệp không chuyển đổi, có đảm bảo bằng tài sản hoặc không có đảm bảo bằng tài sản và kèm theo chứng quyền.
2. Số lượng Trái phiếu phát hành dự kiến:	2.000 (Hai nghìn) trái phiếu tương đương 2.000.000.000.000 đồng Việt Nam (Hai nghìn tỷ đồng) tính theo mệnh giá. Trái phiếu có thể được phát hành theo nhiều đợt.
3. Đối tượng phát hành:	Tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước.
4. Hình thức phát hành:	Phát hành riêng lẻ cho dưới 100 nhà đầu tư không kể nhà đầu tư chuyên nghiệp theo Nghị định số 90/2011/NĐ-CP thông qua đại lý phát hành

5. Kỳ hạn Trái phiếu:	Tối thiểu 01 (một) năm và tối đa 03 (ba) năm kể từ Ngày Phát hành. Ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định kỳ hạn trái phiếu của từng đợt phát hành.
6. Mục đích phát hành:	<ul style="list-style-type: none"> + Đầu tư, xây dựng dự án Khu phức hợp Khách sạn, Trung tâm thương mại, Văn phòng cho thuê tại số 10 Trần Nguyễn Hãn; + Tái cơ cấu các khoản nợ của Tổng công ty + Tăng quy mô vốn hoạt động của Tổng công ty. Trong đó: <ul style="list-style-type: none"> - Thành lập Công ty TNHH MTV Bất động sản GELEX; - Thành lập Công ty TNHH MTV Đầu tư Năng lượng GELEX, hoạt động trong lĩnh vực đầu tư các dự án phát điện và các dự án kinh doanh liên quan đến điện khác; - Tăng quy mô vốn hoạt động của Tổng công ty - Các nội dung khác phù hợp với quy định của pháp luật Ủy quyền cho Hội đồng quản trị xây dựng, điều chỉnh, thay đổi mục đích phát hành phù hợp với nhu cầu sử dụng vốn và tình hình thị trường.

1.2. Một số Điều kiện và điều khoản của chứng quyền

1. Tổng số lượng chứng quyền phát hành:	2.000 (Hai nghìn) chứng quyền (với mỗi trái phiếu mua ban đầu, nhà đầu tư sẽ nhận được 01 (một) chứng quyền). Chứng quyền được phát hành thành nhiều đợt, số lượng Chứng quyền của mỗi đợt phát hành sẽ tương ứng với số lượng Trái Phiếu phát hành của từng đợt.
2. Số lượng cổ phần phát hành theo mỗi chứng quyền:	Số lượng cổ phần phát hành theo mỗi chứng quyền là 50.000 (Năm mươi nghìn) cổ phần cho 01 (một) chứng quyền. Số lượng cổ phần phát hành theo mỗi chứng quyền (50.000 cổ phần) vừa nêu là số lượng cổ phần tính tương ứng với Giá mua cổ phần được áp dụng tại mỗi thời điểm phát hành Trái phiếu kèm chứng quyền là 20.000 (Hai mươi nghìn) đồng/cổ phần.
3. Tổng số lượng cổ phần phát hành tối đa:	100.000.000 (Một trăm triệu) cổ phần
4. Loại cổ phần phát hành theo Chứng quyền:	Cổ phần phổ thông tự do chuyển nhượng

5. Giá mua cổ phần khi thực hiện Chứng quyền:	Giá mua cổ phần khi thực hiện Chứng quyền được điều chỉnh theo điều khoản chống pha loãng theo quy định tại bảng Điều kiện và Điều khoản của chứng quyền này. Trong mọi trường hợp, Giá mua cổ phần khi thực hiện chứng quyền không thấp hơn 10.000 (Mười nghìn) đồng/cổ phần
6. Thời điểm thực hiện Chứng quyền:	Chứng quyền kèm theo Trái phiếu của mỗi đợt phát hành được thực hiện tại các thời điểm sau thời hạn 01 (một) năm kể từ ngày hoàn thành đợt phát hành Trái phiếu đó.

Đại hội đồng cổ đông thống nhất ủy quyền cho HĐQT thực hiện các công việc sau

- Quy định và xây dựng các điều khoản và điều kiện chi tiết của Trái phiếu và Chứng quyền bao gồm nhưng không hạn chế ở:
 - + Đối với Trái phiếu: số lượng phát hành, số đợt phát hành, kỳ hạn, lãi suất, kỳ trả lãi, ngày phát hành, ngày đáo hạn, kỳ xác định lãi suất, tài sản bảo đảm, điều chỉnh/thay đổi mục đích phát hành/Phương án sử dụng vốn phát hành, Phương án mua lại Trái phiếu trước hạn, các cam kết bổ sung khác đối với Người Sở Hữu Trái phiếu ...
 - + Đối với Chứng quyền: thời hạn, giá mua cổ phần khi thực hiện chứng quyền, số lần, số lượng Chứng quyền thực hiện từng đợt, thời điểm thực hiện Chứng quyền, trình tự thủ tục thực hiện quyền mua cổ phần, thực hiện việc phát hành cổ phần tương ứng tại mỗi thời điểm thực hiện Chứng quyền...
 - + Bổ sung các điều khoản, điều kiện chi tiết khác đối với Trái phiếu và Chứng quyền theo quy định của pháp luật và yêu cầu của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.
- Toàn quyền đàm phán, thỏa thuận với các Nhà Đầu tư, tổ chức Tư vấn phát hành, Đại lý phát hành Trái phiếu và các tổ chức/cá nhân khác có liên quan;
- Lựa chọn nhà đầu tư mua Trái phiếu phù hợp, quyết định nội dung, ký kết các văn bản liên quan liên quan đến việc phát hành, Hợp đồng, phụ lục Hợp đồng, tài liệu cần thiết cho việc phát hành và lưu hành Trái phiếu, Chứng quyền của mỗi đợt phát hành;
- Quy định phương án xử lý Trái phiếu không chào bán hết (nếu có);
- Toàn quyền thực hiện việc điều chỉnh phương án phát hành và các Điều khoản và Điều kiện cụ thể của Trái phiếu và Chứng quyền. Sửa đổi, bổ sung, thay đổi mục đích phát hành và phương án sử dụng vốn (nếu cần

thiết) đảm bảo việc huy động vốn của Tổng công ty được thành công và đúng quy định của pháp luật. Các nội dung sửa đổi bổ sung phải đảm bảo có lợi nhất cho cổ đông và Tổng công ty;

- Thực hiện việc phát hành theo phương án đã được phê duyệt, bao gồm nhưng không hạn chế việc bổ sung, chỉnh sửa, hoàn chỉnh hoặc thay đổi phương án này theo yêu cầu của các cơ quan quản lý Nhà nước sao cho việc huy động vốn của Tổng Công ty được thực hiện một cách hợp pháp và đúng quy định;
- Thực hiện thay đổi Vốn điều lệ, chỉnh sửa Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Tổng công ty, thay đổi Đăng ký doanh nghiệp tương ứng với số cổ phần tăng thêm sau khi Tổng công ty hoàn tất việc phát hành cổ phiếu tương ứng với từng thời theo phương án thực hiện Chứng quyền.

- Chủ tọa Đại hội thông báo: Tính đến 10h15 có 47 cổ đông dự họp, sở hữu và đại diện sở hữu 124.034.610 cổ phần, chiếm 80,28%/ tổng số cổ phần được quyền biểu quyết của Tổng công ty.

VII. Đại hội thảo luận về nội dung Phương án phát hành cổ phiếu tăng Vốn điều lệ và Phát hành riêng lẻ Trái phiếu kèm Chứng quyền:

1. Chủ tọa Đại hội điều hành thảo luận về nội dung hai Phương án.

- Cổ đông mang Mã số cổ đông dự họp số 0042, đại diện cho 9.000 cổ phần có ý kiến:

+ Trong Phương án sẽ đầu tư 812 tỷ đồng vào lĩnh vực logistic, trong đó có kế hoạch mua lại Công ty cổ phần Kho vận Miền Nam STG với tỷ lệ nắm giữ chi phối. Nếu chi phối thì dự kiến tỷ lệ là bao nhiêu. Nếu giá đàm phán quá cao thì liệu Phương án có thành công như dự kiến của HĐQT?

+ HĐQT có Phương án đầu tư tiếp vào CADIVI không trong trường hợp CADIVI tăng vốn?

+ Dự án Trần Nguyên Hãn đã có quy hoạch kiến trúc chưa? Theo Phương án cũ thì sẽ hợp tác với một số nhà đầu tư khác. Nhưng trong Phương án phát hành trái phiếu kèm chứng quyền thì một trong những mục đích là tạo nguồn vốn đầu tư cho Dự án này, trong khi dòng tiền từ Dự án sẽ chậm so với thời hạn trái phiếu phát hành. Liệu có rủi ro cho quá trình thanh toán Trái phiếu?

+ Việc đầu tư vào năng lượng, sẽ đầu tư trực tiếp hay mua lại Dự án? Thủy điện hay nhiệt điện?

+ Kết quả hoạt động kinh doanh 6 tháng. Việc sản xuất và tiêu thụ sản phẩm công tơ điện tử hiện đang phát triển như thế nào?

- Ông Võ Anh Linh:

+ Khi xác định đầu tư vào Sotrans với số lượng cổ phần chi phối thì chắc chắn sẽ mua trên 51% Vốn điều lệ. Giá mua sẽ được xác định trên cơ sở thuê 02 công ty chứng khoán có uy tín trên thị trường để nghiên cứu, tư vấn mức giá mua phù hợp.

+ Trong 812 tỷ đồng đầu tư vào lĩnh vực logistic sẽ dùng để mua Sotrans và các doanh nghiệp khác.

+ Khi đưa kế hoạch phát hành trái phiếu, Tổng công ty có kết quả hoạt động kinh doanh tốt, đảm bảo dòng tiền đủ chi trả gốc trái phiếu cho dù các trái chủ không thực hiện chứng quyền.

+ Dự kiến tập trung vào lĩnh vực thủy điện và sẽ nghiên cứu lĩnh vực nhiệt điện với định hướng mua các doanh nghiệp thủy điện đang hoạt động.

- Ông Nguyễn Hoa Cường:

+ GELEX hiện đang sở hữu những đơn vị thành viên có kết quả kinh doanh tốt như: CADIVI, THIBIDI, ...

+ Công ty CADIVI là thương hiệu mà GELEX luôn muốn nắm tỷ lệ sở hữu cổ phần lớn. Trong trường hợp CADIVI tăng vốn, GELEX chắc chắn sẽ mua hết số cổ phần được quyền mua.

+ Dự án Trần Nguyên Hãn: tiếp tục được khởi động và hoàn thành các thủ tục có liên quan. Đã có văn bản qui hoạch kiến trúc tổng thể nhưng tới thời điểm nay Thành phố đang yêu cầu điều chỉnh lại. GELEX đã ký Hợp đồng hợp tác với 02 đối tác để thực hiện Dự án nhưng do việc chuyển quyền đầu tư cho pháp nhân mới là Công ty liên doanh sẽ khó khăn nên GELEX sẽ chủ động phối hợp với các đối tác hoàn tất thủ tục pháp lý có liên quan trước khi thành lập Công ty liên doanh.

- Ông Nguyễn Trọng Tiếu:

+ Kết thúc 6 tháng đầu năm, Tổng Công ty đã đạt kết quả hoạt động SXKD tương đối khả quan với 244 tỷ đồng lợi nhuận so với 232 tỷ đồng cùng kỳ năm 2015.

+ Logistic là mảng thị trường có nhiều tiềm năng. Với kinh nghiệm của các nhà đầu tư mới, GELEX có điều kiện để đầu tư và phát triển lĩnh vực dịch vụ logistic. HĐQT cam kết khi đàm phán mua lại các công ty này sẽ luôn đảm bảo hiệu quả đầu tư vốn cho cổ đông.

2. Đại hội tiến hành biểu quyết thông qua nội dung Tờ trình về Phương án phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ và Phương án Phát hành riêng lẻ Trái phiếu kèm Chứng quyền của Tổng công ty bằng hình thức thu Phiếu biểu quyết.

3. Với kết quả tán thành là 124.034.610 cổ phần, chiếm tỷ lệ 100% tổng số cổ phần được quyền biểu quyết tại Đại hội, Phương án phát hành cổ phiếu tăng Vốn điều lệ của Tổng công ty đã được Đại hội biểu quyết thông qua. Chi tiết cụ thể như trong Biên bản Tổng hợp kiểm phiếu biểu quyết kèm theo Hồ sơ Đại hội.

4. Với kết quả tán thành là 124.034.610 cổ phần, chiếm tỷ lệ 100% tổng số cổ phần được quyền biểu quyết tại Đại hội, Phương án phát hành Trái phiếu kèm Chứng quyền đã được Đại hội biểu quyết thông qua. Chi tiết cụ thể như trong Biên bản Tổng hợp kiểm phiếu biểu quyết kèm theo Hồ sơ Đại hội.

VIII. Thông qua Tờ trình sửa đổi Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Tổng công ty cổ phần Thiết bị điện Việt Nam:

1. Ông Nguyễn Trọng Tiểu thay mặt Chủ tọa Đại hội trình bày nội dung Tờ trình về việc sửa đổi Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Tổng công ty cổ phần Thiết bị điện Việt Nam gồm 12 nội dung (chi tiết như Phụ lục kèm theo Hồ sơ Đại hội).

2. Chủ tọa Đại hội điều hành thảo luận về nội dung sửa đổi Điều lệ:

- *Không có ý kiến đóng góp nào của các cổ đông.*

3. Đại hội tiến hành biểu quyết thông qua 12 nội dung sửa đổi Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Tổng Công ty cổ phần Thiết bị điện Việt Nam với kết quả tán thành là 124.034.610 cổ phần, chiếm tỷ lệ 100% tổng số cổ phần được quyền biểu quyết tại Đại hội. Chi tiết cụ thể như trong Biên bản Tổng hợp kiểm phiếu biểu quyết kèm theo Hồ sơ Đại hội.

- *Chủ tọa Đại hội thông báo: Tính đến 11h35 có 42 cổ đông dự họp, sở hữu và đại diện sở hữu 124.002.010 cổ phần, chiếm 80,26%/ tổng số cổ phần được quyền biểu quyết của Tổng công ty.*

IX. Ban Kiểm phiếu báo cáo Tổng hợp kết quả kiểm phiếu biểu quyết:

Ông Hồ Việt Đức thay mặt Ban Kiểm phiếu báo cáo Tổng hợp Kết quả kiểm phiếu biểu quyết các nội dung đã được biểu quyết tại Đại hội. Chi tiết cụ thể như trong Biên bản Tổng hợp kiểm phiếu biểu quyết kèm theo Hồ sơ Đại hội.

X. Thông qua Biên bản và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2016:

1. Bà Trương thị Hương Lan - thay mặt Đoàn Thư ký trình bày trước Đại hội nội dung Dự thảo Biên bản Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2016.

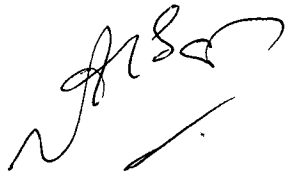
2. Đại hội tiến hành biểu quyết thông qua nội dung của Biên bản Đại hội với kết quả tán thành là 124.002.010 cổ phần, chiếm tỷ lệ 100% tổng số cổ phần được quyền biểu quyết tại Đại hội. Chi tiết cụ thể như trong Biên bản Tổng hợp kiểm phiếu biểu quyết kèm theo Hồ sơ Đại hội.

4. Bà Trương thị Hương Lan - thay mặt Đoàn Thư ký trình bày trước Đại hội nội dung Dự thảo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2016 Tổng công ty cổ phần Thiết bị điện Việt Nam.

5. Đại hội tiến hành biểu quyết thông qua Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2016 Tổng công ty cổ phần Thiết bị điện Việt Nam với kết quả tán thành là 124.002.010 cổ phần, chiếm tỷ lệ 100% tổng số cổ phần được quyền biểu quyết tại Đại hội. Chi tiết cụ thể như trong Biên bản Tổng hợp kiểm phiếu biểu quyết kèm theo Hồ sơ Đại hội.

XI- Ông Nguyễn Hoa Cường tuyên bố bế mạc Đại hội.

TM/ ĐOÀN THƯ KÝ



Trương Thị Hương Lan

TM/ CHỦ TỌA ĐẠI HỘI



Nguyễn Hoa Cường

Số: 38 /TBĐVN/TTr- HĐQT

Hà Nội, ngày 20 tháng 7 năm 2016

TỜ TRÌNH

(Về việc phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ)

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Tổng công ty cổ phần Thiết bị điện Việt Nam

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 ngày 29/06/2006 và các văn bản hướng dẫn;
- Căn cứ Luật Chứng khoán sửa đổi bổ sung số 62/2010/QH ngày 24/11/2010 và các văn bản hướng dẫn;
- Căn cứ Điều lệ Tổ chức và hoạt động Tổng công ty cổ phần Thiết bị điện Việt Nam;
- Căn cứ kế hoạch sản xuất kinh doanh của Tổng công ty cổ phần Thiết bị điện Việt Nam.

Hội đồng quản trị Tổng công ty cổ phần Thiết bị điện Việt Nam kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua chủ trương tăng vốn điều lệ của Tổng công ty năm 2016 theo **Phương án phát hành đính kèm** Tờ trình này.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và cho ý kiến biểu quyết.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thư ký TCTy;
- Lưu VP HĐQT.

**TM/ HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Hoa Cường

PHƯƠNG ÁN PHÁT HÀNH CỔ PHIẾU TĂNG VỐN ĐIỀU LỆ

(đính kèm Tờ trình số 38/TBĐVN/TTr-HĐQT ngày 20/7/2016)

1. Căn cứ pháp lý cho việc phát hành cổ phiếu:

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 ngày 29/06/2006 và các văn bản hướng dẫn;
- Căn cứ Luật Chứng khoán sửa đổi bổ sung số 62/2010/QH ngày 24/11/2010 và các văn bản hướng dẫn;
- Căn cứ Điều lệ Tổ chức và hoạt động Tổng công ty cổ phần Thiết bị điện Việt Nam;
- Căn cứ vào kế hoạch sản xuất kinh doanh của Tổng công ty cổ phần Thiết bị điện Việt Nam.

2. Giới thiệu chung về tổ chức phát hành

- Tên tổ chức phát hành: Tổng công ty cổ phần Thiết bị điện Việt Nam
- Địa chỉ: Số 52, Lê Đại Hành, phường Lê Đại Hành, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội
- Điện thoại: (84-4) 39726245/46, (84-4) 38257979
- Fax: (84-4) 39726282, (84-4) 38260735
- Website: www.gelex.vn
- Vốn điều lệ: 1.550.000.000.000 đồng
- Mã chứng khoán: GEX
- Ngành nghề kinh doanh:

Đầu tư, quản lý vốn đầu tư và trực tiếp sản xuất kinh doanh trong các ngành nghề, lĩnh vực chính là:

- ✓ Sản xuất kinh doanh thiết bị điện dùng trong công nghiệp, nông nghiệp và dân dụng;
- ✓ Thiết kế, chế tạo, kinh doanh và sửa chữa các thiết bị đo đếm điện một pha, ba pha (có dòng điện một chiều và xoay chiều) các cấp điện áp hạ thế, trung thế và cao thế đến 220KV;
- ✓ Thi công, lắp đặt công trình đường dây, trạm biến áp đến 220KV;
- ✓ Thi công các công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp, giao thông, công trình thủy lợi;
- ✓ Kinh doanh bất động sản, dịch vụ khách sạn, du lịch và cho thuê văn phòng, nhà ở, nhà xưởng, kho bãi, kinh doanh tổ chức dịch vụ du lịch lữ hành nội địa và quốc tế;
- ✓ Kinh doanh, xuất nhập khẩu vật tư, thiết bị, phụ tùng máy móc;

Đối với các ngành nghề kinh doanh có điều kiện, doanh nghiệp chỉ được kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật.

3. Tình hình hoạt động kinh doanh trong 03 năm gần nhất và Kế hoạch kinh doanh năm 2016 - 2018

▪ Kết quả kinh doanh hợp nhất trong 03 năm gần nhất

Chỉ tiêu	Năm 2013 (triệu đồng)	Năm 2014 (triệu đồng)	Năm 2015 (triệu đồng)
Tổng tài sản	4.736.796	5.146.416	4.917.504
Vốn điều lệ	1.400.000	1.400.000	1.550.000
Doanh thu thuần	7.388.083	8.735.023	8.382.707
Lợi nhuận thuần từ HĐKD	459.607	604.483	571.329
Lợi nhuận trước thuế	535.206	573.229	574.403
Lợi nhuận sau thuế	411.609	448.225	455.996
Lợi nhuận sau thuế của cổ đồng công ty mẹ	309.553	318.432	321.996
Tỷ lệ trả cổ tức (% Mệnh giá)	12%	12%	10%

Nguồn: BCTC kiểm toán hợp nhất năm 2013, 2014 và 2015 của GELEX

▪ Kế hoạch kinh doanh hợp nhất năm 2016 – 2018

Chỉ tiêu	Năm 2016 (triệu đồng)	Năm 2017 (triệu đồng)	Năm 2018 (triệu đồng)
Vốn điều lệ	2.322.500	2.822.500	3.322.500
Doanh thu thuần	12.353.277	14.430.460	16.188.387
Lợi nhuận thuần từ HĐKD	1.358.674	1.248.615	1.443.606
Lợi nhuận trước thuế	1.418.674	1.248.615	1.443.606
Lợi nhuận sau thuế	1.168.610	1.043.721	1.207.601
Lợi nhuận sau thuế của cổ đồng công ty mẹ	763.880	722.816	833.296
EPS (đồng/cổ phần)	3.289	2.561	2.508
Tỷ lệ trả cổ tức (% Mệnh giá)	10%	10%	10%

Nguồn: GELEX

4. Sự cần thiết của việc tăng vốn điều lệ

Thực hiện kế hoạch tái cấu trúc Tổng công ty theo mô hình tập đoàn, theo đó, ngành nghề kinh doanh của Tổng công ty sẽ được mở rộng sang các lĩnh vực tiềm năng và mỗi lĩnh vực sản xuất kinh doanh cụ thể sẽ do từng công ty con tổ chức thực hiện. Đối với các Công ty con, công ty liên kết hiện tại có hiệu quả kinh doanh và tiềm năng phát triển tốt, Tổng công ty sẽ tăng tỷ lệ sở hữu thông qua việc tham gia mua cổ phần phát hành cho cổ đông chiến lược. Việc tái cấu trúc Tổng công ty nhằm các mục tiêu chính như sau:

- Tách bạch hoạt động sản xuất kinh doanh trực tiếp và hoạt động đầu tư, quản lý vốn đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết.
- Tổ chức hoạt động sản xuất đối với từng lĩnh vực cụ thể tại từng công ty nhằm tăng tính chuyên nghiệp, chuyên sâu của từng Công ty con trong lĩnh vực phụ trách, từ đó nâng cao năng lực hoạt động và sức cạnh tranh

- Cấu trúc lại bộ máy Tổng công ty nhằm nâng cao năng lực hoạt động đầu tư chiến lược và quản lý vốn đầu tư. Tổng công ty sẽ tập trung hiệu quả hơn vào các chức năng định hướng chiến lược, kế hoạch cho công ty con; Hỗ trợ trong hoạt động sản xuất kinh doanh, phối kết hợp giữa các đơn vị trong Tổng công ty; Theo dõi, giám sát hoạt động kinh doanh của các đơn vị thành viên; Thực hiện hoạt động đầu tư chiến lược; Phát triển thương hiệu chung; Xây dựng và phát triển quan hệ với đối tác, với cơ quan quản lý
- Mở rộng ngành nghề kinh doanh sang các lĩnh vực có tiềm năng như logistic, năng lượng, bất động sản nhằm tận dụng các lợi thế hiện có và sự tương hỗ giữa Tổng công ty với các công ty con, tận dụng các cơ hội trong quá trình hội nhập kinh tế của Việt Nam mang lại.

Để mở rộng hoạt động kinh doanh sang các lĩnh vực tiềm năng nêu trên một cách nhanh chóng, hiệu quả và minh bạch, Tổng công ty dự kiến sẽ tiến hành các hoạt động mua cổ phần của các doanh nghiệp đang hoạt động hiệu quả trong ngành nghề, lĩnh vực đó theo đúng các quy định liên quan của Pháp luật và Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Tổng công ty.

5. Phương án phát hành:

Hội đồng quản trị Tổng công ty cổ phần Thiết bị điện Việt Nam xây dựng và đề xuất phương án tăng vốn điều lệ thông qua phát hành thêm cổ phiếu như sau:

- Tên cổ phiếu phát hành: Cổ phiếu Tổng công ty cổ phần Thiết bị điện Việt Nam
- Vốn điều lệ trước khi phát hành: 1.550.000.000.000 đồng
- Số lượng cổ phần đang lưu hành trước khi phát hành: 154.500.000 cổ phần
- Số lượng cổ phiếu quỹ: 500.000 cổ phần
- Số lượng cổ phần dự kiến phát hành: 77.250.000 cổ phần
- Loại cổ phần phát hành: Cổ phần phổ thông
- Mệnh giá phát hành: 10.000 đồng/cổ phần
- Đối tượng phát hành: Cổ đông hiện hữu
- Tỷ lệ phát hành: Tỷ lệ thực hiện quyền mua cổ phần là 2:1 (cổ đông sở hữu 1 cổ phần tương ứng với 1 quyền, 2 quyền được mua 1 cổ phần mới)
- Giá phát hành: 18.000 đồng/cổ phần
- Các cổ đông có quyền chuyển nhượng quyền mua cổ phần cho người khác theo giá thỏa thuận của 2 bên và chỉ được chuyển nhượng một lần (không được chuyển nhượng cho người thứ 3).
- Xử lý số cổ phần lẻ phát sinh và số cổ phần chưa chào bán hết:
 - Đối với cổ phần lẻ phát sinh (nếu có) khi thực hiện quyền, để đảm bảo không vượt quá tổng số lượng cổ phần chào bán, số lượng cổ phần mà cổ đông sở hữu quyền được mua sẽ được làm tròn xuống đến hàng đơn vị.
 - Số lượng cổ phần mà cổ đông hiện hữu được mua nhưng từ chối mua toàn bộ hoặc một phần; số cổ phần lẻ phát sinh (nếu có); và số lượng cổ phần chưa phát hành hết (sau khi phân phối cho cổ đông hiện hữu và xử lý cổ phần lẻ) so với tổng số lượng cổ phần đăng ký phát hành, ĐHCĐ ủy quyền cho Hội đồng quản trị Tổng công ty quyết định Phương án xử lý, đảm bảo đợt chào bán tăng vốn được thành công và đem lại lợi ích cao nhất cho Tổng công ty và cổ đông; bao gồm nhưng không hạn chế ở việc phân phối lại cho các đối tượng khác với giá bán bằng giá chào bán cho cổ đông hiện hữu là 18.000 (Mười tám nghìn) đồng/cổ phần; hoặc thuê đơn vị có chức năng thực hiện việc bảo lãnh phát hành một phần hoặc toàn bộ số cổ phần từ chối mua với giá cổ phần nhận bảo lãnh là 18.000 (Mười tám nghìn) đồng/cổ phần.

- Số lượng cổ phần mà cổ đông hiện hữu được mua nhưng từ chối mua nêu trên khi chào bán cho đối tượng khác theo quyết định của HĐQT sẽ bị hạn chế chuyển nhượng trong vòng 01 năm kể từ ngày hoàn thành đợt chào bán.
- Số lượng cổ phần do đơn vị bảo lãnh nhận bảo lãnh phát hành được tự do chuyển nhượng.
- Thời gian thực hiện dự kiến: Ủy quyền cho HĐQT quyết định sau khi được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp phép
- Xử lý trong trường hợp không chào bán hết số cổ phiếu đăng ký phát hành:
 Trong trường hợp kết thúc thời gian chào bán theo quy định, Công ty không chào bán hết số lượng cổ phần như đăng ký, số tiền thu được từ đợt phát hành không đủ theo đúng dự kiến, để thực hiện những mục đích đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua, tùy tình hình thực tế, ĐHCĐ ủy quyền cho HĐQT thực hiện các giải pháp như sau:
 - Xin gia hạn đợt chào bán để tiếp tục chào bán nốt số cổ phiếu còn lại;
 - Tiến hành bổ sung nguồn vốn còn thiếu thông qua vay ngân hàng theo các Hợp đồng tín dụng...
- Vốn điều lệ sau khi phát hành: 2.322.500.000.000 đồng
- Số lượng cổ phần sau khi phát hành: 232.250.000 cổ phần
- Phương án sử dụng số tiền thu được từ việc phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ:
 - Tổng số vốn thu được từ việc chào bán cổ phiếu: 1.390.500.000.000 đồng
 - Phương án sử dụng vốn:
 - Tăng tỷ lệ sở hữu tại Công ty cổ phần Thiết bị điện thông qua việc mua cổ phần chào bán cho cổ đông chiến lược: dự kiến 578.200.000.000 đồng.
 - Đầu tư vào ngành logistics thông qua việc tìm kiếm, thương thảo để mua cổ phần chi phối của các doanh nghiệp đang hoạt động hiệu quả trong ngành, bao gồm Công ty cổ phần Kho vận miền Nam và các doanh nghiệp khác: dự kiến 812.300.000.000 đồng.

(Một số thông tin chính về Công ty cổ phần Thiết bị điện, Công ty cổ phần Kho vận miền Nam và kế hoạch mua cổ phần của Tổng công ty được đính kèm tại Phụ lục 1 và Phụ lục 2)

Ủy quyền cho HĐQT lập và phê duyệt phương án sử dụng vốn chi tiết cho từng mục đích nói trên.

- Nguyên tắc xác định giá phát hành được dựa trên cơ sở giá trị sổ sách, giá thị trường và đánh giá mức độ pha loãng cổ phần dự kiến sau khi phát hành.
 - ✓ Giá trị sổ sách: Tại thời điểm 31/12/2015

$$\begin{array}{l}
 \text{Giá trị sổ sách} \\
 \text{trên mỗi cổ phần}
 \end{array}
 = \frac{\text{Vốn chủ sở hữu – Lợi ích cổ đông không kiểm soát}}{\text{Số lượng cổ phần đã phát hành – Số lượng Cổ phiếu quỹ}}$$

$$= \frac{2.981.559.990.574 – 455.332.932.118}{155.000.000 – 500.000} = 16.351 \text{ đồng/cổ phần}$$

- ✓ Giá thị trường của cổ phiếu GEX tại thời điểm cuối ngày 30/06/2016 là: 24.500 đồng/cổ phần
- ✓ Giá pha loãng của cổ phiếu GEX:

PHỤ LỤC 1. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VÀ KẾ HOẠCH MUA CỔ PHẦN

1. Thông tin về Công ty cổ phần Thiết bị điện (THIBIDI)

- Tên tổ chức phát hành: Công ty Cổ phần Thiết bị điện
- Địa chỉ: Khu công nghiệp Biên Hòa 1, Đường số 09, TP Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai
- Điện thoại: (84-61) 383 6139 - 383 6140 - 383 6897
- Fax: (84-61) 383 6070
- Website: www.thibidi.com
- Vốn điều lệ: 180.000.000.000 đồng
- Ngành nghề kinh doanh:
 - ✓ Thiết kế, chế tạo các loại máy biến thế điện, động cơ điện, các loại máy móc thiết bị điện cao áp, hạ áp và phụ tùng;
 - ✓ Bán buôn các loại máy biến thế điện, động cơ điện, các loại máy móc thiết bị điện cao áp, hạ áp và phụ tùng;
 - ✓ Kinh doanh, xuất nhập khẩu các loại vật tư, thiết bị điện cao áp, hạ áp;
 - ✓ Lắp đặt thiết bị điện cao áp, hạ áp;
 - ✓ Thi công lắp đặt các công trình thiết bị điện;
 - ✓ Thiết kế các công trình thiết bị điện;
 - ✓ Bán lẻ các loại máy biến thế điện, động cơ điện, các loại máy móc thiết bị điện cao áp, hạ áp và phụ tùng;
 - ✓ Dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng thiết bị điện cao áp, hạ áp;
 - ✓ Cho thuê văn phòng.
- Kết quả kinh doanh hợp nhất trong 03 năm gần nhất

Chỉ tiêu	Năm 2013 (triệu đồng)	Năm 2014 (triệu đồng)	Năm 2015 (triệu đồng)
Tổng tài sản	821.489	966.158	1.105.327
Vốn điều lệ	120.000	120.000	180.000
Doanh thu thuần	1.592.033	1.834.265	2.125.397
Lợi nhuận thuần từ HĐKD	104.857	137.583	228.131
Lợi nhuận trước thuế	105.841	137.805	228.491
Lợi nhuận sau thuế	72.870	102.643	182.397
Cổ tức (% Mệnh giá)	25%	25%	40%

2. Mục tiêu của việc mua cổ phần

- Bổ sung nguồn vốn để Thibidi mở rộng sản xuất, duy trì tốc độ tăng trưởng tối thiểu 10%/năm trong 3 năm tới;

- Tăng tỷ lệ sở hữu chi phối Thibidi, đơn vị mạnh và được xác định là chủ lực của Tổng Công ty trong lĩnh vực sản xuất máy biến thế. Từ đó giúp THIBIDI ổn định để phát triển ngành thiết bị điện thông qua việc Tổng Công ty sẽ chủ động hơn trong việc hỗ trợ THIBIDI về nhân sự cao cấp; nguồn tài chính và đảm bảo tài chính; hoạch định chiến lược phát triển; định hướng phát triển, đầu tư trang thiết bị công nghệ; hỗ trợ về quan hệ với đối tác, khách hàng, cơ quan quản lý.
- Với việc tăng vốn điều lệ của THIBIDI và sự gia tăng tỷ lệ sở hữu cổ phần THIBIDI của Tổng công ty, dự kiến kế hoạch kinh doanh của THIBIDI trong giai đoạn 2016 – 2018 như sau:

Chỉ tiêu	Năm 2016 (triệu đồng)	Năm 2017 (triệu đồng)	Năm 2018 (triệu đồng)
Vốn điều lệ	488.000	488.000	488.000
Doanh thu thuần	2.300.000	2.530.000	2.800.000
Lợi nhuận trước thuế	210.000	250.000	300.000
Lợi nhuận sau thuế	168.000	200.000	240.000
Cổ tức (% trên mệnh giá)	25%	25%	25%

3. Kế hoạch mua cổ phần

- Số lượng cổ phần nắm giữ hiện tại: 7.819.264 cổ phần (chiếm 43,44% Vốn điều lệ THIBIDI)
- Số lượng cổ phần dự kiến mua: 23.600.000 cổ phần
- Số lượng cổ phần nắm giữ dự kiến sau khi mua: 34.546.969 cổ phần (bao gồm 23.600.000 cổ phần mua thêm nêu trên và 3.127.705 cổ phần Tổng Công ty được hưởng thông qua việc THIBIDI phát hành tăng vốn từ nguồn vốn chủ sở hữu), chiếm 70,79% Vốn điều lệ THIBIDI sau khi THIBIDI thực hiện thành công phương án phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ theo Nghị quyết ĐHĐCĐ số 07/TBĐ/NQ – ĐHĐCĐ ngày 27/06/2016.
- Loại cổ phần phát hành: Cổ phần phổ thông, hạn chế chuyển nhượng trong vòng 05 năm kể từ ngày hoàn thành đợt phát hành
- Mệnh giá phát hành: 10.000 đồng/cổ phần
- Giá phát hành: 24.500 đồng/cổ phần
- Phương thức thực hiện mua cổ phần: Mua cổ phần phát hành cho cổ đông chiến lược theo Phương án phát hành tăng vốn điều lệ đã được ĐHĐCĐ thông qua
- Thời gian thực hiện dự kiến: Quý III – Quý IV/2016
- Tổng số tiền để mua cổ phần: 578,2 tỷ đồng

PHỤ LỤC 2. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN MIỀN NAM VÀ KẾ HOẠCH MUA CỔ PHẦN

1. Thông tin về Công ty cổ phần Kho vận Miền Nam (Sotrans)

- Tên tổ chức phát hành: Công ty cổ phần Kho vận Miền Nam
- Địa chỉ: Số 1B Hoàng Diệu, phường 13, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh
- Điện thoại: (84-8) 3826 6594
- Fax: (84-8) 3826 6593
- Website: www.sotrans.com.vn
- Vốn điều lệ: 275.606.980.000 đồng (*Tại thời điểm GELEX thông qua Phương án phát hành này, CTCP Kho vận Miền Nam đang tiến hành thủ tục tăng vốn điều lệ lên 854,382 tỷ đồng, dự kiến STG sẽ hoàn thành đợt tăng vốn trong Quý III/2016*)
- Mã chứng khoán: STG
- Sàn niêm yết: HOSE
- Đại diện theo pháp luật: Ông Đặng Vũ Thành - Tổng Giám đốc
- Chủ tịch HĐQT: Ông Nguyễn Văn Tuấn
- Ngành nghề kinh doanh chính:
 - Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa; kinh doanh kho, bãi, cảng, nhà xưởng, văn phòng làm việc;
 - Xếp dỡ, giao nhận hàng hóa, dịch vụ đại lý vận tải bằng đường hàng không, đường biển, đường bộ, đường sắt, vận tải đa phương thức;
 - Đại lý tàu biển, môi giới hàng hải, dịch vụ logistics, dịch vụ hải quan, dịch vụ phát chuyên nhanh; kinh doanh kho ngoại quan CFS (gom, phát hàng lẻ), ICD (cảng thông quan nội địa), trung tâm phân phối (logistics center), dịch vụ kinh doanh hàng quá cảnh và chuyển tải hàng hóa;
 - Đại lý kinh doanh xăng dầu, mua bán dầu nhớt, hóa chất (trừ hóa chất có tính độc hại mạnh);
 - Mua bán, sửa chữa tân trang các loại thùng phi sắt – nhựa, mua bán vật tư, thiết bị vận tải kho hàng.
- Các công ty con và công ty dự kiến mua cổ phần chi phối

Sotrans hiện đang sở hữu 51% vốn điều lệ của Công ty cổ phần Thương mại và Tiếp vận Bảo Tín (Bảo Tín), và đang thực hiện việc mua cổ phần để sở hữu ở mức 75% vốn điều lệ của Tổng công ty cổ phần Đường sông miền Nam (Sowatco - mã CK: SWC) và 75% vốn điều lệ của Công ty cổ phần Vận tải Đa phương thức (Vietranstimex – mã CK: VTX). Các doanh nghiệp này giúp hoàn thiện chuỗi logistics của Sotrans, giúp Sotrans có thể cung cấp chuỗi dịch vụ logistics với nhiều giá trị cho khách hàng, bao gồm các dịch vụ điều phối, dịch vụ vận tải, dịch vụ kho bãi, dịch vụ cảng biển. Thông tin về các đơn vị này được trình bày tại Đề án tái cấu trúc Tổng công ty.

Kết quả kinh doanh trong 03 năm gần nhất của các công ty con và công ty dự kiến mua cổ phần chi phối

- Tổng Công ty cổ phần Đường sông miền Nam

Đơn vị: 1.000 đồng

Chỉ tiêu	Năm 2013	Năm 2014	Năm 2015
Tổng tài sản	1.311.295.454	1.104.017.032	1.123.682.285
Vốn chủ sở hữu	904.567.800	926.427.758	973.258.850
Vốn điều lệ	671.000.000	671.000.000	671.000.000
Doanh thu thuần	1.023.605.630	489.928.198	216.048.425
Lợi nhuận thuần	40.628.589	29.556.520	70.675.105
Lợi nhuận sau thuế	37.221.379	45.508.341	67.051.999

(Nguồn: Báo cáo tài chính hợp nhất đã kiểm toán của Sowatco năm 2014, 2015)

- Công ty cổ phần Vận tải Đa phương thức

Đơn vị: 1.000 đồng

Chỉ tiêu	Năm 2013	Năm 2014	Năm 2015
Tổng tài sản	508.442.292	385.264.432	346.540.056
Vốn chủ sở hữu	229.761.506	234.041.724	238.001.920
Vốn điều lệ	209.723.210	209.723.210	209.723.210
Doanh thu thuần	378.448.159	488.714.099	580.411.232
Lợi nhuận thuần	-9.011.891	-20.073.565	17.698.055
Lợi nhuận sau thuế	1.158.326	6.882.073	18.280.488

(Nguồn: Báo cáo tài chính đã kiểm toán của VTX năm 2014, 2015)

- Công ty cổ phần Thương mại và Tiếp vận Bảo Tín

Đơn vị: đồng

Chỉ tiêu	Năm 2015
Tổng tài sản	21.641.788.601
Vốn chủ sở hữu	14.087.561.394
Vốn điều lệ thực góp	890.000.000
Vốn điều lệ theo đăng ký	14.080.000.000
Vốn điều lệ đăng ký thay đổi tại 14/4/2016	28.740.000.000
Doanh thu thuần	59.042.690.398
Lợi nhuận thuần	13.197.561.394
Lợi nhuận sau thuế	13.197.561.394

(Nguồn: Báo cáo tài chính của CTCPTM và Tiếp Vận Quốc Tế Bảo Tín năm 2015)

- Kết quả kinh doanh hợp nhất 3 năm gần nhất của Công ty cổ phần Kho vận miền Nam

Đơn vị: 1.000 đồng

Chỉ tiêu	Năm 2013	Năm 2014	Năm 2015
Tổng tài sản	187.517.781	256.243.027	672.011.394
Vốn chủ sở hữu	135.783.880	153.180.381	179.359.814
Vốn điều lệ	83.518.570	83.518.570	137.803.490
Doanh thu thuần	661.257.037	872.723.744	1.010.596.638
Lợi nhuận thuần	30.966.697	34.356.439	36.265.524
Lợi nhuận sau thuế	24.061.425	28.064.995	25.599.454

(Nguồn: Báo cáo tài chính hợp nhất đã kiểm toán của Sotrans năm 2014, 2015)

- Kế hoạch kinh doanh hợp nhất dự kiến của Công ty cổ phần Kho vận miền Nam sau khi hoàn tất việc mua cổ phần của Sowatco và Vietransimex

Đơn vị: 1.000 đồng

Chỉ tiêu	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018
Vốn điều lệ	854.381.620	854.381.620	854.381.620
Doanh thu thuần	2.122.918.781	3.161.119.032	3.742.734.591
Lợi nhuận thuần	696.442.052	345.283.944	441.642.111
Lợi nhuận trước thuế	756.442.052	345.283.944	441.642.111
Lợi nhuận sau thuế hợp nhất	612.227.942	294.460.619	379.434.180
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông Công ty mẹ	470.241.151	243.113.001	316.034.451

2. Mục tiêu của việc mua cổ phần

- Nhanh chóng mở rộng hoạt động kinh doanh của Tổng công ty sang lĩnh vực logistic thông qua việc mua lại cổ phần đến mức chi phối của các doanh nghiệp có tiềm năng phát triển tốt, có khả năng cung cấp chuỗi dịch vụ khép kín, có hệ thống kho bãi cầu cảng tại các khu vực trọng điểm kinh tế của đất nước;
- Ngoài việc mang lại hiệu quả kinh doanh cho Tổng công ty, lĩnh vực logistic còn có ảnh hưởng tương hỗ, hỗ trợ tích cực các lĩnh vực hoạt động khác của Tổng công ty.

3. Kế hoạch mua cổ phần

- Số lượng cổ phần nắm giữ hiện tại: 0 cổ phần
- Tỷ lệ sở hữu dự kiến sau khi mua: tỷ lệ sở hữu chi phối
- Loại cổ phần mua: Cổ phần phổ thông, tự do chuyển nhượng
- Mệnh giá phát hành: 10.000 đồng/cổ phần
- Giá mua dự kiến: Căn cứ vào định giá của 2 đơn vị tư vấn độc lập. ĐHĐCĐ ủy quyền cho Hội đồng quản trị lựa chọn 2 đơn vị tư vấn xác định giá cổ phần STG, trong số các Công ty chứng khoán sau:
 - Công ty cổ phần Chứng khoán Sài Gòn (SSI);
 - Công ty cổ phần Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HSC);

- Công ty cổ phần Chứng khoán MB (MBS);
- Công ty TNHH Chứng khoán NH TMCP Ngoại thương Việt nam (VCBS);
- Công ty cổ phần Chứng khoán Bảo Việt.

ĐHĐCĐ ủy quyền cho Hội đồng quản trị căn cứ trên kết quả xác định giá của các đơn vị tư vấn để quyết định mức giá mua cổ phần STG trên cơ sở phù hợp với quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán, và mang lại lợi ích cao nhất cho cổ đông và Tổng Công ty.

- Phương thức thực hiện mua cổ phần: Theo quy định của Pháp luật và Điều lệ, quy định của Tổng công ty.
- Thời gian thực hiện dự kiến: Quý III – Quý IV/2016

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN
THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAM**

---***---

Số: 37 /TBĐVN-HĐQT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

-----***-----

Hà Nội, ngày 26 tháng 9 năm 2016

**NGHỊ QUYẾT CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAM**

V/v: Thông qua việc xử lý số cổ phần lẻ phát sinh và số cổ phần chưa chào bán hết của đợt chào bán cổ phiếu ra công chúng năm 2016

**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAM**

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014;
- Căn cứ Luật chứng khoán đã được Quốc hội thông qua ngày 29/6/2006; Luật Chứng khoán sửa đổi số 62/2010/QH12 ngày 24/11/2010 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị điện Việt Nam;
- Căn cứ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2016 số 27/TBĐVN/NQ-DHĐCĐ ngày 01/8/2016;
- Căn cứ Biên bản họp Hội đồng quản trị Tổng Công ty cổ phần Thiết bị điện Việt Nam số 62.....ngày 26/9.../2016;

QUYẾT NGHỊ

Điều 1: Thông qua việc xử lý số cổ phần lẻ phát sinh và số cổ phần chưa chào bán hết của đợt chào bán cổ phiếu ra công chúng năm 2016:

- Đối với cổ phần lẻ phát sinh (nếu có) khi thực hiện quyền, để đảm bảo không vượt quá tổng số lượng cổ phần chào bán, số lượng cổ phần mà cổ đông sở hữu quyền được mua sẽ được làm tròn xuống đến hàng đơn vị.
- Số lượng cổ phần mà cổ đông hiện hữu được mua nhưng từ chối mua toàn bộ hoặc một phần; số cổ phần lẻ phát sinh (nếu có); và số lượng cổ phần chưa phát hành hết (sau khi phân phối cho cổ đông hiện hữu và xử lý cổ phần lẻ) so với tổng số lượng cổ phần đăng ký phát hành, được phân phối lại cho các đối tượng khác với giá bán bằng giá chào bán cho cổ đông hiện hữu là 18.000 (Mười tám nghìn) đồng/cổ phần.
- Số lượng cổ phần mà cổ đông hiện hữu được mua nhưng từ chối mua nêu trên khi chào bán cho đối tượng khác theo quyết định của HĐQT sẽ bị hạn chế chuyển nhượng trong vòng 01 năm kể từ ngày hoàn thành đợt chào bán.
- Số lượng cổ phần lẻ phát sinh do làm tròn được tự do chuyển nhượng.

Điều 2: Các thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc và những người có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này, thực hiện các thủ tục xin phép các cấp có thẩm quyền về việc chào bán cổ phần đảm bảo phù hợp theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- BKS;
- Lưu HC.



NGHỊ QUYẾT HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAM

V/v: Thông qua Phương án sử dụng chi tiết nguồn vốn thu được từ đợt phát hành cổ phiếu

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014;
- Căn cứ Luật chứng khoán số 70/2006/QH11; Luật Chứng khoán sửa đổi số 62/2010/QH12 ngày 24/11/2010 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị điện Việt Nam;
- Căn cứ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2016 số 27/TBĐVN/NQ-ĐHĐCĐ ngày 01/8/2016;
- Căn cứ tình hình thực tế nhu cầu sử dụng vốn của Công ty.

QUYẾT NGHỊ

Điều 1: Thông qua kế hoạch chi tiết sử dụng số tiền thu được từ đợt chào bán

TT	Mục đích sử dụng vốn	Số tiền (Triệu đồng)
1	Tăng tỷ lệ sở hữu tại Công ty cổ phần Thiết bị điện thông qua việc mua cổ phần chào bán cho cổ đông chiến lược	578.200
2	Đầu tư vào ngành logistics thông qua việc tìm kiếm, thương thảo để mua cổ phần chi phối của các doanh nghiệp đang hoạt động hiệu quả trong ngành, cụ thể mua cổ phiếu Công ty cổ phần Kho vận Miền Nam	812.300
	Tổng cộng	1.390.500

1. Kế hoạch mua cổ phần Công ty cổ phần Thiết bị điện (THIBIDI)

Căn cứ thực hiện:

- Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2016 Công ty cổ phần Thiết bị điện số 07/TBĐ/NQ-ĐHĐCĐ ngày 27/06/2016;
- Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2016 Tổng Công ty cổ phần Thiết bị điện Việt Nam số 27/TBĐVN/NQ-ĐHĐCĐ ngày 01/8/2016;

Kế hoạch mua cổ phần:

- Tên tổ chức phát hành: Công ty Cổ phần Thiết bị điện



- Vốn điều lệ hiện tại: 252.000.000.000 đồng
- Số lượng cổ phần do GELEX nắm giữ hiện tại: 10.946.969 cổ phần (chiếm 43,44% Vốn điều lệ THIBIDI)
- Số lượng cổ phần dự kiến mua thêm: 23.600.000 cổ phần
- Số lượng cổ phần nắm giữ dự kiến sau khi mua thêm: 34.546.969 cổ phần (bao gồm 23.600.000 cổ phần mua thêm nêu trên và 3.127.705 cổ phần Tổng Công ty được hưởng thông qua việc THIBIDI phát hành tăng vốn từ nguồn vốn chủ sở hữu), chiếm 70,79% Vốn điều lệ THIBIDI sau khi THIBIDI thực hiện thành công phương án phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ theo Nghị quyết ĐHCĐ số 07/TBĐ/NQ – ĐHCĐ ngày 27/06/2016.
- Loại cổ phần được mua: Cổ phần phổ thông, hạn chế chuyển nhượng trong vòng 05 năm kể từ ngày THIBIDI hoàn thành đợt chào bán cổ phiếu riêng lẻ
- Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phần
- Giá mua: 24.500 đồng/cổ phần
- Phương thức thực hiện mua cổ phần: Mua cổ phần phát hành cho cổ đông chiến lược theo Phương án phát hành tăng vốn điều lệ đã được ĐHCĐ của THIBIDI thông qua tại Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2016 Công ty cổ phần Thiết bị điện số 07/TBĐ/NQ-ĐHCĐ ngày 27/06/2016;
- Thời gian thực hiện dự kiến: Quý IV/2016
- Tổng số tiền dự kiến để mua cổ phần: 578,2 tỷ đồng

2. Kế hoạch mua cổ phần Công ty cổ phần Kho vận Miền Nam (STG):

Căn cứ thực hiện:

- Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2016 Tổng Công ty cổ phần Thiết bị điện Việt Nam số 27/TBĐVN/NQ-ĐHCĐ ngày 01/8/2016;

Kế hoạch mua cổ phần

- Tên tổ chức phát hành: Công ty cổ phần Kho vận Miền Nam
- Mã chứng khoán: STG
- Sàn niêm yết: HOSE
- Vốn điều lệ: 854.378.790.000 đồng
- Số lượng cổ phần STG đang lưu hành: 85.437.879 cổ phần
- Số lượng cổ phần GELEX nắm giữ hiện tại: 0 cổ phần
- Mục đích sở hữu của GELEX tại STG: nắm giữ tỷ lệ sở hữu chi phối
- Loại cổ phần mua: Cổ phần phổ thông, tự do chuyển nhượng
- Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phần

- Giá mua dự kiến: Hội đồng quản trị sẽ căn cứ trên kết quả xác định giá của các đơn vị tư vấn độc lập để quyết định mức giá mua cổ phần STG trên cơ sở phù hợp với quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.
- Phương thức thực hiện mua cổ phần: Hội đồng quản trị sẽ tìm kiếm, thương thảo để mua cổ phần STG theo quy định của pháp luật, điều lệ, quy định của Tổng Công ty.
- Thời gian thực hiện dự kiến: Quý IV/2016
- Tổng số tiền dự kiến để mua cổ phần: 812,3 tỷ đồng

Điều 2: Thông qua phương án xử lý trong trường hợp số tiền thu được từ đợt phát hành không đủ để thực hiện những mục đích đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua:

Trong trường hợp kết thúc thời gian chào bán theo quy định, số tiền thu được từ đợt phát hành không đủ để thực hiện những mục đích đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua, Tổng Công ty sẽ bổ sung nguồn vốn còn thiếu thông qua vay ngân hàng theo các Hợp đồng tín dụng.

Điều 3: Các thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc và những người có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này, thực hiện các thủ tục xin phép các cấp có thẩm quyền về việc chào bán cổ phần đảm bảo phù hợp theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- BKS;
- Lưu HC.



**NGHỊ QUYẾT HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAM**

V/v: Thông qua việc triển khai phương án chào bán cổ phiếu ra công chúng và Phương án sử dụng vốn thu được từ đợt phát hành cổ phiếu

**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAM**

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014;
- Căn cứ Luật chứng khoán đã được Quốc hội thông qua ngày 29/6/2006; Luật Chứng khoán sửa đổi số 62/2010/QH12 ngày 24/11/2010 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị điện Việt Nam;
- Căn cứ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2016 số 27/TBĐVN/NQ-DHĐCĐ ngày 01/8/2016;
- Căn cứ Biên bản họp Hội đồng quản trị Tổng Công ty cổ phần Thiết bị điện Việt Nam số 58/2016/TBĐVN/BB-HĐQT ngày 12/9/2016;

QUYẾT NGHỊ

Điều 1: Thông qua việc triển khai phương án chào bán cổ phiếu ra công chúng năm 2016, cụ thể như sau:

a. Mục đích chào bán:

- Phát triển lĩnh vực truyền thông của Tổng Công ty thông qua việc tăng tỷ lệ sở hữu tại các Công ty con.
- Mở rộng ngành nghề kinh doanh sang các lĩnh vực có tiềm năng như logistic, năng lượng, bất động sản nhằm tận dụng các lợi thế hiện có và sự tương hỗ giữa Tổng công ty với các công ty con, tận dụng các cơ hội trong quá trình hội nhập kinh tế của Việt Nam mang lại.

b. Phương án chào bán:

- Tên cổ phiếu phát hành: Cổ phiếu Tổng công ty cổ phần Thiết bị điện Việt Nam
- Vốn điều lệ trước khi phát hành: 1.550.000.000.000 đồng
- Số lượng cổ phần đang lưu hành trước khi phát hành: 154.500.000 cổ phần
- Số lượng cổ phiếu quỹ: 500.000 cổ phần
- Số lượng cổ phần dự kiến phát hành: 77.250.000 cổ phần
- Loại cổ phần phát hành: Cổ phần phổ thông
- Mệnh giá phát hành: 10.000 đồng/cổ phần
- Đối tượng phát hành: Cổ đông hiện hữu



- Tỷ lệ phát hành: Tỷ lệ thực hiện quyền mua cổ phần là 2:1 (cổ đông sở hữu 1 cổ phần tương ứng với 1 quyền, 2 quyền được mua 1 cổ phần mới)
- Giá phát hành: 18.000 đồng/cổ phần
- Các cổ đông có quyền chuyển nhượng quyền mua cổ phần cho người khác theo giá thoả thuận của 2 bên và chỉ được chuyển nhượng một lần (không được chuyển nhượng cho người thứ 3).
- Xử lý số cổ phần lẻ phát sinh và số cổ phần chưa chào bán hết:
 - Đối với cổ phần lẻ phát sinh (nếu có) khi thực hiện quyền, để đảm bảo không vượt quá tổng số lượng cổ phần chào bán, số lượng cổ phần mà cổ đông sở hữu quyền được mua sẽ được làm tròn xuống đến hàng đơn vị.
 - Số lượng cổ phần mà cổ đông hiện hữu được mua nhưng từ chối mua toàn bộ hoặc một phần; số cổ phần lẻ phát sinh (nếu có); và số lượng cổ phần chưa phát hành hết (sau khi phân phối cho cổ đông hiện hữu và xử lý cổ phần lẻ) so với tổng số lượng cổ phần đăng ký phát hành, được phân phối lại cho các đối tượng khác với giá bán bằng giá chào bán cho cổ đông hiện hữu là 18.000 (Mười tám nghìn) đồng/cổ phần hoặc thuê đơn vị có chức năng thực hiện việc bảo lãnh phát hành một phần hoặc toàn bộ số cổ phần từ chối mua với giá cổ phần nhận bảo lãnh là 18.000 (Mười tám nghìn) đồng/cổ phần.
 - Số lượng cổ phần mà cổ đông hiện hữu được mua nhưng từ chối mua nêu trên khi chào bán cho đối tượng khác theo quyết định của HĐQT sẽ bị hạn chế chuyển nhượng trong vòng 01 năm kể từ ngày hoàn thành đợt chào bán. Số lượng cổ phần do đơn vị bảo lãnh nhận bảo lãnh phát hành được tự do chuyển nhượng.
 - Số lượng cổ phần lẻ phát sinh do làm tròn được tự do chuyển nhượng.
- Xử lý trong trường hợp không chào bán hết số cổ phiếu đăng ký phát hành:

Trong trường hợp kết thúc thời gian chào bán theo quy định, Công ty không chào bán hết số lượng cổ phần như đăng ký, số tiền thu được từ đợt phát hành không đủ theo đúng dự kiến, để thực hiện những mục đích đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua, tùy tình hình thực tế, HĐQT sẽ thực hiện các giải pháp như sau:

 - Xin gia hạn đợt chào bán để tiếp tục chào bán nốt số cổ phiếu còn lại;
 - Tiến hành bổ sung nguồn vốn còn thiếu thông qua vay ngân hàng theo các Hợp đồng tín dụng...
- Thời gian thực hiện phát hành: sau khi được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp phép, dự kiến trong Quý IV/2016 đến Quý I/2017
- Vốn điều lệ sau khi phát hành: 2.322.500.000.000 đồng
- Số lượng cổ phần sau khi phát hành: 232.250.000 cổ phần

Điều 2: Thông qua kế hoạch sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán

TT	Mục đích sử dụng vốn	Số tiền (triệu đồng)
1	Mua cổ phần Công ty cổ phần Thiết bị điện	578.200
2	Mua cổ phần Công ty cổ phần Kho vận Miền Nam	812.300
	Tổng cộng	1.390.500

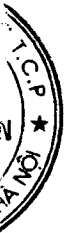
0512
 NG TY
 HẠN
 BỊ DIỆ
 NAM
 KG - TP

Thời điểm dự kiến để tiến hành việc đầu tư là Quý IV/2016 đến Q1/2017.

Điều 3: Các thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc và những người có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này, thực hiện các thủ tục xin phép các cấp có thẩm quyền về việc chào bán cổ phần đảm bảo phù hợp theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- BKS;
- Lưu HC.



NGHỊ QUYẾT HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN VIỆT NAM
Về việc thông qua Hồ sơ đăng ký chào bán cổ phiếu

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014;
- Căn cứ Luật chứng khoán số 70/2006/QH11; Luật Chứng khoán sửa đổi số 62/2010/QH12 ngày 24/11/2010 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị điện Việt Nam;
- Căn cứ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2016 số 27/TBĐVN/NQ-ĐHĐCĐ ngày 01/08/2016;
- Căn cứ tình hình thực tế nhu cầu sử dụng vốn của Công ty.

QUYẾT NGHỊ

- Điều 1:** Thông qua hồ sơ đăng ký chào bán cổ phiếu của Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị điện Việt Nam, gồm:
- Giấy đăng ký chào bán CP ra công chúng;
 - Bản cáo bạch;
 - Bản sao giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp;
 - Điều lệ Công ty;
 - Báo cáo tài chính kiểm toán 2014 và năm 2015; Báo cáo tài chính Quý gần nhất (Công ty mẹ và hợp nhất)
 - Biên bản và Nghị quyết của ĐHĐCĐ thông qua phương án tăng vốn điều lệ;
 - Thông tin về người có liên quan với thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban kiểm soát, Kế toán trưởng của tổ chức chào bán;
 - Nghị quyết của HĐQT thông qua chi tiết phương án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán
 - Nghị quyết của HĐQT thông qua hồ sơ chào bán cổ phiếu ra công chúng;
 - Nghị quyết về việc đăng ký mở tài khoản phong tỏa nhận tiền mua cổ phiếu;
 - Văn bản xác nhận của ngân hàng về việc mở tài khoản phong tỏa nhận tiền mua cổ phiếu của đợt chào bán;
 - Báo cáo tình hình sử dụng vốn của đợt chào bán gần nhất;
 - Bản sao Hợp đồng tư vấn chào bán cổ phiếu ra công chúng;

- Các tài liệu khác liên quan đến hồ sơ chào bán cổ phiếu ra công chúng.

- Điều 2:** Hội đồng quản trị ủy quyền cho Tổng Giám đốc Công ty triển khai việc xin phép phát hành với Ủy ban chứng khoán nhà nước và tiến hành thực hiện các thủ tục pháp lý tiếp theo để việc chào bán được thực hiện trong thời gian sớm nhất.
- Điều 3:** Tổng Giám đốc có trách nhiệm báo cáo Hội đồng quản trị về tiến độ thực hiện cũng như vấn đề phát sinh đột xuất (nếu có).
- Điều 4:** Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, các phòng/ban, bộ phận có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này./.

Nơi nhận:

- Như điều 4;
- BKS;
- Lưu HC.

